

NGUYỄN ĐỒNG DI

THỜI  
LINH  
BÌNH  
HỌC

NHÀ SÁCH KHAI TRÍ  
62 LÊ LỢI - SÀI GÒN

*Đông-Y-Si NGUYỄN ĐỒNG DI*

*Giáo - Sư Đông - Y*

*Viện-Dại-Học MINH-ĐỨC*

**ĐÔNG - Y**  
**THỜI LINH BÌNH HỌC**

**Nhà sách KHAI-TRÍ**  
**62, Đại-lộ Lê-Lợi — SAIGON**

## ĐÔI LỜI TRẦN TRỌNG GIỚI THIỆU

Cho đến nay, người ta thường vẫn cho rằng PHƯƠNG ĐÔNG chỉ có Đạo Học, Triết Học, Văn Học mà không có Khoa Học. Sự thực không phải như vậy. Phương Đông có một khoa học rất phong phú. Nhưng khoa học đó đã theo thời gian mà thất truyền dần cho đến hầu như không còn gì nữa. Chỉ bởi nguyên một lẽ giản dị, là : người Phương Đông tôn trọng Đạo Lý ở trên hết, và nếu bác tôn sư mà không tìm được trong đám con cháu hay hậu sinh những người có tinh thần Đạo Đức xứng đáng, thì tuyệt nhiên không bao giờ truyền lại cho những bí quyết. Không phải cổ nhân ta chủ trương ngu dân, nhưng là chủ trương « Khoa học phải có lương tri ».

Thế kỷ 20 hiện đang chứng minh rằng quan niệm của người xưa bên Phương Đông là đúng. Chúng ta và nhân loại đang là nạn nhân của khoa học phương Tây, một thứ khoa học được phổ biến thiếu thận trọng đến tầm sử dụng của những kẻ thiếu lương tri khiến cho tất cả đều phải điêu linh trong thực trạng Việt Nam và trong viễn tượng thế giới của một cuộc tương tàn khốc khiếp giữa loài người với loài người.

Không kể đến Ấn Độ đã có một nền khoa học rất vững vàng, còn được gìn giữ trong kinh thư, bảo trì trong

các đền đài cò kính heo hủi, và đã từ chối không truyền lại cho người Anh cách đây non một trăm năm (đang là vào năm 1882), qua lá thư trung gian của nhà đạo sĩ nổi danh Koot Humi gửi cho ông Sinnett, đại diện cho giới trí thức người Anh (xin tìm đọc « Occult Word » của Sinnett, trang 85 đến 95, do nhà Trubner and Co, London, xuất bản năm 1883), TRUNG HOA cũng đã có một nền khoa học thực sự. Nền khoa học đó thất truyền cho đến nay đang được cả thế giới sưu tầm, khảo cứu rất công phu trong một tinh thần thần phục.

Trong phạm vi đóng góp phần của Phương Đông vào kho tàng văn hóa chung của nhân loại, những người chủ trương ĐÔNG TÂY KIM CỒ ĐỒNG NHẤT (unanimité) trong Viện Đại Học MINH ĐỨC, nhất là trong Phân Khoa Y Học. tự cho mình có bổn phận sưu tầm, khảo cứu cò thư của tiền nhân Phương Đông, phiên dịch và luận bình cùng đem đối chiếu với những kiến thức khoa học cận đại mà nguồn gốc phát huy từ Phương Tây. Chúng tôi không chủ trương một cuộc Tân Phục Hưng Phương Đông : chúng tôi chủ trương đem ánh sáng của Phương Đông đến cho những địa hạt còn mờ tối mà văn hóa Phương Tây không chiếu sáng được trọn vẹn. Con đường mà chúng tôi nghĩ rằng nhân loại sẽ có ngày tiến tới là những giá trị đồng nhất (valeurs unanimes), với định nghĩa rằng : những gì có ích lợi chung cho nhân loại, làm giàu, làm đẹp cho nhân loại, những gì giúp cho nhân loại hướng lên cao theo sự mạng lịch sự mà Thượng Đế đã an bài vạch sẵn, đều được đặt ngang hàng đầu với nhau và thuộc hẳn về kho tàng tinh thần chung của nhân loại không phân biệt xuất xứ.

Trên lập trường đó, chúng tôi rất vinh hạnh được

*trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc cuốn ĐÔNG Y THỜI LINH BINH HỌC của Thời Đại Nhơn tiên sinh do cụ lang NGUYỄN ĐỒNG DI, Giáo sư Đông Y thuộc Trường Y Khoa Minh Đức phiên dịch, với ước mong quý bạn sẽ đón nhận cuốn sách giá trị này như một viên gạch đầu tiên của một cơ sở trường cửu là một nền Y KHOA ĐỒNG NHẤT (Une Médecine Unanime) của nhân loại trong đó VIỆT NAM và PHƯƠNG ĐÔNG vốn có một tiềm năng thật ưng vàng phong phú chỉ còn đợi thời cơ thuận tiện để phát triển.*

Cần chi,

HOÀNG VĂN ĐỨC

Y khoa Bác sĩ,

Nguyên Chi Huy Trưởng Trường Quân Y SÀI-GÒN

Quyền Khoa Trưởng Y Khoa Đại Học MINH ĐỨC.

## **Lời nói đầu**

**ĐÔNG Y**

**THỜI LỊNH BỊNH HỌC**

*THỜI LỊNH BỊNH, là tên chung của các loại bệnh chứng bốn mùa cảm mạo, do sự thay đổi của sáu khí: PHONG, HÀN, THỦ, THẤP, TÁO, HỎA gây ra, mà sáu khí thì ký vượng theo bốn mùa, cho nên gọi là: BỊNH THỜI LỊNH.*

*Khi hậu mùa XUÂN hòa ấm, con người thường bệnh XUÂN ÔN, PHONG ÔN.*

*Khi hậu mùa HẠ nóng bức, con người thường bệnh NHIỆT, bệnh THỦ, bệnh PHỤC THỦ, bệnh THẤP ÔN.*

*Khi hậu mùa THU khô ráo, con người thường bệnh THU TÁO.*

*Khi hậu mùa ĐÔNG lạnh lẽo, con người thường bệnh PHONG ÔN và bệnh THƯƠNG HÀN.*

*Nhân vì khi hậu của bốn mùa có ẤM, NÓNG, MÁT (táo), LẠNH, bất đồng, nên tính chất của mỗi bệnh chứng tương đối sai biệt.*

*Đại khái chứng thương hàn cảm mạo theo bốn mùa, chẳng có bệnh chứng nào là không phát nóng. Cho nên*

sách Tố Vấn luận về chứng phát nóng, nói : con người cảm nhiễm khí lạnh, thì sớm muộn gì cũng phát nóng. (Nhơn thương ư hàn giả, tắc vi phát nhiệt) — Các Y gia Đới Tấn, Đới Đường nói : Bệnh thương hàn cảm mạo, tức là bệnh THỜI HẠNH, bịnh THIÊN HẠNH, vì bịnh độc lưu hành tùy theo mùa, hoặc tùy theo địa phương mà phát tác. Thế thì thấy rõ : trong loại bịnh THƯƠNG HẠNH CẢM MẠO, phần lớn kiêm có những bịnh thuộc về truyền nhiễm. Bởi khí hậu bốn mùa thay đổi, là cơ hội thuận lợi cho sự phát dục của vi khuẩn.

Thuyết Tam Phân Đánh Lập của nhà y học Âu Châu là Ông BAI ĐĂNG KHẢO PHỦ (dịch âm) nói :

- 1) Tế khuẩn lên vào cơ thể con người.
- 2) Khí hậu không thích hợp với người, mà lại thích hợp với sự phát dục của tế khuẩn.
- 3) Cơ thể con người bạc nhược, không đủ sức phòng ngự tại bịnh.

Thiếu một trong ba điều trên đây, thì không thể gây được tật bịnh cho con người.

Ngày xưa, một y gia nước Mỹ là Ông NHÌ LẬP PHẠP TỶ (dịch âm), muốn thí nghiệm học thuyết của Ông Bai Đăng Khảo Phủ : thừa lúc trong người khỏe mạnh, Ông uống một chung nhỏ vi khuẩn của bịnh Hoắc Loan (choléra) mà vẫn bình yên như thường.

Trên đây là một bằng chứng cho thấy rõ ràng : khi hậu thiên nhiên, và sức đề kháng bịnh độc trong thân thể con người, đều có liên hệ với sự kiện kháng rất lớn. Nếu nói tật bịnh không liên hệ gì với khí hậu, thì chẳng

những không phù hợp với Đông Y, mà còn phản bội với Tây Y là khác.

Vả lại con người không thể tách rời khí hậu mà cảm thọ lấy bệnh truyền nhiễm, thì ý nghĩa BỊNH THỜI LINH do chịu ảnh hưởng khí hậu bốn mùa thay đổi mà phát tác lại càng thấy rõ.

Sách THỜI LINH BỊNH HỌC xác nhận vạn vật trong vũ trụ đều chịu ảnh hưởng khí hậu của bốn mùa thay đổi mà thay đổi theo, con người cũng là một vật trong vũ trụ, thì có lý nào không liên hệ gì với khí hậu, mà tự sống biệt lập được. Bởi vậy, bên ngoài thời tiết thay đổi, thì bên trong thân thể con người cũng phát sinh biến hóa tương đương. Cho nên đối với bệnh THƯƠNG HẠI CẢM MẠO, mặc dầu biết rõ kiếm có bệnh tính truyền nhiễm lưu hành, nhưng không bao giờ luận trị theo thực chất tế khuẩn, mà chỉ căn cứ lấy một chữ PHONG : PHONG ÔN (nhiệt) PHONG THỦ, PHONG THẤP, PHONG TÁO, và PHONG HẠN làm tiêu biểu cho sự thay đổi của khí hậu bốn mùa, và nguyên tắc trị liệu. — Sau khi chẩn đoán, thăm dò bệnh nguyên, nghiên cứu bệnh lý, nhận thức chứng hậu, và tường tất bệnh tình, xác nhận trong bốn mùa bệnh ở mùa nào, trong sáu khi cảm nhiễm khi nào? chọn thuốc đối chứng gia giảm chữa trị, bệnh chứng lui, tự nhiên tế khuẩn lui theo. Bởi lẽ, cơ năng điều tiết bình hoành, sức khoẻ phục hồi, thì tế khuẩn không còn đất dụng võ, (chánh khí vượng tắc tà khí tự trừ).

Sách này cố tránh những luận thuyết mơ hồ không thiết thực, chỉ áp dụng phương pháp khoa học chứng minh cho lời giải thích, kẻ đọc nhận thức dễ dàng, biến



*con đường chông gai trở nên bằng phẳng, giúp mọi người  
đều có thể đến nhà vào buồng Ông Trương Trọng Cảnh.  
Có học hỏi công phu, kinh nghiệm độc đáo, chữa khỏi được  
bệnh trầm trọng, cứu sống được chúng hiềm nghèo rồi mới  
biết yêu nghề, quý trọng sở học, đồng thời nhận thấy nhiệm  
vụ phát huy Đông Y, chấn hưng Đông Y là bổn phận vậy.*

Đông Y Sĩ  
NGUYỄN ĐỒNG DI  
Giáo Sư Đông-Y  
Viện Đại Học MINH-ĐỨC

## **ĐÔNG Y THỜI LỊNH BỊNH HỌC**

Tăng đính những câu chuyện lật vật, khi sách này được xuất bản lần thứ chín.

Sách này chú trọng trên điểm : chính lý cổ hũn, dung quán tân tri. (Chính lý chỗ sở học sẵn có của người xưa, dung hòa sự hiểu biết theo lối mới). Đó là hai đại nguyên tắc mà kẻ biên đính sách Thời Linh Bệnh Học cho là : áp dụng lấy phương pháp Khoa học, vào việc cải tiến ngành Y Học Cổ Truyền vậy.

Sách này xuất bản từ năm 1930 đến nay, trải qua đã chín lần tái bản. Mỗi lần tái bản, đều có biên đính thêm những ý kiến mới. Mặc dầu bỏ túc nhiều lần, song nhận thấy nội dung vẫn còn nhiều chỗ khuyết điểm. Chờ đến lần xuất bản thứ mười tới đây, soạn giả nhất định sẽ chỉnh lý lại toàn diện, đồng thời kiểm thảo lại những ý kiến mà đa số độc giả hôm qua, có kẻ khen người chê như sau :

Kẻ khen thì :

1.— Cho là Bệnh Thương Hàn và Bệnh Ôn, là hai tiêu điểm tranh chấp mà dung hội lại với nhau được, là một điều phát minh rất lớn lao đối với ngành Đông Y Dược Học vậy.

2. — Thành kiến sáu kinh (lục kinh) trong sách *Thương Hàn Luận*, là một cạm bẫy (hãm) của ngành Đông Y Dược Học, ai lọt vào trong cạm bẫy ấy, thì suốt cả đời không mong gì trời đầu lên được. Sách này hóa con đường cạm bẫy, trở nên con đường bằng phẳng, giúp cho mọi người đều vào lọt trong tòa nhà của ông Trương Trọng Cảnh cách rất dễ dàng, không còn quan niệm sách *Thương Hàn Luận* là thần bí nữa.

3. — Sau khi dùng phương pháp khoa học chính lý lại, khiến cho thuyết *Ấn Dương, Ngũ Hành* của ngành *Y Học Cổ Truyền*, mấy ngàn năm bị chôn vùi trong chồng giấy cũ, không còn mấy may biểu hiện cái bộ mặt bển lển, với sự kính nghiệm độc đáo của nó. Nghiêm nhiên cùng Tây Y Học tịnh da tề khu vậy.

Kẻ chê thì: cho là luận điệu của sách này quá ư cũ rích, mất hết thời đại tính, sẽ có ý kiến đối với chỗ cũ rích ấy như sau:

Cũ rích ở chỗ nào? Như vì sách này đối với các bệnh chứng *phát nóng ôn lạnh*, chỉ nói do sự diễm tiết và phóng tán của thể ôn phát sanh chứng ngại mà gây ra. Không hề đề cập đến nguyên nhân, sau khi bị tế khuẩn xâm nhập vào thân thể, tế khuẩn phân bố độc tố, cùng làm ba dịch và bạch huyết cầu ở trong thân thể tranh đấu lẫn nhau, mà phát sanh nóng lạnh. Vì chỗ kiến giải không phù hợp, là một điều quá ư cũ rích vậy.

Thầy thuốc hiện thời, đều nhìn nhận sách *Thương Hàn Luận* là bao quát tất cả các bệnh chứng *cấp tính truyền nhiễm*, tự nhận cho là lời nói này không thể

## THỜI LỊNH BỊNH HỌC

sai lầm. Mà chỗ chủ trương của sách này lại không phù hợp, là hai điều quá ư cũ rích vậy.

Bệnh Xuân Ôn, bệnh Phong Ôn, bệnh Thu Táo, ba chứng bệnh này, xét lại trong sách Tây Y thì không phù hợp nhau, nên cho là quá ư cũ rích. Là ba điều quá ư cũ rích vậy.

Lấy ba lý do trên đây, để trách bị sách này quá ư cũ rích, bạn đọc có thể nhận thấy rõ ràng sau khi đọc qua nội dung của nó, bất tất phải biện luận nhiều lời. Ở đây, trước hết tôi chép lại một đoạn văn trong lời tựa, mà chính tay tôi biên ở đầu sách *Nội-khoa học*, khi bạn đọc duyệt qua, sẽ nghiệm thấy sách này cũ mới thế nào. (Sau đây là đoạn văn trong lời tựa của sách *Nội-Khoa Học*.)

« Sách *Thương Hàn Luận* bao quát cả bệnh chứng Bốn Mùa Cầm Mạo, chứng *Thương Hàn*, Ôn bệnh là nghĩa hẹp của *Bệnh chánh Thương Hàn*. Hồi gần đây, lại xác nhận sách *Thương Hàn Luận* bao quát tất cả *Bệnh Truyền Nhiễm*.— Riêng tôi thì nhận định: Bốn mùa cầm mạo, *Thương Hàn*, Ôn Bệnh, đều đồng một tinh chất tột bệnh, trải qua sự truyền biến đại khái cũng giống nhau. Cho nên có thể nhập chung lại mà luận trị.— Còn như bệnh *Cấp Tính truyền nhiễm*, thì mỗi một bệnh hình, và sự truyền biến trải qua, đều không giống nhau, nên phương pháp trị liệu có nghi có kỵ. Nếu lấy phương pháp sách *Thương Hàn Luận* ấn định vào nhãn mục của người đời sau, cho là: *Chuyên trị Bệnh Cấp Tính Truyền Nhiễm*, thì e không phải đường lối chánh đáng của nhà nghiên cứu y học.

Người san xác nhận sách Thương Hàn Luận bao quát nhưt thiết các Bệnh Truyền Nhiễm Cấp Tính, là vì họ căn cứ theo lời Tựa của sách Thương Hàn Luận nói: «余家族素多, 向餘數百, 建安以來, 尤未十餘, 死亡三分之二, 傷寒十居其七, 感位昔之淪亡. 傷橫天之莫救: dư tôn tộc tổ đa, hưởng dư số bách, Kiến An dĩ lai, do vị thập năm, tử vong tam phần chi nhị, Thương Hàn thập cư kỳ thất, cảm vãng tích chi lôn vong, thương hoành yểu chi mạc cứu » (dòng họ tôi vốn đông đảo, về trước hơn hai ba trăm người, từ niên hiện Kiến An đến nay, chưa đầy mười năm, chết mất hết hai phần ba, hết bảy phần mười chết vì Bệnh Thương Hàn. Cảm cảnh chết chóc đã qua, chết ngang chết yểu mà không thuốc cứu chữa!).

Đối với hiện tượng trên, có thể quyết định được, trong sự bệnh hoạn chết chóc của dòng họ ông Trương Trọng Cảnh, hàm có tính chất của bệnh truyền nhiễm; nên mới xem sách Thương Hàn Luận là chuyên thư luận trị về Bệnh Truyền Nhiễm.

Theo chỗ siển kiến tôi, thì nhận thấy: căn cứ theo lời tựa trên đây, có thể đoán ngay trong các bệnh chứng này tất phải kèm có Tính Chất của Bệnh Truyền Nhiễm. Nhưng không thể xem sách này (Thương Hàn Luận) là chuyên thư chữa trị Bệnh Truyền nhiễm. Bởi vì phương pháp chữa trị Bệnh Truyền nhiễm, tất phải y cứ theo chỗ trải qua của bệnh thể, tùy cơ ứng biến, còn e chưa được chu đáo. Hướng chỉ trong sách Thương Hàn Luận, nêu ra phép trị thì chỉ có: Phép Hãn, Phép Thanh, Phép Thở, Phép Hạ, Phép Ôn, năm phép mà thôi. Nếu lấy năm phép này

làm chuẩn thẳng cho phương pháp trị liệu Bệnh Truyền Nhiễm, thì e không phù hợp.

Như Chứng Ban Chẩn, tức phải dùng thuốc thanh thẩu, (thuốc mát làm cho Ban mau mọc ra); Chứng Trại Giống (Đậu Mưa) rất kỵ dùng thuốc thổ nhiệt; Chứng Trường Nhiệt thì không nên dùng thuốc công phạt mạnh; Chứng Não Mạc Viêm tất phải dùng thuốc giải độc. Phương pháp chữa trị các chứng bịnh này, mà tìm ở Thương Hàn Luận, thì hoàn toàn không thể có được. Thuốc ở một đường, mà bịnh ở một nẻo, thì không tài nào tránh khỏi sự lầm lẫn.

Người sau này nhận sách Thương Hàn Luận là chuyên thơ chữa trị Bệnh Truyền Nhiễm, là vì thấy trong lời tựa văn của sách này nói: Dòng họ của ông Trương Trọng Cảnh chết mất quá nhiều, nên in trị là chết vì Bệnh Cấp Tính Truyền Nhiễm, đó là thuốc về duy tâm.— Riêng tôi nhân thấy: Phương pháp chữa trị của sách Thương Hàn Luận đem áp dụng vào việc chữa trị Bệnh Cấp Tính Truyền Nhiễm, thì tuyệt đối chưa đủ, là bằng cứ trên sự thực vậy.

Ông Trương Cảnh tự biên lời tựa nói: Từ niên hiên Kiến An về san, không đầy mười năm, mà số người chết vì Bệnh Thương Hàn rất đông. Do duyên cớ ấy, mà ông mới: cố gắng nghiên khảo những lời cổ huấn, gom góp các phương dược (ăn cầu cổ huấn, bác thể chúng phương: 勤求古訓, 博採衆方) xem đoạn văn này, có thể chứng minh, đương lúc dòng họ của ông Trương Trọng Cảnh bị bịnh hoạn chết chóc, vì bịnh Thương hàn truyền

nhiệm, thì ông chưa học thuốc, chỉ khoanh tay ngồi ngó, mà không biết cách gì cứu chữa, hoặc chữa trị sai lầm? Về sau ông mới gia công đọc sách (cần cầu cõ huấn, bác thể chúng phương).

Đủ thấy, dòng họ ông bị chết mất với Bệnh Thương Hàn là việc từ trước; mà ông phát phần gia công nghiên khảo các lời cõ huấn, gom góp các phương dược, tìm hiểu Y Học là việc về sau. Trong lời tựa ông tự thuật: từ khi Bệnh Thương Hàn xảy ra, dĩ chi san khi « gom góp các phương dược » có phải chẳng phù hợp nhau? Nghĩa vì trong dòng họ ông mắc Bệnh Thương Hàn, chết mất đã lâu rồi, mà lúc đó ông không có cách gì cứu chữa, để chứng minh cho đoạn văn này.

Do đấy, tôi có thể đoán biết được: Trong lời Tựa của ông Trọng Cảnh tự thuật về Bệnh Thương Hàn, có thể hàm có tinh chất của Bệnh Truyền Nhiễm ở trong. Hiện tại, như áp dụng những phương dược trong sách Thương Hàn Luận, để chữa trị tất cả các Chứng Cấp Tính Truyền Nhiễm, thì tuyệt đối không đầy đủ. Cần phải tham khảo thêm: Sách Cấp Tính Truyền Nhiễm Bệnh Học, và sách Thời Lệnh Bệnh Học, hai sách mà tôi vừa soạn xong, để bổ túc, thì có phần đầy đủ hơn.

Các Thầy thuốc ở thị thành không nghiên cứu kỹ, nhận Sách Thương Hàn Luận là: Chuyên thơ chủ trị về Bệnh Truyền Nhiễm Cấp Tính, thật là lầm to.

Hiện nay, như các phương dược trong sách Thương Hàn Luận, áp dụng vào việc chữa trị các Chứng Thương Hàn Ôn Bệnh, Thời Lệnh Bệnh, cũng cảm thấy không đầy

đủ rồi. Đông Y và Tây Y đối với Chứng Thương Hàn, tuy có chỗ hỗn đồng, ở sách này cũng đã chỉ rành.— Bệnh Thương Hàn của Đông Y, thì phát tác vào Mùa Đông: Bệnh Thương Hàn của Tây Y, thì lưu hành trong thời tháng 8, tháng 9; sự truyền biến của bịnh binh, đối với Chứng Phục Thử của Đông Y, đại khái giống nhau. Thầy thuốc ở chợ, cũng như Thầy thuốc ở vườn, đều cho Chứng Trường Nhiệt là: Bệnh Thương Hàn của Đông Y; mà trên phương diện Y Học gần đây, cũng nói Chứng Trường Nhiệt là: Bệnh Thương Hàn. Văn Hiến xưa nay, luận về Bệnh Thương Hàn, có chỗ sai biệt nhau, là vì trong lúc «lâm sàng chẩn đoán» không lưu ý nghiên cứu cẩn thận vậy.

Nguyên lý phát sanh ra Bệnh Thương Hàn đối với Đông Y, người xưa cho là: Góc (bồn) của Kinh Thái Dương là lạnh, cái góc lạnh của Kinh Thái Dương bị Thương Hại, cho nên phát Chứng Ôn Lạnh. Ngọn của Kinh Thái Dương vốn nóng, phần ngọn của Kinh Thái Dương bị thương hại, cho nên biến chứng Phát Nóng.

Theo chỗ thấy biết riêng tôi thì, các bịnh chứng-thuộc về Ba Kinh Dương là, do cơ năng *Điều tiết và Phóng tán* của thể ôn bị chướng ngại mà gây ra. Nhon vì hình chứng biểu ra bên ngoài cho thấy có:

*Ôn lạnh phát nóng* (Thái Dương Kinh)

*Lạnh nóng qua lại* (Thiếu Dương Kinh)

*Không ôn lạnh, chỉ phát nóng* (Dương Minh Kinh).

Hình chứng mỗi kinh mỗi khác, không giống nhau.



Cho nên, khiên cương tấu hợp, mạng danh là : Nguyên nhân của các Bệnh Chứng ở Ba Kinh Dương.

Y Gia hiện tại thì xác nhận là : Do vi khuẩn xâm nhập vào máu, tế bào của lâm-ba-dịch và Bạch-Huyết-cầu ở trong máu, phát khởi tác dụng phản kháng, mà biến chứng *Nóng lạnh*. Căn cứ trên thuyết, tế khuẩn gây ra các bệnh, nên xác nhận Bệnh Thương Hàn của Đông Y, tức là Bệnh Truyền Nhiễm của Tây Y. Đa số các Y gia hiện đại, đều kiến giải như vậy. Riêng tôi đối với các loại bệnh này, sẽ giải thích như sau :

1.— Nhưn vì sau khi bị truyền nhiễm tế khuẩn, mới phát sanh các Bệnh Chứng Truyền Nhiễm, làm cứ lệ thứ nhất.

2.— Chưa bao giờ bị tế khuẩn xâm nhập, chỉ vì cơ năng điều tiết và phóng tán của thể ôn phát sanh chứng ngại, mà biến chứng *Nóng Lạnh*, làm cứ lệ thứ hai.

(Bệnh Thời Lạnh : Chứng Thương Hàn Ôn Bệnh các chứng) Nhứt định không thể chỉ võ đoán, là đều do tế khuẩn xâm nhập; mà phủ nhận trong ấy có một số bệnh, nguyên nhân do cơ năng điều tiết và phóng tán của thể ôn phát sanh chứng ngại. Giả sử chỉ mê chấp, duy có tế khuẩn mà thôi, thì tôi sẽ giải thích thêm một lần nữa như sau :

1.— Nếu nói: nguyên nhân gây ra tất bệnh là do tế khuẩn, thì tất phải chờ kiểm tra ra tế khuẩn, mới có thể lựa thuốc đối chứng đặc hiệu để chữa trị. Bằng

kiểm tra không ra tế khuẩn, thì không biết đường nào sắp đặt thuốc men cho việc chữa trị.

2. — Sự kiểm tra tế khuẩn, làm mất ngày giờ cách oan uổng. Cơ hội bệnh chứng còn nhẹ, có thể dùng thuốc chữa trị lành mạnh dễ dàng đã qua mất. Biết đâu, trong lúc Tây Y lo lui cui làm việc kiểm tra tế khuẩn.. nếu dùng thuốc Đông cứu chữa kịp thời, thì bệnh nhơn còn có thể cứu sống được !

3. — Khi kiểm tra đã biết được tế khuẩn rõ ràng; nhưng không có sẵn thuốc đặc hiệu để tiêu diệt bệnh khuẩn, khoan tay ngồi nhìn bệnh độc tiến hành, vô phương chữa trị, thật là khổ tâm vô cùng !

Năm 1939, tôi ngụ ở Tỉnh Vân Nam, Chợ Côn Minh, có một viên chức nọ giúp việc ở Bưu Cục, mắc Chứng Tinh Hồng Nhiệt (1), vào năm bệnh, trong Y Viện Cam Mỹ của người Pháp. Các Chứng Ban Đỏ và yết hầu sưng đau vừa tạm bớt. Cách vài hôm sau, bất thình lình, tiếng còi báo động rú lên, các bệnh nhơn đều chạy hoảng ra ngoài, tìm nơi trốn núp. Chứng Tinh Hồng Nhiệt bị tái phát, nhưng hình chứng có nhiều thay đổi : Lạnh ft, nhiệt độ lên cao, dùng qua thuốc phát hãn, mà nóng vẫn không lni, lồng ngực bứt rứt, ho hen không thông có nhiều đàm, miệng khô, chót lưỡi đỏ, trong họng hơi đau, ưa nhơn không buồn ăn, đêm ngủ không yên, đại tiện không thông, nước tiểu

---

(1) Tinh Hồng Nhiệt, là một loại bệnh do tiếp xúc mà bị truyền nhiễm, bệnh nhơn ở đầu cuống họng sưng đau, nhiệt độ rất cao; bộ cổ, bộ ngực mọc lên mụn sưng mọt lấm tẩm mau đỏ, rồi lần hồi mọc lan khắp cả người.

vàng đỏ. Trải qua ba ông Tây Y Bác Sĩ làm việc kiểm tra luôn mấy hôm, kết cuộc không tìm ra tế khuẩn. Bởi Bệnh Nguyên Khuẩn chưa kiểm tra xác thực, thì không quyết định được là bệnh chứng gì, để dùng thuốc chữa trị.

Sau lại, do một người trong thân, là ông Lầu Tô Di giới thiệu, đến nhờ tôi chữa trị. Trông qua hình chứng là đoán biết ngay là : Bệnh Phong Ôn. Dùng phương pháp trị liệu bệnh Phong Ôn theo sách *Thời Lĩnh Bệnh Học*, cho uống năm ba thang thuốc thì bệnh khỏi hẳn. Nếu cố chấp theo thông lệ *Kiểm tra tế khuẩn*, thì e cho chứng bệnh của ông này, hết phương cứu chữa !

Chính tôi mục kích chỗ khuyết điểm của Tây Y như trên, nên phải nỗ lực vào việc chỉnh lý Đông Y. Việc làm trước nhất là : biên soạn bộ sách *Thời Lĩnh Bệnh Học*. Đem những chỗ rắc rối từ xưa của Đông Y ra, như : Chứng Thương Hàn Ôn Bệnh, sáu kinh (lục kinh), ba phủ Tiêu (tam tiêu), phần Dinh, phần Vệ, phần Khí, phần Huyết... giải quyết lại toàn bộ. Đồng thời đối với Chứng Thương hàn ôn bệnh, chứng cảm mạo, ở thời kỳ sơ phát, trung phát và sau cùng, đều trừ biện sẵn những phương thuốc chữa trị rất thích đáng. Cung ứng đầy đủ phương tiện cho kẻ sơ học, khi thấy bệnh, thì hiểu ngay ra phương thuốc chữa trị, khiến cho sự đọc sách và nhận chứng dính lại thành một khối, nhìn bên trái, đoán bên phải, dần thấy rõ đâu là bệnh lý, đâu là y lý. Khỏi phải cái nạn ngăn cách mơ hồ.

Tiếp theo Đông Y Thời Lĩnh Bệnh Học, là sách Đông Y Cấp Tình Truyền Nhiễm Bệnh Học : Sách này thoát

ly giới hạn sáu Kinh (tam Âm, tam dương), nội dung kiêm có hai mươi ngoài Bệnh Chứng Cấp Tính Truyền Nhiễm, đều mang lấy một tính chất hoàn toàn độc lập. Tùy theo sự diễn biến của mỗi bệnh tình, mà sắp đặt phương pháp chữa trị cách thích ứng. Hoàn toàn lấy phương được Đông Y làm chủ thể, để mở lấy một con đường mới cho ngành Đông Y Dược Học.

Việc làm thứ ba là : Biên soạn sách Nội Khoa Học, và sách Xử Phương Học, để hoàn thành công tác tất yếu về loại sách Nội-Khoa Học vậy.

Đông Y cũng như Tây Y, đối với Bệnh Thương Hàn, trải qua đều có một luận điệu lằng nhằng không rõ ràng. Sách Thương Hàn Luận của Đông Y, có phải chăng là: bao quát tất cả các Bệnh Truyền Nhiễm, và các Bệnh Chứng Nội Khoa? Mỗi người nói mỗi khác, không đáng làm tiêu chuẩn. Soạn giả cảm thấy có bần phận không thể từ chối, nên phải biện minh như sau: Kê học do nẻo này mà đi, đường này mà tiến, thì không đến đời làm đường lạc lối vậy.

Bệnh Xuân Ôn, Bệnh Phong Ôn, Bệnh Phục Thử, Bệnh Thu Táo, các bệnh chứng, là những bệnh sở trường, và đã trải qua sự kinh nghiệm độc đáo của Đông Y Học. Nếu đem phối hợp với Tây Y, so sánh chỗ kiến giải giữa nhau có phần cận tự.

1.— Bệnh khinh siễn, thì gọi là : Lưu Hành Tinh Cảm Mạo.

2.— Bệnh trải qua triển miên lân ngày, từ bốn tuần nhứt sắp lên, thì gọi là : Chứng Trường Nhiệt (Tây Y gọi là :

Trường Thương Hàn; xưa gọi là: Tiền Trường Hoại Nhiệt Chứng).

3.— Bệnh phát Ban Chẩn, gọi là: *Ban chẩn thương hàn*. Giả Sứ, chỉ lấy ba loại bệnh danh trên đây, chỉ cần tự thuật cách xử phương và trị pháp đối với ba loại bệnh trên đây, thì không khác nào đem toàn bộ chỗ kinh nghiệm truyền nhau hàng đời của Đông Y cắt ra từng mảnh. Làm thế, thì chẳng những không lĩnh hội được tinh túy của Đông Y, mà không thể nào lĩnh hội được chân đế Cường Thương Hàn Ôn Bệnh của Đông Y. Lại còn đa số bệnh chứng tương tự khác, không liên hệ với ba loại bệnh: Thương Hàn Tinh Cẩm Mạo, Trường Thương Hàn, và Ban Chẩn Thương Hàn của Tây Y, mà Đông Y chữa trị rất hiệu nghiệm. Cho nên các y gia hiện đại, nói Đông Y sở trường về Bệnh Thương Hàn, Tây Y sở trường về Bệnh Ngoại Khoa. Thế nên giới Đông Y cũng tự hào với chỗ sở đắc của mình, đối với phương pháp chữa trị Cường Thương Hàn Ôn Bệnh, mà đa số quần chúng vẫn tin tưởng ở chỗ nghiên cứu rất có giá trị, và kinh nghiệm rất độc đáo của Đông Y. Sách này, đối với chỗ kinh nghiệm tinh đáo của Đông Y, nghiên khảo cẩn thận, giải thích rõ ràng, rất tiện ích cho kẻ sơ học.

Hiện tại, quan điểm của các Y Gia đối với Sách Thương Hàn Luận:

Nội dung của Sách Thương Hàn Luận vốn chẳng hoàn toàn, mà có người quả quyết rằng: *phi thường hoàn toàn*.

Vốn chẳng song thực, mà có người quả quyết rằng: *phi thường song thực*.

Vốn chẳng thần bí, mà có người quá quyết rằng: *phithường thần bí*.

Kinh phương vốn chẳng phải là vạn năng, mà có người quá quyết rằng: *kinh phương xác thị vạn năng*, (chẳng những chữa khỏi các bệnh Bốn Mùa Cảm Mạo, lại còn chữa khỏi tất cả Bệnh Truyền nhiễm, đồng thời chữa khỏi tất cả các Bệnh Nội Khoa, Ngoại Khoa, Ấu Khoa, và Ngoại Khoa... các bệnh.)

Không tìm hiểu trên sự thực, xem có phù hợp hay chẳng? tùy ý niết tạo những chuyện không đầu, làm cho rối loạn tất cả; khiến cho bộ Sách Thương Hàn Luận trở thành một khu rừng Thần Bí, vô phương nghiên khảo. Những kẻ dùng món ăn tinh thần của người xưa không tiêu hoa nổi, cần phải xét lại vậy. — Xét kỹ duyên cớ gây ra ngộ nhận, là tại lấy *nhân* làm *quả*. Vì họ không hiểu Sách Thương Hàn Luận, là loại sách phát nguyên của Đông Y Dược Học, mà lại ngộ nhận là loại sách có mục đích nghiên cứu của Đông Y-Dược Học vậy.

Bộ Sách *thời lĩnh bệnh học* này, lấy phương pháp Khoa-Học để làm bằng cớ ẩn chứng, hóa con đường chông gai trở nên bằng phẳng, hóa câu chuyện *thần bí* của Đông Y Học, trở nên *thực tế rõ ràng*; thì tòa nhà của Ông Trương Trọng Cảnh mọi người đều có thể đến được, buồng kín của Ông Trương Trọng Cảnh mọi người đều có thể vào được. Khiến cho mỗi vị theo học Đông Y Dược, đều có thể đặt mình địa vị « kẻ vãng khai lai » của học thống Hiền, Kỳ tự đảm nhiệm lấy một phần trách vụ, đối với việc phát huy ngành *y học cổ truyền*. Thì lo gì sự nghiệp Đông Y Dược Học ở Nước Nứa không phát dương quang đại.

## LỆ NGÔN

1. Nội dung sách này, chỉ đề cập những bệnh chứng có tính chất cảm mạo thời lệnh bốn mùa, không phải bệnh có tính cảm mạo hay truyền nhiễm thì không biên vào. Chỉ như: Bệnh Ngược, Bệnh Ly, Bệnh Ho và Bệnh ỉa chảy... các bệnh, thuộc về phạm vi của bệnh Truyền Nhiễm hay Bệnh Nội Khoa, thì nên tham khảo qua sách Đông Y Truyền Nhiễm Bệnh Học, và sách Đông Y Nội Khoa Bệnh Học, hai loại sách này sẽ dịch thuật và tiếp tục xuất bản trong ngày gần đây.

2. Các y gia đời xưa dùng danh từ Thương Hàn với một ý nghĩa rộng (quảng nghĩa Thương Hàn), trong ấy bao quát cả chứng cảm mạo bốn mùa. Nên sách này đổi danh từ Thương Hàn lại là Thời Lệnh Bệnh.

3. Sách này bao quát Chứng Thương Hàn và Ôn Bệnh, trên phương diện xác nhận bệnh tình, thì lấy sáu kinh hình chứng làm căn bản; trên phương diện trị liệu, thì lấy phương xưa ứng dụng cho bệnh nay làm lập luận. Về phương châm biên đính thì:

A) Chấm dứt sự tranh chấp giữa bệnh Thương Hàn và Ôn Bệnh.

B) Dung hòa giữa thành kiến Kinh Phương và Thời Phương.

4. Bệnh Thương Hàn với nghĩa hẹp (thương hàn hiệp nghĩa) của Đông Y, thì bệnh phát ở mùa Đông. Tây Y luận về Bệnh Thương Hàn, thì lưu hành trong mùa tháng bảy và tháng tám. Chẳng những chỗ trải qua của bệnh chứng không giống nhau, mà thời kỳ phát bệnh, đối với Đông Y cũng sai biệt nhau khá xa. Các thị y, ngộ nhận cho là: Chứng Thương Hàn giữa Đông Y và Tây Y giống nhau như một, thật đáng buồn cười. Sách này chỉ biên về Bệnh Thương Hàn của Đông Y, còn Bệnh Thương Hàn của Tây Y thì biên ở Sách Đông Y Truyền Nhiễm Bệnh Học, bạn đọc nên tham khảo.

5. Bệnh Thương Hàn của Đông Y luận về sáu kinh, chẳng khác nào một bài toán đố ngàn đời không giải đáp. Các nhà chú thích, thì mỗi ông nói mỗi khác, không nhất trí. Hơn nữa các Ông luận và Bệnh Ôn Nhiệt, phần Dinh, phần Vệ, phủ Tam-Tiểu ức thuyết mơ hồ, khiến kẻ hậu học như lọt trong đám sương mù dày đặc. Thiên này, nương theo phương pháp khoa học, triết để chỉnh lý, tìm ra một lối quang đăng, giúp cho kẻ hậu học nhận xét dễ dàng.

6. Danh nghĩa sáu kinh, thống chế ngành Đông Y Dược Học, trải qua trót hai ngàn năm. Thiên này, đặc biệt chú trọng trên chỗ thế nào gọi là : Ba Kinh Dương, thế nào gọi là : Ba Kinh Âm (tam dương, tam âm), phân tách rành rọt, lập luận rõ ràng.

(Chú thích 1) Bệnh ở Ba Kinh Dương, thì nhắm vào chứng phát nóng làm chủ đích, nhưng cần phải phân biệt mỗi kinh phát nóng với một hình thái :



*Phát nóng ôn lạnh.*

*Lạnh nóng qua lại.*

*Không ôn lạnh, chỉ phát nóng* ; loại tợ nhau, mà sự thực không giống nhau, uốn ép nhập chung lại, gọi là bệnh chứng ở Tam Dương. — Chứng phát nóng, là do cơ năng điều tiết và phóng tán của thể ôn bị chướng ngại gây ra

(chú thích II và III). Bệnh chứng ở ba Kinh Âm, là do cơ năng của tạng phủ bị biến hóa :

Kinh Thái Âm là chỉ cho bệnh ở bộ tiêu hoá.

Kinh Thiếu Âm là chỉ cho bệnh ở Tâm và Thận.

Kinh Khuyết Âm là chỉ cho bệnh ở vách ruột viêm, và hoành cách mạc viêm.

(chú thích IV) Quan niệm xem sáu kinh là thần bí, may ra nhờ lời giải thích trên đây mà được giải trừ.

A) Sách Nội Kinh chuyên luận về châm cứu, bất cứ bệnh gì, cũng nhập chứng vô mười hay kinh lạc. Nghiên cứu sáu kinh của Sách Thương Hàn Luận, tất phải dẹp bỏ mười hai kinh lạc của sách Nội Kinh, đồng thời cũng dẹp bỏ luôn quan niệm : bệnh độc mỗi ngày truyền qua một kinh, thì mới phù hợp với bệnh tình.

B) Sách Thương Hàn Luận, nói về bệnh ở Kinh Thái Dương, là không phải chỉ cho Kinh Thái Dương thọ bệnh, mà chỉ cho các chứng hậu : *Ôn lạnh, phát nóng, nhức đầu...* gọi là : *Bệnh Thái Dương*. Đối với Kinh Thiếu Dương, Kinh

Dương Minh cũng vậy : *Lạnh nóng qua lại*, gọi là : *Bịnh Thiếu Dương*. *Không ôn lạnh chỉ phát nóng*, gọi là : *Bịnh Dương Minh*.

C) *Ôn lạnh phát nóng*, là nói về toàn bộ, cả ngày vẫn phát nóng, nhưng trong cơn *phát nóng*, tự cảm giác *ôn lạnh*, đây chính là hiện tượng bịnh của *Thái Dương*. — Không *ôn lạnh*, chỉ *phát nóng*; chỉ biết có *phát nóng* mà thôi, không bao giờ cảm thấy *ôn lạnh*, tức là bịnh của *Dương Minh*. — *Lạnh nóng qua lại*: trong lúc *ôn lạnh*, tự mình không bao giờ cảm thấy *phát nóng*; trái lại, trong lúc *phát nóng*, cũng không hề cảm thấy *ôn lạnh*; *Lạnh qua rồi nóng* mới đến, *nóng qua rồi lạnh* mới lại, *lạnh với nóng*, luân phiên nhau tới lui qua lại, có phân biệt rành rẽ, là bịnh của *Thiếu Dương*. — Căn cứ trên hiện tượng *lạnh, nóng* để phân biệt chứng ở *Tam dương*, và sử dụng phương pháp chữa trị, ấy là chỗ thực nghiệm của *Đông Y*, giúp ích cho sự nghiên cứu rất lớn lao.

D) Bịnh ở *Thái Âm* thì : bụng đầy hơi, ói mửa, vật thực không tiêu, ỉa chảy, bịnh ở *tiểu hóa* khi vậy.

Bịnh ở *Thiếu Âm*, thuộc về hàn tính thì : *ôn lạnh*, nắm co rút, tay chân mát lạnh, ra mồ hôi da thịt mát lạnh, mạch đi *Vĩ Tế*, dờ dãn ưa nắm, (ngủ). — *Nhiệt Tĩnh* thì : *trên ngực bứt rứt*, họng khô, ít ngủ, đó là bịnh của *Tạng Tâm* và *Tạng Thận*.

Bịnh ở *Khuyết Âm*, thì *Hạ lý*, ngay chón thủy (tâm oa) *nóng xát*, là bịnh *vách ruột viêm*, và *hoàn cách mạc viêm*.

7. Bệnh Xuân Ôn, Bệnh Phong Ôn, Bệnh Ôn, Bệnh Thử Ôn, Bệnh Thấp Ôn, bệnh Phục Tả, Bệnh Thu Táo, Bệnh Đông Ôn, Bệnh Thương Hàn các bệnh, là những tên bệnh có sẵn từ lâu của Đông Y, như tìm chỗ sở kiến phù hợp với Tây Y, thì chỉ chia làm ba loại như sau :

- (1) Cảm mạo sơ sài, gọi là : lưu hành tính Cảm Mạo.
- (2) Bệnh triền miên từ bốn tuần nhật sắp lên, gọi là : Trường Nhiệt Chứng (Tây Y gọi : Trường Thương Hàn, Tên cũ gọi : Tiểu Trường Hoại Nhiệt Chứng)
- (3) Mọc Ban Chẩn, gọi là : Ban Chẩn Thương Hàn.

Giả sử chỉ dùng ba bệnh danh trên, chỉ căn tự thuật chung hậu, cách chữa trị và xử phương của ba bệnh trên, thì không khác nào : đem chỗ kinh nghiệm toàn bộ truyền nban hằng đời của Đông Y Học, cắt ra từ mảnh. Như thế, chẳng những không rõ được tinh túy của Đông Y, mà lại cũng không rõ được chân đế của Chứng Thương Hàn Ôn Bệnh.

Lại còn đa số những bệnh chứng khác, không liên hệ trong phạm vi của Tây Y : Lưu Hành Tính Cảm Mạo, Trường Thương Hàn, và Ban Chẩn Thương Hàn, mà thuốc Đông chữa trị rất hiệu nghiệm, chẳng kém gì chữa Bệnh Thương Hàn. Chính khoa Y Học hiện thời cũng nhìn nhận : Đông Y sở trường về Bệnh Thương Hàn, Tây Y sở trường về Bệnh Ngoại Khoa : mà Đông Y cũng tự hào với chỗ sở trường của họ là : Phương pháp chữa trị Chứng Thương Hàn Ôn bệnh nghiên cứu rất có giá trị, nên được đa số quần chúng tin ngưỡng. Sách này, đem những chỗ

ngiên cứu độc đáo của Đông Y, khảo sát cẩn thận, tự thuật tình trạng, rất có lợi ích cho kẻ hậu học.

8. Những đượ vị và dụng lượng của các phương thang ở trong sách này, thẳng như có chỗ bất đồng với Sách *Xử phương học*, nên nhất luật căn cứ theo Sách *Xử phương học* làm tiêu chuẩn.

9. Thể lệ sách này, chú trọng trên điểm, lời lẽ gọn gàng, ý nghĩa sáng suốt, và thích ứng với thực dụng. Ngoài việc giúp phương tiện cho kẻ sơ học, học tập nghiên cứu, cũng thể giúp thêm tài liệu tham khảo trong lúc lâm sàng.

10. Tài liệu nghiên cứu các bệnh chứng trong thiên thứ hai của sách này, phần nhiều căn cứ theo học thuyết của Ông Du-Câu Sơ, Diệp Hương Nham, Thạch Bái Nham, Hà Tú Sơ, Hà Ấn Nham các hàng tiên triết. Trong thiên, có chỗ nêu rành nơi xuất xứ, mà có chỗ không nêu rành nơi xuất xứ, là vì trong lúc biên đính, ngon tay biên tới, không hề có việc cố ý lược mỹ (ăn cắp cải hay của người làm của mình).

11. Sách này đã biên soạn từ trước, hơn vì lúc tái bản gấp rút, không kịp cải đính những chỗ đã lỗi thời, chỉ có thể cung ứng cho kẻ học tham khảo.

**CHÚ THÍCH ĐẦY ĐỦ :**  
**BỊNH-DANH, BỒN-CHỨNG, BIẾN-CHỨNG, ĐẶC-TRUNG.**

**Tiêu biểu phân loại, so sánh các  
bệnh chứng thuộc về : Thời Lịnh**

Một Loại Trạng Chứng của Bệnh Cảm Mạo :

— Sợ gió, ớn lạnh, phát nóng, nhức đầu, có mồ hôi,  
hoặc không mồ hôi.

— Mạch không đi Khẩn, cũng không đi Sát, thân thể  
không đau nhức, miệng không khát nước, từ cách mac  
trở lên ngực không phiền muộn (bứt rứt), chót lưỡi không  
đỏ.

— Mạch đi Khẩn, thân thể đau nhức là : Bệnh Thương  
Hàn. Mạch đi Sát, lồng ngực bực bội, miệng khát nước,  
chót lưỡi đỏ là : Bệnh-Ôn.

**Bệnh Thương Hàn**

— Lạnh nóng qua lại, hoặc thân thể nóng, tự ra mồ  
hôi, khát nước.

— Lúc sơ khởi, thì ớn lạnh nhiều, phát nóng ít, mạch  
đi khẩn, thân thể đau nhức, trạ lưỡi trắng.

Biến chứng của Bệnh Thương Hàn, nên tham khảo ở nguyên văn Sách Thương Hàn Luận. Sách này chỉ luận thuật trên đề cương của bệnh ở Dương Minh và Thiếu Dương.

### Bệnh Ôn

Không ôn lạnh, chỉ phát nóng, khát nước, lưỡi ráo, họng đau, môi khô, tinh thần hôn loạn, nói xàm. Bệnh Ôn mà kiêm Hàn, thì lúc sơ khởi sợ lạnh, không mồ hôi. — Bệnh Ôn mà kiêm Thử, thì lúc sơ khởi, phát nóng, thân thể nề oải, nhưc đầu xây xăm.

Ôn lạnh sơ sai, nhưng phát nóng trầm trọng, hoặc chỉ phát nóng, mà không ôn lạnh. Trên ngực phiền buồn, khát nước, uống nước liền liền, chót lưỡi đỏ, mạch đi Sắt mà có sức.

Bệnh Thương Hàn, phần nhiều lệ thuộc với Thiếu Dương; Bệnh Ôn, phần nhiều lệ thuộc với Dương Minh.

### Bệnh Xuân Ôn

Lạnh nóng qua lại, hoặc không lạnh, chỉ nóng mà khát nước, có khi tinh thần hôn loạn, nói xàm, thất huyết (1). — Bệnh Xuân Ôn phát tác vào mùa Xuân, lúc sơ khởi phần nhiều không mồ hôi.

### Bệnh Phong Ôn

Mạch đi Phù, khát nước, mình mẩy nặng nề, lừ đừ buồn ngủ, lăm dùng thuốc phát hãn, thì nói không ra

(1) Thất huyết là : ra máu ở miệng, hoặc ở mũi, hoặc ở tiểu tiện, hay đại tiện.

tiếng, tiểu tiện không thông ; lăm dùng thuốc hạ (xở), thì mắt trợn ngược, đái són ; lăm dùng hỏa công (dùng kim nung đỏ châm trị), thì phát vàng, thái quá thì động kinh, tay chân bại xụi.

Phát ở mùa Xuân, lúc bệnh sơ khởi, phần nhiều ra mồ hôi, hoặc ra máu cam (tỷ nut)

### Bệnh Đông Ôn

Răng nhức họng đau, kèm Chứng Phục Thử, thì mình nóng ra mồ hôi, nhưng nóng không hạ ; đầu xây xăm, lồng ngực bứt rứt. — kèm Chứng Phục Táo, thì ho khan hơi thổ gắp, hoặc thất huyết. (giải thấy ở bệnh Xuân Ôn)

Phát ở mùa Đông, thì bệnh ở hô hấp khí nặng hơn các bộ phận khác. Thái thậm thì cổ họng sưng đau.

Các biến chứng khác, thì giống như Chứng Thương Hàn, và Ôn Bệnh.

### Chứng Thử Ôn

Mình nóng, ra mồ hôi, nhưng nóng không hạ, bộ ngực bứt rứt, đầu xây xăm, mặt đỏ, miệng khô khát nước, mạch đi Hư.

Chứng Thử Ôn kèm Hàn, thì ôn lạnh, thân thể uể oải không mồ hôi. — Kèm Thấp, thì mình mảy nặng nề, phần cơ nhục đau nhức, bộ ngực dẫn xuống Dạ-Dày không thư thối. Nặng lắm thì dạ dày đan, bụng sinh trường, đi đại tiện nặng trón. Nóng lắm thì hơi nóng rùng rục, mặt mũi héo xào, tinh thần hôn loạn, nói xàm.

Mạch đi Hư, lồng ngực bứt rứt, đầu xây xâm, miệng ráo, khát nước.

### Chứng Phục Thử

Nhức đầu xây xâm, mình nóng mà ớn lạnh, không mồ hôi, hoặc rịn mồ hôi chút ít, xế chiều nóng nhiều, thân thể và tứ chi nhức mỏi uể oải. Dạ Dày cồn cào nôn mửa, bứt rứt khát nước, nằm ngủ không yên, không thể uống nhiều nước, không thêm ăn, đại tiện lúc táo lúc chảy.

Chứng Phục Thử nặng nề, thì mắt đỏ môi hồng, da mặt xám xịt như dính bụi, răng khô, lồng ngực phiền buồn, nóng hầm hập, nóng mà tay chân lạnh, trong ngực trong bụng nóng như hơi, miệng khô họng ráo, uống nước thì ủa nhọn, nặng lắm thì tinh thần hôn loạn, nói xàm.

Mạch đi Hư, bộ ngực bứt rứt, đầu nặng xây xâm, miệng ráo khát nước, giống như bệnh Thử Ôn. Chỗ không giống là: Bệnh Thử Ôn phát tác trong tiết Tiểu Thử, và Đại Thử; còn chứng Phục Thử, thì đa số phát tác ở cuối mùa Thu. Lại nữa Bệnh Phục Thử thì luôn luôn hiệp với chứng Thấp mà phát tác.

Chứng Trường Nhiệt, lúc sơ khởi thì phát nóng với một hình thái cố định, lại còn kèm có chứng đau lưng, đan cạnh sườn (tỳ hư), lấy tay ấn lên bộ vị hồi trường và manh trường nhói đau, đồng thời ruột sôi. Các dấu hiệu này, là đặc trưng của chứng Trường Nhiệt.

### Chứng Thấp Ôn

Ớn lạnh, không mồ hôi, đầu nhức, mình mảy nằng nề, tay chân uể oải, buồn ngủ, nóng nảy uất ngột không



lui, xế chiều thì bệnh nặng; dạ dày cồn cào, bụng đầy hơi, nước miếng đặc, khát mà không uống được nhiều nước, lợm giọng ủa mưa.

1.— Gân xương nhức mỗi nặng nề, đầy hơi, nặng đầu, hai mắt trông thấy như mây án sương mờ.

2.— Sắc mặt biết vàng, ửng đỏ như thoa mỡ, đầy hơi, bứt rứt, ủa nhọn, tiêu chảy, tiểu tiện ngắn rít, nước tiểu đỏ, hoặc biến chứng hoàng đản, hoặc mọc ban Bạch.

Bệnh này, thì thần kinh phát hiện trạng thái thủy hoãn. Bệnh Phục Thử ở vào thời kỳ sơ phát, thì trạng thái thần kinh hưng phấn; bệnh sơ sai ở vào thời kỳ trung phát, thì thần kinh cũng phát hiện trạng thái thủy hoãn; bị trúng đi trúng lại nhiều lần, trở thành trọng bệnh, thì thần kinh có trạng thái ma tử.

Minh mảy nặng nề nhức mỗi, đau bụng đầy hơi, nóng uất không lui, bệnh thuộc về phần khí. Bệnh Phục Thử cũng có khi vào phần huyết.

### Bệnh Thu Táo

Đầu nhức, minh nóng, không mồ hôi, miệng mũi khô khan, ho khạc đàm ra không thông, có khi hơi thở gấp, ngực nặng sườn đau.

Ho khan, hơi thở khô khè, cổ họng đau, mũi ráo môi khô, lồng ngực bứt rứt, bụng đầy, sườn đau khá nhiều.

Ho hez không thông, miệng mũi khô ráo, lồng ngực bứt rứt, khát nước, ít ra mồ hôi, đại tiện bí kiết, bộ ngực và hai cạnh sườn đau.

## **THỨ LỚP TRUYỀN BIẾN CỦA BỆNH THỜI LÍNH**

Bệnh Trạng thể ôn bị biến hóa :

1. — Sợ gió lạnh, phát nóng, nhức đầu, có mồ hôi, hoặc không mồ hôi.

2. — Lạnh nóng qua lại (hàn nhiệt vãng lai — 寒熱往來)

3. — Không ôn lạnh, chỉ phát nóng, lồng ngực bứt rứt, miệng khát nước, có mồ hôi, hoặc không mồ hôi.

### **Bệnh trạng lâm ba dịch bị đình trệ**

Lồng ngực bị mẫn, cạnh sườn đau nhói, miệng đắng.

### **Bệnh trạng bộ tuần hoàn bị chướng ngại**

Bệnh thất huyết : trong đàm có vờng máu, hoặc tiểu tiện ra máu, đại tiện ra máu, ho ra máu, ói ra máu, khạc ra máu, mũi ra máu, hoặc máu ứ đọng, bệnh như như điên cuồng, miệng khô khát nước, bụng dưới (dưới rốn) sưng vù, đờ đãn thốn ; tiểu tiện thông thả, đại tiện phân đen thui, ban ngày chổi hời, ban đêm nóng nảy phiền táo, nói xàm.

### **Bệnh trạng bộ hô hấp bị chướng ngại**

Ho hen có nhiều đàm, hoặc ho khạc đàm ra không thông, hơi thở ngắn, hen suyễn (khí suyễn), thở ra hít vào không thuận lợi, lồng ngực bứt rứt không chịu thời.

**Bệnh trạng bộ tiêu hóa bị chứng ngại**

Không buồn ăn, lạnh cổ, nôn mửa, ợ chua, ợ hơi, ăn uống vào thì muốn ỉ. Dạ dày đầy hơi, tiêu hóa chậm chạp, lồng ngực bứt rứt, trạ lưỡi đóng đay.

**Bệnh trạng cơ năng bài tiết chứng ngại**

Này bung trướng đầy, đại tiện không thông, tiểu tiện vàng đỏ nóng xót, đi đại tiện cảm thấy nặng tròn không thông thả, giang môn sưng đau.

**Trạng thái cơ năng thần kinh biến thường**

A.— Về phương diện tri giác :

- 1.— Tinh thần mỗi mệt, buồn ngủ, thích yên tĩnh, ghét ồn ào.
- 2.— Bứt rứt nằm không yên, nói xàm nói mã.
- 3.— Thần thức lơ mơ, vật vờ như buồn ngủ, mắt trực thị, đại sốn, hoặc ngã xỉu, tay chân lạnh, á khẩu.

**GIẢI THÍCH**

- 1) Thuộc về thần kinh suy nhược tính.
- 2) Thuộc về thần kinh hưng phấn tính.
- 3) Thuộc về thần kinh ma tý tính.

B.— Về phương diện vận động :

- 1) Tay chân rứt giật.
- 2) Tay chân cứng đờ, co rút, hoặc uốn lưng ưỡn ngược.
- 3) Tần mẫn quần áo, nò mẫm chiếu giường.

## GIẢI THÍCH

- 1) *Bệnh nhẹ, thần kinh khàn trương với tính giản kiệt.*
- 2) *Bệnh nặng, thần kinh khàn trương tính cương trực.*
- 3) *Thần kinh ma tử rất khó chữa.*

**Bệnh trạng nội phân bí biến hóa**

*Dương Hư* : Mặt đỏ, đầu ra mồ hôi, đầu cổ run lắc, ra mồ hôi lạnh, bộ lưng lớn lạnh, nhiều, tay chân lạnh run, tưa lưỡi trắng như vôi, khát nước mà không uống được nhiều, mạch đi Trầm Vi muốn tuyệt.

*Âm Hư* : Máu lưỡi đỏ nhạt, hình lưỡi to lớn, mạch đi Tế Sát, đàn ông bệnh Di tinh, đàn bà bệnh Xích bạch đới hạ, đầu xây xẩm, tim hồi hộp.

*Nói rõ thêm* : Bệnh Thời Linh lúc sơ phát thì cơ năng điều tiết và phóng tán của thể Ôn phát sinh chứng ngại, kể đó thì bệnh độc tuần tự xâm nhập qua cơ năng hô hấp, cơ năng tiêu hóa, cơ năng bài tiết, và các cơ năng khác; có khi bộ tuần hoàn phát sinh chứng ngại nghiêm trọng; bệnh thể kéo dài thì, phương diện thần kinh tất phát hiện, hiện tượng biến thường. Đại đa số, lúc đầu thì bệnh độc xâm nhập vào tri giác thần-kinh, kế tiếp thì xâm nhập vào vận động thần kinh, hoặc gây cho tác dụng nội phân bí của phó thận bị biến hóa, hoặc phát hiện các chứng hậu Dương Hư, hay Âm Hư. Cho nên nói: trăm bệnh đến khi cùng cực thì dồn về thận (bá bệnh chi cùng tất cập thận — 百病之穷必及肾) là rất đúng. Người xưa vì câu chấp sáu kinh (lục kinh) nên phần nhiều nhận định sai lầm, nay phân biệt ra từ chi tiết, đồng thời giải thích rõ-ràng.

## NGHIÊN CỨU MẤY CÁI TÍN-ĐIỀU THUỘC VỀ BỆNH: THỜI LẠNH

### I.— ĐỌC NGÔN

Ông Từ Hồi Khê nói: Sự học vấn của Thầy thuốc, hoàn-toàn chủ trọng trên chỗ tìm hiểu nghĩa lý của Sách Thương Hàn, rõ được nghĩa lý của Sách Thương Hàn, thì thông hiểu được tất cả các bệnh chứng — Từ Hồi Khê vấn: Y giả học vấn, toàn tại minh Thương Hàn chi lý, Thương Hàn lý minh, tắc vạn bệnh giai thông — 徐回溪云: 醫者學向, 全在明傷寒之理, 傷寒理明, 則萬病皆通).

Nói thế, là vì từ ngày Sách Thương Hàn Luận của Ông Trương Trọng Cảnh ra đời về sau, thì sự dùng thuốc chữa bệnh mới có quy củ đáng học hỏi. Mặc dầu sau này, các Y gia ra đời khá đông, chỗ lập luận có sai biệt nhau, nhưng không ngoài phạm vi sách Thương Hàn Luận. Bởi vậy các Y gia mới đem hết tinh lực cả một đời mình ra, dôn vào giải mài, nghiên cứu Sách Thương Hàn Luận, đó là sự thực, không nên giấu giếm. — Nhưng còn nhiều bệnh chứng, kể cả chứng hậu, cách trị và xử phương... mà trong Sách Thương Hàn Luận, biện thuyết chưa rõ ràng, cần phải có sự bổ túc của người sau, như: Bệnh ÔN NHIỆT Bệnh THỬ THẤP, Bệnh THU TÁO.. các bệnh. Đó là nguyên nhân gây rắc rối cho chứng Thương Hàn Ôn Bệnh và cũng là nguyên nhân gây chia rẽ đường lối

giữa Kinh phương (phương xưa) và thời phương (phương nay) vậy.

Cứu cánh trên thực tế, Thầy Thuốc thì lấy sự cứu chữa bệnh hơn làm thiên chức của mình, mà sự phát sinh các bệnh chứng rất nhiều và phức tạp :

Mùa Xuân, thì có bệnh Xuân Ôn và Bệnh Phong Ôn.

Mùa Hạ, thì có bệnh Thử Ôn và bệnh Thấp Ôn.

Mùa Thu, thì có Bệnh Phục Thử và Bệnh Thương Táo.

Mùa Đông, thì có Bệnh Đông Ôn và Bệnh Thương Hàn... các bệnh. Đó là những bệnh chứng thuộc về cảm mạo tính, phát sinh theo bốn mùa; cách xử phương và chữa trị, đều không giống nhau. Cần phải sắp đặt chỉnh lý lại, là việc tất yếu.

Dân Quốc năm thứ 18, tôi (soạn giả) thảo nghị về thể lệ Thời Linh Bệnh Học, dùng phương pháp diễn dịch, để nghiên cứu chủ trương của các phái; dùng phương pháp qui nạp, để chiết trung kinh nghiệm của chư gia, kê ra có hơn bảy muôn dư ngôn (1) thuật rõ nguyên lý phát sinh các bệnh chứng, chứng hậu, cách trị và xử phương.— Có người nói: những bệnh chứng thuộc về cảm mạo tính, là loại bệnh khinh siển tầm thường, hà tất phải trưng dẫn dài dòng.

Nói thế, là không rõ câu chuyện các Thầy Thuốc xưa, tranh luận nhau về Chứng Thương Hàn Ôn Bệnh, ý kiến, chối ngược nhau, tự tung không ngừng; khiến cho kẻ hậu học

(1) Ngôn là : một câu nói, một lời nói, hay một chữ.

đối với chứng bệnh này, không biết phải theo đảng nào, rất khổ. Nếu không biện luận rõ ràng, thì tình trạng rắc rối trên đây, sẽ kéo dài mãi mãi, không biết đến chừng nào mới giải quyết xong.

Nếu đem các bệnh chứng Cảm Mạo, lộng vào Thiên Truyền Nhiễm Bệnh Học, rồi chia ra làm ba loại : Gia Đáp Nhi tính bệnh (1), Trường Vị Tính Bệnh, và Thần Kinh Tính Bệnh, đồng thời lập ra ba phương pháp, để chủ trị cho ba bệnh này mà thôi, thì không khác nào, đem chỗ kinh nghiệm toàn diện của mấy Ông Thầy thuốc xưa đối với Chứng Thương Hàn Ôn Bệnh, cắt ra từ đoạn. Hơn nữa, làm như vậy, thì không phải đường lối chánh đáng của nhà nghiên cứu Đông Y Dược Học.

Trong sách này, lấy sự chủ trương của tôi (soạn giả) làm căn bản, đối với học thuyết chư gia, đều có nghiên khảo bình luận phớt qua ; chỗ thì ý kiến ám hợp nhau, chỗ thì ý kiến chống nghịch nhau, đó là vì trên phương diện nghiên cứu học thuyết, phát huy sở kiến có đi, có đồng mà thôi, mong được độc giả lượng xét.

## 2.— Bệnh thời lịnh, bao quát

### **bệnh cảm mạo, và bệnh thương hàn ôn bệnh**

Bệnh Cảm Mạo, và bệnh Thương Hàn Ôn Bệnh, đều do khí hậu của thời lịnh thay đổi, khiến cho cơ năng

(1) Gia Đáp Nhi : niêm mô của tạng phủ phát sanh viêm thũng, bệnh chứng có nhiều chủng loại.

điều tiết của thể ôn, không duy trì đúng theo thường thái tự nhiên, mà sanh bệnh. Duy người xưa, có phân chia ranh giới của Bệnh Thương Hàn và Bệnh Ôn ; nhưng sự thực, đồng một tính chất với bệnh chứng Cảm Mạo. Người thiên về Bệnh Thương Hàn, nhìn qua thì nhận cho là : Bệnh Thương Hàn; người thiên về Bệnh Ôn Nhiệt, thì nhận cho là : Bệnh Ôn Nhiệt. Chẳng cần cứu xét trên thực tế của bệnh tình, mà chỉ in trí theo thành kiến. Như thế, không phải là đạo nghiên cứu Đông Y Học của người cô học thức vậy.

Sách Nạn Kinh nói Chứng Thương Hàn có năm (1) (Thương Hàn hữu ngũ — 傷寒有五) danh nghĩa của câu : *Thương Hàn Quảng-Nghĩa*, xuất phát từ đây. Bởi vì, chứng Phong, chứng Thấp, chứng Ôn, chứng Nhiệt, các chứng lúc sơ khởi, bệnh như đều tự cảm giác ớn lạnh, người sau gọi là : Bệnh Tứ Thời Cảm Mạo, mà Bệnh Ôn chiếm lấy số nhiều, Bệnh Thương Hàn ít hơn.

Cho nên sách này, lựa lấy ba chữ : *Thời Linh Bệnh* để đặt tên cho các bệnh chứng *Thương Hàn Cảm Mạo* của bốn mùa. Với danh xưng này, có nên thành lập hay chăng ? còn chờ đa số học giả quyết định. Song theo chỗ chủ trương của tôi (soạn giả) thì không thể thay đổi.

### 3.— Bệnh thương hàn ôn bệnh với bệnh cảm mạo vốn đồng một tính chất

Chứng Cảm Mạo lúc sơ khởi ; ớn lạnh, phát nóng.

(1) có năm là : 1. là Chứng Trúng Phong, 2. là chứng Thương Hàn, 3. là chứng Thấp Ôn, 4. là Nhiệt Bệnh, 5. là Ôn Bệnh.



nhức đầu, hoặc không nhức đầu; ra mồ hôi, hoặc không ra mồ hôi; Mạch không đi *Khẩn*, mà cũng không đi *Sát*.

Bệnh Thương Hàn lúc sơ khởi: ớn lạnh, phát nóng, nhức đầu, đau mình; Mạch đi *Khẩn*, không mồ hôi.

Bệnh Ôn, lúc sơ khởi: ớn lạnh, phát nóng, nhức đầu, có bệnh ra mồ hôi, có bệnh không mồ hôi; Mạch đi *Sát*, chột lưỡi đỏ, lồng ngực bứt rứt, miệng ráo, khát nước.

Điểm bất đồng của ba bệnh chứng trên đây, ngoài bệnh Cảm mạo ra, thì hình chứng của Bệnh Thương hàn, chú trọng trên điểm: *Mạch đi khẩn, thân thể đau nhức*.— Hình chứng của Bệnh Ôn, thì chú trọng trên điểm: *Mạch đi sát, chột lưỡi đỏ, lồng ngực bứt rứt, miệng ráo, khát nước*. Các Y gia đời trước, hao phí không biết bao nhiêu trí lực, để phân biệt: thế nào là Bệnh Thương Hàn, thế nào là Ôn Bệnh.

Theo tôi (sạn giả) nhận thấy, Bệnh Thương Hàn với Bệnh Ôn, vốn đồng một tinh chất tật bệnh, lúc sơ phát có sai biệt, về sau không mấy sai biệt. Nguyên nhân thọ bệnh, và trải qua sự phát triển của bệnh tình, vẫn không khu biệt. Chỗ bất đồng của hai bệnh này là: duy có phục nhiệt, và không phục nhiệt. Cho nên, chứng hậu ớn lạnh, phát nóng, có khinh, có trọng, không giống nhau, và khát nước, cũng không khát nước, là điểm sai biệt nhau mà thôi.

Bệnh chứng chỉ trong chừng ấy, mà dám nói quả quyết rằng: Bệnh Ôn Nhiệt thì thuộc về Phủ Tam Tiêu, với Bệnh thương Hàn tả truyền sáu kinh, không giống nhau. Thực là chỗ kiến giải cao thâm mạc trắc.

## THỜI LỊNH BỊNH HỌC

### 4.— Bệnh thời lịnh và bệnh truyền nhiễm

Theo chỗ chú trương của tôi (soạn giả) thì, những bệnh do khí hậu của thời tiết thay đổi, khiến cho ôn độ trong thân thể con người phát sanh chương ngại, đều thuộc về *Bệnh thời lịnh*. — Đồng một thời gian, đồng một địa phương, những bệnh chứng lưu hành đại đa số giống nhau, mới có thể chứng minh đó là : tính chất của *Bệnh truyền nhiễm*.

Các Y gia hiện tại, đều nhận định tất cả những bệnh chứng Ngoại Cảm phát nóng, là do độc tố bệnh khuẩn xâm nhập gây nên, tức thời sử dụng phương pháp kiểm tra bệnh khuẩn. Nếu không xác nhận được bệnh tính, thì đổ lỗi cho máy móc kiểm tra không được hoàn thiện, nhất định không rời bỏ thuyết: Kiểm Tra Lịnh Khuẩn, kéo dài thời kỳ trị liệu cách oan uổng.

Theo sự chú trương như thế kia, thì chính tôi (soạn giả) không thể nhắm mắt tin theo. Vì như khí trời bất ngờ biến lạnh, mặc áo mỏng ; hoặc khí trời nóng nực bất thường, ở trần tròng trực., cảm thọ không khí lạnh lẽo, kích thích ở phần cơ biểu, khiến cho lỗ chân lông co rút, thể ôn phòng tán bị chương ngại, phát nóng ôn lạnh ; cho uống một tễ thuốc phát tán, bệnh khỏi tức thì, Công việc rất gọn gàng, mà lại hóa ra bề bộn, không phải kiểm tra *Bệnh khuẩn* là không được. Ngồi chờ bồi dưỡng nhiễm sắc, thành lập phiêu bôn xong, mới tìm ra phương thuốc đặc hiệu đối chứng ; kéo dài ngày giờ, bệnh cơ diễn biến ngày một nặng thêm, là một sự sai lầm.

Thẳng như thuốc đặc hiệu chưa kịp phát minh, thì khoanh tay ngồi ngó, mặc tình bệnh thể tiến hành, vô phương cứu chữa, là bại sự sai lầm.

Hoặc trải qua nhiều lần kiểm tra mà không cách gì tìm ra bệnh khuẩn, thể bệnh càng ngày càng gia trọng, sức khỏe càng ngày càng kiệt quệ, kết cuộc đành phải bỏ tay, là ba sự sai lầm. — Kinh thường phương pháp chữa trị rất hiệu nghiệm của Đông Y, chỉ biết có đường lối kiểm tra bệnh khuẩn là duy nhất, thì đâu phải là thượng sách vậy.

Căn cứ trên hình chứng của bệnh tình, đã chứng minh xác thực đó là : Bệnh Truyền Nhiễm. Phương pháp trị liệu thì cần tham khảo Thiển Cấp Tinh Truyền nhiễm Bệnh, do tôi (soạn giả) trước tác. — Còn phương pháp biện biệt thì, sự truyền biến của Bệnh Thời Bệnh, lấy chứng hậu của ba Kinh Dương làm chủ. Còn Bệnh Truyền nhiễm thì đều có những trạng chứng rất đặc thù, hỏi kỹ chỗ trải qua của bệnh, có thể biết được đại khái. Hoặc nghi có tính nguy hiểm của bệnh Truyền nhiễm, xưa gọi là : Ôn Dịch (温疫) không có tính nguy hiểm của bệnh truyền nhiễm, xưa gọi là Ôn Bệnh (瘟病). Phân loại bệnh như thế này, cũng không phải là lý luận xác đáng.

### 5.— Nguyên nhân thọ bệnh của bệnh thời lịnh

Ớn lạnh, phát nóng là chứng hậu tất nhiên của Bệnh Thời Lịnh. Nhân vì khí Phong Hàn kích thích, lỗ chân lông teo rút, thì tự nhiên phải ớn lạnh. Khí phong hàn

ngăn chặn bên ngoài, sức phóng tán của thể ôn bị chướng ngại, thì tất nhiên phải phát nóng. Chỗ bất đồng nhau, giữa bệnh Phong Hàn và Bệnh Thủ Nhiệt là : có, hay không có nội nhiệt tiềm phục ở trong người, và thể ôn tăng tiến hay suy giảm vậy.

Câu cứ trên trạng chứng mà nói : Chứng Phong Hàn thì nặng về bên *ôn lạnh*. Chứng *Thủ Nhiệt* thì nặng về bên *phát nóng*. Ôn lạnh nhiều, thì gọi là Bệnh Phong Hàn; Phát nóng nhiều thì gọi là Bệnh Ôn Nhiệt. — Có người nghĩ : cảm thọ khí hàn, thì phát Bệnh Thương Hàn; cảm thọ khí ôn, thì phát bệnh Ôn Nhiệt.

Nói như thế, là không rõ : Thời tiết lạnh lẽo, có thể gây trở ngại cho tác dụng phóng tán của thể ôn, là nguyên nhân gây ra Bệnh Thương Hàn và Ôn Bệnh. Còn nhân cảm thọ khí Ôn nhiệt mà sanh bệnh, ngoài Bệnh Trúng Thủ, Trúng Nhiệt ra, thì không thấy có bệnh nào khác hơn.

#### 6.— Con đường xâm nhập của bệnh thời lạnh

Có người nói : Bệnh độc gây ra Chứng Thương Hàn, thì theo lỗ chân lông mà vào ; bệnh độc gây ra Chứng Ôn Nhiệt, thì theo miệng mũi mà vào ; lấy lý do này, để phân biệt chỗ bất đồng giữa Chứng Thương Hàn, và Chứng Ôn Nhiệt. Chỗ này của tôi (soạn giả) thì không phải thế, hàn tà cố nhiên có thể kích thích ôn độ ở phần bì phu, nên mới nói : (chứng Thương hàn theo lỗ

chân lông vào). Nhưng khi hậu lạnh lẽo của mùa Đông, gây bệnh cho bộ hờ hấp rất nhiều, đó là bằng chứng : khí phong hàn cũng có theo miệng mũi mà vào.

Còn Bệnh Ôn Nhiệt, nếu nhận chữ (Ôn) là : Ôn Dịch, có tính chất truyền nhiễm, thì bệnh khuẩn truyền nhiễm có thể từ miệng mũi mà xâm nhập, có thể do bị phu bị thương tổn mà xâm nhập, có thể do theo niêm mô mà xâm nhập, đầu phải chỉ có một con đường miệng mũi mà thôi.

Nếu nhận chữ (Ôn) là : khí hậu viêm nhiệt của thời tiết, thì nên xét kỹ xem, chứng phát nóng khắp cả toàn thể, hay chỉ phát nóng ở bộ phận miệng mũi mà thôi. Căn cứ trên sự thực, có thể chứng minh, và cũng có thể quyết đoán được, bệnh độc Ôn-nhiệt, không phải từ miệng mũi xâm nhập.

Lời mậu luận này, do Ông Diệp Thiệu Sĩ đề xướng, sẽ giải thích ở chương III của Sách *Thời Lệnh Bệnh Học*.

### **7.— Thứ tự truyền biến của bệnh thời lệnh**

*Thứ lớp truyền biến của bệnh thời lệnh :*

- 1) Thở ôn nhất kết, hãn tuyến ngắn nghẹt.
- 2) Lâm ba dịch bị đình trệ.
- 3) Bộ máy tiêu hóa bị chướng ngại.
- 4) Bộ máy tuần hoàn bị chướng ngại.
- 5) Huyết dịch bị tắc nghẽn.

6) Cơ năng thần kinh phần thường.

7) Tân dịch nội phân-bí biến títah.

Đại ý bệnh chứng truyền biến ở ba Kinh Dương, và ba Kinh Âm của ngành Y Học Cổ Truyền, không ngoài phạm vi này. — Sách Thương Hàn Luận, phân biệt chứng hậu của sáu kinh, nhưng không nói rõ kinh thủ, hay kinh túc.

Các y gia đời sau thì nói: Bệnh Thương Hàn, truyền ở *Kinh túc*, mà chẳng truyền ở *Kinh thủ*. Tham khảo qua các lời chú thích của chư gia, phần nhiều ngộ hội ở điểm này.

Theo ý tôi (soạn giả) thì, danh nghĩa của sáu kinh là: ba Kinh Âm, và ba Kinh Dương. Bệnh chứng ở ba Kinh Dương, thì lấy sự biến hóa của thể ôn làm chủ; Bệnh chứng ở ba Kinh Âm, thì lấy tác dụng tự khởi biến hóa của tạng phủ làm chủ. (giải rõ ở Sách Bệnh Lý Học).

Ngoài sự bối rối của người xưa, đối với các bệnh chứng truyền biến ở *Kinh thủ* và *Kinh túc*, sáu kinh ra, lại còn thêm một việc rắc rối nữa là

Ông thì nói: Bệnh Thương Hàn thì, bệnh độc nằm ở sáu kinh; Bệnh Ôn Nhiệt thì, bệnh độc phục trong phần Dinh, phần Vệ, và khí huyết. — Ông thì nói: Bệnh Thương Hàn mỗi ngày truyền một kinh; Bệnh Ôn Nhiệt, nằm ở một kinh, không dời đổi. — Ông thì nói: Bệnh Ôn Nhiệt, chỉ truyền biến trong phạm vi của Phủ Tam-Tiêu mà thôi. — Ông thì nói: Bệnh độc Ôn Nhiệt, tiềm phục ở Mạc Nguyên. Mỗi ông mỗi thuyết, không ai giống ai.

Theo chỗ tôi (soạn giả) thấy thì, câu : thứ lớp truyền biến ở phần Dinh, phần Vệ và khí huyết, chỉ có thể giải thích cho bệnh chứng ở Kinh Thái Dương. — Còn nơi Bệnh Ôn chỉ ở một kinh không dời đổi, là không nhận thức được căn bản của Bệnh Ôn. — Thuyết Tam Tiêu, chỉ có thể xác nhận trên thứ lớp truyền biến trong thời gian Bệnh Ôn trải qua mà thôi, (giải rõ ở Sách *Bệnh lý học*). — Còn thuyết Mạc Nguyên : Người xưa nói Mạc Nguyên là : màn bụng, là chỗ trải qua của Bệnh Ôn. Có phải chăng, Bệnh Ôn chỉ trải qua ở màn bụng ? Người có cặp mắt thông minh, có thể phân biệt được.

Ông Ngô Hựu Khả, gom các chứng Trường Nhiệt (Thương Hàn trường xuất huyết), Chứng Hồi Qui Nhiệt (bệnh nóng tái đi tái lại), Chứng Ngược Tật, Chứng Ban Chẩn Thương Hàn, những bệnh chứng có tính chất truyền nhiễm lại, đặt tên là Bệnh Ôn Dịch. Chẩn đoán thấy: tưa lưỡi đóng dày tươi sáng, lồng ngực bứt rứt, phía trên Dạ dày bị đầy,... thì dùng thuốc thanh nhiệt táo thấp, thông lợi hai đường đại tiểu tiện... để chữa trị, đều được hiệu nghiệm. Đại khái, xác nhận những bệnh chứng này là : bệnh tả tiềm phục ở Mạc Nguyên ; rồi đem bệnh Ôn Dịch có tính chất truyền nhiễm, nhập chung với Bệnh Thương Hàn Ôn Bệnh mà luận trị, đó là trong muôn ngàn việc phải, có một việc sai, của kẻ trí vậy.

### 8. — Chỗ ngộ hội đối với bệnh thời lịnh của người xưa

Phương pháp nghiên cứu bệnh chứng của người xưa, đối với hiện đại có chỗ bất đồng, cần phải củ chánh-

1) Người xưa xác nhận bệnh độc phong hàn gây ra tật bệnh cho con người, tất có phương hướng nhất định, nên mới có danh xưng : *Hư tà, Thực tà, Chánh tà...* — Hiện đại đối với các bệnh chứng có tính chất cảm mạo, thì không cần biết cảm thọ khí phong hàn ở phương hướng nào.

2) Người xưa nói : Mùa Đông cảm thương khí hàn, thì mùa Xuân tất phát bệnh Ôn. Sau Tiết Lập Đông, đều là Bệnh Thương Hàn ; sau Tiết Lập Xuân, đều là Bệnh Ôn Nhiệt. Trước ngày Hạ Chí là Bệnh Ôn, sau ngày Hạ Chí là Bệnh Thử. Không lấy chứng hậu của tật bệnh làm phiến chuẩn, mà lại lấy khí hậu thời lệnh làm phiến chuẩn. — Các Y gia hiện đại, phân biệt Chứng Thương Hàn Ôn Bệnh, thì lấy chứng hậu làm chủ ; quyết định không lấy Tiết Lập Xuân, ngày Hạ Chí làm chủ.

Sách Nội Kinh nói : Bệnh chưa đầy ba ngày, thì nên làm Hãn mà thôi ; bệnh đã được ba ngày, thì nên làm Hạ mà thôi. « Vị mãn tam nhật giả khả hãn nhi dĩ, dĩ mãn tam nhật giả khả hạ nhi dĩ — 未滿三日者,可汗而已, 已滿三日者,可下而已。 » Chỉ như, nên dùng thuốc phát tán làm cho ra mồ hôi, hay nên dùng Đại Hoàng, Phát Tiêu, để thông lợi đại tiện, mà cũng lấy ngày giờ thọ bệnh sớm muộn làm chủ, chứ không nơi đến chứng hậu, thì đâu phải là xác luận.

Thuyết Lục Kinh Truyền Biến, thì Sách Nội Kinh chép : Ngày thứ nhất Kinh Cự Dương (Thái Dương) thọ tà, ngày thứ hai Kinh Dương Minh thọ tà v. v... « nhất nhật Cự Dương thọ chi, nhị nhật Dương Minh thọ chi : 一日巨陽受之, 二日陽明受之 » mỗi ngày bệnh truyền một



kinh; thoát vậy mà bệnh ở phần biểu, thoát vậy mà bệnh vào phần lý, thoát vậy mà ớn lạnh, thoát vậy mà phát nóng, « hốt nhi tại biểu, hốt nhi tại lý, hốt nhi hàn, hốt nhi nhiệt — 忽而在表, 忽而在裏, 忽而寒, 忽而熱 ». Bệnh tình mặc dầu có biến chuyển, nhưng nhất định không bao giờ có sự biến hoá lạ lùng như vậy.

Thầy thuốc đời xưa, sơ hốt trên chỗ giám biệt chứng hậu, lầm tin theo thuyết bệnh tà mỗi ngày truyền qua một kinh, chính tự tay họ đào lấy hăm hồ trên con đường bằng phẳng. Trong Sách Thương Hàn Luận sơ dĩ nói : Bệnh ở Kinh Dương Minh, Bệnh ở Kinh Thiếu Âm v.v... có khi chỉ cho bệnh trạng mà nói, cũng có khi chỉ cho ngày giờ thọ bệnh lâu mau mà nói. Cần phải phân biệt xem xét kỹ càng mới tránh khỏi lầm lẫn.

### 9.— Chỗ ngộ hội của người đời sau đối với bệnh thời lịnh

Các Y gia hiện tại, xác nhận Sách Thương Hàn Luận có thể thống trị tất cả các Bệnh Cấp Tính Truyền Nhiễm. Sở dĩ gây ra lý do ngộ hội, là vì lời tựa trong Sách Thương Hàn Luận của ông Trọng Cảnh nói : Dòng họ tôi vốn đông đảo, trước đây có hơn hai trăm người, từ niên hiệu Kiến An đến nay, chưa đầy mười năm, chết mất hết hai phần ba, bảy phần mười chết về Bệnh Thương Hàn (dư tôn tộc tổ đa, hướng dư nhị bách, Kiến An dĩ lai, do vị thập năm, tử vong tam phần chi nhị, Thương Hàn thập cư kỳ thất — 余宗族素多, 向餘二百, 建安以來, 尤未十稔, 死亡三分之二, 傷寒十居其七.) Nhơn

sự thực trên đây, rất đáng nghi là dòng họ của ông Trọng Cảnh mắc phải bệnh truyền nhiễm mà chết.

Sách Thương Hàn Luận lấy sáu kinh để phân biệt chứng hạn, ba Kinh Dương, thì tự thuật những bệnh chứng do thể ôn biến hoá; ba Kinh Âm, thì tự thuật công dụng của các tạng phủ bị biến-hoá, Bệnh Cảm Mạo, thì có kiêm lạnh, hoặc kiêm nóng, sự truyền biến của bệnh tình, đại khái không ngoài phạm vi này. Nếu kéo tất cả các bệnh truyền nhiễm vào trong, thì từ bệnh chứng dĩ chi phương pháp trị liệu, đều không phù hợp. Câu câu chấp bất cứ bệnh nào cũng nằm trong phạm vi sáu kinh, thì e không ăn khớp.

Tôi (soạn giả) cho là: phương pháp chữa trị những bệnh chứng ở sáu kinh của Sách Thương Hàn Luận, chỉ có thể áp dụng chữa trị Bệnh Thời Lịnh, còn những phương pháp chữa trị các bệnh chứng có tính chất truyền nhiễm, thì không thể áp dụng được, vì không đối chứng. Cho nên biên soạn ra Sách Đông Y Truyền Nhiễm Bệnh Học, bổ sung vào chỗ khuyết điểm này, đồng thời giúp cho kẻ hậu học rộng đường thấy biết.

### 10.— Bệnh Tân Cảm và bệnh Phục Tà

Luận điệu Thầy thuốc đời xưa, phần nhiều giống nhau: Khi Phong hàn từ ngoài xâm nhập vào thân thể là: Bệnh Tân Cảm; Chứng Ôn nhiệt từ trong xuất hiện ra phần cơ biểu là: Phục Tà.

Song cũng có người công kích, cho thuyết Phục Tà

là vọng ngữ, không đủ bằng chứng để kê cứu. — Người thì nói : Bệnh Ôn nhiệt có Phục tà, Bệnh Phong hàn không Phục tà. — Người thì nói : Bệnh Thử thấp có Phục tà. Bệnh Ôn nhiệt không Phục tà... nghị luận lằng xằng, không biết phải nghe theo Ông nào.

Chỗ chủ trương của tôi (soạn giả) xác nhận : Bệnh Thời-Lịch lúc sơ khởi, có triệu chứng *tiền khu* là Phục Tà, không triệu chứng *tiền khu* là Tân Cảm. (giải ở thiên đầu, chương hai về Bệnh Lý)

Bởi vì, bệnh Phục Tà là do cảm nhiễm khí hậu phức tạp gây ra, *bệnh phong, bệnh hàn, bệnh ôn, bệnh nhiệt, bệnh thử, bệnh thấp* các bệnh, đều có Phục Tà. bất tất hạn định trong hai loại bệnh : Ôn Nhiệt hay Thử Thấp. Những bệnh chứng thuộc Cảm-Mạo tính của bốn mùa, đều có khu biệt : *tân cảm hay phục tà*, (1) cũng bất tất hạn định theo cổ thuyết : Mùa Đông cảm thương khí hàn, mùa Xuân tất phát Bệnh Ôn. (Đông thương ư hàn, xuân tất ôn bệnh — 冬傷於寒，春必溫病).

Về ngày giờ tiềm phục của bệnh tà thì ; phục tà tiềm phục đại ước trong năm bảy ngày dĩ chí mười, mười lăm ngày, thì phát bệnh. Không bao giờ thấy bệnh tà tiềm phục lâu đến cả ba tháng mới phát bệnh. (2)

(1) Nguyên lý Phục tà, và phân biệt Phục tà ở phần khí hay phần huyết, giải thấy ở Thiên đầu, chương hai, về Bệnh Lý.

(2) Theo siển kiến của dịch giả, thì câu : không bao giờ thấy Phục tà tiềm phục lâu đến cả ba tháng mới phát bệnh, cần phải khảo cứu cần thận lại.

### 11.— Kết luận

Tôi chủ trương nghiên cứu Bệnh Thời Lịnh, đồng thời xác nhận Bệnh Thời Lịnh, với Bệnh Thương Hàn Ôn Bệnh, là loại bệnh chứng đồng một tính chất, chỉ có đơn thuần *thương hàn cảm mạo*, hay kiêm có chứng *phục nhiệt* là sai biệt nhau mà thôi. Thế thì không còn ngõ ngách nào để tranh chấp nhau giữa hai bệnh Thương Hàn và Ôn Bệnh nữa. Ấy là điểm thứ nhất.

Bệnh tình truyền biến ở thời kỳ sơ khởi, và thời kỳ giữa, thì hình chứng không ngoài phạm vi của ba *kinh dương*; thời kỳ sau chót, thì xen có chứng hậu của ba *kinh âm*. Bệnh Thương Hàn và Ôn Bệnh, thì không có bệnh nào là chẳng như thế, ấy là điểm thứ hai.

Bệnh Ôn, cũng là loại bệnh chứng thuộc về cảm mạo tính, nhưng kiêm có chứng *phục nhiệt* ở trong mà thôi. như: phát hiện bệnh trạng của phế hệ, thì nhận cho là Phế Hệ Ôn Bệnh; phát hiện bệnh trạng của Vị Hệ, thì nhận cho là Vị Hệ Ôn Bệnh. Căn cứ trên sự trái qua của chứng hậu mà suy luận, thì thời kỳ sơ phát, phần nhiều phát hiện bệnh trạng của Phế Hệ; thời kỳ sơ phát, mà thất trị hoặc ngộ trị, mới phát hiện bệnh trạng của Vị Hệ. Đây cũng là lý do gây ra tranh chấp: kẻ nói Ôn Bệnh thuộc Phế, người nói Ôn Bệnh thuộc Vị. Nhưng căn cứ trên sự diễn tiến của bệnh, cơ, thì bất quá phân biệt cho thấy sự phát hiện có trước, có sau của bệnh chứng mà thôi, ấy là điểm thứ ba.

Thầy thuốc xưa nhận cho Bệnh Thương Hàn là *tâm cảm*, Bệnh Ôn Nhiệt có *phục tà*. Có người lại nghĩ: Bệnh Ôn có *phục tà*, mà cũng kiêm có *tâm cảm*. Theo chỗ nhận xét của tôi, thì *tâm cảm* hay *phục tà*, cũng đều cảm thọ sáu khí của bốn mùa, hà tất phải giới hạn trong hai loại bệnh: Thương Hàn và Ôn Bệnh, ấy là điểm thứ tư.

Đứng trên cương vị y học, chỗ chủ trương của tôi như trên, đâu dám tự phụ là hoàn mỹ. Bởi lẽ sự học vấn không bờ-bến, tùy theo thời đại và tuổi tác mà suy tiến, và sự phải, chẳng của học thuyết, cũng tùy theo hoàn cảnh của học giả mà thay đổi. Cho là phải thì phải, cho là quấy thì quấy, cứu cánh còn chờ sự phê phán của người đời, biết công tôi, bắt tội tôi, là việc không đáng kể (1).

---

(1) Chữ tôi trong bài này, là chỉ cho soạn giả.

## LƯỢC XEM ĐẠI Ý CHƯ GIA ĐỐI VỚI BỆNH THỜI LỊNH

Sách Nội Kinh, Thiên Nhiệt Luận chép : các Bệnh Nhiệt đều thuộc loại Thương Hàn (nhiệt bệnh giai Thương Hàn chi loại — 熱病皆傷寒之類). Luận về bệnh tình, mỗi đầu có phân tách Bệnh Thương Hàn với Bệnh Nhiệt ; nhưng nguồn gốc thọ bệnh, và lý do phát bệnh, đều là một loại bệnh chứng thuộc về cảm mạo tính, không mấy sai biệt, lời nói của Thầy Thuốc xưa, người sau nên học hỏi theo.

Sách Nạn Kinh nói : Bệnh Thương Hàn có năm : Chứng Trúng phong, Chứng Thấp Ôn, Bệnh Ôn, Bệnh Nhiệt các bệnh, đều bao quát trong môn Thương Hàn. Đời sau có tên Quảng Nghĩa. Thương Hàn, là bắt nguồn từ Sách Nạn Kinh.

Sách Sử Ký biên Ông Trương Công (Thuần Du Ý) dùng Thang Hóa Tề trị Bệnh Nhiệt. — Ông Châu Đạm Nhiên soạn Sách Ôn Chứng Chỉ Qai giải rằng : Thang Hóa Tề là biệt danh của Thang Tam Hoàng. Thế thì phương pháp chữa trị Bệnh Ôn nên dùng thuốc mát, không nên dùng thuốc nóng ; chủ trị ở phần lý, không chủ trị ở phần biểu, trước đời Ông Trương Trọng Cảnh đã có thành pháp rồi.

Qua đời Ông Trương Trọng Cảnh, trước tác Sách Thương Hàn Luận, thì được khu biệt rõ ràng hơn : Phát nóng mà khát nước, không ứ lạnh, rằng : Bệnh Ôn. Dùng thuốc

phát hàn xong, mình nóng hơn rãng : Chứng Phong Ôn (phát nhiệt nhi khát, bất ố hàn giả viết Ôn Bình ; phát hàn dĩ (1), thân chước nhiệt giả viết Phong Ôn. — 發熱而渴, 不惡寒者曰溫病, 發汗已, 身均熱者曰風溫). Chẳng những không để cho Bệnh Thương Hàn với Bệnh Ôn lẫn lộn nhau, mà Bệnh Ôn và Chứng Phong Ôn cũng cần phải phân biệt.

Ông Ca Vận Bá giải thích : Lạnh lui, mà nóng lui theo, là : triệu chứng Bệnh Thương Hàn sắp khỏi ; lạnh lui, mà nóng rùng rục, là : triệu chứng Bệnh Ôn xuất hiện. Như cho uống Thang Quế Chi, sau khi mồ hôi ra nhiều, bứt rứt khát nước dữ dội, bệnh không khỏi, mạch đi Hồng Đại, tức là Bệnh Ôn Nhiệt tràn ngập. Nên cho uống loại Thang Bạch Hồ gia Nhân Sâm (Ca Vận Bá trích văn : Hàn khứ nhi nhiệt bãi, tức Thương Hàn dục giải chứng ; hàn khứ nhi nhiệt xí, tức Ôn Bình phát hiện chứng. Như phục Quế Chi Thang, đại hàn xuất hậu, đại phiền khát bất giải, mạch Hồng Đại giả, tức thị Ôn Nhiệt xướng khuết, nghi dụng Bạch Hồ gia Nhân Sâm Thang chi loại — 寒去而熱罷, 即傷寒欲解證, 寒去而熱熾, 即溫病發熱症。如服桂枝湯, 大汗出後, 大煩渴不解, 脈洪大者, 即是溫熱猖獗, 宜用白虎加人參湯之類). Đây là mở đầu cho phương pháp chữa trị Bệnh Ôn Nhiệt vậy.

Phương pháp chữa trị Bệnh Ôn của Sách Thiên Kim, phần nhiều hòa hợp với Bệnh Âm Dương Độc mà lập luận.

Sách Ngoại Đài luận về Bệnh Ôn, phần nhiều kèm luận Bệnh Ôn Độc. Phương pháp chữa trị chứng ôn độc

(1) Chữ PHÁT HẠN DĨ, nghi là chữ TỰ HẠN XUẤT, mà viết lầm.

phát ban, thì cho là : Bệnh Ban Đỏ, năm bệnh chết, chỉ có một bệnh sống ; Bệnh Ban Đen, mười bệnh chết, chỉ có một bệnh sống (tích ban giả, ngũ tử nhất sanh ; Hắc, ban giả, thập tử nhất sanh — 赤癩者五死一生, 黑癩者十死一生.) thực là lời nói có kinh nghiệm rất độc đáo.

Ông Châu Hoảng trước tác Sách loại chứng hoạt nhưn thơ nói : Ý nghĩa của hai chữ ôn nhiệt, khác nhau ở chỗ nóng nhiều hay nóng ít. (ôn nhiệt nhị nghĩa, vi nhiệt chi đa thiểu nhi dị — 溫熱二義, 為熱之多少而異). Thế thì thấy rõ, Bệnh Ôn Nhiệt với Bệnh Thương Hàn không giống nhau. Cho nên nói : dùng hai phương (Ma Hoàng Thang, Quế Chi Thang) ở trong mùa Xuân, mùa Hạ, tất phải gia giảm. Chứng Thấp Ôn dùng Thang Thương Truật Bạch Hồ là phép Thanh Nhiệt Táo Thấp, lúc nào cũng trọng dụng. Duy dược phẩm bên trong không nên cầu chấp.

Ông Lưu Hà Gian luận về Chứng Biểu Nhiệt, và Lý Nhiệt, thì chọn dùng Thang Lương Cách, Tân Thiên Thủy, Thang Song Giải, Tân Phòng Phong Thông Thánh, các phương, cho là hiệu nghiệm độc đáo. Các danh gia đời sau, chuyên trị về Bệnh Ôn phần nhiều bảo thủ theo lời di giáo của Ông. Ông nêu hai chữ Thương Hàn lên bìa sách, là tuân theo lời cổ chí vậy. Nhưng rất tiếc, các phép Sơ Tả Hóa Nhiệt, không có gần đúng theo chỗ biến hóa của bệnh tình.

Ông Trương Tử Hòa là người theo Đạo Nho, thờ cha mẹ chí hiếu, biên về phương pháp chữa trị Bệnh Ôn : Bệnh nhưn ra mát, thì cho thuốc mát, dùng thuốc tân lương hòa giải ; bệnh nhưn ra ấm, thì cho thuốc ấm, dùng



thuốc tân ôn hòa giải. (bệnh nhưn hỷ lương tắc tông kỳ lương, dụng tân lương giải chi; hỷ ôn tắc tông kỳ ôn, dụng tân ôn giải chi — 病人喜凉則從其凉, 用辛凉解之; 喜温則從其温, 用辛温解之). Ông Trương tử Hòa suy trọng phương pháp *Tân Lương Thanh Giải* của Ông Lưu Hà Gian cho là rất thích dụng. Thấy rõ cách trị bệnh Ôn, không giống trị Bệnh Thương Hàn.

Ông Lý Đông Viên nói: Nguyên nhân sanh ra Bệnh Ôn, là do lao lực phí sức trong chốn buồng kín; với người lao động cực khổ, phần tấu lý bị hở hang, khi Thiếu âm không bế tàng, Thận thủy khô kiệt nư đặc bệnh (Lý Đông Viên Vị: Ôn bệnh phát sanh, cái nhân phòng thất lao thương, dữ tân khổ chi nhưn, tấu lý khai tiết, thiếu âm bất tàng, thận thủy khô kiệt nhi đặc chi 李東垣謂 温病發生, 蓋因房室滂傷, 與辛苦之人 腠理開泄, 少不藏, 腎水涸竭而得之。) Thế thì, được biết: bên trong thì do thể chất âm hư, bên ngoài thì phần tấu lý hở hang mà bị cảm mạo, do sự hỗn hợp của hai loại bệnh chứng này, mà phát ra Ôn Bệnh. Lời luận này, với chỗ thấy của y gia hiện tại, có nhiều chỗ phù hợp.

Ông Vương An Đạo trong tập *Tố Hồi* nói: Bệnh Ôn không được lẫn lộn với Bệnh Thương Hàn, là vì có phục nhiệt ở trong. Mặc dầu bên ngoài thấy biểu chứng, mà bên trong lý chứng khá nhiều, cần phải chữa trị lý nhiệt làm chủ, tá lấy thuốc thanh lương phần biểu. Cũng có, nóng ở phần lý được mát, thì phần biểu tự mát theo. (Vương An Đạo 在 *Tố Hồi Tập* Trung vị: Ôn bệnh bất đặc hỗn xưng Thương Hàn, nhưn phục nhiệt tại nội, tuy kiến biểu chứng, duy dĩ lý chứng vi đa, đương trị lý vi chủ, tá dĩ thanh

## THỜI LINH BỊNH HỌC

biểu chí pháp. Diệc hữu lý nhiệt thanh, nhi biểu tự giải giả — 王安道於溯洄集中，謂濕病不得混稱傷寒，因伏熱在內，雖見表證，惟以裏證為多，當治裏熱為主，佐以清表之法，亦有裏熱清而表自解者。

Bài này Luận về bệnh tình Phục Ôn, rất xác đáng và rõ ràng.

\* \*

Nhà Minh Ông Lý Đĩnh (1) trước tác Sách Y Học Nhập Môn nói: Bệnh Ôn Nhiệt không ôn lạnh, thì đầu phải bệnh từ ngoài đến, khát nước là trạng chứng nóng từ phần lý thông ra phần biểu, vì cơ nóng uất ở tấn lý, tất dịch không được bài tiết ra ngoài. Cứu cánh là bệnh ở phần lý nhiều, phần biểu ít, cần trị bệnh nóng ở trong làm chủ yếu, mà thuốc giải cơ là thứ yếu. (Minh Lý Đĩnh Y Học Nhập Môn VI: Ôn nhiệt bất ở hàn, tắc bệnh phi ngoại lai, khát tắc tự lý đạt biểu, nhiệt uất tấn lý, bất đắc ngoại tiết chi cơ, chung thị lý đa biểu thiểu, đương trị lý nhiệt vi chủ, nhi giải cơ thứ chi — 明李挺醫學入門謂: 溫熱不惡寒, 則病非外來, 渴則自裏透表, 熱熱脹理, 不得外泄之故, 終是裏多表少, 當治裏熱為主, 而解肌次之。

Bài này tựa hồ chuyên chỉ về bệnh phục nhiệt ở trong mà Bệnh Tân Cảm thì không hề đề cập tới.

---

(1) nguyên văn viết Lý Đĩnh (李挺) Trung Quốc Y Học Đại Từ Điển thì viết Lý Xiên 李樞 nên cũng biên ra đây cho tiện việc khảo cứu.

Ông Trương Cảnh Nhạc nói : nguyên nhân sanh ra Bệnh Ôn và Bệnh Thử, là do chất độc lạnh lẽo (hàn độc) của mùa Đông trốn nấp trong người. Cho nên đến mùa Xuân thì phát sanh Bệnh Ôn, mùa Hạ thì phát sanh Bệnh Thử. Lại nói : hai bệnh này, tuy không giống như Chứng Thương Hàn, song cũng nhen theo thời mà đặt tên (Xuân Ôn Hạ Thử), không phải mỗi bệnh lúc sơ khởi đều phát nóng vậy. (Trương Cảnh Nhạc vị : Ôn Bệnh, Thử Bệnh chi tác, bản do Đông thời hàn độc nội tàng. Cổ chí Xuân phát vi Ôn Bệnh, chí Hạ phát vi Thử Bệnh. Hựu vân : Tuy dữ hàn chứng bất đồng, nhiên diệp nhân thời nhi danh, phi vị khởi bệnh tất giai nhiệt giả. (張景岳謂 : 溫病暑病之作, 本由冬時寒毒內藏, 故至春發為溫病, 至夏發為暑病。故云, 雖與寒證不同, 然亦因時而名, 非謂起病必皆溫也)

..

Cứ theo Bài Lệ Thương Hàn của Ông Vương Thúc Hòa nói : Mùa Xuân cảm thọ khí hàn, đến Mùa Xuân biến sanh Bệnh Ôn, đến Mùa Hạ biến sanh Bệnh Thử, biết chắc rằng, hai bệnh này không giống với chứng Thương Hàn. (Y cứ Vương Thúc Hòa Thương Hàn Lệ, vị : Đông thời thọ hàn, chí Xuân biến vi Ôn Bệnh, chí Hạ biến vi Thử Bệnh, ký tri dữ hàn chứng bất đồng — (伊據王叔和傷寒例, 謂冬時受寒, 至春發為溫病, 至夏變為暑病, 既知與寒證不同。) Ông lại nói : Lúc bệnh sơ khởi, vị tất bệnh nào cũng phát nóng. (Hựu vân : Khởi bệnh vị tất giai nhiệt — 又云 : 起病未必皆熱.)

Những người ngờ ngẩn trước ngã rẽ, có thể nhận thấy rõ ràng : Chỗ nhận thức của các Y gia đời trước,

đối với Chứng *Thương Hàn Ôn Bệnh* vẫn tương đương nhau. Ông Cảnh Nhạc như trên chỗ sao lục mà suy trắc, rồi vọng ngôn theo, cũng là một nhà nghiên cứu Y Học, mà chẳng cần đếm xỉa trên sự thực:

..

Sách *Thương Hàn Điều Biện* của phái *Phượng Trung Hành*, luận về *Bệnh Ôn Nhiệt*, thì phân biệt *Âm, Dương*: phương pháp chữa trị, thì kiêm cả lạnh nóng, là bắt chước theo Ông *Dụ Gia-Ngôn*, Cho nên ở sau *Thiên Thượng Luận*, trong bài *Ôn Bệnh Hội-Giảng* lấy câu: *Mùa Đông cảm thương khí hàn, mùa Xuân tất phát Bệnh Ôn* (Đông thương ư hàn, xuân tất ouch bệnh — 冬傷於寒, 春必溫病.) làm một lệ. Lấy câu: *Mùa Đông chẳng bế tàng tinh khí, mùa Xuân tất phát Bệnh Ôn* (Đông bất tàng tinh, xuân tất Ôn Bệnh — 冬不藏精, 春必溫病) làm một lệ. Và lấy câu: *Mùa Đông cảm thương khí hàn, lại chẳng bế tàng tinh khí, đến mùa Xuân tất phát Bệnh Ôn* (Đông thương ư hàn, hựu bất tàng tinh, chí Xuân phát vì Ôn Bệnh — 冬傷於寒, 又不藏精, 至春發為溫病。) lại làm một lệ. Lối hành văn mang nặng tính chất tập quán, trên phương pháp trị liệu, và bệnh tình diễn biến, nói qua rất sơ lược. Duy chú trọng ở điểm: *Mùa Đông chẳng bế tàng tinh khí, khí chân âm bị vì nhiệt tà sắc nấu khô cạn.* Ôm theo gốc *Tư Âm Liệu Pháp* của Ông *Diệp Thiên Sĩ* vậy.

Ông *Trương Lộ Ngọc* nói: *Bệnh Thương Hàn* từ phần khí truyền vào phần huyết, *bệnh Ôn Nhiệt* từ phần huyết phát ra phần khí. (*Trương Lộ Ngọc* thị, vi: *Thương Hàn* tự khí

phần truyền nhập huyết phần, Ôn nhiệt tự huyết phần phát xuất khí phần — 張路玉氏, 謂: 傷寒自氣分傳入血分, 濕熱自血分發出氣分). Đồng thời Ông nói rõ thêm: Chứng Phục Tà tử trong thông ra ngoài, rất kỵ dùng thuốc mùi cay, tính ấm và phát tán. (Phục tà tử nội đạt ngoại, tối kỵ tán ôn phát tán — 伏邪自內達外, 最忌辛溫最發散). Thực là lời luận chữa trị chứng Phục Ôn rất chí lý.

\*\*

Ông Châu Dương Tuấn, nêu rõ Thang Hoàng Cầm, cho là phương thuốc chủ trị về Bệnh ôn sơ phát, thời kỳ trung phát cũng có thể dùng được. Cho nên nói: Khi lạnh ần nấp ở trong, uất ngột lâu, ngày sanh nóng. (Châu Dương Tuấn thị, biểu chương Hoàng Cầm Thang, vị vi trị ôn sơ phát chủ phương, trung kỳ diệt hữu khả dụng giải. Sở Văn: Hàn phục ư nội, uất cửu hóa nhiệt — 周揚俊氏表彰黃芩湯, 謂為治溫初發主方中期亦有可用者, 所云: 寒伏於內, 鬱久化熱). Ông luận Tề bệnh tịnh chứng Phục Ôn, cũng chưa phải là tuyệt đối.

Ông Liễu Bửu Di trong bài Ôn Nhiệt Phùng Nguyên nói: Hình chứng sáu kinh, thì Bệnh Thương Hàn không sai biệt với Bệnh Ôn. (Liễu Bửu Di thị, ư Ôn Nhiệt Phùng Nguyên trung, vị: Lục Kinh hình chứng, Thương hàn dư ôn bệnh bất thù — 柳寶詒氏, 於溫熱逢源中, 謂: 六經形證, 傷寒與溫病不殊). lời nói này, đúng với chỗ thấy Đạo. — Ông lại nói: Có loại Bệnh Ôn cảm mạo theo thời tiết, có loại Bệnh Ôn ần nấp trong phần khí phát viết ra ngoài. (Hữu tùy thời cảm mạo chi Ôn tà, hữu

phục khí ngoại phát chi Ôn tà — 有隨時感受之溫邪，有伏氣外發之溫邪)。Phân biệt Chứng Táo Cầm và bệnh Phục Tà, có nhiều chỗ rất tinh đáo.— Bình phẩm về bài Ôn Dịch Luận thì nói: Theo ông Ngô Hựu Khả sắp đặt phương pháp trị liệu: Trị bệnh ở phần biểu, thì phần nhiều dùng thuốc nóng ráo, khô khan âm huyết với Bệnh Ôn Nhiệt phục ở phần khí, là bệnh từ trước đã làm thương tổn âm huyết, mà dùng thuốc ôn táo như thế, thì không thích hợp lắm. Còn luận về phép trị lý chứng, thì đều phù hợp với Bệnh Phục Ôn, phần nhiều nên học hỏi theo (Hựu Khả Sở liệt trị pháp, biểu chứng đa dùng ôn táo cướp âm chi tễ, dữ phục khí ôn nhiệt, tiên thương âm phần chi bệnh, bất thậm tương nghi. Sở luận lý chứng bất thiên vân vân — 又可所列治法, 表症多用溫燥劫陰之劑, 與伏氣溫熱先傷陽分之病, 不甚相宜。所論裏症治法, 都與伏溫相合可以取法不少云云)。

Nhưng lời luận của ông Ngô Hựu Khả, phần nhiều căn cứ trên chỗ kinh nghiệm mà lập ngôn, những bệnh chứng thanh bành ở thời ấy, có một loại bệnh mà chứng hậu giống hệt như Chứng Phục Ôn. Ông Liễu chuyên chuyên luận về Bệnh Phục Ôn, cho nên xem nhất thiết lời luận về Bệnh Ôn Dịch của Ông Ngô, đều là Phục Ôn. Đó là vì duyên cớ chủ quan bất đồng vậy.

Ông Lục Cửu Chi nói: Ở Kinh Thái Dương là Bệnh Thương Hàn, ở Kinh Dương Minh là Bệnh Ôn Nhiệt, tự xưng chỗ biết của Ông như thế là độc đặc chân truyền. Như vì bệnh ở Kinh Dương Minh với Bệnh Ôn, cũng đều là thân thể nóng rực, tự ra mồ hôi, không ớn lạnh,

lòng bứt rứt, khát nước, hình chứng giống hệt như nhau. Song đề cương của Bệnh ở Kinh Dương Minh, thì chú trọng trên ba chữ : nhà Phủ Vị Thực (vị gia thực — 胃家實), nên dùng thuốc thông lợi đại tiện chủ trị.

Còn phương pháp chữa trị Bệnh Ôn, thì chú trọng dùng thuốc : tân lương giải biểu, và thanh thấu chứng Phục Nhiệt ở trong ; Chỉ ư phương pháp thông lợi đại tiện, thì không thể dùng bừa bãi. Thế thì lấy danh nghĩa của Bệnh Ôn, khả dĩ khái quát bệnh chứng ở Kinh Dương Minh ; câu chấp chứng hậu của bệnh ở Kinh Dương Minh, không thể cai quát được Bệnh Ôn.

Ông Trọng Cảnh nói : Bệnh ở Kinh Thái Dương, phát nóng mà khát nước, chẳng ớn lạnh, là Bệnh Ôn. (Trọng Cảnh vân : Thái Dương Bệnh phát nhiệt nhi khát, bất ố hàn giả, vi ôn bệnh — 仲景云 : 太陽病發熱而渴不惡寒者, 為溫病.) Thế thì Thiên Thái Dương cũng có Bệnh Ôn, không thể nói : Bệnh Ôn chỉ thuộc Kinh Dương Minh mà thôi vậy. Vả lại, phục tà từ trong bỏ tán ra ngoài, thì sáu kinh, bất cứ kinh nào, cũng có thể phát sanh Bệnh Ôn được, sao lại hạn định có một Kinh Dương Minh.

## PHỤ THÊM LỜI PHÊ BÌNH : MÔN PHÁI ÔNG DIỆP THIÊN SĨ ĐÀM LUẬN BỊNH ÔN

Đời gần đây, luận về Bệnh Ôn Nhiệt, phần đông y Gia nhìn nhận phương pháp *Khinh Thanh Tuyên Đạt* do ông Diệp Thiên Sĩ xướng luận, là có công phát minh rất lớn. Đối với lập phương, mặc dầu có nhiều phương đáng được chọn dùng ; nhưng đối với lập luận sai lầm, thì lẽ nào lại hủ ký mà không dám nói thẳng, Bài này nói lên đại ý lập luận về Bệnh Lý Ôn Nhiệt của bốn y gia :

Ông Diệp Thiên Sĩ

Ông Ngô Cúc Thông

Ông Vương Mạnh Anh

Ông Lôi Thiệu Vật, và phân biệt bài nào của ông nào, đồng thời kèm theo những lời bình án, mong giúp kẻ hậu học phần nào đối với vấn đề nghiên cứu Bệnh Ôn Nhiệt.

Chủ trương của Ông Diệp Thiên Sĩ, luận về Bệnh Ôn Nhiệt, thấy ở Thiên Ôn Nhiệt Luận và Sách Lâm Sang Chỉ Nam Y Án, cho là : Bệnh Ôn với Bệnh Thương Hàn riêng đường khác ngõ. Người tin theo thì tôn Ông là nhà phát minh quyết khởi ở Đồi Thanh ; người hủ báng thì cho ông là ly kinh phản đạo.

Ông Diệp nói Bệnh Ôn ở Phủ Tam Tiên, với Bệnh Thương



Hàn ở sáu kinh, không giống nhau. (Ôn Bệnh tại tam tiêu, dữ Thương Hàn chi tại lục kinh bất đồng — 溫病在三焦, 與傷寒之在六經不同). Tôi đã chứng minh sự sai lầm này (thấy ở Thiên Thời Linh Bệnh, thiên đầu, chương hai).

Chỗ rất dễ bị miệng người công kích hơn hết là câu : Bệnh độc Ôn Nhiệt cảm thọ ở phần thượng tiêu, trước nhất xâm phạm vào phổi. (Ôn tà thượng thọ, thủ tiên phạm phế — 溫邪上受, 首先在肺). Đoạn này, tôi đã giải thích gọn lại trong các Thang Ma Hoàng, Ma Hoàng Nhị Việt Tỳ Nhứt, và Thang Ma Hạnh Cam Thạch. (thấy ở Thiên Thời Linh Bệnh, thiên đầu, chương hai.)

Chi tr vấn đề : Nghịch truyền Tâm bào, thực là phức tạp. Nếu bệnh chứng tâm thương, trong đôi ba ngày thì khỏi, thì tuyệt nhiên không bao giờ có việc *Bệnh Độc Truyền Vào Tâm Bào Lạc* (nghịch truyền tâm bào — 逆傳心胞) biến chứng nghiêm trọng. Giả như có biến chứng nghiêm trọng thế ấy, không phải tại nhận chứng chẳng rõ ràng, thì cũng do dùng thuốc sai lầm gây ra. Nay đem chứng hậu biến hóa như thế nào gọi là : Bệnh độc Truyền vào Tâm Bào giải thích như sau :

Cứ theo nhà Sinh Lý Học nói : Tâm bào là màng mỡ hệ tâm, bao bọc bên ngoài tạng tâm, sở dĩ dễ bảo vệ Tạng Tâm khỏi bị ma sát. Trong lúc Chứng phát nóng quá cao, thì trong lòng phát sanh nóng này bứt rứt. Đó chính là màng mỡ hệ tâm, bị nhiệt tà nung nấu, mà có thể biến chứng phát viêm (Tức là loại bệnh chứng mà Sách Thương Hàn Luận dùng Thang Chi Tử Sĩ) thì mới phù hợp với bệnh danh gọi là : *Tà nhập tâm bào*.

Chỉ ư chứng hậu, tinh thần hôn loạn, nói xàm; tra cứu trên thực tế, thì do nhiệt tà xông đốt lên bộ óc, khiến cho thần kinh tri giác bị chướng ngại (nếu dùng Hoàn Ngưu Hoàng, Đơn Tử Tuyết).

— Cũng có do trường vị bị ngăn nghẹt, nhiệt độc phản xạ lên óc, biến chứng mê sảng nói xàm. (Ông Lục Cửu Chi dùng Thang Tiên Thừa Khí chủ trị).

— Cũng có trường hợp bị trúng độc, độc tố kích thích lên bộ óc, mà biến chứng mê man nói xàm (nên dùng phương pháp xung hòa độc tố).

— Cũng có do nhiệt tà nhen nhúm ở bên trong, khiến cho huyết dịch ngừng kết, mà biến chứng cuồng loạn nói xàm (xưa gọi là chứng *Nhiệt nhập huyết thất*, nên dùng phép lương huyết, hoạt huyết).

Mỗi chứng hậu, có mỗi phép trị sai biệt nhau. Thế mà Ông Diệp chỉ dùng có Hoàn Ngưu Hoàng, và Đơn Tử Tuyết chữa trị cho tất cả; đặt lên cho bệnh đã chẳng xác đáng, mà nhận chứng cũng khá hàm hồ, là một sự sai.

Dùng thuốc phát hàn quá ư nhút nhát, dấu gặp phải chứng rất cần dùng thuốc phát hàn, phần nhiều lại dùng thuốc nhẹ nhàng tắc trách, khiến cho bệnh thể ngày càng vào sâu, sức khỏe ngày càng suy nhược, là hai sự sai.

Dùng thuốc thông hạ không đủ sức, gặp chứng đáng dùng thuốc hạ, tất phải thông hạ. Dấu bệnh nhân thể chất hư nhược, cũng có thể dùng Nhân Sâm chung với thuốc hạ, xen thuốc cường tâm ích khí vào trong, thì sau khi

uống thuốc hạ, mà sức ấm áp của tạng Tâm, và hơi tạng Phổi không bị suy nhược, mới là thiện pháp. Ông Diệp không biết đến kế này, cứu cánh chỉ dùng Huyền Sâm, Sanh Địa, Hải Sâm... tạt loạn vào trong thuốc thông hạ, gọi là tư dưỡng chân âm, mà sự thực làm cho chứng ngại bộ tiêu hóa, là ba sự sai.

Dùng thuốc tư âm quá sớm. Bệnh Ôn, là loại bệnh có phục nhiệt ở trong, chất tân dịch cố nhiên bị hao hụt. Thế mà trước tiên không nghĩ đến *Thanh nhiệt*, lại vội dùng phương pháp *Tư âm*, thực là hết sức vô ích, là bốn sự sai. Những nhà chữa trị Bệnh Ôn sau sau này, khảo chứng qua lời biện thuyết của tôi, không đến đổi lại phải sa lầy theo dấu xe của tiền nhân.

*Phụ án*: Đời gần đây, người thì nói: lời lập luận của ông Diệp Thiên Sĩ, xác nhận *Tạng phổi liên hệ với bệnh ôn* (Phế hệ ôn bệnh — 肺系温病) là phải. Kể lại cho lời lập luận của ông Lục Cửu Chí nói: *Phủ vị liên với bệnh ôn* (Vị hệ ôn bệnh — 胃系温病) là đúng. Nhưng thiết nghĩ, không phải như thế.

Ông Diệp thì ăn cắp phép trị Bệnh Ôn ở Thiên Thái Dương, dối dá nói là: phổi liên hệ với Bệnh Ôn; muốn được người đời xem lời luận về bệnh Ôn Nhiệt của ông, ngang chời với lời luận về bệnh Thương Hàn của ông Trọng Cảnh.

Ông Lục thì cố chấp phép trị bệnh Ôn ở Kinh Dương Minh, rồi muốn đá đảo tất cả, để dựng lên thuyết của mình. Sự thực hai ông đều bị bản ngã che lấp. Cho nên những người trúng độc của ông Diệp, thì ngộ nhận bệnh

Ôn ở Tam Tiêu, với bịnh Thương Hàn truyền biến sáu kinh không giống nhau. Trúng độc của ông Lục, thì ngộ nhận, chỉ có Kinh Dương Minh mới có Bịnh Ôn, các kinh khác đều không Bịnh Ôn. Thuyết của ông Diệp vốn sai, mà thuyết của ông Lục vị tất là phải.

Sách Ôn Bịnh Điều Biện của ông Ngô Cúc Thông, trộm theo ý Sách Lâm Chứng Chỉ Nam Y Ẩn của ông Diệp, rân gượng phân tách giữa Tam Tiêu và sáu kinh, là một sự sai. (thấy Thiên Thời Lịnh Bịnh, thiên đầu, chương bai).

Nói bịnh Cảm Mạo lúc sơ khởi, bất cứ bịnh nào khởi thủy đều do Phủ Thượng Tiêu Kinh Thủ Thái Âm, là sự sai. (thấy Thiên Thời Lịnh Bịnh, thiên đầu, chương bai).

Mở một chương đầu nói: Bịnh Ôn bao quát chín loại bịnh không giống nhau, căn định đều ở Thượng Tiêu; rồi lập một phép để thông trị tất cả, không khởi thảo suất, là ba sự lầm.

Sách Thương Hàn Luận của ông Trọng Cảnh có nói: Uống Thang Quế Chi, sau khi ra mồ hôi, bịnh nhưn cả bứt rứt mà lại khát nước, nhưng bịnh không khởi, mạch đi Hồng Đại, thì cho uống Thang Bạch Hồ gia Nhon Sâm chủ trị. (Trọng Cảnh Thương Hàn Luận hữu văn: Phục Quế Chi Thang, đại hạn xuất hậu, đại phiền khát bất giải, mạch Hồng Đại giả, Bạch Hồ gia Nhon Sâm thang chủ chi.—仲景傷寒論有云:服桂枝湯,大汗出後,大煩渴不解,脈洪大者,白虎加人參湯主之)。

— Ở vào Đời Hán, phương pháp trị bịnh chưa được đầy đủ, ngộ nhận bịnh Ôn ra bịnh Thương Hàn, sau khi

cho uống Thang Quế Chi, chẳng những bệnh không thuyên giảm, mà lại khát nước phát nóng, tiếp theo cho uống Thang Bạch Hồ để chữa nóng. Ông Ngô là người Đời Thanh, phương pháp chữa trị bệnh ôn đạ khá đã hoàn bị. Nhưng ông lại giẫm lên con đường ngoa mạn của mấy ngàn năm về trước, mà cho là khuôn vàng thước ngọc, là bốn sự lầm.

Ông Ngô Các Thông tự đắc, cho là đã nhảy thoát ra ngoài vòng lẩn quẩn của Sách Thương Hàn Luận, mà vừa mở một phương pháp đầu, thì lại chui vào vòng lẩn quẩn của Sách Thương Hàn Luận, thật là hết sức quái dị. — Ông dùng Thang Tang Diệp Ngân Kiều chữa trị Bệnh Ôn lúc sơ khởi, thì sức thuốc quá nhẹ, tiếp theo dùng Thang Bạch Hồ, thì sức thuốc quá nặng, bắt cặp với thời quá đều không thích nghi. Ông Ngô thúc thủ vô sách trước Bệnh Ôn, không dùng thuốc qua loa tặc trách, thì lại dám ra bừa bãi. Trong Sách Thương Hàn Luận, có nhiều phương trị Bệnh Ôn-Nhiệt rất hay như: Thang *Ma hạnh thạch cam*, Thang *cát căn hoàng cầm*... mà ông Ngô không biết chọn dùng, là năm sự sai.

Chuyên trị Bệnh Tân Cảm, chỉ biết Bệnh Thử Thấp có Phục Tà, mà cho Bệnh Ôn Nhiệt không có Phục tà, thực cũng là việc hết sức lạ. Với các bệnh khác như: Bệnh Hàn Thấp, Tạp Bệnh, và Bệnh Truyền Nhiễm... Ông nhập chung với Bệnh Ôn Nhiệt mà luận trị, đó là do cái tệ nhận xét bệnh tình không được rõ ràng mà ra.

Ông Vương Mạnh Anh trước tác Sách *Ôn nhiệt kinh* vỹ. Ông là người thiên tư tài chất rất cao, nhưng lúc biên soạn sách này, quá ư thủ xảo, mà cũng chẳng dám

đảm đương lấy trách nhiệm ; so sánh với ông Ngô Cúc Thông, chuyên thay thế cho người khác gánh vác trách nhiệm, khác nhau một trời một vực. Trong sách ông toàn là làm thu học thức của chư gia, chẳng có mấy may nào do ông sáng kiến, không phải ngần ngại trước ngã rẽ, thì trong lòng cũng không chủ tể. Luận về Phục tà, ông lại nói là Phục ôn, song cũng không phải chỗ lập luận tuyệt đối. Nếu ôn tà có thể tiềm phục, thì phong tà, hàn tà, thử tà, thấp tà cũng có thể tiềm phục được. Kẻ đọc nên quan sát trên thực tế, sẽ nhận thấy rõ ràng.

Ông Lôi Thiệu Dật trước tác Sách Thời Bình Luận, lấy tám câu của Thiên Âm Dương Ứng Trọng Đại Luận làm Cương, tập hợp sáu khí của bốn mùa làm Mục. Sách này có ba ưu điểm :

1. Không cố chấp thành kiến của Sáu kinh và Tam tiêu.
2. Phương pháp tuy khinh siển mà phần nhiều thích dụng.
3. Phụ biên các thành phương và y án kinh nghiệm, cũng có những phương đáng thể thử, rất tiện cho kẻ sơ học. So sánh với Sách Ôn Bình Điều Biện, và sách Ôn Nhiệt Kinh Vỹ, khá hơn rất nhiều. Nhưng có bốn khuyết điểm như sau :

Những bệnh chứng thuộc về cảm mạo tính, cần phải khu biệt thể nào là Tân Cảm, thể nào là Phục Tà. Ông Lôi thì nói cách lộn xộn, không phân biệt rành rẽ ; chẩn đoán chứng hậu, cũng rất giản lược, là một sự sai.

Phương dược thì, mặc dầu dùng cả cỏ phương, và thời-phương; nhưng chỉ riêng lập *Pháp danh*, mà không biên *Phương danh*, khiến trên ký ức người đọc, không khỏi phát sanh bối rối, là ba sự sai.

Bệnh Thời Lạnh, Bệnh Truyền Nhiễm, và Bệnh Nội Thương Tụ Bệnh, cần phải phân biệt rành rẽ, mà Ông Lôi thì lấy tám câu trong sách Nội Kinh làm đề cương, khiến cho thể lệ trở nên hỗn loạn, không tránh khỏi cái tệ cổ chấp kinh chỉ, là ba sự sai.

Vì quá tin theo xưa, đại phạm những Bệnh Ôn ở trong ngày Mùa Xuân, thì xác nhận là do khí hàn của Mùa Đông tiềm-phục gây ra. Bệnh Tiết Tả, và Lợi Tật, thì cho là do khí phong hình thành. Bệnh Ho Hen thì nói do Thấp tả tiềm phục mà phát tác. Những phương pháp chữa trị chứng Cảm Mạo do thời tiết lạnh lẽo của Mùa Đông gây ra rất ít, lại còn khuyên người thân chủ theo cỏ phương của Sách Thương Hàn Luận, là bốn sự sai. Lấy cặp mắt nghiên cứu y học của hiện đại mà quan sát, thì thấy lý luận với phương pháp, vẫn bổ sung cho nhau rất thiết-yết.

Trên đây, đại khái những lời lập luận về Bệnh *Thương Hàn Ôn Bệnh* của chư gia. Sách này nương theo sự chỉ dẫn của người trước, nhưng không câu nệ theo người trước, những gì đáng cải tiến, cần phải cải tiến. Tham bác sự học vấn, tập trung chỗ kinh nghiệm, trước như biên soạn Sách *Thời Lạnh Bệnh Học*, chính lý sự bối rối của các y gia từ đời này sang đời khác, đối với Bệnh *Thương Hàn Ôn Bệnh*.

Tiếp theo biên soạn Sách *Tinh Truyền Nhiễm Bệnh Học*, để chữa trị các loại bệnh chứng thuộc về *Cấp Tinh Truyền Nhiễm*. Nhưng chân lý của học thuyết, càng nghiên cứu càng tinh tường, chỗ thấy trong một ống, không sao phải chỉ hài lòng, chỉ biết hết lòng mình, hết sức mình mà thôi. Mong được quý chuyên gia, về *Thương Hàn Ôn Bệnh*, sẵn lòng chỉ giáo, thì vinh hạnh xiết bao.



ĐÔNG Y THỜI LINH BÌNH HỌC  
THỜI THỊ Y THU TÙNG SAN

**ĐỊNH LUẬN BỊNH CHỨNG BỐN MÙA  
XÁC NHẬN PHƯƠNG PHÁP TRỊ LIỆU**

THỜI DẠT NHÂN  
*biên trước*

Đông Y Sĩ NGUYỄN ĐỒNG DỊ  
*phiên dịch*

THIÊN ĐÀU

## **Tổng luận Bệnh Thời Lệnh**

CHƯƠNG THỨ NHẤT

### **NGUYÊN NHÂN BỆNH THỜI LỆNH**

Bệnh Thời Lệnh, là tên chung của bệnh chứng Bốn Mùa *Cảm Mạo*, chủng loại bệnh chứng thì phân tách : *Bệnh Xuân Ôn*, *Bệnh Phong Ôn*, *Bệnh Nhiệt*, *Bệnh Thử*, *Bệnh Phục Thử*, *Bệnh Thấp Ôn*, *Bệnh Thu Táo*, *Bệnh Đông Ôn*, *Bệnh Thương Hàn*, tất cả chín loại, mà nguyên nhân thọ bệnh rất là phức tạp. Nay đem chỗ oghiên cứu tìm hiểu, đại khái giải thích như sau :

1) **PHONG**.— Phong, tức là gió, bản thể của tinh gió, là do hai khí nóng với lạnh cở đẳng nhau mà hình thành, tùy theo thời tiết mà thay đổi :

Gió Mùa Xuân thì ôn hòa.

Gió Mùa Hạ thì nóng nực,

Gió Mùa Thu thì Túc Sát (hình dung mùa Thu cỏ cây khô rụng, khí tượng tiêu điều)

Gió Mùa Đông thì lạnh gắt. Bốn thứ gió kích thích ở phần bì phu, cảm thương mà sanh bệnh.— Nhân vì khí hậu lạnh nóng của thời lịnh bất đồng, cho nên tính chất của mỗi bệnh chứng đều sai biệt nhau, trên sự cử động của bản thể.

Các đầu mối thần kinh bị kích thích, khiến cho huyết quản lợi giãn, lỗ chân lông trống hở, ra mồ hôi, mạch đi Hoãn, sợ gió. Bất luận chứng Phong Ôn, Phong Thử, Phong Hàn, Phong Táo các chứng, hề thấy có hiện chứng như thế, đều có thể biết được là Chứng Thương Phong. Đó là chứng phong do ngoại nhân, còn chứng phong do nội nhân là :

Biến thái của bệnh chứng thần kinh, thần kinh quá ư hưng phấn, thì biến chứng Kinh Loạn (痲痺) như loại Kinh Phong, Phong Điên; Thần Kinh quá ư trầm trệ, thì biến chứng Ma Tỷ hoặc bại xui, như loại Trúng Phong, Phong Thấp các chứng.

**2) HÀN.**— Hàn là : do tác dụng không khí quá sức lạnh lẽo áp bức gây ra. Mặc dầu bốn mùa đều có khí lạnh phi thời, nhưng duy có Mùa Đông thì lạnh lẽo quá sức, mà sanh ra bệnh vậy. Khí lạnh khiến cho hào mao trong thân thể con người dựng ngược, phần cơ phu khân trương, lỗ chân lông đóng kín, ôn lạnh, phát nóng mà không ra mồ hôi. Đây là chứng Hàn ngoại nhân, còn chứng Hàn nội nhân là :

Hiện tượng của chứng Bần Huyết. Vì thần kinh bị trầm trệ, máu ở trong ống mạch trời thông chậm

chấp, các huyết quản nhỏ nhất khắp trong thân thể, bị thiếu máu, mà biến chứng ôn lạnh, tục gọi là *Bệnh Hạ Chiến*.— Chứng *Bần Huyết* ở cuộc bộ cũng gọi là *Hàn*, như: *Bệnh Tỳ Han*, *Vị Han*...

**3) Thử.**— Thử là tác dụng phản xạ của bóng mặt trời, trong tiết tháng sáu, tháng bảy, đường quỹ đạo của qua địa cầu vận hành, ly các Nhựt cầu gần hơn các tháng khác, ánh nắng rơi trên mặt đất với một ôn độ rất cao, khí hậu nóng nực, cho nên *Bệnh Thử* ôn thường phát sinh.

Chứng hậu của *Bệnh Thử*: MẠch đi Hư, mình nóng, lòng phiền táo, mặt đỏ, khát nước, tự ra mồ hôi, đó là do ánh nắng của mặt trời phản xạ trực tiếp vào thân thể, mà phát sinh chứng *Cấp Tinh Nảo Xuất Huyết*: đầu xây xẩm, mặt đỏ, mình nóng, tay chân lạnh tới tâm mặt mày té nhào, bất tỉnh nhân sự. (Thầy thuốc Đông gọi là: *Bệnh Trúng Thử*, Thầy thuốc Tây gọi là: *Bệnh Nhựt Xạ*.)

Nhân vì cảm thọ khí hậu viêm nhiệt, ôn độc trong thân thể con người đã cao, mà khí nóng ngoài trời cũng cao, bình thể nhiệt cực, tạng tâm phát khởi cường trực tinh cơ gấp, mình mảy nóng bực, sờ muốn phồng tay, hơi thở gấp rút, con người (đồng tử 瞳子) teo nhỏ, lòng phiền táo, khát nước. (Tây Y gọi là *Chứng Trúng Nhiệt*, ngày mùa Hạ hành quân rất dễ mắc bệnh này.) Đây là nguyên nhân những bệnh thuộc về nhiệt khi lưu hành trong mùa Hạ rất thịnh hành.

**4) Thấp.**— Thấp là tác dụng của nước chưng hơi. Do ánh nắng mặt trời chưng hấp, mà khí ứ đọng trên mặt đất bốc lên, xưa gọi là: *chất độc âm trực* (âm trực

chi tà 陰濁之邪). Lúc mùa hạ nắng gắt, chính là lúc Thấp tà thịnh hành, mùa mưa trời âm u, cũng có nhiều khí Thấp, trong không khí nước chưng hơi quá nhiều. Nhà cửa ở nhằm chỗ ẩm ướt không sạch sẽ (oi trứng thối, mé biển triều sóng), chịu ảnh hưởng của nước chưng ở bên ngoài quá nặng, khiến cho tác dụng bài tiết nước chưng hơi ở trong thân thể con người bị chướng ngại, sanh Bịnh Thấp.

Cường nội thấp phát sanh, thì lấy Bộ Máy Tiêu Hóa làm chủ thể, xưa nói tạng Tỳ thuộc thấp thổ (cổ xưng tỳ vị thấp thổ — 脾為濕土) Tạng Tỳ Bịnh, không tiêu hóa thì chất nước với vật thực bị đình trệ; không hấp thụ, thì tinh hoa với cặn bã không phân biệt, xưa gọi là ty giám (cổ xưng ty giám (1) — 古稱卑監). Không bài tiết, thì cặn bã chất chứa, xưa gọi là đôn phụ (cổ xưng đôn phụ (2) — 古稱敦阜). Không phân phối, thì nước tân dịch ngưng trệ, (như bịnh Cam của trẻ em).

Nguyên nhân cảm thọ Thấp tà, rất phiền toái và tạp nhạp, còn chứng hậu phát hiện ra ngoài thì: bộ đầu mờ mịt như bị che phủ, thân thể nặng nề, gân xương nhức mỏi, tưa lưỡi trắng lóng, mạch động chậm chạp, sinh bụng nặng ngực, đại tiểu tiện không thông thả, hoặc ợa mửa, ỉa chảy các chứng.

(1) Ty Giám là: tên Thổ tuế bất cập, nói Thổ vận trong năm nên nhện nhục giữ mình, không thể châu biến bốn phương vậy. Sách Tố Vấn Thiên Ngũ Thường Đại Luận nói: Thổ viết ty giám (ngó xuống).

(2) Đôn Phụ là: đôn hậu mà bồi cao. Sách Tố Vấn Thiên Ngũ Thường Chánh Đại Luận nói: Hành Thổ rằng Đôn phụ (bồi cao).

**5) Táo.** — Táo là khí khô ráo teo rút, trái với khí Thấp. Người xưa nói: khí Táo thuộc và bực thứ của khí Hàn (táo thuộc thứ hàn.—燥属次寒) điếm bất đồng với khí Hàn, là vì khô ráo quá lẽ. Kinh Dịch câu: theo hỏa hóa (Dịch, tông hỏa hóa 易從火化) sở dĩ nói: Hỏa thì đến với Táo (hỏa tự táo — 火就燥) cũng nhân theo chỗ tương loại của bịnh cơ mà nghiêm cách suy luận. Táo chẳng những bất đồng với Hàn, mà với Nhiệt cũng sai biệt nhau.

Chứng hậu của bịnh Táo: họng nghẹt mà ho, khạc đàm không thông, da thịt khô khào, lưỡi ráo, mạch đ. Sắc. Bịnh Táo phát sanh từ trong, có hai nguyên nhân.

Một lẽ, do phần âm huyết ngưng trệ, biến chứng can táo.

Một lẽ, do phần âm huyết khô cạn, biến chứng can táo, hoặc vì chứng nội nhiệt tràn ngập, phần nước trong người hao hụt, mà biến chứng can táo, đó là chủ thể của bịnh Táo.

Song đàm trọc ngưng đọng, ngực bĩ bụng đầy, tra lưỡi trắng láng, hình mạch Huyền Trệ, cũng có miệng lưỡi khô ráo, hình giống Chứng Táo. Đó là Chứng Can Táo thuộc về chất tân dịch bị ngưng kết. (xét vì sau khí gây ra bịnh chứng đều có nội nhân và ngoại nhân, duy có Bịnh Trùng Thử là hoàn toàn thuộc ngoại nhân mà thôi. Bịnh Táo và bịnh Thấp thì lấy nội nhân làm chủ, không thể không biện biệt. Hoặc nghi nguyên nhân cảm thọ Bịnh Thấp, là do khí hậu và chỗ ở. Bởi vì áp lực của khí thấp ở bên ngoài quá nặng, gây trở ngại cho

tác dụng phóng tán của chất nước xông hơi trong thân thể, mới sanh chứng cảm thọ khí Thấp.)

**6) Hỏa.**— Hỏa tức là Nhiệt vậy. Mặc dầu người xưa dạy : ở trời là *Nhiệt*, ở đất là *Hỏa* (tại thiên vi nhiệt, tại địa vi hỏa — 在天為熱, 在地為火) mà cứu cánh trên thực tế, thì giữa *Hỏa* với *Nhiệt* không phải là hai chứng hâu. Hoặc nghi, bịnh ở phần khí là *Nhiệt*, bịnh ở phần huyết là *Hỏa*. Nhưng các bịnh chứng phát sanh, lúc đầu đều ở phần khí, kế tiếp thì vào phần huyết. Duy có Chứng Thử với Chứng Nhiệt, là nhất định phải có phân biệt : Bịnh Thử là do tác dụng phản xạ của mặt trời (Tây Y gọi là Bịnh Nhựt Xạ.) Bịnh Nhiệt là do ôn độ tăng cao.

Chứng hâu của Bịnh Nhiệt, thì mình nóng phiền táo, khát mà uống nhiều nước, mạch đi Hồng, ra mồ hôi, các chứng. Nếu nóng ở bên trong thân thể, thì phát sanh hiện tượng sung huyết, thần kinh hưng phấn, máu ở trong các động mạch đi nhanh, gọi là chứng nội Nhiệt. Những huyết quản li ti khắp trong thân thể, phát khởi sung huyết, tên chứng Biểu Nhiệt, lại tên là chứng Phát Nhiệt. — Ở cuộc bộ bị sung huyết, thì tên là *Hỏa*, như : *Can Hỏa*, *Vị Hỏa* các chứng.

## CHƯƠNG THỨ HAI

### BÌNH LÝ CỦA BỆNH THỜI LẠNH

*Thời Lạnh Bệnh Học*, là bao quát Bệnh Tân Cảm và Bệnh Phục Tả, tất cả các bệnh chứng Bốn Mùa Cảm Mạo vào trong mà luận trị. Học thuyết bài này, giới hạn trên bình lý Thời Lạnh, ước lược giải thích theo chỗ sắp đặt như sau :

#### Sự quan hệ giữa Bệnh Thời Lạnh với thể ôn

Trên bệnh chứng *Tân Cảm* do khí hậu của thời lạnh : *Phong, Hàn, Thử, Thấp, Táo, Hỏa*, gây ra. Ngoài chứng Trùng Thử của Bệnh Nhựt Xạ, Chứng Trùng Nhiệt do ôn độ lên cao ra, kỳ dư các bệnh chứng khác, chẳng ngoài ; khí trời vội lạnh, mặc áo quá mỏng, khí trời vội nóng, trần trụi ngày đêm ; không khí lạnh lẽo kích thích ở phần bì phu, gây trở ngại cho công tác phong táo của thể ôn, phát khởi phản ứng, mà biến chứng *ôn lạnh, phát nóng, không ra mồ hôi*. Nhân vì thể ôn phản ứng, mà bộ máy tuần hoàn bị chướng ngại ; nhân vì bộ máy tuần hoàn bị chướng ngại, mà phát sanh tác dụng các loại bệnh lý.

Thể thì nguyên nhân cảm thọ Bệnh Thời Lạnh, tất lấy thể ôn làm khởi điểm. Sách Tây Y luận về thành nhân của chứng Cảm Mạo cũng nói : « thông thường là do mặc



áo mỏng dính : toàn thể sanh nóng, tìm ở nơi lạnh lẽo, hạn tuyến ngăn bịt, huyền dịch không thể nhân theo tác dụng của hạn tuyến, bài trừ vật bản Song thể ôn muốn được tự toại mục đích bài tiết, cho nên bồn tập ra phần cơ biểu, mà phát sanh lạnh nóng, gọi là Cẩm Mạo. Dùng thuốc phát biểu, là việc cần kíp trị ngọn vẩy. Tây Y cũng nhận thức bệnh *thời linh tán cảm* quan hệ với thể ôn, nhưng vì quá mê tín theo thuyết bệnh khuẩn, cho nên chữa trị không hợp pháp.

### Sự trọng yếu của thể ôn

Người sống khác hơn người chết, là nhờ ở sinh hoạt lực. Nhờ ở sinh hoạt lực nương tựa với vật chất, mà được sống còn trên thế giới, sinh hoạt lực đình chỉ thì chết mất. Thân xác con người là tập hợp thể của tế bào, tế bào vốn có đời dào sinh hoạt lực, để giúp sức vận dụng che cơ năng *dinh dưỡng, phồn-thực và động tác*. Song tất phải nhờ ở thể ôn thích đáng, thì công dụng mới rõ ràng.

Nhà Vật Lý học nói : sức ấm nóng hóa thành hiệu năng (nhiệt lực hóa năng — 热力化能). Cho là nhưt thiết sự động tác của cơ khí, đều do sức nóng thôi động. Do lẽ này, có thể biết được các bộ phận động tác trong thân thể con người như : Bộ máy tuần hoàn của Tạng Tâm.— Bộ máy hô hấp của Tạng Phổi,— Bộ máy hấp thụ và bài tiết của trường, vị, và sự tán trần đại tả (thay cũ đời mới) của các quan năng, đều có quan hệ trực tiếp với thể ôn. Nếu thể ôn bị biến hóa, thì toàn thể đều chịu ảnh hưởng, thì đủ thấy tính cách trọng yếu của thể ôn là dường nào.

### Nguyên lai của thể ôn

1.— do dưỡng khí trong không khí. 2.— do vật thực thường dùng hằng ngày. Dưỡng khí thì từ mũi vào Phổi, lại chịu hồng huyết cầu hấp thụ vào máu, dung hòa với chất sắt, du tống qua các tổ chức, phát sinh tác dụng nhiên thiên.

Vật thực thì từ miệng trải qua trường vị, sau khi tiêu hóa, thì do ống hấp dịch thông vào huyết quản; chất thân tủy tiêu hóa vật thực dầu mỡ, là tài liệu cung cấp chất nhiên thiên cho dưỡng khí, chính là nguồn cấp dưỡng ở hậu phương của thể ôn. Các cơ năng động tác trong thân thể con người đều trông cậy vào sự chủ trì của thể ôn.

### Công năng điều tiết của thể ôn

Muốn biết công năng điều tiết của thể ôn, trước nhất phải biết số lượng thích đáng của thể ôn. Trong mỗi ngày 24 giờ, thể ôn có thể sanh sản từ hai triệu ba trăm ngàn (2.300.000) dĩ chí ba triệu bốn trăm ngàn (3.400.000) gia la lý (calories), (một độ nhiệt, theo hàn thử biểu của Ông Nhiếp (Ông Nhiếp Nhĩ Tu, người Thụy Điển) thì sức nóng đúng một gia la lý). — Tính bề đồng, thì vừa đúng chín mươi tám (98) theo hàn thử biểu của Ông Hoa. (phù hợp với ba mươi bảy độ theo hàn thử biểu của Ông Nhiếp). Trong lúc đói no động tịnh, tuy có tăng giảm, nhưng hơn kém nhau, nhất định không ngoài một độ. — Nhà Sinh học nói: nếu thể ôn của toàn thân tu vào một ngón tay, thì ngón tay ấy cháy rụi tức

thời (tu toàn thân thể ôn ư nhưt chỉ, lập tức thiếu hỷ — 聚全身採溫於指, 立即燒熨). Trong thân thể chúng ta tu tập đa lượng thể ôn mà không thấy nóng, là nhờ ở công dụng điều tiết, phân phối cho khắp thân thể vậy.

Các y học gia đời gần đây, nghiên cứu về công dụng điều tiết của thể ôn, thì chú trọng vào khí hậu của thời linh Mùa Đông, Mùa Hạ, số lượng ăn uống tăng gia hay giảm thiểu, và sự bài tiết của hạn dịch nhiều ít, ba sự hạng. Tôi thì nói: đó là chú trọng giải thích sinh lý, không liên quan gì với bệnh lý, nên chỉ nhằm vào bệnh lý, nghiên cứu sự điều tiết của thể ôn mà thôi.

- 1) Thời gian: một ngày một đêm hai mươi bốn (24) giờ.
- 2) Không gian: toàn thể thân xác và tạng phủ, không cảm giác thái quá, bất cập, ấy là thể ôn sở dĩ nhờ ở sự điều tiết, mới có thể phù hợp với sinh lý. Bằng trái lại, hoặc vì ngày mát mà đêm nóng, hoặc vì sớm mát mà chiều nóng, đó là ở trên thời gian, thể ôn không hay phân phối đồng đều.— Hoặc tay chân mát mà trong người nóng, hoặc lưng mát và bụng nóng. đó là ở trong thân thể, thể ôn không phân phối đồng đều. Khởi điểm của các bệnh chứng phát sanh, không ngoài hiện tượng này, mà Bệnh Thời Linh thì lấy hiện tượng này làm căn cứ.

### Sự Phóng Tán của thể ôn

Công tác phóng tán của thể ôn, cứ theo Sách Tây Y khảo sát về Sinh Lý Học, thì phần bị phủ chiếm hết

tám chục phần trăm (80%), miệng mũi chiếm mười lăm phần trăm (15%), còn lại năm phần trăm (5%) thì bài tiết theo đại tiểu tiện.

Số tối đa của thể ôa phóng tán, chính là ở phần bì phu; ở dưới da có vô số hạn tuyến, trải qua công tác chung phát của thể ôn, đem những vật chất lão phế, bài tiết ra ngoài thân thể, theo định luật tán trên đại hạ. Trong thành phần bài tiết, nước chiếm hết gần mười bảy phần trăm (97%), vật cố hình chỉ có ba phần trăm (3%) mà thôi. Phần theo bì phu chui ra, chúng phát tán đi, mắt không trông thấy được gọi rằng: *Tiền Phát Hạn*. - Nếu do vận động mệt nhọc, hay khi trời nóng nực, ra mồ hôi quá gấp, thì phần nhiều mồ hôi kết thành giọt, ngưng đọng trên phần bì phu, gọi rằng: *Hiển Phát Hạn*.

Phân lượng mồ hôi ra mỗi ngày, ngoài số *Hiển Phát Hạn* ra, ước chừng hai bảng (磅: theo đơn vị cân lượng của Anh, Mỹ). Số phân lượng của *Hiển Phát Hạn*, thì nhả vào thời gian vận động, và sức ấm nóng tăng gấp mà như định. Hạn quản là ống tiết nước trong thân thể con người, nếu bị tắc nghẽn, mồ hôi không ra được, thì tinh thần cảm thấy khổ đớn, phát sinh bệnh hoạn. Như toàn thân mồ hôi không ra được, thể ôn không rời phóng tán, một thời gian khá lâu, có thể đưa con người đến chỗ chết mất.

### Nguyên lai của Bệnh Thời Linh

Khi hậu thời linh thay đổi, gây nên bệnh hoạn cho con người. Cứ theo chỗ khảo sát về Bệnh Lý Học của

Sách Tây Y, cho là : do sự kích thích của ôn độ, cảm ứng với không khí, và khí hậu của quang tuyến, các sự hạng, đồng thời nói rõ về tác dụng của ôn độ, tác dụng của khí áp, tác dụng phản xạ của quang tuyến, và tác dụng của phong thổ. Với phương diện Đông Y, dùng những danh nghĩa : *Hàn, Nhiệt, Táo, Thấp*, nêu rõ tác dụng cao ôn, tác dụng đề ôn, tác dụng cao khí áp, tác dụng đề khí áp, đại khái lập ý giống nhau.

Chỗ bất đồng, Tây Y thì nhận định bình khuẩn, là nguyên nhân duy nhất. Đông Y thì lấy một chữ *Phong* làm tiêu biểu cho sự thay đổi của khí hậu, như : *Phong Ôn, Phong Thử, Phong Táo, Phong Hàn* các thứ ; đối với bệnh khâu truyền nhiễm, thuộc về truyền nhiễm tính bình, tuyệt đối không nên lẫn lộn.

Tây Y thì không chia rạch, bình truyền nhiễm với bệnh thời lịnh. Trái lại, cho Đông Y là chẳng biết trị bệnh truyền nhiễm, là vì chẳng biết được Đông Y trải qua mấy ngàn năm kinh nghiệm, có nhiều lương phương rất công hiệu. đối với Bệnh Thời Lịnh, cũng như Bệnh Truyền Nhiễm. (Phương pháp chữa trị Bệnh Truyền Nhiễm, đặc biệt biên rõ ở Sách *Đông Y Truyền Nhiễm Bình Học*, sắp xuất bản kế tiếp)

### Sự ngộ nhận khí hậu Thời Lịnh của Tây Y

Bệnh Thời Lịnh, thì căn cứ trên sự thay đổi của thời lịnh, bắt tất phải lời cuốn bốn chữ : *Thắng, Giáng, Phù, Trầm* vào trong, đề rồi giải thích cách rán gượng. Duy lấy ôn độ quân bình của hai mùa : Mùa Xuân và Mùa Thu, có cây xính

tốt với vàng úa, sai biệt nhau khá xa mà suy trắc, cũng thấy được con người sống trong bầu trời trái đất, tất phải chịu ảnh hưởng của khí hậu ngoài giới tự nhiên chỉ một. Khí hậu thay đổi, thì trong thân thể con người, tất cũng khởi sự biến hoá tương đương, có thể biết được chắc chắn như thế.

Tây Y thấy bệnh chứng phát khởi, thì chuyên tìm kiếm thực chất của bệnh chứng, bằng cách kiểm tra đờm nhớt, nước tiểu, phân, để thăm dò chỗ ở của bệnh thể; bồi dưỡng phiêu hồn, để xác nhận bệnh nguyên thể. Câu trọng tối đa trên phương diện hình thức, đối với sự thay đổi của khí hậu ngoài giới tự nhiên, tuyệt nhiên không nghĩ tới. Vì vậy mà Tây Y đối với bệnh Thời Lệnh, không có chuyên khoa kinh nghiệm.

### Sự quan hệ giữa sáu khí với tật bệnh

Nhà Y Học Âu châu, Ông Bái Đãng Khảo Phủ, luận về thuyết Tam Nhân Đỉnh Lập. Tam Nhân là gì?

1.— Tế khuẩn lén vào thân thể con người (tế khuẩn tiềm nhập nhơn thể — 細菌潛入人體).

2.— Khí hậu không thích hợp với người, thì thích hợp với sự phát dục của bệnh khuẩn (khí hậu bất thích ư nhơn, tức thích ư bệnh khuẩn phát dục — 氣候不適於人, 即適於病菌發育).

3.— Sức đề kháng trong thân thể con người bạc nhược, không đủ sức chế ngự tật bệnh (nhân thể tự thân chi đề kháng lực bạc nhược, bất năng đề ngự tật bệnh — 人體

自身之抵抗力薄弱, 不能抵禦疾病). Thiếu một trong ba điều kiện trên đây, thì không thể sanh được bệnh.

Ngày xưa, Y Sư nước Mỹ, Ông Nhi Lập Pháp Ty muốn thí nghiệm học thuyết của Ông Bái Đãng Khảo Phủ lựa dịp thân thể kiện khang, Ông tự uống lấy một chung nhỏ vi trùng Hoắc Loạn (cholera) mà vẫn an nhiên, không hề nhiễm bệnh. Đủ thấy rõ, khi hậu thiên nhiên, với sức đề kháng bệnh độc ở trong thân thể con người, liên hệ nhau rất trong đại.

Nếu đương bệnh, cho là tật bệnh không quan hệ với khí hậu, thì chẳng những không phù hợp với học thuyết của Đông Y, mà trái lại còn phản bội với học thuyết của Tây Y. Và lại, cảm thọ Bệnh Truyền Nhiễm, còn không thể rời khí hậu mà độc lập được, thì ý nghĩa Bệnh Thời Linh, căn cứ theo sự thay đổi của khí hậu, càng thêm rõ ràng.

### **Sáu khí là nguồn gốc của bệnh thời linh và bệnh truyền nhiễm**

Thuyết Bệnh Khuẩn truyền nhiễm, từ kiếm dĩ chí bởi dưỡng, gia dĩ nhiễm sắc; phiên bản trần liệt, thí nghiệm minh xác, cũng người theo học Tây Y, không còn lý do đáng nghi ngờ. Cho nên kẻ sùng bái theo Thuyết Tế Khuẩn Thực Chất, muốn vịn vào đây để đánh đổ Thuyết Sáu Khí. — Những người theo học Đông Y, thì cho là: những bệnh chứng do Sáu Khí gây ra, với những bệnh do Tế Khuẩn gây ra, tuyệt đối không nên lẫn lộn. Do đây, Bệnh Thời Linh, và Bệnh Truyền Nhiễm, bắt đầu phân chia ranh giới, là điểm thứ nhất.

Bệnh khuẩn sinh sôi nảy nở, tất phải nhờ có khí hậu đặc thù, thích hợp với sự sinh tồn của bệnh khuẩn, là điểm thứ hai.

Sự truyền bá của bệnh khuẩn, lẫn lộn theo vật ăn thức uống, bay lộng trong không khí, nương bám theo quần áo và đồ dùng, không chỗ nào là không có bệnh khuẩn; bất cứ ở đâu, và lúc nào, bệnh khuẩn cũng có thể truyền nhiễm cho người. Song con người có bị truyền nhiễm hay không, là do sức đề kháng ở trong thân thể mạnh hay yếu vậy. — Có người hôm qua không bệnh, mà hôm nay lại bệnh, lúc khởi đầu thọ bệnh tất có lý do: đồ y phục, sự ẩm thực khởi cư, và khí hậu lạnh nóng các việc, không thích hợp với sự kiện kháng của cơ thể, gây cho phương diện thể ôn phát sinh biến hóa, bệnh khuẩn mới thừa cơ hội mà bộc phát. Cho nên nói: khí hậu không thích hợp với người, bệnh khuẩn mới có thể gia hại, là điểm thứ ba.

Gần đây, có người nhận thấy, cũng nói: *Sáu Khí* là nguồn gốc của *Bệnh Khuẩn*. Chính *Sáu Khí* là gốc, *Bệnh Khuẩn* là ngọn, *Bệnh Khuẩn* không thoát ly nổi Liên Hiệp Quốc (*Sáu Khí*) mà độc lập được. Đủ chứng minh *Bệnh Thời* *Lệnh* căn cứ theo sự biến đổi của *Sáu Khí*.

Vị Giáo Thọ Tây Y trong trường dạy thuốc ở Tỉnh Sơn Tây nói: Tây Y không tin sáu khí, chính là chỗ khuyết điểm của Tây Y. Thực là lời bình luận rất chí tình.

### Phương pháp chữa trị sáu khí

Muốn biết phương pháp chữa trị sáu khí, trước nhất



phải hiểu rõ đâu là thực tế *Cảm Thọ Sáu Khí*. Thầy thuốc xưa nghi chứng hậu của tật bệnh, là do tác dụng của sáu khí kiều ngu trong thân thể con người gây ra dùng thuốc trị bệnh thì nói: chữa trị khí nào thiên thịnh trong sáu khí (trị thứ lục khí chi thiên thịnh — 治此六氣之偏盛).

Theo tôi nhận định, cảm thọ sáu khí kích thích, gây ra các bệnh chứng, là do công dụng trong thân thể bị biến hóa, mà Chứng *Fáo*, Chứng *Thấp*, Chứng *Hàn*, Chứng *Nhiệt* các chứng, đều do trong thân thể con người tự khởi biến hóa, mà gây ra chênh lệch. Dùng thuốc chữa trị, là điều hòa vật thiên thịnh (chênh-lệch) trở lại xung hòa, giúp cho các cơ năng khôi phục trở lại trạng thái bình thường, như: Chứng phong từ ngoài xâm nhập, thì Ông Trọng Cảnh dùng *Thang Quế Chi* mà trị.

Trong *Thang* này, vị *Quế Chi*: giúp cho chứng *Thần Kinh* thủy hoãn trở lại hưng phấn, điều tiết huyết dịch lưu hành trở lại bình thường. Vị *Bạch Thược*: thu liễm Chứng *Ra Mồ Hôi*, thì các chứng *Mạch đi Hoãn*, *Ra Mồ Hôi*, *Ốn Gió*, *Phát Nóng* sẽ tự khỏi. Nghiên cứu hiệu năng của vị *Quế-Chi*, vị *Bạch-Thược*, hay ở khôi phục công năng trên sinh lý, công năng khôi phục, tự nhiên bệnh trạng giải trừ.

*Chi* ư *Thang* *Ma Hoàng*, phát tán Chứng *Thương Hàn* (thông lỗ chân lông bị ngăn ngẹt); *Thang* *Bạch Hồ*, giải trừ Chứng *Trúng Thủ* (giáng áp huyết ở bộ óc); *Thang* *Ngũ Linh*, thẩm lợi Chứng *Thấp* (thúc giục ống du niệu thông lợi); *Thang* *Phục Mạch*, tư nhuận Chứng *Táo* (tăng

gia phần nước trong huyết dịch); Thang Tam Hoàng, thanh tả Chứng Hỏa (giảm thiểu Chứng Sung huyết trong động mạch); đều là thuốc trị những bệnh chứng do công dụng sinh lý bị biến hóa.

Hoặc nghi ngờ, đã chứng minh trên sinh lý tự khởi biến hóa, không quan hệ gì với sáu khí, hà tất phải thắc mắc với người xưa; lấy sự biến hóa trên đây, nghiên cứu cẩn thận, sẽ thấy rõ ràng: *Sinh lý tự khởi biến hóa, là do sáu khí kích thích.*

Có một Ông Y Sĩ Nhựt Bồn nọ, cực lực công kích thuyết lục khí. Vì Ông không biết khí hậu thay đổi gây nên tật bệnh, mà chỉ mê tín theo thuyết Bệnh Khuẩn Truyền Nhiễm. Chẳng rõ sự biến hóa trên công dụng sinh lý, gây ra các chứng hậu cho tật bệnh, mà chỉ mê tín do bệnh khuẩn xâm nhập. Ông nói như thế, chẳng những không đúng với y lý, mà cũng không phải là thái độ nên duy trì của học giả.

### **Phân biệt bệnh tân cảm và bệnh phục tà**

Cảm thọ khí hậu của thời lịnh thay đổi, khiến cho thường thái thể ôn bị sai thất, đều là lý do gây ra bệnh chứng *tân cảm*. Cái như cảm thọ Bệnh Phục Tà thì:

1. Cảm thọ bệnh tà nhẹ nhàng, trải qua một thời gian sau, bệnh mới phát tác.
2. Bệnh đã phát tác, mà chữa trị không đúng phép, bệnh tà tiềm phục vào trong.

3. Đã từng chữa trị qua, mà gốc rễ bệnh độc chưa trừ (trừ căn), sau lại phục phát. Ba sự hạng này, là nguyên nhân gây ra Bệnh Phục Tà.

Trong thời kỳ bệnh tà tiềm phục, thân thể tự cảm thấy không thư thối, song không trọng yếu lắm, nên phần nhiều bệnh nhân xem thường, mà không lo chữa trị, khi bị Tân Cầm, thì Phục Tà mới bộc phát. Càng nên rất một chứng *tán cảm* thì dễ trị, kiêm có *phục tà* từ trong phát ra, thì khó trị hơn.

Cách biện biệt: Chứng *Cầm Mạo* sơ phát, không có chứng *tiền khu* là *tán cảm*; có chứng *tiền khu* là *phục tà*, (Chứng *tiền khu* là trước khi chớm phát bệnh đôi ba ngày, có ớn lạnh, xây xẩm, ăn uống mất ngon, đại tiện không thông, lòng phiền táo, khát nước, tiểu tiện vàng đỏ, lồng ngực bứt rứt.)

Mạch động bực Phù, tra lưỡi trắng là Bệnh Tân Cầm; Mạch động Nhược, hoặc Tế Trầm không sức, hoặc động Huyền Tế mà Táo (cấp), tra lưỡi hoặc láng, hoặc dày, hoặc đỏ tươi không tra, đều là Phục Tà.

### Giải thích Bệnh Tà Tiềm Phục

Xưa nói: Mùa Đông cảm thương khí hàn, Mùa Xuân tất phát Bệnh Ôn. Bệnh Phục Tà này mạng danh: Háo Thủy (1) — Cổ văn: Đông thương ư hàn, Xuân, tất Bệnh Ôn. Thử Phục Tà mạng danh Háo thủy — 古云: 冬傷於寒, 春必病溫, 此伏邪命名喘矣). Nhiên cứu trên thực tế của bệnh lý, thì thấy sáu khí đều có khả năng

(1) Háo Thủy là: tiếng vèo hướng đến trước của mũi tên, ví dụ mở đầu làm một công việc.

tiêm phục. Sách Nội Kinh chỉ nêu lên Chứng Phục Hàn, Chứng Phục Phong, Chứng Phục Thử, Chứng Phục Thấp làm tiền lệ, thì Chứng Phục Hỏa, Chứng Phục Táo, có thể suy tưởng mà biết được. Duy Thiên này giới hạn trong phạm vi bệnh chứng thuộc về Cảm Mạo Tinh, phát sinh theo thời lệnh của bốn mùa. Những Bệnh Tôn Tiết (1), Bệnh Giai Ngược (2), Bệnh Khái Thấu (3), mặc dầu người xưa đều có đề cập đến, song biên vào loại: Tiên Hóa Khí Bệnh, Hô Hấp Khí Bệnh, và Truyền Nhiễm Bệnh các tập, mà không biên lẫn vào đây.

Các Y Gia từ đời Đường, đời Tống về sau, thì đặc biệt chú trọng vào danh từ Phục Hàn, ký dư các loại Bệnh Tiêm Phục khác, thì cho là người xưa đều đề cập đến. Khi chưa phát sanh tác dụng bệnh tật, dấu nhận cho là bệnh chứng Phục Tả, thì cũng hạn chế trong các bệnh: Tôn Tiết (瘧池), Bệnh Giai Ngược (核瘧) và Bệnh Khái Thấu (咳水)

Y Gia đời Thanh, Ông Hương Nham nói: Trị Chứng Phục Thử không giống Chứng Giai Ngược. (Thanh y gia Diệp Hương Nham thị: Vị Phục Thử Chứng trị, bất đồng Giai Ngược — 清醫家葉香岩, 謂伏暑症治不同核瘧). Thực là lời nói có đầy đủ huệ nhãn. Ông Lưu Kiết Nhơn, đem các bệnh chứng do sáu khí tiêm phục, liệt ở sau loại Bệnh Cảm Mạo, sắp đặt chung với loại tạp bệnh, cũng là một việc bất thông.

(1) Tôn Tiết là: Bệnh tiêu chảy, vật thực không tiêu hóa.

(2) Giai Ngược là: nói chung cho các Chứng Cữ Rét.

(3) Khái Thấu là: nói về các Chứng Ho.

Sách này trưng bày những bệnh chứng cảm thọ sáu khi trong bốn mùa, đồng thời phân biệt : thế nào là Bệnh Tân Cảm, thế nào là Bệnh Phục Tà, ra làm hai loại như sau :

Cảm mà phát bệnh liền, là Bệnh *Tân Cảm*.

Cảm mà không phát bệnh liền thêm phụ: vào trong, gây cho công tác thể ôn, tuần hoàn, và tân trần đại tạ, đều phát sanh biến hóa tương đương, chờ khi nào lại bị *Tân Cảm*, thì bệnh mới phát tác, là Bệnh *Phục Tà*. Cảm thọ Bệnh *Phục Tà*, thì lấy khí Phong khí Hàn làm một loại : do không khí hàn lãnh kích thích ở phần bì phu, là kết quả làm trở ngại sự phóng tán của thể ôn, như : khí trời lạnh lẽo bất thường, mà mặc áo mỏng dính, hoặc khí trời nóng nực bất thường, mà ở trần trùng trực, là nguyên nhân gây ra bệnh. Và lấy Bệnh *Thử Nhiệt* làm một loại : Sau khi mệt nhọc, mình nóng ra mồ hôi, lại tắm nước lạnh ; mình nóng khát nước, ăn uống đồ hàn lương để trấn áp cho đã khát đỡ nóng, hoặc ở trần hứng gió, khiến cho khí nóng trong người đương bỗng bột, tìm đường phát tiết ra ngoài, lại bị ngột ngạt ở trong. Sự phân biệt giữa bệnh *thử* và bệnh *nhiệt* : Lấy bệnh *Nhựt Xạ* làm bệnh *thử* ; bệnh thuộc về nhiệt tính, là bệnh *Nhiệt*.

### **Phân biệt bệnh phục tà ở phần khí hay vào phần huyết**

Hiện nay các Thầy Thuốc ở thị thành không biết có *phục tà*, thấy bệnh chứng thuộc về *Cảm Mạo* tính, đây

đưa nhiều ngày, biến chứng lằng xằng, thì cho là: đối với Y Học rất khó nghiên cứu. Khi nhìn thấy danh nghĩa *phục tà*, lại mờ mờ như người đi trong đêm tối, thực rất đáng phiền. Nguyên nhân bệnh Phục Tà tiềm phục, đã giải thích ở bài trước, bài này chỉ khu biệt bệnh tà còn ở phần khí, hay đã vào phần huyết mà thôi.

(Sách Y Âm của Ông Mạnh Anb, luận về bệnh Phục Tà ở phần huyết khá rõ ràng, nhưng chưa giải rành nguyên lý). Thấy Thuốc xưa, đối với bệnh Ngoại Cảm, số dĩ nói về phần khí, là phần nhiều chỉ cho sự biến hóa của thể ó, như: Phần khí bảo vệ bên ngoài, khí của Kinh Thái Dương, khí của Kinh Thiếu Dương các loại (vệ ngoại chi khí, Thái Dương Kinh khí, Thiếu Dương Kinh khí đẳng — 衛外之氣, 太陽經氣, 少陽經氣等.) Căn cứ theo đây, có thể thấy rõ: Bệnh ở Phần khí, là chỉ cho phương diện thể ôn, công dụng điều tiết (1) phóng tán bị mất chức.

Bệnh tà tiềm phục vào phần huyết, là chỉ cho: thành phần lão phế trong huyết dịch đáng được bài tiết, mà không thể bài tiết ra ngoài, theo định luật tán trần đại tả của sinh lý, mà lại uất nghẹt ở trong, nên gây ra tác dụng tât bệnh.

Phục Tà của bệnh Phong Hàn, phần nhiều do thể ôn bị uất nghẹt, làm hại lây đến sự vận hành của huyết dịch, khiến cho bộ máy tuần hoàn bị chướng ngại, độc tố phát sanh tât bệnh tuần tự nảy mầm trong huyết dịch, đó chính là bệnh tà từ phần khí truyền vào phần huyết.

(1) Điều tiết: nói về công dụng chi phối thể ôn đêm ngày đồng đều như nhau.

Phục Tà của *Bịnh Thử, Bịnh Nhiệt, Bịnh Táo, Bịnh Thấp*, phần nhiều do độc tố gieo mầm từ trong thân thể, khiến cho bộ máy tuần hoàn phát sanh chương ngại, hại lây đến sự chi phối của thể ôn (1). Đó là bịnh tà từ phần huyết truyền ra phần khí. Nguyên lý bịnh Phục Tà ở phần khí hay ở phần huyết là như thế.

### Nguyên lý của trọng chứng phát nóng, ớn lạnh

Bịnh Phong Hàn, thì lấy chứng hậu ớn lạnh làm chủ thể. Không khí lạnh lẽo kích thích, lỗ chân lông ở bì phu khẩn trương, công tác đề kháng của thể ôn, dồn hết ra phần cơ biểu, cho nên thân thể phát nóng.

Bịnh Thử Nhiệt, thì lấy chứng hậu phát nóng làm chủ thể. Nhân vì khí hậu viêm nhiệt, khí nóng bên ngoài áp bách rất nặng, mà thể ôn trong người lại rất kết, không phóng tán được; tất nhiên sức nóng lên cao cực độ, phát sanh các hiện tượng: mặt đỏ, phiền táo, khát nước các hiện tượng.

Hiện tượng phát nóng ở phần bên ngoài tuy giống nhau, mà nguyên lý phát nóng giữa chứng Phong Hàn với chứng Thử Nhiệt không giống nhau, là như thế. Cho nên chữa chứng Phong Hàn, thì lấy thuốc phát tán làm đầu độc; trị chứng Thử Nhiệt, thì lấy thuốc thanh thấu làm trọng yếu. Chứng Phát Nóng của bịnh Tân Cầm, bịnh độc từ ngoài mà vào, nên dùng thuốc tuyên đạt làm chủ;

(1) Lý này giống như sức phản ứng chích huyết thanh.

Chứng Phát Nóng của bệnh Phục Tả, bệnh độc từ trong mọc ra, thì dùng thuốc thanh thần làm chủ. — Hoặc cho là : Phát Nóng là do tác dụng của sức đề kháng, còn đây chuyên chỉ nói riêng về bộ phận do cảm mạo Phong Hàn mà phát nóng.

Kia như : Chứng Phát Nóng thuộc về thần kinh tinh, là do cơ năng ôn chánh thần kinh bị biến loạn ; uất kết nóng này, là do sức phóng tán của ôn độ bị giảm thiểu. (thấy ở bài Phát Nhiệt Chí Nguyên Lý, do ông Đình dịch). Hai loại Phát nóng này, có quan hệ với chứng Phát nóng của bệnh Phục Tả.

### Phân biệt: biểu, lý, hàn, nhiệt.

(Trong Ngoài Lạnh Nóng)

Chứng tán cảm từ ngoài vào, cho nên nhiều chứng hậu ở phần biểu ; Chứng Phục Tả từ trong ra, cho nên nhiều chứng hậu ở phần lý. Nóng ở bên trong trán ngập, động mạch sung huyết, cho nên nhiều Chứng Nóng ; Tạng Tâm suy nhược, động mạch thiếu máu, cho nên nhiều Chứng Lạnh.

Và lại, sở dĩ nói : Biểu Chứng, là chỉ cho phần cơ biểu bên ngoài bị khi Phong Hàn kích thích, lỗ chân lông đóng kín lại, thể ôn bị uất nghẹt ; sở dĩ nói : Lý Chứng, là chỉ cho công dụng bài tiết bị mất chức, căn bản vật thực đình tích ; sở dĩ nói : Nhiệt Chứng, là chỉ cho thể ôn sung thịnh, công dụng phóng tán bị mất chức, trong huyết dịch gây nên ôn độ rất cao, cho nên động mạch khắp châu thân, và Tâm tạng đều khẩn trương dị



thường, mới hiện ra trạng chứng Sung Huyết; sớ dĩ nói: Hàn Chứng, là chỉ cho thể ôn xương thấp, Tâm tạng suy nhược, máu đi chậm chạp, động mạch khắp châu thân chịu ảnh hưởng bản-huyết. Thậm chí biến chứng ỉa chảy không ngừng, mồ hôi ra không cầm được. bao nhiêu thể ôn sẵn có trong người hao tán hầu hết, đó là một loại hàn chứng rất nguy hiểm vậy.

### Biện biệt

#### phần dinh, phần vệ, phần khí, phần huyết.

Hậu phương của *vệ* là *khí*, hậu phương của *dinh* là *huyết*. Bệnh ở phần Vệ dùng thuốc phát hàn thì rất thích đáng vậy. Bệnh đến phần Khí, thì nên dùng thuốc thanh khí; bệnh vào phần Dinh, thì còn có thể dùng thuốc thấu nhiệt, bịnh độc trở, ra phần Khí thì khỏi. Chỉ như bịnh độc vào phần Huyết, thì e hao máu, động máu, tức tốc phải dùng thuốc lương huyết, tán huyết v.v... (Vệ chỉ hậu phương ngôn khí. Dinh chỉ hậu phương ngôn huyết, tại Vệ hạn chỉ khả già. Đáo khí tài nghi thanh khí, nhập Dinh do khả thấu nhiệt, nhưng chuyên khí phần nhi giải. Chỉ nhập ư huyết, tắc khủng hao huyết động huyết, trực tu lương huyết tán huyết vân vân. 一衛之後方言氣, 營之後方言血, 在衛汗之可也. 到氣纔宜清氣, 八營尤可透熱. 仍轉氣分而解. 至入於血, 則恐耗血動血, 直須涼血散血云云.

Bài này ở trong lời luận về bịnh Ôn Nhiệt của Ông Cổ Văn Cảnh, nương theo danh nghĩa của Ông Diệp Hương Nham mà lập thuyết vậy. Người đời sau cho lời biện biệt về *dinh*, *vệ*, *khí*, *huyết*, của Ông Diệp, ngang

hàng đồng bực với danh nghĩa sáu kinh của Sách Thương Hàn Luận. Song cũng có người xem lời luận của Ông là vọng ngôn không giá trị, mà tổ ý hoài nghi.

Thiết nghĩ, học thuyết được lưu truyền, trước hết phải nghiên cứu chỗ cừu cánh; danh từ đã thành lập, cần được trác lượng ở giá trị, mới khỏi mang tiếng nhầm mắt tin mù. Sở dĩ nói Chứng Thương Hàn truyền sáu kinh, là Thầy thuốc xưa lấy hai chữ Thương Hàn bao quát cho tất cả những bệnh chứng bốn mùa cảm mạo mà nói.

Sáu kinh thì lấy Kinh Thái Dương làm đầu đọc. Định nghĩa cho Kinh Thái Dương, thì ngày xưa các nhà chú thích nói: Kinh Thái Dương lên trán, giao lên đỉnh đầu, xuống cần cổ (phía sau), hiệp với sống lưng, thẳng xuống eo lưng, và thẳng xuống đến bên ngoài đầu ngón chân út, là đường đi của kinh lạc Bàng Quang là sai. Hoặc nói: gốc lạnh, ngọn nóng, trung kiến Kinh Thiếu Âm, là kinh khí của Túc Thái Dương cũng sai.

Bởi Kinh Thái Dương là đại danh từ của thể ôn, thể ôn tức là tác dụng của Vệ Khí. Thầy thuốc xưa xưng là: nhẹ nhàng, mau mắn, trơn tru, nhanh-nhẹn, sung túc phần bì phu, ấm áp phần cơ nhục. (phiên bản hoạt lý, sung cơ nhiệt nhục—操悍滑利, 充肌热肉) là rất đúng, vì huyết dịch tuần hoàn khắp trong thân thể, có quan hệ với thể ôn rất lớn lao. Thầy thuốc xưa lại nói: Kinh Thái Dương thông lạc sự vận hành của phần Dinh phần Vệ (Thái Dương thông lạc Dinh Vệ chi vận hành—太陽統轄營衛之運行。) chính là ý này. Cho nên tôi cho là: Phần Dinh, Phần Vệ vận hành tự nhiên theo thường thái,

chính là thực tế của kinh Thái Dương, chứ không phải ở ngoài phần Dinh phần Vệ, riêng có một vật đặc thù nào khác, mang tên là : *kinh thái dương*.

Cái mà gọi là phần Vệ thọ tà, là chỉ cho thể ôn phóng tán bị chướng ngại; bệnh tà truyền vào phần Dinh, tức là thể ôn bị biến hóa, do sự biến hóa của thể ôn, mà bộ máy tuần hoàn lại bị chướng ngại. — Hậu phương của phần Vệ là Khí, tức là chỉ cho thể ôn bị nút kết, hạn tuyến bị đình trệ, ảnh hưởng đến sự vận hành của lâm ba dịch. Hậu phương của phần Dinh là huyết, là chỉ cho bộ máy tuần hoàn bị chướng ngại, huyết dịch bị ứ đọng có thể gây nên huyết quản tắc nghẽn các chứng,

Sở dĩ Sách Thương Hàn Luận trong Thiên Thái Dương, ngoài phương pháp chữa trị bệnh chứng *Thương Dinh*, *Thương Vệ*, và *Dinh Vệ* cả hai phần đều thọ thương ra, thì đề cập tiếp theo các chứng : *khí trệ*, *đình âm*, *súc thủy*, *kiết hung*, *bì mãn*, và các chứng : *huyết ngưng*, *sút huyết*, *phát hồng*, *ứ huyết*, *thất huyết*, *phát cuồng*. Dinh, Vệ là nói về công dụng vận hành, khí huyết là nói về thực chất cụ thể, *Dinh*, *vệ*, *khí*, *huyết* là để phân biệt giới hạn của bệnh chứng ở cạn, hay đã vào sâu...

Trên Bệnh Thời Linh, các chứng hậu *tán cảm* hay *phục tà*, đều rất thích dụng cho phiên chuẩn chẩn đoán. Người sau không rõ lý này, nghĩ ngoài phần *dinh*, *vệ*, *khí*, *huyết* còn có Kinh Thái Dương. Kia là bệnh thương hàn, bệnh của Kinh Thái Dương; đây là bệnh Ôn Nhiệt, bệnh ở *dinh*, *vệ*, *khí*, *huyết*. Vì lẽ ấy mà dựng riêng một màu, tách rời ra ngoài phạm vi của Kinh Thái Dương là sai, chỉ

tin có phương pháp chẩn trị của bệnh Ôn Nhiệt, mà bỏ sót bệnh Thương Hàn thì lại càng sai.

### Sáu kinh là đề cương của bệnh thời lịnh

Hai chữ Thái Dương là đại danh từ của thể ôn, thể ôn là tác dụng của vệ khí, huyết dịch tuần hoàn khắp trong thân thể, có quan hệ với thể ôn rất trọng đại. Cho nên thầy thuốc xưa thành lập danh từ Thái Dương, đề thống hạc thường độ vận hành của Phả, Dinh, Phần Vệ. Bệnh Thời Lịnh (bao quát bệnh Thương Hàn, bệnh Ôn và bệnh Thử), khởi điểm đầu tiên của bệnh này là: phần bị phụ cơ biểu bị ứ át, làm trở ngại sự phòng tán của thể ôn, *ôn lạnh, phát nóng, nhưc đầu, không ra mồ hôi*, ấy là bệnh của Kinh Thái Dương. Lấy bệnh ở Kinh Thái Dương làm chủ thể, kỳ dư năm kinh, không kinh nào chẳng bị truyền, sau khi bệnh thể kê lưu năm sáu ngày, hoặc tám chín ngày. Nhân vì hạn tuyến ứ trệ nhiều ngày, hại lây đến sự vận hành của lâm ba dịch mà biến chứng; lồng ngực bị đầy, cạnh sườn đau nhói, lạnh nóng qua lại (hung mẫn hiệp thống, vắng lai hàn nhiệt — 胸滿脇痛, 往來寒熱). Đó chính là bệnh tà đã truyền sang Kinh Thiếu Dương. — Nếu thể ôn thanh hành, bên trong sức nóng thái thâm, biến thành chứng cao nhiệt, tự ra mồ hôi, lòng bứt rứt, miệng khô khát nước (cao nhiệt tự hạ, tâm phiền khẩu khát — 高熱自汗, 心煩口渴). Đó chính là bệnh tà đã truyền vào Kinh Dương-Minh. Đầu người thể khí khỏe mạnh, không luận bệnh tà truyền biến đến trình độ nào, cũng không ngoài phạm vi của ba kinh dương, có thể đoán biết được.

Còn bệnh chứng ở *Tam Âm*, tuy có phân biệt lạnh nóng, song chủ thể của bệnh, không phải do ngoại tà xâm nhập, mà do công dụng của tạng phủ bị mất chức, bình nhân thể khí suy nhược, tình cờ bị cảm mạo, tất nhiên phát hiện chứng trạng của kinh âm. Kiềm có bệnh của trường vị, ưa mưa hạ lý (trường vị bệnh chỉ ầu thổ hạ lý 一腸胃病之嘔吐下利). Đó chính là bệnh tà đã truyền vào Kinh Thái Âm. — Kiềm có bệnh của Tạng Tâm mạch động Vi Tế, buồn ngủ (mạch vi tế đục thuy 一脉微細欲睡). Đó chính là bệnh tà đã truyền vào Kinh Thiếu Âm. — Kiềm có bệnh ở Hoành Cách Mạc, nhiệt khí xông lên, Tạng Tâm nóng xót (khí thượng xung, tâm động nhiệt 一氣上衝心疼痛). Đó chính là bệnh tà đã truyền vào Kinh Khuyết Âm. Danh từ *Tam Dương*, *Tam Âm*, là phù hiệu cho thấy giới hạn của bệnh chứng, còn ở cạn hay đã vào sâu, bắt tất lấy đấy, để chỉ định thực chất trong tạng phủ bị bệnh hoạn. Người xưa sở dĩ nói về *tam âm*, *tam dương*, và truyền kinh, hầu ý của sự mạng danh bất quá là như thế.

Người Nhật Bản, ông Hỷ Đa Thôn nói: Trong Sách Thương-Hàn Luận, đã tá danh từ *tam âm*, *tam dương*, là để phân chia giới hạn: *Biểu lý*, *hàn nhiệt*, *hư thực*. Dương thì cương, Âm thì nhu, Dương thì động, Âm thì tĩnh, Dương thì Nhiệt, Âm thì Hàn, Dương thì Thực, Âm thì Hư.

Phạm Bệnh thuộc *dương* là thuộc *nhiệt*, thuộc *thực*, gọi là *tam dương*. Bệnh thuộc *âm*, là thuộc *Hàn*, thuộc *Hư*, gọi là *tam âm*. Lấy ba Kinh Dương mà luận: Bệnh ở Kinh Thái Dương, thì thuộc *biểu*, thuộc *hàn*; bệnh ở

Kinh Dương Minh, thì thuộc *lý thuộc nhiệt*; binh ở Kinh Thiếu Dương, thì thuộc *nửa biểu, nửa lý, có hàn có nhiệt*.

Lấy ba Kinh Âm mà luận: Binh ở Kinh Thiếu Âm, là binh của bộ máy tiêu hóa; binh ở Kinh Thiếu Âm, là bệnh nội phân bí của Tạng Tâm và Tạng Thận; binh ở Kinh Khuyết Âm, là bệnh Cách Mạc Viêm, và Vách ruột viêm. Danh nghĩa của sáu kinh có quan hệ với Đông y học là như thế.

### Bệnh lý của ba kinh Dương

Thiên Thương Hàn Thái Dương Bệnh, phân biệt Chứng Thương Dinh, Chứng Thương Vệ, và Chứng Dinh Vệ lưỡng thương (Thương dinh, thương vệ, lưỡng thương dinh vệ chỉ phân biệt 一傷營, 傷衛, 兩傷營衛之分別). Thuyết này do Ông Thành khởi xướng. Ông Phương phu họa, đời gần đây đã trở nên một loại học thuyết, mà chính mấy ông tự mạng danh cho mình, là chuyên gia Thương Hàn. — Phân biệt Chứng có mồ hôi, không mồ hôi, phần biểu hư, phần biểu thực (hữu hàn, vô hàn, biểu hư, biểu thực chỉ phân biệt 一有汗, 無汗, 表虛, 表實, 之分別). Thuyết này do Ông Ca xướng suốt. Ông Từ phu họa, lại cũng trở thành một loại học thuyết, chính mấy ông tự mạng danh cho mình là chuyên gia Thương Hàn, ở đời gần đây. Cứu cánh không biết lấy chỗ nào làm chiết trung.

Tôi cho là: Chứng Ôn Lạnh, Phát Nóng của Bệnh Thương-Hàn, là do Hàn tà xâm nhập vào bì phu, làm trở ngại công tác phóng tán của thể ôn, mà huyết dịch tuần hoàn, đối với thể ôn có sự liên hệ trực tiếp lẫn

nhau. Nhân vì thể ôn nhất kết, làm chứng ngại cho bộ máy tuần hoàn, đó chính là bệnh lý của Thiên Thái Dương. So sánh với Thuyết *thương dinh, thương vệ* có phần xác thực hơn.

Còn lấy chứng hậu có mồ hôi, không mồ hôi, để phân biệt biểu, lý, hư, thực. Nhưng chứng ra mồ hôi, có do giao cảm thần-kinh bị thủy hoãn, đó là do Cường Trúng Phong mà ra mồ hôi.— Có do Chứng Nội Nhiệt thành hành, thể ôn viêm chứng, thân thể nóng rực mà tự ra mồ hôi, thì lấy phương pháp nào để phá biệt chỗ hư thực của phần biểu, phần lý?

Thiên Thiếu Dương Bệnh, nói về bệnh ở Kinh Thiếu Dương, là do làm ba dịch nhất kết, hạn tuyến bị đình trệ, cho nên lạnh nóng qua lại, lồng ngực bị mãn, cạnh sườn đau nhói. Hiện tượng lạnh nóng qua lại, là: lúc lạnh thì chẳng nóng, lúc nóng thì chẳng lạnh; đối với bệnh ở Kinh Thái Dương, vừa phát nóng, vừa ôn lạnh trong một lúc, không giống nhau. Nên dùng thuốc thanh nhiệt tuyên thông, tá lấy thuốc tiêu đạo.

Thiên Dương Minh Bệnh, nói về bệnh ở Kinh Dương Minh, là do thể ôn nhất át, công dụng phóng tán bị mất chức, khi nóng nhen nhúm trong thân thể với một độ tối cao, động mạch có hiện tượng sung huyết; cao nên thân thể nóng nẩy bứt rứt và khát nước. Xưa nay gọi là Kinh Dương Minh.— Dương Minh thực chứng, là thuộc về nhiệt tính bệnh. Vì ở trong ruột bị cấu bã ứng trệ, trở thành ở trong ruột thực đáng làm hạ của chứng thừa *khí thang*. Xưa gọi là: bệnh ở Phủ Dương Minh, chứng thuộc thực, có phân khô ráo dính tích.

Lại còn có danh nghĩa : *thái dương, dương minh ; chánh dương, dương minh ; thiếu dương, dương minh*. Đa số các nhà chú thích, nhận cho là : *thái dương, thiếu dương và dương minh* hợp bịnh. Thiên này, Điều Thương Hàn Dương Minh, theo lời lẽ của Sách Thông Tục *thương hàn luận*, ông Du Căn Sơ nên cho thấy : Bịnh chứng của sáu kinh, trong ruột đều có thể bị đình trệ, lại thêm Ba Kinh Âm hợp với thực chứng đình trệ ở trong ruột, Ý kiến Ông có thể giúp cho quá trình nghiên cứu của kẻ sơ học được thêm dồi dào.

Nếu muốn tìm hiểu bản ý lập luận của ông Trọng Cảnh, thì ông Trương Sơn Lối nói : Kinh Thái Dương, Kinh Dương Minh là nóng rất dữ dội ; Kinh Thiếu Dương, Kinh Dương Minh là nóng mới sơ sanh (Thái Dương Dương Minh vì nhiệt chi dĩ thậm, Thiếu Dương Dương Minh, vì nhiệt chi sơ sanh—太陽陽明, 為熱之已甚, 少陽陽明, 為熱之初生). Và tuân theo Sách Thiên Kim Dục, đem chữ thiếu (少) của Thiếu Dương Kinh, đổi lại chữ vi (微), lời giải thích biên rõ ở Sách Y Giới Xuân Thu ký thứ ba mươi hai, ý nghĩa rất tinh đáng.

### Giải thích bịnh chứng truyền biến sáu kinh

Sách *Nội Kinh* có câu : Ngày thứ nhất Kinh Thái Dương thọ tà, ngày thứ hai Kinh Dương Minh thọ tà v. v... (nhật nhật Thái Dương thọ chi, nhị nhật Dương Minh thọ chi đẳng ngữ — 一日太陽受之, 二日陽明受之等語). Sách Trung Tạng Kinh có câu Ngày thứ nhất bịnh ở bì, ngày thứ hai bịnh ở phu (nhật nhật tại bì, nhị nhật tại phu —



一日在皮，二日在膚). Thấy thuốc dòi sau, những người chết cứng dưới mấy câu này, nghi ngờ cho Bệnh Thương Hàn mỗi ngày truyền một kinh, từ Kinh Thái-Dương tuần tự truyền đến Kinh Khuyết Âm. Lại còn sáng lập thêm, bệnh tà có do theo khí mà truyền, có do theo kinh mà truyền, các thuyết (hữu khí truyền, hữu kinh truyền — 有氣傳有經傳) so sánh trên thực tế của bệnh chứng, trở thành lời nói trong mộng, suy cầu theo nguyên văn của ông Trọng Cảnh, thực không phù hợp chút nào.

Chữ *Truyền Kinh* (傳經) trong Sách Thương Hàn Luận của ông Trọng Cảnh, với chữ *Truyền Kinh* (傳經) trong Sách *Nội Kinh* không giống nhau. Vì vậy, những nhóm người tư tưởng có phần linh mẫn hơn, trên chỗ lập ý cho là : Bệnh ở đâu thì nhắm ngay vào đó, thấy chứng nào thì trị trước nấy (duy bệnh thị thị, kiến chứng trị chứng — 惟病是視, 見證治證) đặt sáu kinh ra ngoài vòng « bất túc khinh trọng ». Thế mà từ trăm ngàn năm đến nay, dấu bực Y Hiên cũng không thoát khỏi cái vòng lẩn quẩn này.

Theo ý tôi, bệnh chứng ở ba *Kinh Dương*, đa số chỉ cho công dụng điều tiết phóng tán của thể ôn bị biến hoá, lúc sơ khởi bệnh chứng cảm thương, đều thuộc về công năng của thể ôn bị mất chức; sau khi thọ bệnh năm ba ngày, bệnh tà truyền sang *Kinh Thiếu Dương*, hoặc truyền sang *Kinh Dương Minh*, đã truyền một lần rồi, thì nhất định không bị tái truyền lần thứ hai. Cho nên trong nguyên văn Sách Thương Hàn Luận, đoạn nói về bệnh ở hai *Kinh* : *Thiếu Dương* và *Dương Minh* có mấy chữ « mười ba ngày, mười bốn ngày » có thể thấy rõ

bệnh ở Kinh Thiếu Dương với Kinh Dương Minh đều có chứng hậu và ngày giờ cố định. Còn như Chứng Nội Nhiệt tràn ngập, và trong ruột có cặn bã đình trệ, phát sanh hiện trạng hợp bệnh, đó là trường hợp trong bệnh chứng này, kiêm có bệnh chứng khác, không thể nói là : *Truyền Kinh*.

Đoạn trên luận về nguyên lý truyền biến của ba *Kinh Dương*. Còn bệnh ở Kinh Thái Âm, thì là mửa đau bụng của Bệnh Trường Vị, nhân vì là mửa thái quá, hại lấy đến Tạng Tâm suy nhược, đó là bệnh tục phát của Bệnh là mửa gây ra, không thể cho là bệnh tà truyền vào Kinh Thiếu Âm. — Nhân Tạng Tâm suy nhược, tục phát Chứng Cách Mạc Viêm, thì cũng là bệnh tục phát của bệnh chứng trước, không thể gọi là bệnh tà truyền vào Kinh Khuyết Âm.

Trên đây luận về nguyên lý truyền biến của ba *kinh âm*, đến đây đã nhận thấy rõ ràng, thì sự ngộ hơi của Thuyết Truyền Kinh, không cần dả phá cũng tự tiêu tan.

Lại nữa, Thầy Thuốc xưa nói : Bệnh ở Ba Kinh Dương thì nhiều chứng nóng, bệnh ở ba Kinh Âm thì nhiều chứng lạnh (tam dương kinh đa nhiệt chứng, tam âm kinh đa hàn chứng — 三陽經多熱證, 三陰經多寒證) Ý tưởng, một khi bệnh tà truyền vào ba kinh âm, thì nhiệt chứng lập khắc hóa thành hàn chứng. Việc kỳ văn này, xưa nay trong nước cũng như ngoài nước chưa bao giờ nghe thấy, thực là cái ngu của người xưa không thể bì kịp. (cổ nhân chi ngu, thành bất khả cập — 古人之愚, 誠不可及). Cho nên sách này, xác nhận

bệnh chứng ở Ba Kinh Âm, là do công dụng của tạng phủ tự khởi biến hóa, mà trực tiếp phát sanh ra các loại bệnh chứng. Kỳ trung mặc dầu cũng có khi nhân vì khí phong hàn kích thích mà sanh bệnh, song nhưt định không phải do *truyền kinh* mà gây ra vậy. Và cũng không có lý do trong sáu ngày, bệnh tà truyền đáp sáu kinh.

Theo chỗ tôi chủ trương, thì lấy bệnh chứng ở Ba Kinh Dương, làm bệnh chứng *tán cảm*, nên tùy theo trạng thái phát hiện của bệnh mà sắp vào Thiên Cảm Mạo. Còn bệnh chứng của Ba Kinh Âm, là do công dụng của tạng phủ tự khởi biến hóa, thuộc về phạm vi của tạp bệnh, nên sắp vào các môn bệnh của bộ máy tiêu hóa, bộ máy tuần hoàn, và bệnh ở lồng ngực, trong bụng. Lấy đây để phân chia ranh giới, thì ý nghĩa của sáu kinh mới thấy được rõ ràng.

### Sự cách ngọ giữa các nhà y học xưa và nay đối với sáu kinh

Ông Quán nói: Sách Thương Hàn Luận, chỗ trọng yếu duy nhưt, tức là *sáu kinh*, mà chỗ khó giải duy nhưt cũng là *sáu kinh*. (Quán thị vân: Thương Hàn Luận đệ nhưt trọng yếu chi xứ, tức vị lục kinh, đệ nhưt nan giải chi xứ, diệc vị lục kinh (解氏云:傷寒論第一重要之處,即為六經,第一難解之處,亦為六經). Ông Dư biện biệt rằng: Trong Sách Thương Hàn Luận, chỗ tối vô lý, không đàu bằng *sáu kinh*. Chỗ tối vô vị cũng không đàu bằng *sáu kinh*. Có lẽ Sách Thương Hàn Luận vốn không *sáu kinh* đáng nói, mà ông Trọng

Cảnh cổ gẫu chia làm sáu kinh vậy v.v... 余氏 辨云：傷寒論中，最無理者，莫如六經，最無謂者亦莫如六經。蓋傷寒本無六經可言，仲景強分為六經也云云。

Tôi thì cho là: muốn bảo tồn danh từ Y Học của đời Thượng Cổ, trước hết phải nghiên cứu cẩn thận trên nguyên lý, tham hợp với thực tế. Nếu không có tinh thần nghiên cứu, duy trì mãi thái độ sùng bái bích rôm, tức là nhắm mắt tin mù. Muốn xóa bỏ những trần ách của người xưa, trước hết phải hiểu rõ xu thế của học giả đương thời, và nguyên lý của sự mạng danh. Bằng không rõ thấu ý này, chấp trước theo ý riêng của bản ngã, tự tiện san trước cổ thư, tức là võ đoán, không phải là thái độ của học giả.

Hiện đại, phương pháp nghiên cứu Khoa Y Học Cổ Truyền không khác nào nhà khai khoáng (tìm mỏ) đeo đuổi theo việc khai quật, và sự nỗ lực tiến hành của nhà thám hiểm, công tác của tiền đồ còn nhiều, không nên vội vã hoài bão lạc quan, hẹn ngày xong việc. Danh nghĩa *Sáu Kinh*, đối với vấn đề Đông Y Học đã trở thành một bài toán đố, mà ngàn đời chưa tìm ra đáp số.

Tôi từng đứng trên cương vị thực tế, khảo sát giới hạn của các bệnh chứng, được rõ: Chứng hậu ở *Ba Kinh Dương*, là những chứng hậu tất phải có, theo sự thay đổi của thời lịnh. — Chứng hậu ở *Ba Kinh Âm*, là do công dụng của tạng phủ tự khởi biến hóa. Các y gia đời trước, những kẻ trầm mê không biết trở lại, nhận *Sáu Kinh* là vật báu bí mật của thiên kinh, địa nghĩa; những kẻ

tự cho chủ trương của mình là phải, thì cực lực công kích thành qui của *Sáu Kinh*. Do đấy có thể biết được, mấy ông ấy đối với học thuyết *Sáu Kinh*, không có một ông nào nhận thức triệt để.

### Bịnh Ôn với Tam Tiêu

Ông Lục Chi nói : Trong Sách *Lâm Chứng Chí Nam Y An* ông Dương An rằng : Sách *Thương Hàn Luận* của ông Trọng Cảnh, irước hết phân biệt *Sáu Kinh*. Lời luận về Bệnh Ôn Nhiệt của ông Hà Gian, cần phải nghiên cứu *Ba Tiêu* (tam tiêu). Trọng Cảnh *Thương Hàn tiên phân lục kinh*. Hà Gian *Ôn nhiệt, tu cứu tam tiêu* — 仲景傷寒先分六經，河間溫熱須究三焦)

Vả lại, phương pháp trị bệnh của ông Lưu Hà Gian cũng lấy *Sáu Kinh* làm định luật, hai chữ *Tam Tiêu* trước sau không hề thấy trong sáu loại sách (!) của ông thực không rõ mọi đầu ra trong Sách *Chí Nam* có lời nói này. Chừ lâu sự nhờ, Sách *Chí Nam* với lời luận về Bệnh Ôn (論瘟) của người Tây Xương, lại nhận cho là lời luận về Bệnh Ôn (論溫) của ông Hà Gian. Ước lược nhớ ra sách của ông Hà Gian, người ta nói khác hơn sách của ông Trọng Cảnh, cho nên không ngại đạo danh của ông Hà Gian vậy. Xem mấy chữ *Tiên Phân, Tu Cứu* (先分, 須究) cũng là hoàn toàn không thành cú pháp, lại còn mượn danh của bực đại y mà thiên hạ đều biết tiếng, để khai cái tẻ « Học thuyết Tam Tiêu » của ông Ngô Các Thông, đặt Học Thuyết Sáu Kinh ra ngoài vòng, không cần hiểu biết đến.

Sao chẳng hiểu, đề cương sáu kinh trong Sách *thương*

*hàn-luận*, dân có phải riêng về Bệnh Thương Hàn mà đặt ra ; bỏ sách *Thương Hàn Luận* thì sáu kinh thất truyền, bỏ sáu kinh thì sách *thương hàn luận* thất truyền. Thế thì ai dám cho lời nói của Sách Chỉ Nam là không quan hệ đến đại cuộc.

Ông Ngô Cúc Thông biên Sách *Ôn Bệnh điều biến* nói : Đại phạm Bệnh Ôn đầu tiên phát khởi ở Thương Tiêu, tại Kinh Thủ Thái Âm, rồi do Trung Tiêu lên hồi truyền xuống. (Vị phạm bệnh ôn giả, thủy ư thượng tiêu, tại Thủ Thái Âm, do trung-tiêu đệ truyền nhi hạ—凡病温者，始於上焦在手太陰，由中焦逆傳而下。) Lại nói : Bệnh Ôn trải qua, trước sau đều ở Phủ Tam Tiêu (Hạn vị ôn bệnh chi kinh quá, thủy chung giai tại tam tiêu—又謂温病之經過，始終皆在三焦。) Lấy tiên đề này, tự cho là : Bệnh Ôn Nhiệt có khác hơn bệnh Thương Hàn truyền biến *sáu kinh*.

Ngoài việc mượn danh Ông Lưu Hà Gian ra, Ông Lục Cửu Chi còn lời Bộ Sách *Mậu tu luận trị* của Ông Thế Bô Trai ra chỉ trích những chỗ sai quấy, Ông Lục cho là : công trị những chỗ tác nguy. Thế mà thuyết Bệnh Ôn truyền biến ở Tam Tiêu của Ông, lại hóa ra không đất cạm dùi. Song gần đây các Thầy Thuốc ở Thị Tỉnh, phần nhiều còn sùng phụng cận bã thừa thãi của Thuyết Tam Tiêu. Hoặc có người nói : Thuyết này do Ông Ngô Cúc Thông nguy tạo, kẻ thì nói : Ông Hà Gian chưa hề đề cập đến, khởi đầu tạo ra thuyết này, chính là Ông Ngô, nói sao cũng được.

Theo ý tôi thì cho là, Thuyết Ôn Bệnh ở Tam Tiêu

nếu quả đúng vững, thì Bệnh Ôn ở Thượng Tiêu, tất phải cấm hẳn uống nước, uống thuốc; nếu uống nước uống thuốc thì bệnh sẽ truyền vào Trung Tiêu. Bệnh Ôn ở Trung Tiêu, tất phải cấm dùng thuốc thông lợi đại tiểu tiện, bởi vì thông lợi đại tiểu tiện, bệnh sẽ truyền xuống Hạ Tiêu. Thuyết pháp như thế, thực đáng buồn cười.

Thế thì, thuyết Tam Tiêu như thế nào? Các y gia ở đời gần đây có nói: *Thượng tiêu* như giọt sương, thuộc về bộ máy tuần hoàn. (Thượng tiêu như vụ, thuộc tuần hoàn khí—上焦如露, 屬循環器). *Trung tiêu* như bọt nước thuộc về bộ máy tiêu hóa. (Trung Tiêu như âu, thuộc tiêu hóa khí—中焦如漚, 屬消化器). *Hạ tiêu* như sông ngòi, thuộc về bộ máy bài tiết. (Hạ tiêu như đợc, thuộc bài tiết khí—下焦如瀆, 屬排泄器). Ông Chương Thái Viêm thì nói: *tam tiêu* tức là ống lâm ba. (Chương Thái Viêm Thị, tặc vị Tam Tiêu tức lâm ba quản—章太炎氏, 則謂三焦即淋巴管). Chính là người thấy trí, thấy nason, chỗ thấy của ông có lý do tương đối. Nhưng ông chỉ giải thích danh nghĩa *tam tiêu* trên sinh lý mà thôi.

Tôi thì hiểu: Danh nghĩa *tam tiêu*, khá dĩ để làm phù hiệu cho giới hạn cạn sâu, trên chỗ trái qua của bệnh chứng.

*Thượng Tiêu*: đại biểu thời kỳ bệnh chứng sơ phát.

*Trung Tiêu*: đại biểu thời kỳ bệnh chứng kế tục tiến hành.

*Hạ Tiêu*: đại biểu thời kỳ bệnh chứng giảm thối, thân thể suy nhược.

Đây là khúc giải theo ý kiến tôi, không phải bản ý của Ông Các Thông vậy.

Lại nữa, xét về bệnh Thương Hàn Ôn Nhiệt, cũng đồng một loại với Bệnh Cảm Mạo, trạng chứng phát bệnh đại lược vẫn giống nhau, duy có lúc sơ khởi, ôn lạnh cùng chẳng ôn lạnh, khát nước cùng chẳng khát nước, sai biệt nhau thôi. Kinh Thái Dương là đại danh từ của thể ôn, thống hạc sự vận hành của phần Dinh, phần Vệ đúng theo chừng mực. Phạm những bệnh chứng *tán cảm*, không ngoài phạm vi của Kinh Thái Dương.

Ông Ngô Cúc Thông nói: Bệnh Ôn Nhiệt ở *tam tiêu*, lúc sơ khởi thì bệnh tà ở *thượng tiêu*, rồi lần hồi truyền xuống *trung tiêu* và *hạ tiêu*. Song trong lúc lâm sàng chẩn đoán, thì không thấy có mạch, chứng gì dị biệt để làm bằng cứ. Không biết chỗ thấy của ông Cúc Thông ở đâu, mà biết được ở bệnh của Chứng *thương hàn ôn nhiệt* bất đồng như vậy. So sánh lại, ông Lục Cửu Chi, lấy Sách Chỉ Nam để niết tạo ra Bệnh Ôn Nhiệt ở *tam tiêu*, mượn danh ông Lưu Hà Gian để làm công cụ đối đời. Đột Hoài Âm ông Ngô Cúc Thông nghe lóm theo, rán gương phản chia ngõ ngạch *tam tiêu* với sáu kinh mới thành ra có việc dĩ ngoa truyền ngoa vậy.

### Luận về bệnh Ôn Dịch nguyên nhân do tạp khí gây ra

Khí hậu của thời lịnh thay đổi, cảm thương mà rày cho thể ôn sai với thường thái, đều là chứng hậu sơ khởi của bệnh Thời Lịnh, ngày xưa bao quát chung với bệnh Thương Hàn của Kinh Thái Dương. Còn có bệnh cơ tiềm phục, ở trong bị uẩn át, thì gọi là *phục tá*. Khi Phong, Khi Hận, Khi Thử, Khi Thấp, không có khí nào



mà chẳng tiêm phục được. Phục tà phát khởi ra phần cơ biểu, thì trong Sáu Kinh, không có kinh nào mà chẳng phát sanh bệnh chứng được. Thế nên thầy thuốc xưa, cho là bệnh chứng bốn mùa, bệnh *tân cảm*, bệnh *phục tà*, đều bao quát trong *sáu kinh*. Duy có tà khí ứ trước, từ miệng mũi hít vào, truyền vào phần Đỉnh, thì ông Ngô Hựu Khả và ông Dương Lật Sơn, nhận cho là *tạp khí*. Mặc dầu giống với các bệnh tà tiêm phục ngoại phát, nhưng nguyên nhân thọ bệnh, và trạng chứng phát hiện cần phải phân biệt.

Một mặt thì, căn cứ theo khí hậu lạnh nóng của thời lệnh thay đổi; một mặt thì, căn cứ trên sự truyền bá ứ trước của mỗi địa phương, đem đến một loại bệnh khuẩn hữu tính, do vi sanh vật truyền nhiễm. Sở dĩ nói : Bệnh tà từ miệng mũi mà vào, thì nên nói là : *Bệnh Khuẩn Truyền Nhiễm* cho rõ ràng hơn.

Trước giả cho ông Ngô, ông Dương gộp chung hai bệnh Ôn Dịch và Ôn Nhiệt lại làm một, mà luận trị lẫn lộn nhau, e không tránh khỏi cái tệ lộn xộn không rành. Lại còn xác nhận Bệnh Chứng Phục Ôn là bệnh Ôn Dịch và muốn đánh đổ những thành án cũ lịch đại y gia lý luận về bệnh Phục Ôn. Lập thuyết lỗ mãng e không tránh khỏi vì chỗ sơ suất mà hại người Cho nên cần được đặc biệt cử chánh.

### Chỗ dị đồng của

**Tân Cảm, Phục Tà, Thương Hàn, Ôn Bệnh**

Từ Đời Thanh về sau, nói về bệnh cơ của chúng

Ôn Nhiệt, phần nhiều giống nhau ở chỗ : Bệnh Thương hàn, thì bệnh tà từ ngoài vào, cho nên dùng thuốc phát hàn càng sớm càng tốt. Bệnh Ôn nhiệt, thì bệnh tà từ trong ra, cho nên dùng thuốc thông hạ càng sớm càng hay. Lấy đây để hoạch phân ranh giới HỒNG CẦU giữa bệnh Ôn Nhiệt và bệnh Thương Hàn, sự thực không phải thế.

Nên dùng thuốc phát hàn, hay thuốc thông hạ, tất phải nhằm vào bệnh chứng phát hiện làm tiêu chuẩn. Nếu không khảo sát bệnh chứng cách tinh thường, chỉ câu chấp lấy danh từ *Thương Hàn*, *Ôn Nhiệt*, theo thành kiến khẳng định, thì không tài nào tránh khỏi sai lầm. Muốn biết đến chỗ cứu cánh, trước hết phải khảo sát ý nghĩa của sự mạng danh.

Thầy Thuốc xưa, lấy hai chữ *Thương Hàn*, để tổng xưng cho tất cả bệnh chứng *Cảm Mạo*, bao quát: *Chứng Phong*, *Chứng Ôn*, *Chứng Thử*, *Chứng Thấp* các chứng. Câu « từ ngoài vào trong » là chỉ cho các bệnh *Tân Cảm*. Hai chữ « Ôn Nhiệt » là biệt danh của bệnh *Phục Tà* ở bốn mùa. Phạm bệnh tà tiềm phục, không chờ bị cảm mạo, mà bệnh tự phát, đều là bệnh *Phục Tà*, và bệnh tình truyền biến, hết lớp này mọc ra lớp khác không cùng (giải rõ trong bài *Chứng Hậu Các Bệnh* của sách này). Thầy thuốc xưa, chỉ lấy câu : « dùng thuốc thông hạ càng sớm càng tốt » làm bao quát, thì đủ thấy chỗ gián lậu của Thầy Thuốc xưa là dường nào.

### Bệnh Ôn Tà cảm thọ từ trên miệng mũi vào.

Thầy thuốc đời nay, đều nhận cho là : Bệnh độc Thương

Hàn từ bì mao chui vào ; bịnh độc của Bịnh Ôn Dịch từ miệng mũi chui vào. Họ nói cách đường thấy rõ ràng như vậy.

Ông Cổ Cảnh Văn nói : Bịnh độc Ôn Dịch cảm thọ ở thượng bộ. (Ôn tà thượng thọ—溫邪上受).

Ông Hoa Trục Văn nói : Bịnh độc Ôn Dịch cảm xúc, chỉ lấy miệng mũi làm giới hạn—(Ôn tà chỉ cảm xúc, chỉ dĩ khẩu tỷ vi hạn—溫邪之感觸，只以口鼻為限). Trước giả thì nhìn thẳng vào sự diễn biến của bịnh cơ mà quan sát lấy.— Ông Ngô Hựu Khả nói : Bịnh độc Ôn Dịch là do bịnh khuẩn truyền nhiễm, đường lối xâm nhập vào thân thể con người, không thể lấy miệng mũi làm giới hạn. (Ôn dịch chi tà, vi bịnh khuẩn chi truyền nhiễm, kỳ đồ kinh, tả bất năng dĩ khẩu tỷ vi hạn—瘟疫之邪，為病菌之傳染，其途徑，且不能以口鼻為限). Nếu khi hậu bốn mùa thay đổi, thân thể cảm giác lạnh nóng bất thường, thì đầu phải riêng có miệng mũi gánh lấy trách nhiệm.

Hàn tà kích thích ôn độ ở phần bì phu, vì lẽ ấy mà người xưa xác nhận là « bịnh độc Thương Hàn theo phần bì phu mà vào. » Còn như gặp lúc khi hậu nóng nực hoặc sức nắng như thiêu như đốt, cảm thọ thành bịnh, sự vận hành của phần Dinh, phần Vệ phát sanh chương ngại ; lúc đầu khởi bịnh, thể ôn tất nhiên bị biến hóa tương đương, là thấy rõ không phải do miệng mũi thọ tà vậy.

Hoặc cho danh từ « ôn tà thượng thọ » của ông Cổ, là nơi về khi hậu ôn nhiệt dồn ép, ôn độ lên cao, huyết

quần ngẫu ngbet ở trong. Trong lúc công dụng phóng tán của thể Ôn mất chức, thì sự điều tiết trong thân thể, tất phải nhờ ở sự ho hen thở gấp của Phổi, để rán tìm lấy sự khôi phục cho sinh lý. Song sức phóng tán thể Ôn ở trong thân thể con người, công tác của lỗ chân lông, chiếm lấy tám chục phần trăm (80 %) trong toàn thể.

Chứng *thương hàn* của *Thang ma hoàng*, là vì quá sử: ôn lạnh, da thịt co rút, lỗ chân lông đóng chặt, thể Ôn không thể theo lỗ chân lông phóng tán ra bên ngoài, mới bôn tập lên Phổi gây ra Chứng Khí Sayễn. *Thang ma hoàng*, *thang ma hoàng nhị việp tỳ nhất*, *thang ma hạnh thạch cam*, đều do trạng chứng này mà lập pháp. Đem câu: « ôn tà thượng thọ » của Ông Cổ, để giải thích cho bệnh lý của chứng hậu này, thực rất phù hợp.

Người ta không rõ được lý này, muốn mượn danh nghĩa của Bình Ôn Nhiệt, dựng lên một mâu cò riêng biệt. Còn Ông Cúc-Thông thì trộm lấy bọ dãi của người trước, lại muốn cùng Sách *thương hàn luận* của Ông Trương Trọng Cảnh, chia cắt một nửa giang sau. Thực là không hiểu được bệnh lý Thương Hàn Ôn Nhiệt chút nào.

## CHƯƠNG THỨ BA

### PHƯƠNG PHÁP CHẨN ĐOÁN BỆNH THỜI LỊNH

Phương pháp chẩn đoán Bệnh Thời Linh khá nhiều, ở đây chỉ chọn lấy năm phép giản yếu, phân biệt giải thích như sau :

**1. Phân biệt bệnh Tân Cảm, bệnh Phục Tà.** Bệnh chứng Thời Linh, điều cần phân biệt trước nhất là *tân cảm* và *phục tà*. Bệnh *tân cảm*, bệnh nhân sức khỏe đầy đủ, cảm thọ bệnh độc khinh siển, thì chữa trị rất dễ công hiệu, có khi không cần chữa trị, bệnh cũng tự khỏi.

Bệnh *phục tà*, thì bệnh nhân sức khỏe yếu đuối, mà bệnh độc sâu nặng và truyền biến khôn lường, cần được chữa trị hợp pháp, ví như: lột chuỗi ươn to, hết lớp này đến lớp khác không cùng. Nếu không phải bực y gia kinh nghiệm sung túc, ít khi tránh khỏi bệnh tình mê hoặc. — Chỉ ư phương pháp phân biệt: Bệnh thể từ ít, lần hồi tăng nhiều, là do *tân cảm*. Một khi mắc bệnh, nước tàn dịch tức thời tỏa thương, biến chứng luân phiên phát tác, thì biết ngay là *phục tà*.

**2. Lạnh hay Nóng, bệnh tà ở phần biểu, hay vào phần lý,** tất phải phân biệt rành rẽ. Chỗ ưu điểm của Y Học Cổ Truyền, là ở nơi phân biệt *biểu, lý, hàn, nhiệt* của bệnh cơ. Khí hậu của thời linh thay đổi, sanh

ra các loại bệnh chứng, chính là chỗ trị liệu rất đặc trưng của Đông Y. Cho nên *biểu, lý, hàn, nhiệt*, chiếm lấy một địa vị rất trọng yếu trong sách *thời linh bệnh học*, phân biệt biệt luận như sau :

1. — BIỂU HÀN CHỨNG (Chứng lạnh ở phần cơ biểu).

Phạm bệnh đầu nhức, mình nóng, sợ gió, ớn lạnh, cổ đờ, lưng đau, mạch đi khẩn, không mồ hôi, ấy là chứng lạnh ở phần biểu.

2. — LÝ HÀN (CHỨNG) (Chứng lạnh ở phần lý)

Tay chân lạnh đồng, mạch đi Vi ; ỉa nước trong có mùi tanh như mùi Cải Bẹ Xanh, ấy là Chứng Lý Hàn.

3. — BIỂU LÝ GIAI HÀN CHỨNG (Chứng Trong ngoài đều lạnh)

Đầu nhức, ớn lạnh, không mồ hôi, đau bụng, mửa ỉa, tay chân lạnh, mạch đi Trầm, ấy là Chứng Trong Ngoài đều Lạnh.

4. — BIỂU NHIỆT CHỨNG (Chứng ở phần cơ biểu)

Phạm Chứng Ôn Thủ chẳng ớn lạnh, chỉ phát nóng, tự ra mồ hôi, lòng hút rút, miệng khát nước, ấy là Chứng nóng ở cơ-biểu.

5. — LÝ NHIỆT CHỨNG (Chứng nóng ở phần trong)

Tay chân ra mồ hôi, phát tác triệu nhiệt, không đi đại tiện, bụng trương đầy, lòng bút rút, sợ nóng, hen

suyễn. không nằm được, trong bụng chuyễn hơi đánh rầm, nóng lắm thì phát cuồng, ấy là chứng Nhiệt ở trong.

6. — BIỂU LÝ GIAI NHIỆT CHỨNG (Chứng trong ngoài đều nóng)

Chứng Triều Nhiệt, tự ra mồ hôi, bụng trướng đầy, đại tiện không thông, lòng bứt rứt, nói xam, họng khô, lưỡi rảo các chứng.

7. — LÝ CHÂN NHIỆT, NHI BIỂU DẢ HÀN CHỨNG.

(Chứng trong chân nhiệt, mà ngoài dả hàn)

Phạm lưỡi nóng họng khô, tưa lưỡi mọc chông gai, cuồng họng sưng đau, chón thủy bị đầy, bụng trướng. lấy tay đè lên thì đau lắm, khát nước mà đòi uống nước lạnh, đại rít, nước tiểu đỏ, đại tiện bí kết mà phân dẻo như sáp, hoặc ỉa nước trong, mà mùi hôi thúi gắt gao, ấy là Chứng ở trong Chân Nhiệt. Dày có phần da thịt khắp cả người sờ lạnh như nước đá, móng tay xanh đen, sán mạch động nhỏ rứt như sợi tơ. Ông Ngô Hựu Khả nói : Thân thể lạnh, mạch động lạnh. (thể khuyết, mạch khuyết — 體厥脈厥) chính là bệnh này vậy.

8. — LÝ CHÂN HÀN, NHI BIỂU DẢ NHIỆT.

(Chứng trong châu hàn, mà ngoài dả nhiệt)

Triệu chứng có hai :

A) Chứng phần *Trung Dương* suy nhược, ỉa mửa đau bụng, tay chân mát lạnh, tự đổ mồ hôi lạnh, sống lưng ớn lạnh dữ tợn, tiếng nói yếu ớt, ăn ít bụng đầy.

hai chân rất lạnh. nước tiểu trắng trong, tưa lưỡi nổi nà béo láng, hoặc tưa lưỡi trắng như vôi, hiện một mảng ngay giữa lưỡi; mạch động Trầm Vi muốn dứt, đó là bằng chứng ở trong thực lạnh. Duy ở phần cơ biểu nóng, phiền táo, khát nước, nhưng uống nước không được nhiều, đó là phần dã nhiệt hiện ở bên ngoài vậy.

B) Chứng Tạng Tâm suy nhược, hơi ngắn, thở nhịp một, đầu xây xẩm, lòng hồi hộp, hai chân lạnh, nước tiểu trong, ỉa nhão, hoặc ỉa chảy, hơi thở yếu, nơi chẳng đả lực, tưa lưỡi dày láng mà đen, đó là chứng cử chân hàn ở trong. Duy miệng mũi có khi ra máu, miệng khô, nước răng sưng, sắc mặt ửng đỏ, mạch đi Phù Sét, sờ mạch tay thì tan mất, ấy là chứng Dã Nhiệt hiện ở bên ngoài vậy.

### 3. Thăm tra thể chất mạnh yếu

Bệnh chứng phát hiện, lấy thể chất làm chủ, lệ như, người thể chất *sốt trúng* dễ bị *Chứng trúng phong*; người thể chất *phôi lao*, dễ bị *Chứng lao phôi*... không phải như thuyết của Tây Y, phân biệt về *thần kinh chất, đa huyết chất*. Bởi bài này căn cứ trên bệnh lý, không quan hệ với sinh lý, trên phương pháp chẩn đoán *Bệnh thời lệnh*, thăm tra thể chất của bệnh nhân là việc tất yếu; vì trong thể chất tự khởi biến hóa, là tổ nhân của các bệnh chứng. Nếu không tổ nhân, thì du nhân không dễ gì cảm thọ.

Người huyết nhiệt ứ tắc bên trong, dễ bệnh Ôn Thủ.

Người thể ôn suy giảm, thì dễ bệnh Thương Hàn.



Người chất tân dịch khô thiếu, thì dễ bịnh Thương Táo.  
 Người đàm nhớt ngưng trệ, thì dễ bịnh Thấp độc.  
 Thể-chất có quan hệ với bịnh chứng là như thế.

#### 4. — Quan sát lưỡi, tưa lưỡi và mạch

A) *Môi*: Phàm sắc môi thâm đen đỏ sừng, đều thuộc Nhiệt Tà uất át ở trong, nên dùng phép thanh giải. Như sắc môi đỏ sạm, mà nứt rách, hoặc sừng phù đỏ nám, miệng thối dị thương, đều thuộc bịnh nóng uất ở trong; nên dùng thuốc thanh, thì có pháp *thanh đạt*, *thanh thấu*, và *thanh tiết*, (các phép giải thấy ở các phương thang phía sau) không giống nhau.

B) *Lưỡi*: Chất lưỡi đỏ hay nhạt, là để phân biệt trong người độ nóng cao thấp; tưa lưỡi dày mỏng, là để phân biệt bịnh thể cạn sâu. Chứng Tân, Cảm, sắc lưỡi phần nhiều như thương; Chứng Phục Ôn, sắc lưỡi phần nhiều đỏ tươi, hoặc khô đỏ. Bịnh Thương Hàn, lúc sơ khởi sắc lưỡi phần nhiều trắng nhạt; Chứng Phục Thử sơ khởi, sắc lưỡi phần nhiều đỏ hồng.

C) *Tưa lưỡi*: Chứng tân cảm, màu của tưa lưỡi từ trắng đến dày, tiếp theo hoặc ửng vàng, hoặc như màu vôi. Chứng Phục Ôn lúc sơ khởi, phần nhiều lưỡi không có tưa, sắc lưỡi thâm hồng, hoặc khô đỏ, đến khi dùng phép *thanh thấu*, lưỡi mới bắt đầu trải lên một lớp tưa trắng.

D) *Mạch*: Chứng ôn, nhiệt thương hàn, Chứng tân cảm, lúc sơ khởi, phần nhiều mạch động *tháo* (táo) (người xưa

ngộ nhận là mạch *sát*, kỳ thực Mạch *tháo* với Mạch *sát* giống nhau) thì bệnh nhẹ mà dễ trị. Như Mạch *động phù đại* mà đời mạch *táo*, là bệnh tà đã lộ ra ngoài, cho uống một tề lương tán, tự nhiên khỏi bệnh. — Mạch *động trầm tế* mà đại Mạch *Táo*, là do chánh khí đã suy nhược, mau dùng thuốc *thanh thẩu*, còn có thể vãn cứu. — Như mình nóng, phiền *táo*, tinh thần hôn loạn, khát nước, chẳng đi đại tiện; trọng Mạch *động Trầm Tế* không sức, hoặc Trầm *Tri* dường như không mạch, là nhiệt tà xâm phạm vào trong, Tang Tâm suy nhược thái thậm. Mặc dầu dùng phép *thanh thẩu*, nhưng thuộc về trọng chứng nguy hiểm, không dễ gì chữa trị.

### 5. Khảo nghiệm hai đường tiện và nhan sắc

Chứng *tán cảm* lúc sơ khởi, hai đường đại tiểu tiện không có chi thay đổi. Chờ cho nhiệt tà kéo lâu ngày, đường tiểu tiện từ mà vang đổi ra màu đỏ, thậm chí đi tiểu nhều từ giọt, mà trong ống tiểu nghe đau. Ruột già khô ráo không tự nhuậ, đại tiện bắt đầu táo kết cứng rắn. Cũng có trường hợp hỏa độc sắc nếu ở bên trong, mà đại tiện toàn nước trong, thì nhứt định dùng thuốc công hạ.

## CHƯƠNG THỨ TƯ

### PHƯƠNG PHÁP CHỮA TRỊ BỆNH THỜI LẠNH

Bệnh chứng Thời Lạnh, thì lấy khí hậu thay đổi làm chủ thể. Nhân vì khí hậu thay đổi mà gây nên tật bệnh, như là : Khí trời lạnh lẽo bất thường, mặc áo mỏng dính, khí trời nóng nực bả: thường ở trần trụi trụi, không khí lạnh lẽo kích thích ở phần bì phủ. (Thầy thuốc xưa gọi chung là Thương Hàn).

Cách Trị : Lúc bệnh mới sơ khởi, nên *khai biểu trục tà*, bằng cách : *tân ôn phát hàn* hay *tân lương phát hàn*, chườm chườm liệu dùng. Nếu bệnh không có *phục tà* hoặc ngộ trị biến-chứng, thì có thể trị khỏi cấp kỳ. Như bệnh tà cả kê năm sáu ngày lâu lã, trở thành Chứng : nửa ngoài nửa trong. lạnh nóng qua lại. (Hàn nhiệt vãng lai chỉ bán biểu bán lý chứng - 往來寒熱之半表半裏證) thì nên dùng tễ hòa giải, để hòa giải chứng lạnh nóng hổ tương cấu kết.

Nếu Chứng Nội Nhiệt ở trong người trầm trọng, biến chứng nóng hốt, lòng phiền táo, tự ra mồ hôi, khát nước, là Chứng của Kinh Dương Minh. (Tâm phiền can nhiệt, tự hàn khẩu khát chỉ Dương Minh Chứng - 心煩亢熱, 自汗口渴之陽明證) thì nên dùng đại tễ thanh lương, làm cho Chứng nóng ở trong trở nên mát, và thông lợi hai đường đại tiện. Ấy là phương pháp chữa trị bản chứng của Bệnh Thời Lạnh vậy.

Còn như kiêm có Tý Vị hư hàn, chứng của Thái Âm Kinh; Tạng Tâm suy nhược, chứng của Thiếu Âm Kinh; lạnh nóng hồ tương cầu kết, chứng của Khuyết Âm Kinh, thì nên tùy theo kiêm chứng mà chữa trị.— Ngoài ra như : Chứng Xuân Ôn, Chứng Phong Ôn, Chứng Thử Ôn, Chứng Thấp Ôn các chứng, thì lại có phương pháp riêng biệt của mỗi loại bệnh, chữa trị không giống nhau. Song đại yếu không vượt ngoài ba kinh dương. Rõ được lẽ này, thì sự phân tranh tỵ tung của các nhà y học cổ kim về phép trị bệnh *thương hàn ôn bệnh*, chẳng còn thấy khó với lối học « nhứt dĩ quán chi ».

## THIÊN HAI

# ***Gác lời luận về Bệnh Thời Lịnh***

Bệnh Thời Lịnh chính là : *Bệnh Xuân Ôn, Phong Ôn, Ôn Bệnh, Thử Ôn, Phục Thử, Thấp Ôn, Thu Táo, Đông Ôn, Thương Hàn*. Duy có chủng loại thọ bệnh giữa chứng *Tân Cảm* với *Phục Tá* thì sai biệt nhau. Bệnh *Phục Tá* phát tác, thì có phát ở phần khí, hoặc phát ở phần huyết bất nhất, bệnh chứng dị biệt nhau, chia ra từng chương mà luận trị.

### CHƯƠNG THỨ NHỨT

### **BỆNH XUÂN ÔN**

Trong Tiết Trọng Xuân, cảm xúc khí hàn tà của thời lịnh mà phát bệnh, là thuộc về Chứng *Phong Ôn* của bệnh *Tân Cảm*. Như chứng *Phục Ôn* từ trong phát ra, chứng *Tân Cảm* từ ngoài lại cảm vào, là thuộc về chứng *Xuân Ôn* của bệnh *Phục Tá*. Duy sự phát tác của bệnh *Phục Tá* cần phải phân biệt : bệnh phát ở phần khí, hay

phần huyết, chương này cũng chia ra từng tiết tự thuật rõ ràng.

### I. CHỨNG XUÂN ÔN CỦA BỆNH TÂN CẢM

NGUYÊN NHÂN : Trong tiết Trọng Xuân, khí trời tuy ấm áp, nhưng hơi lạnh của mùa Đông hãy còn cấn lại, cảm xúc khí hàn tà của Mùa Xuân kích thích vào thân thể mà sanh bệnh.

BỆNH LÝ : Ôn độ ở trong thân thể con người, cần có một tiêu chuẩn nhất định, mới đủ sức duy trì cho thường thái sinh hoạt, đó là người bình thường không bệnh. Cứu cánh nguyên lý thể ôn số dĩ lên cao, gây nên máu nóng ứ tắc ở trong, là không ngoài : ăn uống đồ cay nóng, giận giận bất thường, trướng hỏa vọng động, lao lực quá độ ! các lý do này có thể gây cho trong thân thể tăng lên một nhiệt độ tối cao. Vì thể ôn lên cao bất thường, cho nên dễ bị cảm xúc hàn tà. Chứng Xuân Ôn của bệnh Tân Cảm, nếu không có huyết nóng ứ tắc ở trong gây ra tổ nhân, thì bất quá cũng cảm mạo sơ sài mà thôi vậy.

Bởi lẽ huyết nóng ứ tắc ở trong, hàn tà ần phục ở ngoài cự bề lẫn nhau, cho nên ngày giờ trải qua rất đầy dứa, đến thời kỳ chót của bệnh chứng, là chờ cho khi máu lỗ mũi chảy máu (tỷ nục), hoặc ban chân mọc ra ~~đỏ~~, thì bệnh mới chịu khỏi.

**CHỨNG HẬU :** Lúc bệnh sơ khởi, thì nhưc đầu, ớn lạnh, mình nóng, không ra mồ hôi, hoặc mình mảy đau nhưc không thư thối, hoặc ho hen, khát nước, hoặc lòng phiền táo, họng đau các chứng. Tiếp theo, dạ dày no buồn, cạnh sườn đau lói, lồng ngực không thư thối, lạnh nóng qua lại giống cữ rét, đại tiện bế kết, tiểu tiện vàng rít. Nóng lắm thì lòng bứt rứt, rối loạn, khô họng khát nước, thèm uống nước, hoặc ra máu mũi (tỷ nuc), hoặc mọc ban chần.

**CHẨN ĐOÁN :** Hình mạch ở bực phù thì động *Huyền Khẩn*, là hiện tượng bị hàn tà kích bác; bực trầm mạch động *Hoạt Sát*, là hiện tượng của chứng Nội Nhiệt. Lúc bệnh sơ khởi, tra lưỡi phần nhiều trắng, mỏng; hoặc nổi mụn lấm tấm, trên chót và chung quanh mụn ứng đỏ; hoặc trong cây lưỡi đỏ, tra dày, là bằng cứ của bệnh Đàm Nhiệt ứng át. Kế tiếp màu lưỡi ứng hồng mọc chông, màu chông vàng nhạt béo láng, là bệnh tà đã truyền vào Phủ Vị. Nên dùng thuốc thông tiết vị nhiệt.

**TRỊ PHÁP :** Bệnh sơ khởi, đầu nhưc, mình nóng, ớn lạnh không mồ hôi, ho hen, dùng *Thang Gia Giảm Kinh Phong Đạt Biều*.

Nếu ớn lạnh tầm thường, mà phát nóng kịch liệt, lòng phiền táo, khát nước, họng đau, dùng *Thang Gia Vị Song Xị Cát Cánh*. Chứng Phong Nhiệt gia trọng thì gia : *Phong Phong, Hoàng Cầm*.

Nếu lòng phiền táo, khát nước, ho suyễn, ớn lạnh không mồ hôi, dùng *Thang Ma Hạnh Thạch Cam*, thì chứng

ớn lạnh ở phần biểu lập tức khởi, chứng nóng uất ở trong cũng thông thấu ra ngoài.

Lòng phiền táo, cạnh sườn đau nhói, lạnh nóng như cũ rét, dùng *Thang Sái Hồ Chỉ Cát*. Nóng nặng lắm, dùng *Thang Gia Giảm Cao Cầm Thanh Đâm*. Mũi ra máu, gia *Xích Thược, Đơn Bì, Sơn Chi Tử (sao)*; Ban châu mọc ra, gia : *Ngưu Bàng Tử, Liên Kiều, Xích Thược, Mẫu Đơn Bì*.

Nóng lắm, ra mồ hôi nhiều, phiền táo khát nước, uống nước chẳng thôi, dùng *Thang Tân Gia Bạch Hồ*. Ban châu đã lộ ra, nóng nảy từ trong thông thấu ra ngoài, đáng lẽ mạch động hòa hoãn, mình này mát nê mà mạnh. Nhưng bệnh chưa chịu mạnh, là trong trường vị tất bị đình trệ, phải gia thêm loại thuốc sơ lợi trường vị đình trệ.

### XỬ PHƯƠNG :

#### 1.— Kinh phòng đạt biểu thang

(phép Tân ôn phát hàn)

Gia giảm phương kinh nghiệm của Ông Du

Kinh giới	荆芥	1 tiền rưỡi
Tô Diệp	蘇葉	1 tiền rưỡi
Quit hồng	橘紅	1 tiền rưỡi
Kiến khúc (sao)	建曲炒	3 tiền
Gừng sống	生薑	2 miếng
Phòng phong	防風	1 tiền rưỡi
Bạch chỉ	白芷	1 tiền rưỡi
Xích linh	赤苓	3 tiền
Hành củ	蔥頭	2 củ
Hạnh nhân	杏仁	2 tiền



**2.— Gia vị song xỉ cát cánh thang**

(phép Tân lương phát hạn)

Gia giảm Phương chữa hậu

Song bạch	葱白	1 tiền rưỡi
Cát cánh	桔梗	1 tiền rưỡi
Chi tử (sao)	枝子炒	1 tiền rưỡi
Trúc diệp	竹葉	3 tiền
Đậu sĩ	豆豉	3 tiền
Bạc hà	薄荷	1 tiền rưỡi
Liên kiều	連翹	3 tiền
Cam thảo	甘草	8 phân
Ngân hoa	銀花	3 tiền
Xích linh	赤苓	3 tiền
Trần bì	陳皮	1 tiền rưỡi

(Lồng ngực bứt rứt gia : chỉ xác, ngọc kim, ; ua nhọn gia : bán hạ, đại giả thạch ; ho hen gia : ngưu bán tử, tiền hồ ; nóng lắm gia : tưu cầm, phòng phong )

**3.— Ma hoàng thạch cam thang**

Phương của Thương hàn luận

Ma hoàng	麻黃	1 tiền
Hạnh nhân	杏仁	3 tiền
Cam thảo	甘草	8 phân
Sanh thạch cao	生石膏	4 tiền

**4.— Sài hồ chỉ cát thang**

Phương Kinh Nghiệm của Ông Du

Sài hồ	柴胡	1 tiền rưỡi
--------	----	-------------

Hoàng cầm	黄芩	1 tiền rưỡi
Chỉ xác	枳壳	1 tiền rưỡi
Cát cánh	桔梗	1 tiền rưỡi
Bán hạ	半夏	1 tiền rưỡi
Trần bì	陈皮	1 tiền rưỡi
Gừng sống	生薑	2 miếng
Hành sống	葱白	1 tiền rưỡi

### 5.— Cao cầm thanh đả thang

Phương kinh nghiệm của Ông Du

Thanh cao	青蒿	3 tiền
Chỉ xác	枳壳	1 tiền rưỡi
Chế bán hạ	製半夏	1 tiền rưỡi
Quảng bì	廣皮	1 tiền rưỡi
Hoàng cầm	黄芩	1 tiền rưỡi
Trúc nhự	竹茹	3 tiền
Bích ngọc tán	碧玉散	3 tiền gói riêng
Xích linh	赤苓	3 tiền

(Ban Chấn không lộ, thì gia : *Tây hà liễu, Anh đào hạch*).

### 6.— Tân gia bạch hổ thang

Giá vị phương của *Thương hàn luận*

Sanh thạch cao	生石膏	1 lượng
Sanh cam thảo	生甘草	1 tiền rưỡi
Tiên trúc diệp	鲜竹叶	3 chỉ
Tri mẫu	知母	4 tiền
Tiên hà diệp	鲜荷葉	5 tiền
Huyền sâm	玄參	5 tiền
Sơn chi	山枝	3 tiền
Đẳng tâm thảo	草心燈	5 phân

## 2. CHỨNG XUÂN ÔN CỦA BỆNH PHỤC TÀ

**NGUYÊN NHÂN :** Thầy thuốc xưa nói : Mùa Đông khi hàn tiềm phục, đến mùa Xuân hóa làm bệnh ôn. (Đông lĩnh hàn khí tiềm phục, chí xuân hóa vi ôn bệnh—冬令寒氣潛伏，至春化為溫病。) Con đường tiềm phục của bệnh tà, người thì nói tiềm phục ở phần cơ phủ, người thì nói tiềm phục ở phần huyết. Sự thực là hàn tà cảm xúc ở phần bì phủ, lỗ chân lông bị bế tắc, vật lão phế không bài tiết ra ngoài sạch sẽ, lau ngày chảy thàng, mới sanh ra bệnh vậy. (vi lẽ thể ôn phóng tán bị chướng ngại).

**BỆNH LÝ :** Bệnh này nguyên nhân do bệnh tà tiềm phục, xúc động với khí Xuân hàn mà phát tác ra ngoài vậy. Ông Vương Thủ Hòa nói : Vì mùa Đông cảm thọ khí hàn tà, tiềm phục ở phần bì phủ cơ nhục, đến mùa Xuân biến làm Bệnh Ôn. (Đĩ đông lĩnh sở thọ hàn tà, phục ư bì phủ cơ nhục, chí xuân biến vi Ôn Bệnh—以冬令所受寒邪，伏於皮膚肌肉，至春變為溫病。) Ông Du Gia Ngôn nói : Mùa Đông cảm thương bệnh Phục Tà của khí hàn, bệnh tà trốn núp ở phần bì phủ ; Mùa đông Bệnh Phục Tà của chứng bất tàng tinh, thì bệnh tà trốn núp ở tạng thận. (Đĩ Đông thương ư hàn chi phục tà, phục ư bì phủ ; Đông bất tàng tinh chi phục tà, phục ư thận tạng—以冬傷於寒之伏邪，伏於皮膚，冬不藏精之伏邪，伏於腎臟) Ông Liễu Bảo Dĩ nói : Bệnh Phục Tà cảm thương khí hàn của mùa Đông, là nói về tà khí thực ; bệnh Phục Tà của mùa đông chẳng tàng tinh, là nói về chánh khí hư. (Đông thương ư hàn chi phục tà, ngôn kỳ tà thực ; Đông bất tàng tinh chi phục tà, ngôn kỳ chánh hư—冬傷於寒之

伏邪，言其邪實，冬不藏精之伏邪，言其正虛。○ Ngũ khí dương chia hai nẻo, mà ý nghĩa qui về một suốt. Nếu mùa Đông chẳng tàng tinh, mà không hề cảm thọ hàn tà, thì thuộc về chứng hư thuần túy, không can hệ gì với Chứng Phục Tà của Bình Ôn. Nhân vì bệnh tà lúc sơ thọ, thì gặp khí tạng thận từ trước đã suy nhược. Cho nên bệnh tà mới gom lại, mà trốn vào Kinh Thiếu Âm.

Xét vì danh từ *phục tà*, bắt đầu có từ Sách Y Học của Ông Trương Vấn Trãi, suy diễn nghĩa lý Chứng Phục Hàn trong Sách Nội Kinh. Phát minh sáu khí đều có khả năng tiềm phục, bắt đầu từ Sách *phục tà tân thư* của Ông Lưu Kiết Nhơn.

Tra cứu chủng loại bệnh Phục tà, không phải chỉ giới hạn có một loại Bệnh Hàn Phục mà thôi, Nguyên nhân cảm thọ, là vì một bộ phận trong thân thể cảm thọ bệnh tà, cảm giác ngưng trệ, phát sinh tác dụng của bệnh lý: Bộ máy tuần hoàn chướng ngại, huyết dịch uất t-ệ, thành phần lão phế của sản vật, không bài tiết tân lượng đúng theo định luật *Tân Trần Đại Tả*, đình tích lâu ngày ở trong; lại thêm cảm xúc với tân tà ở ngoài. Cho nên bệnh thể phức tạp, truyền biến rất mau, so sánh với bệnh Cảm Mạo đơn thuần khinh siêu, sai biệt nhau khá xa. Ấy là nguyên lý của Chứng Phục Tà mà sanh ra bệnh.

a) *Bệnh phục tà ở phần khí.*

Lúc sơ khởi, nhưc đầu, đau mình, không ra mồ hôi, ớn lạnh. Kế đó thì lạnh nóng dờng rét (tợ ngược), miệng đắng sờn đầy. Quá lắm, thì mắt đỏ tai điếc, ngực buồn muốn mửa.

Bệnh tà truyền ra phần cơ biểu mà thấu đạt ra ngoài, thì nóng như thiên, lòng phiền táo, khát nước nóng liền liền, không sợ lạnh, chỉ sợ nóng. Thái thậm, thì tinh thần hôn loạn nói xàm, bộ ngực phát hiện ban châu, ỉa bòn, đại đỏ.

5) *Bệnh phục tà ở phần huyết.*

Lúc sơ khởi hơi ôn gió lạnh, mình nóng không mồ hôi, hoặc họng đau miệng khô, mặt đỏ môi nám, Ké đó thì lạnh ít, nóng nhiều, hơi nóng sờ muốn phồng tay, hoặc ra mồ hôi, nhưng vẫn nóng, hoặc thoát huyết, lòng phiền táo, hoặc ứ huyết, biến chứng như điên cuồng, tay chân vung văng, thần thức lơ mơ, táo động thì nói xàm, yên lặng thì làm tỉnh, hoặc hình trạng như Chứng Kinh-Giản, tay chân rút giật, và lạnh đồng, mà bộ ngực và bụng sờ thấy nóng rục.

*Riêng có chứng nóng vào buồng tinh.* Lúc sơ khởi, chứng hậu vẫn giống nhau, đau miệng khô lưỡi ráo, phiền táo nói cuồng hoặc mửa máu, hoặc nhóm chân răng, lưng đau như gãy, bụng dưới nặng trĩu; con trai thì *di tinh mộng tinh*, con gái thì *xích bạch đới hạ dầm dề*. Quá lắm thì khi nghịch lên chói tim, có hồi muốn lạnh run, hết lạnh run thì gân thịt thu rút, mình mảy cứng đờ (Kính 痙), sau khi mình mảy cứng đờ lại lạnh run, luân phiên nhau, gân động thịt giật, hai mắt trợn ngược, hoặc ngó xéo, lưỡi co lại, đại rút lên.

**CHẨN ĐOÁN:** Tra lưỡi lúc đầu thì trắng dày, chung quanh chót lưỡi đều đỏ, hoặc góc lưỡi hồng mà tra lưỡi trắng mỏng. Tiếp theo thì đỏ tươi, mọc mụn lấm tấm như sao văng, ở khoảng giữa lưỡi vàng, hơi lảng.

Mạch tượng, thì ba bộ bên tay trái, ứng Mạch Phù Huyền kiêm Mạch Khâu; ba bộ mạch bên tay phải, ứng Mạch Huyền hoạt, Trầm Sát, là thuộc chứng lạnh ở bên ngoài, kích bát với chứng nóng ở bên trong. Nên dùng thuốc *thanh tuyền và tiết nhiệt*. (trị phục tà ở phần khí).

Lúc đầu thì dưới gốc tưa lưỡi ứng hồng, phần trên dợn trắng, Tiếp theo, thì máu lưỡi đỏ tươi; thái thâm thì máu lưỡi đỏ tiết, ít nước miếng, hoặc đỏ thâm. Tay bên phải Mạch ứng Mạch Hồng thanh mà đái Mạch Táo: tay bên trái, mạch ứng Mạch Huyền Tế mà đái Mạch Trầm Sát, là thuộc Chứng Âm huyết hư có phục hỏa. Nên dùng thuốc *dưỡng âm kiêm thuốc thanh thấu*. (trị phục tà ở phần huyết)

CÁCH TRỊ: *Bệnh Phục Tà ở phần khí*, lúc sơ khởi, nhưc đầu, đau mình, ớn lạnh không mồ hôi. Kiềm có hiện tượng phiền táo khát nước. thì dùng *Thang Song xỉ cát cánh*, gia: *hoàng cầm, phòng phong, đề thanh nhiệt và tuyền thông*. Phương này là tuân theo cách dùng *Thanh Hoàng Cầm cứu ông Trọng Cảnh*.

Tiếp theo thì lạnh nóng giống chứng *Cử Rét*, người nóng rực, lòng phiền táo, khát nước uống nước liền liền, miệng đắng, sườn đầy, ỉa bón đái đỏ, thì dùng *Thang Sài hồ thanh cách*, đề côi mở nóng uất núp ở hai phần biểu lý. (nếu trong phương này gia: *cát căn, hoàng liên*, tức là *Tán Lương Cách* hợp với phương *Thang Cát căn cầm liên*).

Nếu thể nóng còn đương thanh hành, *ban chân sắp*

mọc ra, thì dùng *Thang Tân gia bạch hồ, gia ngư bàng tử, đại thanh diệp, mẫu đơn bì, tây hà liễu diệp*, để thanh *Chứng uẩn nhiệt* và *thần lộ ban châu*.

*Ban châu* ra rồi, nhưng bệnh nhân vẫn còn rên rỉ phiền táo, ưa nhợn mất ngủ, đó là hầy còn *đâm nhiệt* quá rồi ở bên trong, thì dùng *Thang Cao cầm thanh đóm*, thanh giải *chứng* *đâm nhiệt*. - Chỉ như *Thang Mạch Môn Đông* trong sách *Kim Qui*, dùng vào việc điều lý trong khi bệnh *chứng sập mạnh* cũng rất hay.

*Bệnh phục tà ở phần huyết*, lúc sơ khởi, hơi ớn gió lạnh, mình nóng không mồ hôi, lưỡi đỏ. *Mạch* đi Sát, thì dùng *Thang Gia giảm uy duy (nhuy)*, trước hết thông *thấu* bệnh tà ở phần biên. - Kế đó thì bệnh *nhơn phát* nóng sờ muốn phồng tay, lòng phiền táo nơi xâm, hoặc trong *đâm* *vướng máu*, hoặc *huyết độc ở đẹn*, bệnh *nhơn* như *điên cuồng*, *múa tay quơ chân*, thì dùng *Âm tế giác thanh lạc*.

Như mình nóng hư phiền, họng khô miệng khát, tiểu tiện không thông, thì dùng *Thang Đạo xích thanh tâm*.

Như thần thức lơ mờ, nói xàm, hoặc nằm thềm thiếp không nói, đường đại tiện bế kết, bụng đầy, thì dùng phép *Thông Tiện*.

Như không *chứng hậu* *bụng đầy đại tiện bế kết*, đơn độc thuốc về *nhiệt tà ung đốt* *Trung Khu Tri Giác Thần Kinh*, thì dùng *cao ngư hoàng*.

Như trạng *chứng* giống *Chứng Kinh Giản*, có lúc tay chân rút giật, thì dùng *Thang Linh dương cầu đằng*.

Như sau khi bệnh, phần khí hư, nước tân dịch khô ráo, phiền táo khát nước. Bệnh nặng thì dùng *Thang Trúc Diệp Thạch Cao*, bệnh nhẹ thì dùng *Âm Bát Trấp* của ông Cổ.

*Riêng có chứng nóng vào buồng tinh (nhiệt nhập tinh thất) 熱入血室*) lúc sơ khởi, chứng hậu vẫn tương đồng, thì *Thang Gia Giảm Uy Duy* cũng có thể dùng trị. Như tay bên hữu Mạch ứng Phù Hoạt mà đái Mạch Táo, tay bên tả Mạch ứng Huyền Tế Trầm Sát, chứng uất nhiệt phát hiện ra bên ngoài, tinh huyết hao hụt ở bên trong, thì trong phương này có thể bỏ *Vị Cát Cánh*, *Vị Bạc Hà*, gia : *Bạch Thược*, *Tri Mẫu*, *Sanh Địa*, *Hoạt Thạch*.

Như miệng ráo răng khô, phiền táo nói cuồng, con trai thì *Mộng Tinh*, *Di Tinh*, con gái thì *Xích Bạch Đái Hạ* dầm dề. Thấy thuốc xưa cho là : Phần âm huyết hư thoát, Thận khí tan rã ở bên trong ; nhưng sự thực, trấp dịch phân bí của bì chất ở phó thận, mất hết công dụng, đối với công tác thu súc ở vách huyết quản, và thu súc ở tinh nang đều buông xuôi, Cho nên huyết dịch và tinh dịch mới tự động tiết lậu dầm dề như thế. Người xưa nói : ở dưới kiệt quệ, ở trên khuyết tận (hạ kiệt thượng khuyết — 下竭上厥) rất là khó trị. Nhưng không lẽ cầm sào chờ ngủ, thử miễn cưỡng đề nghị dùng *thang A Giao Kê Tử Hoàng*, gia : *Tri Mẫu*, *Hoàng Bá* đều ba tiền, để thanh Chứng Hỏa Nhiệt, nuôi phần âm huyết, an tĩnh chứng gân thịt rút giật. Bệnh thể nguy ngập đến đời này, bất quá cũng phải rán hết sức người mà thôi vậy.



XỬ PHƯƠNG:

**Song xỉ cát cánh thang**

(Thấy ở chứng Xuân Ôn của bệnh *tán cảm*)

**7.— Sài cầm thanh cách thang**

Phương của ông Đào, ông Du gia giảm

Sài hồ	柴胡	1 chỉ rưỡi
Sơn chi	山柅	1 tiền rưỡi
Cát cánh	桔梗	1 tiền rưỡi
Cam thảo	甘草	1 tiền rưỡi
Hoàng cầm	黄芩	1 tiền rưỡi
Liên kiều	连翘	3 tiền
Chỉ xác	枳壳	1 tiền rưỡi
Đại hoàng	大黄	1 tiền rưỡi
Bạc hà	薄荷	1 tiền rưỡi
Trúc điệp	竹叶	3 tiền

**Tân gia bạch hủ thang**

(Thấy ở chứng Xuân Ôn của bệnh *tán cảm*)

**Cao cầm thang đảm thang**

(Thấy ở chứng Xuân Ôn của bệnh *tán cảm*)  
(bổ Thanh Cao, gia Táo Nhân, Đại Giả Thạch)

**8.— Mạch môn đông thang**

Mạch Đông	麦冬	5 tiền
Bán hạ	半夏	2 tiền
Sa sâm	沙参	3 tiền
Cam thảo	甘草	1 tiền
Ngạnh mễ	梗米	5 tiền
Đại táo	大枣	2 lạng

**9.— Gia giảm uy duy (nhụy) thang**  
(phép · tư âm phát hạn)

Uy duy	威 梨	3 tiền
Bạch vi	白 薇	1 tiền rưỡi
Cát cánh	椶 桔	1 tiền
Song bạch	葱 白	2 tiền
Cúc hoa	菊 花	3 tiền
Huyền sâm	玄 參	3 tiền
Ngưu bàng tử	牛 旁 子	1 tiền rưỡi
Đặc hà	薄 荷	1 tiền rưỡi
Đậu xị	豆 豉	3 tiền
Cam thảo	甘 草	8 phân

**10.— Tê Đắc thanh lạc ồm**  
Phương của ông Du Căn sơ

Tê đắc	犀 角	1 tiền rưỡi
Đơn bì	丹 皮	1 tiền rưỡi
Đào nhân	桃 仁	1 tiền
Tiên mao căn	鲜 茅 根	1 lượng
Trúc lịch	竹 沥	5 tiền
Tửu cầm	酒 苓	2 tiền
Xích thực	赤 芍	1 tiền rưỡi
Liên kiều xác	連 翘 壳	3 tiền
Tiên xương bồ	鲜 薑 蒲	3 tiền đằm nát
Cương trấp	薑 汁	3 giọt
Đăng tâm	燈 心	1 tiền nấu lấy nước sắc thuốc

**11.— Đạo xích thanh tâm thang**

Do Tân Phương Đạo Xích gia giảm

Tiên Sanh Địa	鲜生地	6 tiền
Phục Thần	茯神	3 tiền
Mộc thông	木通	1 tiền
ích ngươn tán	益元散	3 tiền
Phấn đơn bì	粉丹皮	2 tiền
Châu đăng tâm	珠灯心	8 phân
Liên tâm	莲心	1 tiền
Mạch đông	麦冬	5 tiền
Trúc diệp	竹叶	3 tiền
Quynh bạch đồng tiện	(荃白重便)	1 chung

Thuốc sắc tới hòa chung với nước thuốc uống.

**12.— Ngưu hoàng cao**

Phương của ông Lưu Hà Gian

Tây ngưu hoàng	西牛黄	
Mẫu đơn bì	牡丹皮	
Chánh mai phiến	正梅片	
Quảng ngọc kim	广玉金	
Chanh châu thần	正珠辰	
Sanh cam thảo	生甘草	các vị chia đồng nhau.

*Cách dùng* : các món thuốc trên chia đều nhau, nghiền thật nhỏ, dùng 2 phân chia làm ba lần uống, hòa với nước sôi hoặc hòa chung với thuốc thang khác, cách mỗi tiếng đồng hồ uống một lần.

**13.— Linh dương câu đẳng thang**

Phương kinh nghiệm của Ông Du

Linh dương giác	羚羊角	1 tiền
Tang diệp	桑葉	3 tiền
Xuyên bối mẫu	川貝母	4 tiền
Đại sinh địa	大生地	5 tiền
Cam thảo	甘草	1 tiền
Câu đẳng câu	鈎藤鈎	3 tiền
Phục thần	茯神	3 tiền
Cúc hoa	菊花	3 tiền
Sanh bạch thược	生白芍	3 tiền
Tửu cầm	酒茶	2 tiền

*Cách sắc* : Dùng 5 chỉ Đạm Trúc Như nấu lấy nước để sắc thuốc ; đợi thuốc sôi 5, 10 đạo sẽ để Vị Câu Đẳng vào sau.

**15. Trúc diệp thạch cao thang**

Phương của Thương Hàn Luận

Trúc diệp	竹葉	3 tiền
Sanh thạch cao	生石膏	5 tiền
Sao bán hạ	炒半夏	2 tiền
Sa sâm	沙參	5 tiền
Mạch đông	麥冬	5 tiền
Cam thảo	甘草	1 tiền
Ngạnh mễ	枳米	5 tiền

**15. — Gia giảm cố thị bát trấp ẩm**

Bỏ Hà Diệp Trấp, Tây Qua Trấp;  
gia Mạch Đông Trấp, Đạm Trúc Lịch

Cam giá trấp	甘蔗汁
Ngẫu trấp	藕汁
Lê trấp	梨汁
Lô căn trấp	蔗根汁
Tiểu sanh địa	小生地
Mạch đông trấp	麦冬汁
Đạm trúc lịch	淡竹瀝
Tiên mao căn trấp	鲜茅根汁

Các món thuốc trên, mỗi món đảm vắt lấy nước 5  
tiền, hòa chung với nhau nấu sôi đôi ba dạo, mỗi lần  
nướng 1 lượng, cách mỗi tiếng đồng hồ nướng một lần.

**16. — A giao kê tử hoàng thang**

Gia giảm phương của ông Định Phong Châu

A giao	阿膠	3 tiền
Bạch thực	白芍	4 tiền
Sanh qui bản	生龜板	5 tiền
Câu đằng	鈎藤	3 tiền
Sanh địa	生地	6 tiền
Chích thảo	炙草	1 tiền
Sanh mẫu lệ	生牡蠣	5 tiền
Phục thần	茯神	3 tiền
Kê tử hoàng	雞子黃	2 trứng

Vị Mâu Lệ, Vị Qui Bản nấu trước, kế đó để Vị A Giao vào nấu cho tan, đoạn chắt nước thuốc ra cho nguội tí, để hai cái trứng đỏ trứng gà vào khuấy đều, hòa với thang thuốc trên chia hai lần uống.

## CHƯƠNG THỨ HAI

### BỆNH PHONG ÔN

Sự phân biệt giữa bệnh *Phong Ôn* với bệnh *Xuân Ôn*, khác nhau ở chỗ có mồ hôi, hay không mồ hôi. Có mồ hôi là bệnh *Phong Ôn*, không mồ hôi là bệnh *Xuân Ôn*. Như : trong sách *Thương Hàn Luận* phân biệt : Có mồ hôi là bệnh *Thương Phong*, không mồ hôi là bệnh *Thương Hàn*, đó cũng chẳng qua là phân chia giới hạn trên danh xưng mà thôi. — Chỉ như chỗ thành nhân của bệnh : 1.— Bệnh *Phục Tà*, là do *Ôn Tà* tiềm phục sẵn ở trong thân thể, nhân cơ hội cảm gió mà bệnh độc phát khởi. 2.— Bệnh *Tân cảm*, là trong người đương mạnh khỏe, do cảm thọ khí *phong ôn* của thời lệnh mà sanh bệnh. Bệnh nhân bất đồng, chứng hậu cũng sai biệt.

Ông *Lôi Thiệu Đạt* nói : Chữa trị *Bệnh Ôn* trong ngày mùa *Xuân*, tất phải phân biệt, đầu là *Tân Cảm*, đầu là *Phục Tà*, là điểm rất thiết yếu. Xem bệnh thể từ nhẹ, lẫn hồi gia trọng, biết ngay là bệnh *Tân Cảm* ; một khi thọ bệnh, phần tân dịch lập tức bị thương tổn, biến chứng luân phiên nhau xuất hiện, biết ngay là bệnh *Phục tà*. (Phạm trị *xuân nhựt ôn* bệnh, tất tu biện kỹ thực vi tân cảm, thực vi phục tà, tở vi thiết yếu. Quan bệnh thể do tiềm nhi gia, kỳ nhân ư tân cảm khả tri, nhứt bệnh tân dịch tức thương, biến chứng diệt xuất, kỳ nhân ư

Phục tà hựu khả tri — 凡春日温病，必須辨其孰為新感，孰為伏邪，最為切要，觀病勢由漸而加，其因於新感可知；一病津液即傷，變症迭出，其因於伏邪又可知。）

## I. CHỨNG PHONG ÔN CỦA BỊNH TÂN CẢM

NGUYÊN NHÂN: Cảm thọ khí hậu của thời lịnh thay đổi, kích thích vào thân thể con người mà sanh bệnh.

BỊNH LÝ: Tra cứu các sách Đông Y xưa nói: Gió là đầu độc của trăm ngàn thứ bệnh. (phong vi bách bệnh chi trưởng — 風為百病之長) danh nghĩa của chữ *Phong* là đại danh từ của không khí. Phong, là chỉ cho các bệnh chứng, đều lấy sự thay đổi của khí hậu làm chủ thể, năng lực của bệnh truyền nhiễm, cũng trông cậy vào sự truyền bá của không khí. Chỉ như thành nhân của bệnh chứng thời lịnh, cũng do sự biến hoá đặc thù của khí hậu, cảm nhiễm lấy tức thì sanh bệnh, gọi là bệnh *tân cảm*.

Bệnh lý của chứng Tân Cảm rất đơn giản, bất quá nhân khí phong hàn thay đổi kích thích, khiến cho lỗ chân lông hở hang, hạn tuyến lợi lỏng, giao cảm thần kinh buông xuôi. Cơ thể nên hiện tượng mạch đến hoãn, ra mồ hôi, sợ gió các chứng hậu. Thể ôn vì tác dụng cứu tế Chứng Sợ Gió, ra mồ hôi, bốn tập ra phần cơ hiệu. Cho nên mồ hôi ra càng nhiều, thì phát nóng lại càng dữ dội. Nhân cơ phát nóng dữ dội, mồ hôi ra lại càng nhiều. Nếu không cảm được Chứng ra mồ hôi, thì Chứng Phát



nóng cũng không biết bao giờ chấm dứt. Sau đây là phương pháp chữa trị Chứng Trùng Phong, mình phát nóng, tự ra mồ hôi của Ông Trương Trọng Cảnh.

Thang Quế Chi sở dĩ trong dung Vị Bạch Thược, là nhằm trị chứng thần kinh thủy hoãn, mạch động Hoãn, sợ gió. Tác dụng của Vị Quế Chi, chính là điều tiết sự vận hành của huyết dịch, đồng thời giúp cho Chứng Thần kinh thủy hoãn trở nên hưng phấn. Công hiệu của Vị gừng Sừng, là kích thích chặt niêm mô ở bộ phận Da Dày; chứng thích ứng nhứt nhứt với nó là: cơ chi chứng ứa mửa. Chỉ như Vị Cam Thảo, Vị Đại Táo trong thang này, và sau khi nong thuốc xong thì húp cháo lỏng, đều là tăng gia thành phần dinh dưỡng cho phủ Vị. Nguyên lý dùng Thang Quế Chi để chữa Chứng Phong Hàn, bất quá là như thế.

Còn như, Chứng Phong Ôn, Phong Nhiệt trong tháng mùa Xuân; Chứng Phong Thử, Phong Thấp trong tháng mùa Hạ, và Chứng Phong Táo trong tháng mùa Thu. Mỗi bệnh chứng tuy có đặc điểm sai biệt nhau, mà bản vì *phong* mà phát bệnh thì có một, ý-nghĩa tương thông nhau vậy.

Song nguyên lý thọ bệnh, mặc dầu có chỗ tương đồng, mà phương pháp trị liệu, thì mấy may không được tạm bợ, ở trên chứng hậu cần được phân biệt rạch ròi, không nên tổng quát thi trị. Đem bệnh bốn mùa *cầm mạo* cho lẫn lộn vào trong Môn Thương Hàn, đó là chỗ sai lầm của các Y Gia từ Đời Đường, Đời Tống về sau vậy. Chỗ phân biệt của hai loại bệnh này, đều được giải-thích rõ ràng trong sách này.

**CHỨNG HẬU:** Bệnh sơ khởi, đầu nhức, mình nóng, hơi sợ gió lạnh. Tiếp theo vẫn sợ gió, phát nóng, tự ra mồ hôi mà bệnh nóng không khỏi, lòng phiền táo, khát nước, ho hen có đàm lỏng, hoặc lỏng ngực bứt rứt, cạnh sườn đau nhói, hoặc họng đau, hoặc mũi ra máu. Thậm chí ho ra máu, đường tiểu tiện đỏ rít, đường đại tiện không thư thối.

**CHẨN ĐOÁN:** Tựa lưỡi lúc đầu thì màu trắng, mỏng, chung quanh chót lưỡi thì đỏ; tiếp theo lưỡi đỏ, tựa lưỡi vàng. Mạch tượng lúc đầu phần nhiều ứng Mạch Phù Hoãn, hoặc Mạch Phù Sát, hoặc Mạch Huyền Sát, Mạch Hoạt Sát, đó là tượng trưng bệnh tá Phong Ôn của thời lịnh, kích thích với Chứng Nội Nhiệt vậy.

*Cách trị:* Lúc bệnh sơ khởi, sợ gió, phát nóng, tự ra mồ hôi, ho hen, thì dùng *Thang Song Xị Cát Cảnh*, gia: *Bạch Thược, Hoàng Cầm, Tiền Hồ*. Như Chứng sợ gió đã khỏi, duy còn chứng mình nóng, tự ra mồ hôi, thì dùng *Thang Tân Gia Bạch Hồ*. Như dư nhiệt ở trong chưa sạch, lỏng ngực nóng uất khó chịu, thì dùng *Thang Liên Kiều Chi Xị*, gia: *Hoàng Cầm Trúc Diệp*.

## XỬ PHƯƠNG :

**Thang Song xỉ cát cánh**(giải thấy ở Chứng Xuân Ôn của *Bệnh Tân Cẩm*)**Tân gia bạch hồ thang**(giải thấy ở Chứng Xuân Ôn của *Bệnh Tân Cẩm*)

## 17. — Liên kiều chi xỉ thang :

Thanh liên kiều	青連翘	3 tiền
Hương đậu xỉ	香豆豉	3 tiền
Sao chỉ xác	炒枳壳	1 tiền rưỡi
Tan di nhân	半夏仁	5 phân
Quảng ngọc kim	廣玉金	1 tiền rưỡi
Phúc Quít lạc	福橘絡	1 tiền rưỡi
Thu kiệt cánh	秋桔梗	1 tiền rưỡi
Sao sơn chi	炒山梔	2 tiền
Bạch khấu nhân	白叩仁	5 phân

∴

**2. CHỨNG PHONG ÔN CỦA BỊNH PHỤC TÀ**

**NGUYÊN NHÂN :** Cảm thọ khí ấm nóng kích thích, gây cho công dụng tuần hoàn của thể ôn phát sanh chứng ngại, lại đậm thêm bệnh *Tân Cẩm*, mới phát hiện các trạng chứng ngoại cảm.

**BỊNH LÝ :** Điểm bất đồng giữa bệnh *Phục Tà* với bệnh

*Tân Cẩm ở chỗ* : Bệnh *Tân Cẩm*, thì bệnh độc từ ngoài xâm nhập vào trong; Bệnh *Phục Tả*, thì bệnh độc từ trong xuất hiện ra ngoài. Vì từ trong xuất hiện ra ngoài, cho nên lúc sơ khởi, thì *đầu nhức, mình nóng*. Tiếp theo thì *mình nóng rực, tự ra mồ hôi*, mà bệnh vẫn chẳng khởi.

Khát nước, là vì khí nóng nung nấu ở trong, nước tân dịch bị tiêu hao.

Mình nóng rực, là do *Phục Tả* của bệnh *Phong Ôn*, gây cho thể ôn lên cao, công dụng tán ôn bị mất chức.

Tự ra mồ hôi, là vì nhiệt độ xung xích ở phần cơ tảo, hạn tuyến bị sức nóng un đốt. Vì lẽ ấy, mà số lượng của hạn dịch phân bố quá nhiều, nước tân dịch bị hao hụt. Tại thêm mình nóng rực, tự ra mồ hôi, thì chất tân dịch trong thân thể lại càng hao hụt, thần kinh thiếu thốn nhu nhuận, sự tri giác vận động cảm thấy chậm chạp, cho nên mình *mây nặng nề, và buồn ngủ gật gờ*. Đó là bệnh cơ thúc đẩy lẫn đến tinh thần hôn mê. Thần kinh Phổi bị nóng nảy un đốt, thì trong mũi thở như ngáy. Đó là tiền khu của chứng thở nhịp một vạy.

Hình thái của bệnh *Mình nóng rực, tự ra mồ hôi*, dùng *Thang Tân Gia Bạch Hồ* rất là đúng nhịp. Nếu không biết lý này, lầm dùng thuốc phát hạn, thì thần kinh ở họng lưỡi sưng nghệt, mà biến Chứng Ma Tỷ. (đạt phạm thuốc phát hạn đều kích thích tuyến thể, khiến cho sưng lớn lên. Thầy thuốc xưa nói: Chứng Bạch Hầu kỵ dùng thuốc phát hạn. Biết được lý này, thì rõ được tại sao chứng Ma Chấn dùng thuốc *thấu phát* quá nặng, tất sanh chứng *yết hầu* sưng nghệt.) Vì đó mà bệnh nhân nói không

ra tiếng, đồng thời bao nhiêu phần nước ở trong thân thể đều bài tiết hết ra ngoài, cho nên bệnh nhân tiểu tiện không thông.

Còn lầm dùng thuốc làm Hạ (xả), thì hại lây cho Trung Khu Thần Kinh của trường vị, gây ra chứng Mắt Trục Thị của bệnh óc, và thần kinh của Bàng Quang bị tê dại không ước thúc được, mà biến chứng đái són. — Chứng Phát Hoảng (vàng cả người) là do nước mắt lộn vào máu gây ra. Bệnh Kinh Giản là do hiện tượng của chứng Não Mô Viêm. Đó là hoại chứng của Bệnh Phong Ôn, nhân vì lầm dùng hỏa công gây ra vậy.

**CHỨNG HẬU**: Lúc bệnh sơ khởi, đầu nhức, mình nóng, hơi sợ gió lạnh. Tiếp theo vẫn sợ gió, phát nóng như thiêu, tự ra mồ hôi mà bệnh vẫn không khỏi. Khát nước Mạch động Phù, mình nặng, buồn ngủ, hơi mũi thở o-o (ngáy). Như dùng thuốc phát-hạ thì nói không ra tiếng, tiểu tiện không thông. Nếu dùng thuốc làm hạ (xả), thì mắt trục thị, đái són. Còn bị hỏa công thì mẩn da ứng vàng, quá lắm thì phát Chứng Kinh Giản, tay chân rút giắt.

**CHẨN ĐOÁN**: Mạch bên tay phải ứng Phù Hoãn, tay trái Mạch ứng Huyền Tiêu mà đái Sắt. Tựa lưỡi lúc sơ phát sắc trắng mà mỏng. Tiếp theo thì tựa lưỡi trắng trơn, chót lưỡi phần nhiều đỏ tươi mà khô ráo, là thuộc về Phục Tà của Bệnh Phong Ôn vậy.

**CÁCH TRỊ**: Bệnh lúc sơ khởi hơi sợ gió lạnh, mình nóng ra mồ hôi, dùng Thang Song xỉ cát cánh gia:

hoàng cầm, bạch thược. Tiếp theo thì mình nóng như thiêu, tự ra mồ hôi, dùng *Thang Tân gia bạch hồ gia*: Bạc Hà (1), *bạch thược*. Nếu mình mây nặng nề buồn ngủ, ngủ li bì, hơi mũi thở o-o, thì dùng *Thang Tân gia bạch hồ*, tống hạ *Đơn tử tuyết*. Như bịnh nhân đàm trực nặng nề, tưa lưỡi béc lảng, thì dùng *Đơn chỉ bửu*. Nếu làm dùng thuốc phát hạ, bịnh nhân họng sưng nói không ra tiếng, tiểu tiện không thông, thì dùng *Thang Tân gia bạch hồ*, gia: *xạ can, tiên xanh địa, hoạt thạch, trúc điệp*, chứng nóng quá thâm trọng, thì gia: *tê dác, linh dương dác*. Phát Vàng, thì dùng *Thang Cao cầm thanh đằm*. Kinh Giản Rút Giật, thì dùng *Thang Linh dương dác cầu đẳng*. Mất Trục Tỵ, Đái Sỏi, thì dùng *Đơn chỉ bửu*.

PHỤ LỤC: Ông Hà Ta Sơn nói: Chứng Phong Ôn, bịnh phục tà ở phần khí, lúc sơ phát dùng thuốc giải biểu, biểu tà tuy giải; nhưng Phục Tà từ trong lại lộ ra, hiện lên chứng hậu nóng lạnh như sốt rét, lồng ngực bị đầy, trong lòng buồn bực, ưa mưa không thêm ăn, nên dùng *Âm sai hồ đạt nguyên cồi mở Phục Tà*, giúp cho uất nhiệt từ trong được thông thấu ra ngoài. Tiếp theo, nếu xét thấy bịnh chứng táo nhiệt thì dùng *Thang Tân gia bạch hồ*, lấy mùi cay ngọt, tính mát lạnh để thanh nhiệt. — Nếu xét thấy bịnh chứng thấp nhiệt, thì dùng *Thang Tăng giảm hoàng liên tả-tâm* lấy mùi cay đắng ngọt lại để thanh nhiệt thâm thấp. — Như có trạng chứng đáng dùng thuốc hạ, xét coi bịnh tình nặng, nhẹ, hoãn, gấp, chám chước lựa dùng một trong các *Thang thừa khí*.

Như Bịnh Phục Tà ở Phần Dinh, so sánh với Bịnh

Phục Tả ở Phần Khí, có phần nặng hơn. Lúc sơ phát, thì dùng *Thang Xong xỉ cát cánh*, sau khi dùng thuốc tán lương phát tán, bệnh tả ở phần biểu tuy giải, tạm thời nóng lui người mát. Nhưng còn chứng nóng tiềm phục bên trong chưa trừ, cho nên tiếp theo lại phát nóng rục, tự ra mồ hôi, phiền táo mất ngủ, thần thức lúc tỉnh lúc mê, về đêm hay nói xàm, mạch động Mạch Sát, lưỡi đỏ; thái thậm thì tay chân lạnh, Mạch hiện Hãm Phục cấp tốc dùng phép thanh thấu chứng nóng ở Phần Dinh, khiến cho phục tả trở ra phần Khí. Phần Khí được tuyên thông, Phần Vệ được bài tiết, hoặc bệnh độc treo ban chần mọc ra mà giải trừ, hoặc theo mồ hôi mà giải trừ. Bệnh nhẹ thì dùng *Thang Bê hoàng kim ngọc*, bệnh nặng thì dùng *Âm Tế dác thanh lạc*, bệnh nguy kịch thì dùng *Đơn Tử thuyết*, *Tán Hành quân* công hiệu như thần.

### XỬ PHƯƠNG :

**Song xỉ cát cánh thang.**

**Tân gia bạch hồ thang.**

(Hai phương này giải thấy ở Chứng Xuân Ôn của Bình Tân cảm.)

**18.— Tử tuyết đơn**  
**Cuộc phương hòa tễ**

Hoạt thạch	滑石	1 cân
Hàn thủy thạch	寒水石	1 cân
Phát tiêu	朴硝	nửa cân
Huyền sâm	玄參	nửa cân
Thạch cao	石膏	1 cân
Thanh mộc hương	青木香	2 lạng
Từ thạch	磁石	1 cân
Mang tiêu	芒硝	6 lạng
Thăng ma	升麻	6 lạng
Công đĩnh hương	公丁香	3 tiền
Trầm hương	沉香	2 lạng
Chích thảo	炙草	2 lạng
Thần sa	辰砂	1 lạng 2 tiền
Xạ hương	麝香	8 tiền
Tê giác	犀角	2 lạng
Linh dương giác	羚羊角	2 lạng

*Cách chế* : Trước hết đem vị : *Hoạt thạch, hàn thủy-thạch, từ thạch, tê giác, linh giác*, nấu lấy nước thật đậm, bỏ xác. Rồi đem vị : *Mộc hương, trầm hương, thăng ma, đĩnh hương, cam-thảo, huyền sâm* trộn đều với nước thuốc trước nấu lấy nước thật đậm, bỏ xác. Đoạn đổ bột Vị : *Phát tiêu, mang tiêu* vào, lửa riu-riu nấu cho sôi đều, dùng nhánh cây liễu quậy chắt ngừng tay, chờ nước thuốc đặc lại. thì gia : Vị *xạ hương, thần sa* vào hòa đều, để nguội. Mỗi lần dùng một hai tiền, uống với nước ấm nóng.



**19. — Chỉ bửu đơn**

Gia giảm Cuộc Phương

Tê giác	犀角	1 lạng
Đại mạo	玳瑁	1 lạng
Ngưu hoàng	牛黄	5 tiền
Châu sa	硃砂	1 lạng
Hồ phách	琥珀	1 lạng
Xạ hương	麝香	5 tiền

*Cách chế:* Dùng 1 lạng *an tức hương* nấu tan, hoà với bột thuốc trên làm hoàn, tất cả là một trăm hoàn, dùng sáp làm bao. Mỗi lần uống một hoàn; bệnh rất nặng, mỗi lần uống ba hoàn, uống với nước chia.

**Cao cầm thanh đàm thang**(giải thấy Chứng Xuân Ôn của bệnh *Tâm Cầm*)

(Bỏ thanh cao gia nhân trần long đàm thảo)

**Linh dương câu đẳng thang**

(đã thấy Chứng Xuân Ôn của bệnh Phục Tà)

**20.— Sài hồ đọt nguyên âm**

Gia giảm phương Ôn Dịch Luận

Sao sai hồ	炒 柴 胡	1 tiền rưỡi
Xuyên hậu phát	川 厚 朴	8 phân
Sanh cam thảo	生 甘 草	8 phân
Ngọc kiết cánh	玉 桔 梗	1 tiền rưỡi
Bội lan cánh	佩 蘭 梗	2 tiền
Sao chỉ xác	炒 枳 壳	1 tiền rưỡi
Tiểu thanh bì	小 青 皮	1 tiền rưỡi
Tử hoàng cầm	酒 黄 芩	1 tiền rưỡi
Ôi thảo quả	煨 草 果	1 tiền rưỡi
Nam Tân lang	南 楝 榔	2 tiền

**21.— Tăng giảm hoàng liên tả tâm thang**

Gia giảm phương của Ông Trọng Cảnh

Sao hoàng liên	炒 黄 连	8 phân
Phi hoạt thạch	飛 活 石	3 tiền
Tiểu chỉ thiết	小 枳 實	1 tiền rưỡi
Tử hoàng cầm	酒 黄 芩	1 tiền rưỡi
Đạm trúc dệp	淡 竹 葉	2 tiền
Chế bán hạ	製 半 夏	2 tiền
Sanh cương trấp	生 薑 汁	2 giọt
Phương thông thảo	方 通 草	3 tiền
Thạch xương bồ	石 菖 蒲	3 tiền
Đăng tâm	燈 心	5 phân

**Cách chế:** Dùng vị Đông Qua Tử 2 lạng sao chín nấu lấy nước sắc thuốc.

PHONG ÔN

**22. — Xương bồ ngọc kim thang**  
Cải đĩnh phương kinh nghiệm của Ông Hà

Tiên bạch xương bồ	鮮石菖蒲	3 tiền
Quyên tâm trúc điệp	捲心竹葉	3 tiền
Nuyên ngọc kim	川玉金	2 tiền
Tế mộc thông	細木通	1 tiền rưỡi
Sao sơn chi	炒山柰	3 tiền
Thanh liên kiều	青連翹	3 tiền
Phấn đơn bì	粉丹皮	2 tiền
Sanh cương trấp	生薑汁	3 giọt
Đạm trúc lịch	淡竹瀝	5 tiền
Tử kim phiến	紫金片	5 phân

Dùng 2 tiền Đãog Tâm nấu lấy nước để sắc các vị thuốc trên.

**23. — Hành quân tán**  
phân lượng đổi mới

Ngưu hoàng	牛黃	1 tiền
Xạ hương	麝香	1 tiền
Hùng hoàng	雄黃	3 tiền
Hỏa tiêu	火硝	3 tiền
Băng sa	硼砂	1 tiền
Băng phiến	冰片	1 tiền
Trân châu	珍珠	12 tiền
Kim phi	金飛	20 tờ

Các môn thuốc trên hợp chung, nghiền thật nhỏ, trộn đều, mỗi lần dùng 2. 3 phân, uống với nước chín.

## CHƯƠNG THỨ BA

### BỆNH ÔN

(có chỗ xưng là Bệnh Nhiệt)

Thầy thuốc xưa nói : Những bệnh sau tiết Lập Hạ, trước tiết Hạ Chí, gọi là : *Bệnh ôn*. Những bệnh sau tiết Hạ Chí, trước tiết Thu Phân, gọi là : *Bệnh thử*. (Lập Hạ dĩ hậu, Hạ Chí dĩ tiền, hoạn giả vi Ôn Bệnh. Hạ Chí dĩ hậu Thu Phân dĩ tiền, hoạn giả vi Thử Bệnh. — 立夏以後，夏至以前，患者為溫病。夏至以後，秋分以前，患者為暑病)。

Sách Nội Kinh biên : Trước tiết Hạ Chí ấy là Bệnh Ôn, sau tiết Hạ Chí ấy là Bệnh Thử phải vậy. (tiên Hạ Chí giả vi Bệnh Ôn, hậu Hạ Chí giả vi Bệnh Thử thị giả — 先夏至者為病溫，後夏至者為病暑是也). Đại phạm Bệnh Ôn, Bệnh Thử, không có bệnh nào lúc sơ phát mà chẳng ôn lạnh. Cho nên Sách Nội Kinh cho là : Các Bệnh Nhiệt, đều thuộc về loại Bệnh Thương Hàn. (Nhiệt Bệnh giai thuộc Thương Hàn chi loại — 熱病皆屬傷寒之類).

Sách Nan Kinh nói : Bệnh Thương Hàn có năm. (Thương hàn hữu ngũ — 傷寒有五). Cho là Bệnh thương Hàn bao quát cả Bệnh Thử và Bệnh Nhiệt, vì lúc sơ khởi bệnh nào cũng đều có cảm giác ôn lạnh. Hoặc do cảm hàn mà phát bệnh, hoặc do Thương Thử mà phát bệnh, hoặc Bệnh Ôn

có kiem hàn, hoặc Bệnh Ôn có kiem Thử, lúc lâm sàng khám bệnh cần phải phân biệt rành mạch.

### Bệnh ôn kiem hàn

NGUYÊN NHÂN : Nguyên nhân gây ra Bệnh Ôn có hai :

1) — Do khí nóng uẩn súc trong thân thể, bệnh nhân bất tỉnh linh, lại cảm nhiễm hàn tà từ ngoài xâm nhập, biến thành Chứng *Ngoại lạnh trong nóng*.

2) — Do khí hậu thời lịch nóng nực, cổi trần hùng gió, biến thành chứng nóng lạnh trối buộc lẫn nhau. (hàn nhiệt tháo-phục — 寒熱奪伏). Nguyên nhân thọ bệnh tuy khác, mà chứng hậu phát hiện, đại khái giống nhau.

BỊNH LÝ : Trước giả, đối với bệnh lý Chứng Xuân Ôn của Bệnh Tân cảm, đã từng trình trọng giải thích rõ ràng. Nếu không phải do nhân tố huyết nhiệt ủng tắc ở trong thì bất quá là *Cảm mạo* sơ sai mà thôi. Nhân vì uất nhiệt ủng tắc ở trong, hàn pục ở ngoài, cho nên ngày giờ tái qua của bệnh chứng rất là triền miên. Bệnh chứng đến thời kỳ chột, có khi phải chờ được chảy máu mũi, hoặc mọc Ban Chẩn mới chĩa khỏi. Đối với Bệnh Ôn kiem cảm hàn tà cũng thế.

CHỨNG HẬU : Trước khi bệnh chứng chưa phát tác một vài ngày, tất có ớn lạnh run en, hơi sợ gió lạnh. Tiếp theo thì mình nóng không ra mồ hôi, nhưc đầu sợ lạnh. Trái qua đôi ba ngày, lại lăm dùng thuốc Tân ôn *phát hàn*, thì chẳng còn ớn lạnh nữa, chỉ phát nóng, lòng phiền táo, sợ nóng, miệng khô khát, uống nước liền liền.

Thái thậm thì má ửng đỏ, môi nám đen nứt nở, lưỡi khô họng đau, tinh thần rối loạn, đêm ngủ nói xàm, tiểu tiện đỏ mà ngắn rit, đại tiện khô táo, dưới sườn nóng Hạ Ly, hoặc ỉa chảy, bụng đầy hơi. Nếu bị ngộ trị, thì ho ra máu, hoặc mửa ra máu, hay ỉa ra máu; tay chân rút giật, thần thức hôn mê, ngủ vùi, các chứng. (có mồ hôi hay không, trên phép trị cần phải phân biệt).

**CHẨN ĐOÁN :** Tựa lưỡi trắng mà hơi vàng, là thuộc về Bệnh Đàm Nhiệt ứng át. Lưỡi đỏ không tựa, thuộc về Bệnh Nhiệt Tả Tiềm Phục. Tựa lưỡi mục thúi dày đặc, thuộc về Chứng cận bã chứa đóng trong trường vị.

Hình Mạch, tay bên trái mạch động Phù Khẩn, tay bên phải mạch động Phù Hoạt. Mạch Phù Khẩn, là tượng chứng lạnh cầu thúc bên ngoài; Mạch Phù Hoạt, là tượng chứng nóng uất át ở trong. Nhân cảm thọ khí lạnh của thời linh mà phát bệnh vậy.

**CÁCH TRỊ :** Lúc bệnh sơ phát, mình nóng không mồ hôi, dùng *Thang Song vị cát cánh*. (Bệnh nóng lắm, tiểu tiện không thông, gia : Hoạt Thạch, Hoàng Cầm.)

Không lạnh, chỉ nóng, lòng phiền táo khát nước, dùng *Thang Tân gia bạch hồ* (có mồ hôi thì dùng). Nếu không mồ hôi, lưỡi khô, họng đau, tinh thần rối loạn, nói xàm, dùng *Âm Thanh ôn giải độc*.

Đại tiện táo kết, hoặc sườn nóng Hạ Ly mà bụng đầy, dùng *Thang Bạch hồ thừa khí*.

Ho ra máu, mửa ra máu, ỉa ra máu, dùng *Thang Tế dác địa hoàng*, gia thêm thuốc đối chứng.— Thần thức hôn mê, ngủ vùi, dùng *Đơn tử tuyệt* ba phân.

XỬ PHƯƠNG :

**Thang Song xỉ cát cánh**

(Thấy ở Chứng Xuân Ôn của Bệnh Tân Cảm)

**Thang Tân Gia Bạch Hồ**

(Thấy ở chứng Xuân Ôn của bệnh Tân Cảm)

**24.— Âm Thanh Ôn Giải Độc**

(Nhức đầu gia : Cúc Hoa... 3 tiền, Cương Tâm... 3 tiền ; ít mồ hôi gia : Ngân Hoa... 3 tiền, Thanh Cao... 3 tiền.)

Phương tân đình của Dư Sư Ngu

Sanh thạch cao	生石膏	1 lượng
Tê giác	犀角	1 tiền rưỡi
Sao sơn chi	炒山栀	3 tiền
Tửu hoàng cầm	酒黄芩	3 tiền
Kính xích thực	京赤芍	2 tiền
Thanh liên kiều	青连翘	3 tiền
Phấn đơn bì	粉丹皮	3 tiền
Tiểu sanh địa	小生地	3 tiền
Xuyên hoàng liên	川黄连	1 tiền rưỡi
Ngọc kết cánh	玉桔梗	1 tiền rưỡi
Đại tri mần	大知母	3 tiền
Đại huyền sâm	大玄参	3 tiền
Sanh cam thảo	生甘草	2 tiền
Tiên trúc diệp	鲜竹叶	3 tiền
Thanh Cao	青蒿	3 tiền

**25.— Thang Bạch Hồ Thừa Khí**  
 Phương kinh nghiệm của Ông Da

Sanh thạch cao	生石膏	8 tiền
Xuyên đại hoàng	川大黃	2 tiền
Đại tri mẫu	大知母	2 tiền
Sanh cam thảo	生甘草	2 tiền
Tiên hà diệp	鮮荷葉	1 tiền
Mang tiêu	芒硝	2 tiền

**26.— Tê giác địa hoàng thang**

Tê giác	犀角	1 tiền
Sanh địa hoàng	生地黄	3 tiền
Kính xích thực	京赤芍	2 tiền
Phấn đơn bì	粉丹皮	2 tiền

**Đơn Tử Tuyết**

(Thấy ở chứng Phong Ôn Phục Tà)

∴

**2. BÌNH ÔN KIÊM BÌNH THỬ**

NGUYÊN NHÂN: Ngày bình thường bình nóng nảy uất kết trong người, đó là nhân tố; chờ khi cảm thọ khi độc ôn thử của thời lịnh mới phát tác. Sách *Nội kinh* nói: trước ngày Hạ Chí phát bệnh là: *Bệnh Ôn*. Sau ngày Hạ Chí phát bệnh là: *Bệnh Thử*. Song không nên quá ư câu chấp ngày giờ, đại khái *Bệnh Ôn* kiêm *Bệnh Hàn*, hay kiêm



Bệnh Thử, đều phát tác trước hoặc sau Tiết Hạ Chí, xem ở khi trời lạnh hay nóng để phân biệt.

**BỆNH LÝ :** Bệnh này do huyết nhiệt vọng hành, thuộc về Chứng Cấp Tinh Nảo Sang Huyết. Khởi điểm xuất phát trước — nhất là chứng hậu *Nhức đầu xây xâm*, thân thể mỗi mề rung rời, là thuộc về trung khu vận động thần kinh bị nhiệt ta ung đốt. Mắt như dính bụi, miệng khô, khát nước uống liền liền, là do nội-nhiệt sang xích ở trong, hiện trạng thể ôn bị uất át, nước tân dịch hao hụt.

Sách Thương Hàn Luận, Ông Trọng Cảnh có nói : Lòng phiền táo, miệng khô khát, lưng hơi ôn lạnh, dùng Thang Bạch Hồ gia : Nhân Sâm chủ trị đó. (Tâm phiền khẩu táo khát, bối ở hàn giả, *Bạch Hồ gia Nhân Sâm Thang chủ chi* — 心煩口渴渴, 背惡寒者, 白虎加人參湯主之). Đó là vì nhiệt uất ung đốt ở bên trong, bộ lưng tuy cảm giác ôn lạnh, song chỉ khảo sát trên trạng chứng : Tâm phiền, khẩu táo khát, có thể chứng minh đó là Chứng Ôn Nhiệt kiêm Thử, vậy.

**CHỨNG HẬU :** Lúc bệnh sơ phát, thì phát nóng, mình mảy mỗi mề rả rời, bộ lưng hơi ôn lạnh, nhức đầu xây xâm da mặt đỏ nhám (diện cẩu) răng khô, khát nước uống liền liền, lòng phiền táo, sợ nóng. Nếu bị ngộ trị, hoặc lầm cho uống thuốc ôn táo, tất phát Ban Chẩn. Lúc nhiều loạn hơi thổ khô khè, khát nước; nằm yên tĩnh một mình thì nói nhảm, về đêm thì nói xàm, đại tiện hoặc bế tắc, hoặc ỉa chảy mà không thông thả, ngoài cả : biến chứng, với bệnh trước hơi giống.

**CHẨN ĐOÁN .** Tựa lưỡi hơi vàng mọc gai, nền dùng

thuốc : *Sanh tân tả nhiệt*. Lưỡi vàng muc thối dày đặc, nên dùng thuốc : *Thông đạo Đỉnh Tích*. Lưỡi đỏ bầm, hoặc đỏ tươi, nên dùng thuốc : *Thanh lương Chứng Phục Nhiệt*. Mạch động Trầm tiêu mà có sức, là bằng chứng dịch xác Nhiệt là xâm nhập vào trong.

CÁCH TRỊ : Nhức đầu xây xâm, nóng rực, mình mảy mồi mề rung rời, dùng *Thang IẤN GIA BẠCH HỒ* (bỏ Vị Tang Chi, gia : *Hoạt Thạch*).

Nhức Đầu Xây Xâm đã khỏi, nhưng nóng thừa chưa khỏi hẳn, dùng *Thang Trúc điệp thạch cao*. Nếu bệnh nhân sức khoẻ suy nhược dùng *Thang Tân Đỉnh Thanh thử ich khí* của ông Vương Mạch Anh. Nếu thực tà ủng trệ, châm chước dùng *Thang Bạch hồ thừa khí*, *Thang Tê liên thừa khí* các phương.

PHỤ KÝ : Ông Vương Tú Sơn nói : Bệnh chứng đại nhiệt, trước hết làm hại cho khí huyết : Phần khí nóng nảy, phiền táo khát nước, ra nhiều mồ hôi ; Mạch di Hồng lưỡi khô, thì dùng *Thang Bạch Hồ* làm chủ. Kiềm chứng Phong, thì gia : *Tang Diệp, Bạc Hà* ; kiêm Chứng Hàn, thì gia : *Thông Bạch, Đậu Sí* ; kiêm Chứng Thử, thì gia : *Thanh Cao, Hương Nhu* ; kiêm Chứng Thấp, thì gia : *Thương Truật, Hậu Phát* ; Khí hư, tẩu dịch hao hụt, thì gia : *Tây Dương-Sâm, Mạch Đông* ; Huyết hư hỏa vượng, thì gia : *Sanh Địa, Đơn Bi* ; Đàm nhữn khí trệ, thì gia : *Bán Hạ, Quít Hồng* ; Lạc mạch tề đại, gân cơ rút, gia : *Linh Lạc, Quế Chi* ; Nóng hại bộ óc, gia : *Tê Lạc, Câu Đẳng, Út Lý Nha* ; Nóng uất, đại tiện không thông, gia : *Hoang Cầm, Hoàng Liên, Phát Tiên*, tùy theo chứng mà gia giảm. Đ

là phương pháp chữa Bệnh Táo Nhiệt làm tổn thương phần khí vậy.

Còn trị về bệnh nóng đốt ở Phần Huyết, phiên táo nói xàm, Mạch đi sát, lưỡi đỏ, thì lấy Thang Tề giác địa hoàng làm chủ. Kiên cố Chứng Chấn, gia : Liên Kiều, Ngưu Bàng Tử, Tử Thảo, Đại-Thanh ; kiên cố Chứng Ban, gia : Huyền Sâm, Đại Thanh, Mao Căn, Lô Căn ; Mửa ra máu, gia : Chế Đại Hoàng, Tiêu Xuyên Liên, Trúc Nhự, Tam Thất tan bột ; ỉa ra máu, gia : Mau Căn, Hòe Hoa, Ngân Hoa Thán, Địa Du Thán ; Ứ huyết, gia : Đào Nhân, Hồng Hoa, Đơn Sâm, Ích Mẫn Thảo ; Chứng Phong Kích (風疾) gia : Linh Đác, Câu Đẳng, Cúc Hoa, Út Lý Nhân ; Tỏi tím may mặt, bắt tình nhân sự, (bôn khuyết 昏 疾), châm chước dùng Đơn Tử tuyết, Tân Hành quân, và Đơn Chi bửu. Nhiệt Độc thanh hành, gia : Kim Tráp, Nhân Trung Hoàng, Tử Hoa Địa Đinh, Tử Kim Phiến. Đó là cách trị nóng đốt ở phần huyết vậy.

Nếu Phần Khí, Phần Huyết đều bị hỏa nhiệt ung đốt, mà thất trị, hoặc ngộ trị, thì tất gia hại đến phần chân âm (Trước giả xét câu : « gia hại đến phần chân âm : thương cập chân âm » tức là công tác phân bí dịch thể ở phó thận, bị chất bị thu rút, vách huyết quản và tinh nang phát sanh biến hóa), tinh khô, tủy nóng, xương sống đau ê, di tinh đái hạ, hoặc ho ra máu, ỉa ra máu, trong xương nóng rực (cốt chung lao), hai má ửng hồng, mạch hình đi Huyền ma đái Mạch Tế Sát ; lưỡi đỏ, ưa lưỡi thưa thớt. Đó chính là bệnh trở tục cho là : Sau khi đau ốm dang dài, trở thành bệnh chứng : âm hư lao tổn, dùng Thang Nại Gia Long Cốt Mẫn Lệ, bỏ gừng, Tào, Phu Tử, gia :

Tri Mầu, Hoàng Bá, Sanh Địa, Qui Bản chữa trị. — Tiếng ho yếu ớt, gia : Mạch Đông, Dã Bá Hợp, Xuyên Bối Mầu Quít Lạc ; Hơi Suyễn hụt yết, gia : Từ Thạch, Bắc Ngũ Vị, Câu-Kỷ, Trầm Hương. Không đủ sức khạc đàm, gia : Trúc Lịch, Trọng Bối. Nấc Cục thiếu hơi, gia : Đại Giả Thạch, Trầm Hương, Điều Đậu Tử, Ngưu Tất, Hư Nhiệt, gia : Thanh Cao, Biết Giáp, Ngân Sài Hồ, Địa Cốt Bì.

Như sau khi thọ bệnh, dư nhiệt dấy đưa không dứt, tinh thần mê mệt, mất ngủ. Lòng hồi hộp, mắt không khiếp, hoảng hốt không yên ; khi thì nói năng lộn xộn, lúc lại nói chuyện một mình, nhắm mắt lại, thì kinh khủng phỉ thường ; lúc tỉnh dậy lại kêu la. (1) Bộ Thốn Mạch động Phù Hồng, Bộ Quan, Bộ Xích Mạch đi Huyền mà đại Mạch Tế Sát, hình lưỡi có quầng tròn lớn, đỏ nổi nà, thì dùng Thuang Hoàng Liên A Giao, gia : Bán Hạ, Truật Mễ, Táo Nhân, Phục Thần làm chủ trị. Có chứng Đờ Mồ Hối Trộm (lạo hạn), gia : Phù Tiễn Mạch, Mầu Lệ ; Hồi Hộp, gia : Tây Ngưu Hoàng, Châu-Sa. Nhiều đàm nhớt, gia : Trúc Lịch, Xuyên Bối. Thiếu máu, gia : Bạch Thược. Đương Qui, Sanh Địa Đêm ngày đều mất ngủ, gia : Dạ Giao Đẳng, Dạ Hiệp Hoa ; mất ngủ thái thậm, thì dùng Thanh Quỳ, Hoàng Liên, mỗi thứ 3 phân tán nhỏ làm hoàn cho uống. Tinh thần không khoáng sáng thì dùng loại Đơn Chi Bửu. Đó là đại yếu của sự chữa trị chứng đại nhiệt, truyền biến từ sơ kỳ, trung kỳ, và mạc kỳ vậy.

(1) Đây là một trạng chứng mà gia đình bệnh nhân tin là bị ma quỷ ám ảnh ; nhưng sự thực là do bệnh hoạn sử nhiên, không nên chạy chữa bằng quơ mà thêm hại.

XỬ PHƯƠNG :

**Tân Gia Bạch Hồ Thang**

(Thấy ở chứng Xuân Ôn của bệnh Tân Cảm)

**Trúc Diệp Thạch Cao Thang**

(Thấy ở chứng Xuân Ôn của bệnh Tân Cảm)

**27. — Vương thị tân đính thanh thử ích khí thang**

Phương của Vương Mạnh Anh

Tây dương sâm	西洋参	1 tiền rưỡi
Đại mạch đông	大麦冬	5 tiền
Tiên trúc diệp	鲜竹叶	3 tiền
Tri mẫu	知母	3 tiền
Ngạnh mễ	粳米	1 lượng
Xuyên hoàng liên	川黄连	1 tiền
Tiên hà can	鲜荷叶	1 thước
Sanh cam thảo	生甘草	1 tiền
Tây qua y	西瓜衣	4 tiền
Thạch học	石斛	1 lượng

**28. — Tê liên thừa khí thang**

Phương của Thông Tục Phương Hàn Luận

Tê giác tiêm	犀角尖	5 phân
Chân kim trấp	真金汁	1 lượng
Tiên sanh địa	鲜生地	3 tiền
Tiểu chí thiết	小枳实	1 tiền rưỡi
Tiểu xuyên liên	小川连	8 phân
Sanh đại hoàng	生大黄	2 tiền

**29. — Bạch hồ thang**

Phương của Thương hàn Luận

Sanh thạch cao	生石膏	1 cân
Tri mẫu	知母	6 lượng
Ngạh mễ	粳米	6 hiệp
Cam thảo	甘草	2 lượng

(Nên châm chước lại theo cân lượng hiện thời mà dùng)

**Tê dác địa hoàng thang**

(Thấy ở bệnh Ôn kiêm Hàn)

**Tử tuyết đơn**

(Thấy ở chứng Phong Ôn của bệnh Phục Tả)

**Hành quân tán**

(Thấy ở chứng Phong Ôn của bệnh Phục Tả)

**Chí bửu đơn**

(Thấy ở chứng Phong Ôn của bệnh Phục Tả)

**30. — Tử kim đơn**

(lại có một tên : Ngọc Khu Đơn)

Sơn từ cô	山慈菇	2 lượng
Thần sa	辰砂	5 tiền
Hùng hoàng	雄黄	5 tiền
Hồng nha đại kích	紅芽大戟	2 lượng
Thiên kim sương	千金霜	2 lượng
Tô hiệp hương	蘇合香	1 lượng
Băng phiến	冰片	3 tiền
Nạ hương	麝香	3 tiền

Các món trên hợp chung, tán làm bột rất nhỏ, gao hồ in thành miếng nhỏ phơi khô, mỗi lần uống 3 phân đến 5 phân. Bệnh chỉ trọng, uống 1 tiền là cùng.

**31. — Nhị gia long cốt mẫu lệ thang**

Phương của Thương Hàn Tiển phẩm

Sao bạch thược	炒白芍	4 tiền
Nôn bạch vi	嫩白薇	3 tiền
Chích Cam Thảo	炙甘草	2 tiền
Hắc phụ tử	黑附子	2 tiền
Hà long cốt	煅龍骨	3 tiền
Hà mẫu lệ	煅牡蠣	3 tiền
Gừng sống	生薑	3 miếng
Táo đen	大棗	3 trái

**32. — Hoàng Liên A Giao Thang**

Phương Thương Hàn gia vị

Sao hoàng liên	炒黃連	1 tiền
Tiền sinh địa	小生地	5 tiền
Tứ hoàng cầm	酒黃芩	1 tiền rưỡi
Tròng đỏ trứng gà	雞子黃	2 cái
Trần a giao	陳阿膠	3 tiền
Sanh bạch thực	生白芍	3 tiền



## CHƯƠNG THỨ TƯ

### BỆNH THỨ ÔN

Vào lúc cuối Mùa Hạ, Tiết Tiểu Thử, Tiết Đại Thử, khi trời nóng bức. Vì lẽ sợ nóng nực, tìm nơi mát mẻ để trốn nắng (tý thử 暍 暑) mà bị cảm Thử, kiêm cả Thấp lẫn Hàn. Ở đây phân biệt rành rẽ thế nào là Bệnh Thử Ôn kiêm Thấp, thế nào là bệnh Thử Ôn kiêm Hàn.

#### I. BỆNH THỨ ÔN KIÊM THẤP

NGUYÊN NHÂN : Sau tiết Hạ Chi, trước Tiết Lập Thu là lúc khi trời nực nội, khi đất nóng nãy. Khi hậu của trời đất nóng hầm, trung cảm tức thời sanh bệnh, gọi là : Bệnh Thử Ôn. Có nhân ăn qua quả sống lạnh, uống nước đá, nước trong tủ lạnh, hoặc tắm nước lạnh mà gây ra bệnh này.

BỆNH LÝ : Bệnh chứng thuộc về cảm mạo tính trong tháng nắng, dồi dào tính chưng phát, và sức ngưng trước, ra rất nhiều mồ hôi mà bệnh không giải trừ. Lồng ngực bứt rứt ngứa bứt, Ban Chấn mạt nhỏ lấm tấm mọc đầy người, dây dưa khó dứt. Kiểm Chứng Thấp, thì phần cơ nhọc nặng nề nhức mỏi, lồng ngực nặng nề, bụng đầy ỉa chảy, hoặc ỉa lỏng mà không thông thả. Chủ thể của

bệnh này, là *Thấp* với *Nhiệt* sắc nấu lẫn nhau, cho nên so sánh với các bệnh chứng ở thời tiết khác không giống nhau, vì công năng tạo ôn trong thân thể không đủ. Có xu hướng kiêm Hàn, thì công năng bài tiết của phần nước bị giảm thoái. Đó là trăm triệu gây ra Bệnh *Thấp* mà Ông Khiết Cổ sở dĩ nói: trời nắng tìm nơi mát mà yên tĩnh mà ở, lại mắc Bệnh Thương Thử, là thuộc về loại này vậy.

**CHỨNG HẬU :** Lúc bệnh sơ khởi, hơi óa lạnh, mình nóng, sau giờ Ngọ thì nóng nhiều, ra mồ hôi mà bệnh không đỡ, không ra mồ hôi, nóng lại lên cao; mình mẩy nặng nề đau nhức, nhức mồm từ sờ thịt, đầu vàng mắt đỏ, lòng phiền táo, nước miếng đặc, miệng ráo mà không khát nước, uống nước thì ói, hông ngực không thư thối, tiểu tiện rít. Tiếp theo thì lạnh nóng qua lại không ngắt, sau giờ Ngọ phát nóng, đến hừng đông hơi đỡ phần nào.

Chứng *Thử Nhiệt* nặng: trong người hâm hấp nóng rực, phiền táo tình thần rối loạn, nói xàm, hơi thở khô khè, mặt đỏ, hoặc phát Ban Chẩn.

Chứng *Thấp Trược* nặng: Lòng ngực bí tắc, sườn đầy bụng trướng, ỉa chảy, hoặc ỉa lỏng mà mắc rặn không thông.

**CHẨN ĐOÁN :** Mạch đi Trầm Trệ, rít róng, tựa lưỡi bần đày, nên dùng thuốc sơ lợi. Mạch đi Trầm Huyền, tựa lưỡi trắng trơn, không khát nước, nên dùng thuốc ôn hoa. Chung quanh chót lưỡi đỏ, mạch đi Sát, nên dùng thuốc thanh hỏa cương thủ. Tựa lưỡi trắng bần, lưỡi đỏ, hoặc lưỡi vàng trơn, nên dùng thuốc thanh lợi thử thấp.

**CÁCH TRỊ :** Lúc sơ khởi, hơi ớn lạnh, ra mồ hôi mà bệnh không bớt. Bệnh nóng trầm trọng, lòng phiền táo, sợ nóng, dùng *Thang Gia vị ngân kiều*. Bệnh Thấp trầm trọng, lồng ngực bị đầy, thân thể như mối, dùng *Thang Hoắc hương chánh khí*, gia : Tang-Chi, Hương Nhu.— Nóng lắm, phiền táo, đầu xây xâm, mặt đỏ, nước miếng đặc, ủa nhọt, dùng *Thang Tãng giảm hoàng liên tả tâm*, gia : Đại Giả Thạch.— Lồng ngực, chón thùy, không thư sướng, tiểu tiện chướng thông, nửa đêm phát nóng, dùng *Thang Đại quit bì*, bỏ vị Mộc Hương, Quế Chi, gia : Sơn Chi, Liên Kiều, Thanh Cao, Hoàng Cầm.— Nếu lồng ngực bị buồn, sườn đầy bụng trướng, đại tiện lỏng chảy, dùng *Thang Đại Quit Bì*.— Như là nặng tròn mặt rắn không thông thả, thì nên tham chiếu cách trị Chứng Ních Ly ở Sách *Truyền nhiễm bệnh học*.

### XỬ PHƯƠNG :

**Thang Tãng giảm hoàng liên tả tâm**  
(Thấy ở Chứng Phong Ôn, Bình Phục Tà)

### 33.— Thang Gia vị ngân kiều

(Đau mình, gia : Tang Chi, Phòng Kỳ; Ợa khan, gia : Đại Giả-Thạch. Chứng Nội Nhiệt nặng lắm, gia : Hoàng Liên. Không thêm ăn uống, gia : Thân Khúc).

Ngân hoa	銀花	3 tiền
Tri mẫu	知母	2 tiền

Tiên trúc diệp	鮮竹葉	3 tiền
Hoàng cầm	黃芩	1 tiền rưỡi
Tán lục nhứt	六一散	3 tiền
Bạc hà	薄荷	1 tiền rưỡi
Sao chỉ xác	炒枳壳	1 tiền
Xuyên hậu phát	川厚朴	1 tiền rưỡi
Liên kiều xác	連翹壳	3 tiền
Xuyên ngọc kim	川玉金	1 tiền
Châu đăng tâm	珠燈心	5 phần

Không mồ hôi, gia : Hương Nhu ; Nhiều mồ hôi gia :  
Bạch Thược ; Khát nước gia : Thiên Hoa Phần.

#### 34.— Thang Gia giảm hoặc hương chánh khí

Hoặc hương diệp	荳香葉	1 tiền rưỡi
Bạc hà diệp	薄荷葉	1 tiền rưỡi
Bội lan diệp	佩蘭葉	2 tiền
Xuyên hậu phác	川厚朴	2 tiền
Chế bán hạ	製半夏	1 tiền rưỡi
Quảng trần bì	廣陳皮	1 tiền rưỡi
Xích phục linh	赤茯苓	3 tiền
Sao kiến khúc	炒建曲	3 tiền
Sa nhân mễ	砂仁米	1 tiền
Ích ngươn tán	益元散	3 tiền
Nôn tang chi	嫩桑枝	3 tiền
Hương nhu	香需	1 tiền

**35. — Thang Gia giảm đại quít bì**

Quảng trần bì	廣陳皮	1 tiền rượu
Xích phục linh	赤茯苓	3 tiền
Trư linh	猪苓	1 tiền rượu
Trạch tả	澤瀉	1 tiền rượu
Lục nhứt tán	六一散	1 tiền rượu
Tân lang	檳榔	1 tiền rượu
Sào sơn chi	炒山柎	1 tiền rượu
Liên kiều	連翹	3 tiền
Thanh cao	青蒿	3 tiền
Tửu Hoàng cầm	酒黃芩	1 tiền rượu
Sao kiến khúc	炒建曲	3 tiền

**36. — Nguyên phương thang đại quít bì**

Quảng mộc hương	廣木香	1 tiền
Quảng trần bì	廣陳皮	1 tiền rượu
Tân Lang	檳榔	1 tiền rượu
Ích ngươn tán	益元散	3 tiền
Sanh thương truật	生薑朮	1 tiền
Trư linh	猪苓	1 tiền rượu
Xích phục linh	赤茯苓	3 tiền
Trạch tả	澤瀉	1 tiền rượu
Quế chi	桂枝	8 phân

## 2. BÌNH THỬ ÔN KIÊM HÀN

**NGUYỄN NHÂN** : Trong lúc khí trời nóng nực. Nhân vì tránh nóng nực, mà bị cảm thọ khí hàn lãnh kích thích.

**BÌNH LÝ** : Ông Trương Kiệt Cổ sở dĩ nói : Chứng Âm Thử là chỉ cho những bệnh trốn tránh nóng nực, mà cảm thọ lấy khí hàn lãnh.— Theo chỗ siển kiến : Nếu không có sự tiềm phục của Thử Tà, thì thuộc về bệnh chứng cảm mạo thuận tụy mà thôi, không liên hệ gì với danh xưng *âm thử*. Thử tà tiềm phục ở trong, không khí lạnh lẽo kích thích bên ngoài, cho nên bên ngoài mới có trạng chừng bộ lưng ớn lạnh, thân hình co rút, và tay chân lạnh run của chứng Hàn, mà ở trong thì nóng nảy bứt rứt, miệng khô, đầu xây xâm của trạng chứng *nhiệt*. Cho nên mới định danh : *bệnh thử ôn kiêm hàn*.

**CHỨNG HẬU** : Lúc bệnh sơ khởi, nhưc đầu ớn lạnh, thân hình co rút, phát nóng không mồ hôi. Kế tiếp có chút ít mồ hôi mà bệnh không giải. Lòng phiền táo, đầu xây xâm, miệng khô mà không thêm nước, uống nước thì ư; lỏng ngực bứt rứt, ho hen, bụng đầy.

Chứng Nóng nặng : thì *nóng* nhiều *lạnh* ít, nóng lắm thì hơi thở to, hen gấp, ăn vào thì lên cơn nóng, ăn vào thì nhờn.— Chứng Thấp Nặng : thì *lạnh* nhiều *nóng* ít, nước miếng đặc, không khát nước, tứ chi nhưc mỗi rụng rời, tay chân lạnh đống, đi tiểu tiện thì run mịch rồn óc, hoặc ỉa mửa đau bụng.

**CHẨN ĐOÁN** : Miệng nhạt, trạ lửa trắng, hoặc trạ

lưỡi trắng trơn, là vì Chứng Hàn Đàm ủng át ở trong. Như tưa lưỡi trắng đầy như bầy, chung quanh chót lưỡi đều đỏ, ấy là Bình Thủ Ôn ở trong, kiêm có hiện tượng cận bã của vật thực đình trệ. Mạch động Huyền Khôn thì dùng thuốc *tuyên đạt* : Mạch động Huyền Trệ thì dùng thuốc *sơ lợi*.

**CÁCH TRỊ :** Lúc bình sơ khởi, nhức đầu, ớn lạnh, đau mình, không mồ hôi, dùng *Thang hoắc hương chánh khí*, gia : Tân Giao, Tang Chi, Hương Nhu. Lòng phiền táo, khát nước, uống nước thì ủa, dùng *Âm thanh thủ trấn ẩu*. Lòng ngực bí tắc ho hen, bụng dạ no đầy, dùng *Thang Đại quit bi*, gia thuốc : *tuyên phê hóa đàm*. Nóng nhiều lạnh ít, dùng *Thang Gia vị ngân kiều*. Lạnh nhiều nóng ít, dùng *Thang Đại quit bi*, hợp với *Tân tương thủy*. (dùng đất sét tan trong nước, lòng lấy nước trong sắc thuốc uống).

**XỬ PHƯƠNG :**

**Thang Hoắc hương chánh khí**  
(Thấy ở Chứng Thủ Ôn kiêm Thấp)

**Thang Gia vị ngân kiều**  
(Thấy ở Chứng Thủ Ôn kiêm Thấp)

**37.— Âm Thanh thủ trấn ẩu**

Sao xuyên liên 炒川連  
Xuyên hậu phát 川厚朴

1 tiền rưỡi  
1 tiền rưỡi

Ích ngưng tán	益元散	3 tiền
Sanh giả thạch	生赭石	3 tiền
Sao kiến khúc	炒建曲	1 tiền rượu
Sao chỉ thiết	炒枳实	1 tiền rượu
Quảng trần bì	廣陳皮	1 tiền rượu
Táo tâm thổ	灶心土	3 tiền
Pháp bán hạ	法半夏	1 tiền rượu

### 38. - Thang Đại quít bì

(Già tuyên phế hóa đàm dược)

Quảng mộc hương	廣木香	1 tiền
Quảng trần bì	廣陳皮	1 tiền rượu
Ngọc cát cánh	玉桔梗	1 tiền rượu
Nón tiền hồ	楸前胡	1 tiền rượu
Bạch giới tử	白芥子	1 tiền rượu
Xuyên ngọc kim	川玉金	1 tiền rượu
Chiết bối mẫu	浙貝母	1 tiền rượu
Nịch phục linh	赤茯苓	3 tiền
Trư linh	猪苓	1 tiền rượu
Phúc Trạch tả	福澤瀉	1 tiền rượu
Tân lang	槟榔	1 tiền rượu
Xuyên hậu phát	川厚朴	1 tiền rượu

### 39. - Đại quít bì thang hợp Tương thủy tán

Sanh giả thạch	生赭石	3 tiền
Quảng mộc hương	廣木香	1 tiền rượu
Quảng trần bì	廣陳皮	1 tiền rượu



Xích phục linh	赤茯苓	3 tiền
Xuyên quế chi	川桂枝	1 tiền rưỡi
Trạch tả	澤瀉	1 tiền rưỡi
Lục nhữ tán	六一散	3 tiền
Tân lang	榛榔	1 tiền rưỡi
Đạm can cương	淡苧薑	5 phân
Đạm phụ phiến	淡附子	8 phân
Lương cương	良莖	5 phân
Pháp bán hạ	法半夏	1 tiền rưỡi

Nước địa tương lỏng trong, sắc thuốc uống ấm.

LỜI ÁN CỦA TRƯỚC GIÁ :

Sách Kim Quĩ ở Môn *bệnh thử*, chỉ biên có hai phương :

I.— Phương Bạch hồ, gia : Vì nhân sấm, trị Chứng *trùng át* (中暈) ở Kinh Thái Dương, mình nóng, ra mồ hôi mà khát nước. Ấy là Phép Thanh Nhiệt Bỏ Khí, trị Chứng Thử Nhiệt làm hại Ngươn Khí vậy.

II.— Phương Qua đê, trị Kinh Thái Dương Trùng Át, mình nóng, nhức mọi nặng nề, là Mạch động Vi Nhược. Chính là trong tháng Mùa Hạ trùng thương vật sanh lãn, chất nước lưu hành trong phần bì phu gây ra bệnh vậy. Chỉ có cập đến Chứng *thử-nhiệt* làm hại ngươn khí, và chấ: *thủy độc* lưu hành đình trệ, hai loại bệnh mà thôi. Cắt nhắc có một gốc, không sao khái quát được toàn thể.

Đời sau luận về Bệnh Thử, Sách *Thương thử toàn thư* của ông Trương phụng Qui nói : Bệnh Thử, trước nhất là dùng thuốc *tán lương* ; kế tiếp dùng thuốc *cam hàn* ; sau

chốt dùng thuốc *cam toan liễm tân* (甘酸敛津). Mặc dầu đã nắm được chỗ cốt yếu của phép trị Bệnh Thử, song chỉ chuyên chú vào bốn chứng mà nói, không hề đề cập đến kiểm chứng với hiệp chứng.

Ông *Há án Nham* nói : Bệnh Thử hiệp với Bệnh Thấp gọi là : *Thử thấp* (暑濕). Bệnh Thử hiệp với Bệnh Ưế, gọi là : *thử uế* (暑穢) tức rằng : Bệnh Sa Trường (痧脹). Kiểm trùng cảm gió lạnh, tên rằng : Bệnh Phong Thử (風暑). Bệnh Thương Thử mà tối mắt, ngã ra bất tỉnh, tay chân lạnh đờng, tên rằng : Bệnh Thử-Khuyết (暑厥) (tức rằng Trung Thử). Bệnh Thương Thử mà ho ra máu, rằng : Bệnh Thử Trái (暑瘵). Chỉ ở ngoài da thì mọc *sởi nọc ghẻ nóng*, trong người thì *uốn gán ỉa mửa*, thương thấy xảy ra không ít. Cho nên Ông *Du* nói :

Bệnh Thương Thử phát tác ở tháng mùa Hạ rất nhiều, thật là nhận xét xác đáng. Và dùng thuốc chữa trị cần phải thận trọng, không thể xem các Bệnh Thử đều giống nhau như một, mà chẳng phân biệt kiểm bệnh, hiệp bệnh, mà in trị là bệnh Thử, thì nhưt luật chữa trị như nhau.

Đại khái chữa trị Bệnh Thử, thì dùng thuốc *tán lương tuyền thượng* (辛凉宣上). Bệnh nhẹ thì dùng *bạc hà, trúc diệp, liên kiều, hà diệp*; nặng thì dùng *hương nhu, thanh cao, bội lan, ngân hoa*. — Thuốc *cam hàn thanh trung*, bệnh nhẹ thì dùng : *mao căn, lô căn, sơn chi, tỳu cầm*; nặng thì dùng *thạch cao, tri mẫu, tây qua trấp, lục đậu y*. — Thuốc *cam toan liễm tân*, bệnh nhẹ thì dùng : *mai can, băng đường*; nặng thì dùng *ngũ vị tử, sa sâm, mạch đông* các loại. Đây là đại khái cách dùng thuốc trị Bệnh Thử. Chỉ ở phân biệt bệnh chứng, lựa thuốc thì trị, thì nên

bắt chước theo bức tiền triết là Ông Du phân biệt như sau :

1.— *Thấp nhiệt.*— Thấp Nhiệt là loại bệnh tà keo bản (結 熱), rất khó chữa cho mau mạnh. Trước hết thì dùng thuốc mùi thơm nhạt, bình nhẹ thì dùng : *hoắc hương, bội lan, xa tiền, thông thảo* ; bình nặng thì dùng loại : *thương truật, thạch cao, thảo quả, tri mẫu, đầu khấu, hoạt thạch, tỳ bà diệp* sao thơm, vỏ bí đao tươi, đó là các loại thuốc mùi thơm nhẹ, tính thanh tiết. Kế tiếp thì dùng loại thuốc, mùi đắng cay, tính thông xuống, bình nhẹ thì dùng : *Chi tử, hoàng cầm, quit bì, bán hạ* ; bình nặng thì dùng : *Hoàng liên, hậu phát, mộc hương, xuyên luyện tử*, tá lấy Vị Lô Căn, Đẳng Tâm. Và tán ngũ linh phối hợp với thạch cao, hoạt thạch, hàn thủy thạch, cũng là trọng tễ của loại thuốc tán thông thanh tiết.

2.— *Thử ứ.*— Thử Ứ là loại bệnh rất phiền toái nặng nề, có khi gây cho bệnh nhân hôn loạn phiền táo, ời mửa mà tay chân lạnh, Thái thậm, thì tai điếc, tinh thần hôn mê, cấp tốc dùng loại thuốc : *phương hương tịch ứ*. Bình nhẹ thì dùng : *Thông, sí, xương bồ, tử kim phiến* ; bình nặng thì dùng : *Đơn chi bửu, Đưa tử tuyết*, mà Vị Tiên thanh cao, Tiên bạc hà, Tiên bội lan, tiên ngân hoa cũng là lương tễ của loại thuốc thanh phân tịch ứ. Ngoài phép dùng Tán Thông Quan cho bệnh nữ, kiêm dùng phép lựa huyết chân lễ, cũng chữa trị khỏi bệnh được mau lẹ.

3.— *Phong thử.*— Bệnh Phong Thử phần nhiều hiệp với khi Thấp trược, trước hết bệnh độc nổi kết ở phần cơ biểu. Cho nên trước hết cũng dùng thuốc tán lương, nhẹ

nhàng tuyền giải như: *Thống bạch, hương nhu, bạc hà, chỉ tử bì, đậu si, liên kiều, ngưi bàng tử, tiên bội lan, tiên ngân hoa, lục đậu bì, tiên trúc diệp...* nên tùy theo chứng lựa dùng. Thân thể nhưc mới, thì tá lấy *hải phong đằng, tần giao, tang chi, trúc nhự, tư qua lạc, quit lạc*, một vài vị.

Kế tiếp dùng loại thuốc: *Thanh lương phương liệt*, để giải trừ nóng độc và uế trước như: *thanh cao, nhân trần, tang diệp, cúc hoa, sơn chi, ngọc kim, lô căn, đằng tâm* các thứ. Uế Trước nặng nề, thì loại *kim trấp, nhân trung huỳnh, đại thanh diệp, thạch xương bồ*, cũng có thể tùy chứng gia vào. Như thân thức hôn mê hồ loạn, tưa lưỡi: đóng dây như bản, nhẹ thì dùng: *Đơn ngọc khu;* nặng thì dùng *Đơn chỉ bửu* rất là đối chứng.

4.— *Thử khuyết.*— Thử khuyết, là một loại Bệnh Trúng Thử rất cấp bách (Tây Y gọi là Bệnh Nhứt Xạ 射病) Bệnh nhân trên mặt như dính bụi (面垢), tay chân lạnh, thân thức hôn mê, bất tỉnh nhân sự, mau dùng loại thuốc *phương hương khai khiếu* (芳香開竅) như: *Tân hành quân, Đơn phi long* *đoạt mạng* rất công-hiệu. Sau khi bình nhưc tỉnh lại, nên chia rành kiem chừng, liệp chừng, tùy chứng cho thuốc.

5.— *Thử trái*— Chứng Thử Trái, là do khí nóng cướp đoạt, lạc mạch tồn thương rất bạo, mau dùng loại thuốc *cam lương hãm giáng* (甘涼減降), như: *Nước Dưa Hấu* (Tây Qua Trấp), *Nước tiêu trẻ em* (đồng tiện) hòa chung cho uống; hoặc dùng *Rễ Tranh tươi, Lô Cầu*, mỗi thứ 1 lượng, *đơn bì, bạch thược*, mỗi thứ 3 tiền, Tê Đắc 8 phân sắc uống, cũng được kết quả.

6. — *Thử tiết.* — Thử Tiết, là một loại bệnh chứng rất tâm thường, do nóng độc tẩu tập ở phần bì phu, mà mọc lên những mụn nhỏ dày đặc. Chỉ dùng *Vị hà diệp*, đâm vắt lấy nước, trộn chung với bột *đại hoàng*, bột *phèn chua*, tào pha phết thường thường cũng khỏi được.

7. — *Nhiệt hoặc loạn.* — Chứng Thương Thử ỉa mửa, tay chân vọt bẻ, khát nước, cũng là một loại bệnh chứng rất nguy cấp. Mau dùng thuốc: *thanh nhiệt hóa trọc* (清熱化濁) mới có hiệu nghiệm, trước nhưt dùng: Đơn Hồng Linh 1, 2 tiền nghiền nát cho uống, tiêu trừ độc Thử Uế. Tiếp theo cho dùng thuốc *phân lợi thanh trọc* (分利清濁), lấy nước Địa Trưng lóng trong, hòa với Đơn ngọc khu 5, 3 phân cho uống để đả định hỗn loạn. Đoạn cần phân rành hiệp chứng, như: hiệp với Chứng Trưng Thực chặm tiêu, thì tùy theo loại mà dùng: *thần khúc*, *son tra*, *sao đen*, *chỉ thiết*, *thanh bì*, *trần phật thủ*, *trần hương duyên bì*, *kê nội kim* các thứ. — Như hiệp với Chứng Khí uất, thì chọn dùng: *Vị hương phụ*, *ngọc kim*, *trần bì*, *chỉ xác*, *bạch khấu*, *mộc hương* các thứ.

8. — *Cạn hoặc loạn.* — *Cạn hoặc loạn* là Chứng Ụa Khan. Ỉa Khô. Nghĩa là: Ụa không có vật, ỉa không ra phân, mà bụng đen như cát, mặt mày tối tăm, bất tỉnh noãn sự (tục gọi là Bệnh Giảo Trường Sa) Bệnh tình tuy hiểm cấp mà dễ trị. Mau dùng thuốc cho ỉa mửa thông thả: Mười rang hết nở 1 muỗng canh, hòa vào một nửa nước sôi, một nửa nước lạn, uống với 14, 15 *hội phi mã kim đơn*, hoặc 5, 3 phân *phi long đoạt mạng đơn*, làm cho trên mửa dưới ỉa thông thả, bịnh độc trừ, chánh khí an, thì bịnh khỏi ngay.

## XỬ PHƯƠNG PHỤ LỤC :

**Hành quân tón**

(Thấy ở Chưng Phong Ôn, Bình Phục Tả)

**Ngọc khu tón**

(Thấy ở Bình Ôn kiêm Bình Thứ)

**40 — Bạch hồ gia nhơn sâm thang**

Tri mẫu	知母	3 tiền
Sanh thạch cao	生石膏	1 lượng
Cam thảo	甘草	2 tiền
Ngạnh mễ	梗米	5 tiền
Tây dương sâm	西洋参	1 tiền rưỡi

**41.— Nhứt vật qua đề thang**

Qua đề	瓜蒂	3 tiền
--------	----	--------

Sắc thang nóng ấm, chọc họng cho mửa.

**42.— Phi long đoạt mạng đơn**

Thần sa	辰砂	3 phân
Nhơn trung bạch	人中白	4 phân
Mai phiến	梅片	2 phân

Nha tạo	牙 皂	2 phần
Tây ngưu hoàng	西 牛 黄	1 phần
Hùng hoàng	雄 黄	3 phần
Phi thanh đại	飛 青 黛	3 phần
Ma hoàng	麻 黄	2 phần
Xạ hương	麝 香	2 phần
Thiêm tô	蟾 酥	1 phần
Đặng tâm khôi	燈 心 灰	5 phần
Minh phân	明 礬	3 phần
Trân châu	珍 珠	1 phần
Băng sa	硼 砂	3 phần
Hỏa tiêu	火 硝	3 phần

Hợp chung tán bột thực nhỏ, mỗi lần dùng chút ít thổi vào lỗ mũi, chọc cho bệnh nhơn nhảy mũi.

#### 43.— Hồng linh đơn

Thần sa	辰 砂	1 tiền
Hỏa nha tiêu	火 牙 硝	1 tiền
Hùng hoàng	雄 黄	1 tiền
Xạ hương	麝 香	1 tiền
Băng sa	硼 砂	1 tiền
Mong thạch	蒙 石	1 tiền
Mai phiến	梅 片	3 phần
Phi kim	飛 金	5 tờ

Các món hợp chung tán nhỏ, giữ kỹ. Mỗi lần uống 1 phần với nước chín.

## 44. - Phi mã kim đơn

Bã đậu sương	巴豆霜	2 tiền
Ngũ linh chi	五靈脂	5 tiền
Quảng quit hồng	廣楫紅	3 tiền
Sanh đại hoàng	生大黃	5 tiền
Nhũ hương	乳香	2 tiền
Sơn từ cô	山慈姑	2 tiền
Quảng mộc hương	厚木香	3 tiền
Quảng ngọc kim	廣玉金	5 tiền
Minh hùng hoàng	明雄黃	5 tiền
Thượng thần sa	上辰砂	3 tiền
Tịnh một được	淨沒藥	2 tiền
Bá thảo sương	百草霜	2 tiền

Các món hợp chung tán bột thật nhỏ, dùng nước hồ hoản bằng hạt đậu nhỏ, mỗi lần uống 10 hạt, ước chừng 2 phân, uống với nước chín, khi bụng đói. Uống đến lúc có đi đại tiện là vừa.



CHƯƠNG THỨ NĂM  
CHỨNG PHỤC THỬ

Mùa Hạ khí nóng nực thanh bình, dễ trúng thương Bệnh thử, nếu gặp trường hợp kinh vi, bệnh tà không bộc phát liền, tiềm phục vào trong, chờ đến Tiết Thu Thâm, hàn khí bên ngoài tác động, bệnh độc mới xuất phát.

Phương pháp phân biệt: Bệnh phát trước Tiết Sương Giáng (1) là nhẹ, phát sau Tiết Sương Giáng là nặng. Tà phục ở Phần Vệ, phục ở phần Khí, là tà ở cạn, bệnh nhẹ; Tà phục ở Phần Dinh, phục ở phần huyết, là tà vào sâu, bệnh nặng.

Sách Nội Kinh chỉ đề cập có một Bệnh Phục Hàn lấy lệ. Các Y gia đời sau cho là: những bệnh chứng theo thời tiết bốn mùa, bệnh Ôn Nhiệt nhiều, mà bệnh Thương Hàn ít, mới nghĩ: khi Hàn Tà tiềm phục ở trong, chờ đến Mùa Xuân biến làm Bệnh Ôn. Mùa Hạ biến làm Bệnh Thử. Hàn tà tiềm phục lâu ngày, chờ thời cơ thuận lợi mới đột biến mà trở thành Bệnh Ôn, Bệnh Thử. Lý luận bất thông, mà họ vẫn cố bảo chuyết cho thuyết mình được trọn tru.

Nhưng xét kỹ theo thực tế, bệnh chứng bốn mùa, đều có phân biệt: *Tân cảm với phục tà. Hơn nữa phục*

---

(1) Tiết Sương Giáng ở vào 15 ngày sau của tháng chín.

là gây ra bệnh, đầu phải chỉ có một bệnh hàn phục mà thôi. Sân khi đều có khả năng xâm nhập vào cơ thể con người và tìm phục. Phục. Ông Lưu Kiết Nhơn biên Sách Phục tà, Ông Diệp Võ Tử giải thích Chứng Phục-Tà, ý nghĩa khá rõ ràng.

### I. CHỨNG PHỤC TÀ Ở PHẦN VỆ

**NGUYÊN NHÂN** : Tháng Mùa Hạ cảm thọ khí nóng nực, tìm phục vào trong, qua cuối Mùa Thu lại cảm thọ thêm khí hàn của thời tiết mới, nóng cũ lạnh mới xúc phát nhau mà gây ra bệnh.

**BỆNH LÝ** : Lúc tiết trời nóng nực, khí thử nhiệt viêm chưng dị thường, khách lữ hành dọc đường, hoặc công tác dưới bóng mặt trời như thiếu như đốt. Những người thể lực cường tráng, vận động thích nghi, thì không đến nỗi phát bệnh tức thời; nếu người thể lực yếu đuối, hoặc vận động quá sức, thì ngã bệnh tại trận, đó chính là Chứng Thương Thử, Trúng Thử. Bệnh Thử Tiềm phục ở Phần Vệ, đến cuối Mùa Thu cảm xúc khí tán lương mà phát tác, so sánh với Bệnh Thử tiềm phục ở phần Dinh thì nhẹ hơn.

**CHỨNG HẬU** : Lúc sơ khởi đầu nức, mình nóng, ớn lạnh, không mồ hôi, hoặc có chút ít mồ hôi mà nóng không đỡ, mình đau, tay chân nức mỗi rụng rời, nó hơi bợn dạ. Nặng lắm thì phiền táo khát nước, xế chiều bệnh nặng, miệng không thêm ăn, đại tiện hoặc lỏng hoặc bí, màu như tương sẫm, nước tiểu vàng đục hoặc nóng; tiếp

sau thì trạng như cũ rét, nhưng lạnh nóng mô rõ, không phân biệt rõ ràng. Phiền táo lắm, thì bị pò mọc ra Bạch chẩn (tục kêu Ban Bạch), hoặc Hồng chẩn (tục kêu Ban đỏ). Trầm trọng hơn nữa, thì chỉ nóng không lạnh, nóng thuộc về đêm. Ban đêm hay nói xàm, xây trở lẫn lộn phiền táo vô cùng, khát nước, ưa uống nước lạnh, hay ọp hoặc nặc cục, hừng sáng ra chút ít mồ hôi thì nóng tạm đỡ nhưng nóng trên lồng ngực và bộ bụng thì không đỡ; mau thì đôi ba tuần, chậm năm bảy tuần bịnh mới khỏi. Đây là thực chứng của Bịnh phục Thử, mà hình chứng phần nhiều biến thuận.

**CHẨN ĐOÁN.** Lúc sơ phát, phần nhiều mạch động Huyền Khàn, Trầm Trệ; nóng lắm thì mạch động Huyền Hoạt, Tế Sát; lưỡi đỏ biến trắng dày như thoa bột, là thuộc Chứng đâm trực đình trệ, lưỡi đỏ, tưa lưỡi trắng mà trơn, là thuộc Bịnh Thấp Nhiệt kéo dài; lưỡi ráo mà nứt rách, là thuộc phần khí hư, nhược; lưỡi khô mà mọc chong, là thuộc nước tân dịch hao hụt.

**PHÉP TRỊ:** Lúc bịnh sơ phát, đầu nhức, mình nóng, ớn lạnh, không mồ hôi, hoặc có chút ít mồ hôi mà nóng không bớt. Dùng *Thang Gia vị ngân kiều*. Sau khi dùng một hai *Thang Ngân Kiều*, ngoại tà theo mồ hôi rịn rịn ra nóng giảm, tạm thời bịnh lui.

Nếu Phục tà thâm trọng, trải qua nửa ngày, một ngày lạnh tuy bớt, nhưng nóng lại trở nặng bất ngờ. Đó là Chứng Thử Thấp vẫn phục ở trong, tái phát bện ra ngoài. Cần phải biện biệt coi bịnh tà chuyển thuộc vào bộ phận

nào để chữa trị. Nhất là giữa *thử* và *thấp* chứng nào thâm trọng.

Chứng *Thử nặng*, thì hiện lên (phần nhiều hình chứng của Kinh Dương Minh), dùng *Thang Tân gia bạch hồ*, gia *liên kiều, ngưù bàng tử*, trị theo phép *tân lương thấu phát*, định tà theo Ban chẩn mọc ra mà khởi.

Bệnh tà truyền vào lý, cấu kết với căn bã trong trường vị, thì dùng *Thang Chỉ thiết đạo trệ* trị theo phép *khô lân thông giàng*, tổng bệnh đọc ra theo đường đại tiện mà bịch khởi. Sau khi bệnh khởi, nhưng dư nhiệt chưa sạch, nên tiếp theo cho uống *Thang Cao cầm thanh ẩm*.

Song thường có trường hợp, bệnh vừa *đỡ* một vài ngày, rồi nóng lại tái phát, tủa lưỡi vàng va đỏ. Đó là Phục tà hết lớp này, lại mọc ra lớp khác, phải thường dùng thuốc hòa hoãn thông lợi đôi ba lần, mới trừ sạch được Phục Tà. Sau khi đau yếu, phần tân dịch hao hụt, dùng *Thang Mạch môn đông*, gia : Tây Dương Sâm, Thạch Học, Tiên Mau Cẩu (rễ tranh tươi), Cam Giá Trấp.

Chứng *Thấp nặng*, thì phần nhiều hiện lên (hình chứng của Kinh Thái Âm), dùng *Thang Đại Quít Bì*, gia : Nhân Trần, Thông Thảo, trị theo phép *ôn hóa đạm thâm*, đuổi bịch độc *Thấp Nhiệt*, rút theo đường tiểu tiện thông ra.

Đường đại tiện hơi tanh lỏng nhão, mà đi đại không thông, đó là hiện tượng căn bã trong ruột, uẩn át theo khi *Thấp trước* của Phục tà. Châm chước dùng *Thang Chỉ thiết đạo trệ*. Nếu Phục tà tích lũy trùng điệp, hết lớp này đến lớp khác, tất phải năm lần bảy lượt, dùng phép *ôn hóa thông lợi*, tảo thanh vật túc cấu cho thật sạch sẽ.

Sau khi bệnh đỡ, nhưng nửa đêm còn nhớ chứng :  
phát nóng bứt rứt, đó là Chứng Phục nhiệt nấp ở phần  
âm chưa thật hết. Nên dùng Thang *Thanh táo dương dinh*,  
gia : Đơn Bi, Biết Giáp, Thanh Cao, Hoàng Cầm, Địa Cốt  
Bi, thanh thấu Chứng Phục Nhiệt ở phần âm, đẩy bệnh tả  
ra phần dương mà bệnh giải. Như còn thấy chút ít  
biểu chứng, thì dùng Thang *Ngũ điệp lô căn*, trị theo phép  
*thanh nhiệt sơ đạt*, bệnh sẽ khỏi hẳn.

## XỬ PHƯƠNG :

**Thang Gia vị ngân kiều**  
(thấy ở Chứng Thủ Ôn kèm Thấp)

**Thang Tân gia bạch hồ**  
(thấy ở Bệnh Tân Cầm Xuân Ôn)

**Thang Cao cầm thanh dâm**  
(thấy ở Bệnh Tân Cầm Xuân Ôn)

**Thang Mạch môn đông**  
(thấy ở Bệnh Phục Tà Xuân Ôn)

**Thang Đại quít bì**  
(thấy ở Bệnh Thủ Ôn kèm Thấp)

**45. — Thang Chỉ thiết đạo trệ**

(phương này cải làm thuốc hoàn, tức Hoàn chỉ thiết đạo trệ)

Chỉ thiết	枳實	3 tiền
Lục thần khúc	六神曲	3 tiền
Tửu cầm	酒苓	1 tiền rưỡi
Phục linh	茯苓	3 tiền
Xuyên liên	川連	3 phân
Trần bì	陳皮	2 phân
Đại hoàn	大黃	1 tiền rưỡi
Liên kiều	連翹	3 tiền
Hậu phát	厚朴	1 tiền rưỡi
Sơn tra	山楂	3 tiền

**46. — Thanh táo dưỡng dinh thang**

Đại sanh địa	大生地	6 tiền
Tri mẫu	知母	3 tiền
Hoa phấn	花粉	3 tiền
Sanh bạch thược	生白芍	4 tiền
Toàn đương qui	全當歸	3 tiền
Sanh cam thảo	生甘草	2 tiền
Quảng bì	厚皮	2 tiền
Lê trấp	梨汁	5 tiền

**47. — Gia vị ngũ diệp lô căn thang**

Hoặc hương diệp	藜香葉	2 tiền
Tỳ bà diệp	杜杞葉	3 tiền

Sương tang diệp	霜桑葉	2 tiền
Đông Qua Tử	冬瓜子	3 tiền
Bội lan diệp	佩蘭葉	2 tiền
Nón trúc diệp	箬竹葉	3 tiền
Tiên lô căn	鮮蘆根	5 tiền
Ngân hoa	銀花	5 tiền
Lục nhứt tán	六一散	2 tiền
Tiên hà diệp	鮮荷葉	2 tiền

..

## 2 PHỤC TÀ Ở PHẦN DINH

**NGUYÊN NHÂN:** Mùa Hạ cảm Thương Khí Thủ, tiêm phục ở Phần Dinh, đến mùa Thu cảm Thọ Khí Hàn; khí Hàn xâm phạm bên ngoài, khí Thủ tiêm phục bên trong, hai khí kích thích nhau mà phát bệnh.

**BỆNH LÝ:** Ngày mùa Hạ hỏa tâu lao động, ôn độ trong thân thể bốc lên rất cao, lại tắm mình trong nước lạnh tắm rửa, hoặc ăn uống vật sanh lãnh để trấn áp, cho đỡ nóng đã khát, khiến cho khí nóng đương dâng bệch trong thân thể, không đường bài tiết ra ngoài, đó là nguyên nhân gây ra Chứng Phục Nhiệt. Nếu trường hợp trên xảy ra trong tháng Mùa Hạ, gọi là Chứng Phục Thủ; đương lối gây ra Chứng Phục Thủ và Phục Nhiệt giống nhau. Thủ Tà tiêm phục ở Phần Dinh gây ra bệnh, thì gọi phục tà ở phần dinh.

Sau khi bệnh tà mới tiêm phục, thì bệnh nhân cũng

như *thầy thuốc*, đều cho là bệnh chứng nhỏ mọn mà xem thường, không lo chữa trị, đó là lý do khiến cho Chứng Phục tà triển miên. Thế nên, thường thấy nhiều bệnh không cơ trạng chứng gì nặng nề đáng kể, mà phải kéo dài ngày giờ mới chữa trị khỏi được, là đều do duyên cơ Phục Tà sử nhiên vậy.

**CHỨNG HẬU:** Lúc bệnh sơ phát, lạnh ít nóng nhiều, ngày nhẹ đêm nặng, nhức đầu chóng mặt, mắt đỏ môi hồng, mặt nhám răng khô, lòng bứt rứt sợ nóng, rối loạn không yên, miệng khô mà không thèm uống nước, uống nước thì ư khan, và họng ráo như thường, tay chân lạnh, mà ngực bụng vẫn nóng như hơ; đại tiện phần nhiều táo bón, hoặc lỏng nhão mà vẫn không thông, tròn trề nóng rát, tiểu tiện ngắn mà đỏ rít. Kịch liệt, thì tay chân rút giật, nằm mê man không nói, hoặc lúc phiền nhiễu thì cuồng ngôn loạn ngữ, lúc yên tĩnh thì nói chuyện một mình. Con trai mộng, di thất tinh, con gái xích, bạch đới hạ, đường kính nguyệt chưa đúng kỳ lại ra. Đó là Chứng Phục Thủ thuộc hư, phần nhiều nguy hiểm. (Lúc bệnh sơ khởi, lạnh ít nóng nhiều, ngày nặng đêm nhẹ, nên dùng *Thang Gia Vị ngân kiều*).

**NHỮNG BIẾN CHỨNG KHÁC:** Kiềm Chứng Hàn, Thủ Ta uất kết ở trong, thì biến thành Chứng Giai Ngược (1), cách một ngày một cử, hoặc hai ngày một cử, hoặc lạnh ít nóng nhiều, ra mồ-hôi mà nóng vẫn không giảm. Chứng Cữ Rét hiệp với Chứng Tích-Trệ, đồng thời bệnh độc Thủ Thấp bị hạ hãm, thì biến thành Chứng Xích Ly, hoặc

(1) Giai Ngược là gọi chung về bệnh Rét.



Ních Bạch Ly, bụng đau vất, nặng tròn, tiêu ra đàm máu sền sết hôi tanh.

**CHÂN ĐOÁN:** Lúc sơ khởi, màu lưỡi phần nhiều đỏ tươi mà không bợn, tất phải chờ bệnh độc từ phần huyết chuyển ra phần khí, thì lưỡi mới hiện bợn mỏng, hoặc bợn trắng Mạch bên hữu đi Huyền Hoạt, bên tả đi Huyền Tế, mà dáng mạch dịu-mềm. Nặng lắm thì Mạch đi Trầm Tế, dường có đờng không.

**CÁCH TRỊ:** Lúc bệnh sơ khởi, nhức đầu chóng mặt, mắt đỏ môi hồng, mình nóng tay chân lạnh, lòng bứt rứt sợ nóng, dùng *Thang Tân gia bạch hồ*, gia *Vị Tê Đác* thanh nóng và thẩu đạt. Tiếp theo dùng *Thang Đạo xích thanh tám*. Bệnh nặng lắm thì dùng *Âm Tê đác thanh lạc*, mát máu thanh *Phân Dinh*. Như *Chứng Kinh (1)* *Chứng Khuyết (2)* cùng phát tác, dùng *Âm Tê linh tam trấp*. Như thần thức lơ mơ, mình nóng nói xàm, dùng *Đơn Tử-Tuyết*; thần thức đã chỗi hỏi trở lại, mà nửa đêm phát nóng, và nói xàm, lưỡi đỏ phủ lên một lớp bợn vàng bả, đó là do chứng *Đàm Nhiệt* chưa sạch, dùng *Thang Xương bồ uất kim*.

Như miệng khô họng ráo, lưỡi ửng đỏ mọc chông, hoặc nứt rách, là hiện tượng nóng lắm, nước tân dịch khô cạn, dùng *Thang Thanh táo dưỡng dinh*, bổ vị trần bì, gia vị *Tiên thạch học*, *Tiên sanh địa*, *Cam giá trấp*, giúp cho dịch tự nhuận trở lại.

(1) Các Chứng Phong gân xương cứng đơ đều là Bệnh Kinh (chứ phòng cường trực giai thuộc ư Kinh)

(2) Khí nghịch thượng xung là Chứng Khuyết, nhẹ thì tay chân lạnh đồng, nặng thì bất tỉnh như sượng.

Còn sau khi bịnh, nước tân dịch hao hụt, khí Mạch Xung nghịch lên, hoặc nấc cục, hoặc phát khuyết, hoặc thở gấp, dùng Tiên (thang) *Gia vị tập linh*, giảng nạp tư nhận.

**XỬ PHƯƠNG :**

**Tân gia bạch hồ thang**

(thấy ở Chứng Tân Cảm Xuân Ôn)

**Chí bửu đơn**

(thấy ở Chứng Phục Tả Phong Ôn)

**Tử tuyết đơn**

(thấy ở Chứng Phục Tả Phong Ôn)

**Đạo xích thanh tâm thang**

(thấy ở Chứng Phục Tả Xuân Ôn)

**Tê đặc thanh lọc ảm**

(thấy ở Chứng Phục Tả Xuân Ôn)

## 48.— Tê linh tam trấp ẩm

Tê dác	犀角	1 tiền	xung phục
Liên kiều	連翹	3 tiền	
Đông bạch vi	東白薇	3 tiền	
Phấn đơn bì	粉丹皮	3 tiền	
Trúc lịch	竹瀝	2 tiền	
Linh dác	羚羊	8 phân	xung phục
Ngọc kim	玉金	1 tiền	
Thiên trúc hoàng	天竺黃	3 tiền	
Khống diên đơn	控涎丹	2 phân	
Cương trấp	薑汁	2 giọt	
Lai bạch trấp	萊菔汁	5 tiền	
Sanh ngâu trấp	生藕汁	5 tiền	

## CÁCH SẮC :

Dùng rễ tranh tươi 1 lượng. Măng Lao tươi 1 lượng, Tim Búc 1 lượng, nấu lấy nước để sắc thuốc. Khi thuốc đến đề bột Tê Dác, bột Linh Dác, nước Trúc Lịch, nước Lai Bạch các thứ, sau khi uống một lần, mà thần chí chưa định tỉnh, thì gia thêm 2 phân Đơn chi bửu.

## Xương bồ ngọc kim thang

(thấy ở Chứng Phục Tà Phong Ôn)

## 49.— Gia vị tập linh tiên

Kiết lâm sâm	吉林參	3 tiền
Thiên môn đông	天門冬	3 tiền
Đại sanh địa	大生地	1 lượng
Cam ký tử	甘杞子	3 tiền
Ngưu tất	膝牛	3 tiền
Mạch môn đông	麥門冬	3 tiền
Thục địa	熟地	1 lượng
Tiên linh tử	仙苓脾	3 tiền
Sao bạch thược	炒白芍	4 tiền
Sanh mẫu lệ	生牡蠣	6 tiền
Thạch quyết minh	石決明	6 tiền

**CÁCH SẮC :** Trước đem vị Sanh Địa, vị Thục Địa xắt nhỏ như tơ, nấu lấy nước để sắc mấy món thuốc trong thang cho đậm, uống ấm.

**PHỤ LỤC :** Ông Hà Ấn Nham nói : trong khoảng Mùa Xuân, Mùa Hạ bịnh độc ôn nhiệt tiềm phục ở Phần Khí, vào Mùa Thu, Mùa Đông thì phát tác, gọi là : Chứng Phục Thử vẫn phát (phát mụn). Mặc dầu bịnh Phục Ôn và bịnh Phục Thử hai bịnh sai biệt nhau, mà bịnh độc tiềm phục từ trong phát ra, thì in như một, cho nên chứng hậu giống nhau, mà phép trị đại khái cũng tương đồng, nhưng :

- 1 Trước nhất phải biện biệt Chứng Táo, Chứng Thấp.
- 2 Kế đó biện biệt Chứng Hư, Chứng Thực.
3. Biện biệt bịnh tà trốn núp ở Phần Dinh hay Phần Vệ.

4. Biện biệt bệnh tà truyền biến ở phần biểu hay phần lý. Biện chừng đích xác, chưa trị tự không sai lầm.

Ông Vương Mộng Âu nói: Phục tà của Bệnh Ôn, từ phần lý ra phần biểu, vì bệnh tà trước khi xâm nhập vào phần huyết, rồi sau xuất phát ra phần khí. Cho nên lúc bệnh sơ phát, máu lưỡi luôn luôn tư nhuận không dơ; nhưng xem mạch thì thấy hình mạch nhu nhuyễn, hoặc mạch động Huyền Sát, miệng chưa khát nước, mà lòng đã phiền táo, sợ nóng. Nên dùng phép *thanh dinh tuyên đạt* để chữa trị. — Đến khi bệnh tà chuyển ra phần khí, thì tưa lưỡi khởi dơ; nên dùng thuốc *tuyên đạt vệ khí* chữa trị, là đúng lúc vậy.

Chứng Phục Tà trầm trọng, lúc sơ phát thì lưỡi đỏ hồng khô; thái thậm thì hiện lên dả tượng: mạch đi Phục, tay chân lạnh. Cấp tốc dùng thuốc thanh lương chứng Phục Nhiệt ẩn núp trong phần huyết. Biến chứng tiếp theo là lưỡi đóng vàng dơ bản, đó là điểm bất đồng giữa Chứng Phục Tà với Chứng Tấn Cẩm.

Lại có Chứng Phục Tà trầm trọng, bệnh độc không xuất phát ra ngoài một lúc. Nếu chữa trị phải phép, bệnh lui lưỡi sạch; cách một hai ngày sau, bệnh lại tái phát, lưỡi tại khô đỏ, bọt lưỡi vàng ráo. Chữa trị bệnh này; như lột vỏ chuối, thơm tơ, hết lớp bệnh này, đến lớp bệnh khác, biến chứng từ trong mọc ra, lột hoài phần mãi không cùng. Chẳng giống như Chứng Ngoại Cẩm Ôn Thủ, do phần Vệ đến phần Dinh, bệnh tà từ ngoài mà vào. — Chứng Phục Thủ ở Mùa Thu, Mùa Đông: bệnh độc khinh siểm, thì tìm phục ở Phần Khí; bệnh độc thâm trọng, thì tìm phục ở Phần Huyết. Dùng thuốc chữa trị

cầu thả, rất dễ sai lầm. Đó chính là lời nói của nhà kinh nghiệm tâm đắc.

Ông Hà lại nói: Tôi trị Bệnh Phục Thử lúc sơ khởi, bệnh độc ở bộ phận trên, thuộc phần khí, chắm chước dùng *Thang Ngũ vị lô căn gia vị*, thanh đạt bình độc. Nếu bệnh độc ở bộ trên, mà thuộc về phần huyết, thì dùng *Thang Tế đặc địa hoàng gia vị*. Như nóng lắm phiền táo, tinh thần hôn mê nói xàm, lưỡi đỏ mà không đơ, thì chắm chước dùng *Hoàn an cung ngư hoàng*, mát máu nóng, lui bệnh tà.

Bệnh độc ở bộ giữa, thuộc Phần Khí, dùng *Âm vương thị liên phát gia vị*. Bệnh độc truyền biến xuống bộ dưới, thuộc phần Khí, dùng *Âm quế linh cam lộ*.

Bệnh độc ở bộ giữa, thuộc Phần Huyết, dùng *Thang Đường dinh thừa khí gia vị*. Bệnh độc truyền vào bộ dưới, thuộc phần Huyết, dùng *Thang Thanh cao biết giáp gia vị*.

Chỉ như phương pháp thiện hậu, thì dùng thuốc tư nhuận tân dịch, tức thanh dư nhiệt làm chủ, những *Thang gia giảm phục mạch* của Ông Diệp, và *Âm cam lộ gia tỳ dương sâm, giá trấp*, đều nên dùng. Còn như căn bã trong ruột cấu kết với bệnh độc, thì dùng *Hoàn chỉ nhiệt đạo trệ*, từ từ tiêu đạo nhuận hạ. Đó là phép trị Chứng Phục Thử vẫn phát, bằng cách chọn lựa các phương chủ trị sở trường.

#### XỬ PHƯƠNG :

**Ngũ diệp lô căn thang**  
(thấy Chứng Phục Thử ở phần vệ)

**50.— Gia vị tê dác địa hoàng thang**

Nguyên phương gia giảm

Tê dác tim	犀角尖	1 tiền
Tiên sanh địa	鲜生地	1 lượng
Kim ngân hoa	金银花	5 tiền
Liên kiều	连翘	5 tiền
Tiên xương bồ	鲜菖蒲	3 tiền
Quảng ngọc kim	廣玉金	2 tiền
Đại thanh diệp	大青葉	3 tiền
Đơn bì	丹皮	3 tiền
Tiên trúc diệp	鲜竹葉	3 tiền
Tiên mao căn	鲜茅根	5 tiền

**51.— An cung ngũ hoàng hoàn**

Cuộc phương gia giảm

Tây ngũ hoàng	西牛黃	1 lượng
Quảng ngọc kim	廣玉金	1 lượng
Sơn chi tử	山梔子	1 lượng
Hàng cầm	黃芩	1 lượng
Kim bạc	金箔	1 lượng
Tê dác	犀角	1 lượng
Xuyên liên	川連	1 lượng
Hùng hoàng	雄黃	1 lượng
Châu sa	珠砂	1 lượng
Trân châu phấn	珍珠粉	5 tiền
Băng phiến	冰片	2 tiền rượu
Nạ hương	麝香	2 tiền rượu

Phép chế: Nghiền nhỏ hòa đều, thắng một làm hoàn.  
Kim Bạc làm áo, bên ngoài bọc sáp.

**52.— Gia vị liên phát âm**

Nguyên phương gia giảm

Xuyên liên	川連	1 tiền
Sao sơn chi	炒山柅	3 tiền
Bán hạ	半夏	2 tiền
Tiên xương bồ	鮮薑蒲	3 tiền
Chỉ thiết	枳實	2 tiền
Xuyên phác	川朴	1 tiền
Hương đậu si	香豆豉	2 tiền
Lô căn	蘆根	5 tiền
Hoạt thạch phấn	活石粉	3 tiền
Điều cầm	條芩	2 tiền

**53.— Quả linh cam lộ âm**

Quan quế	官桂	1 tiền
Trư linh	猪苓	1 tiền rượu
Hoạt thạch phấn	活石粉	3 tiền
Hàn thủy thạch	寒水石	3 tiền
Xích phục linh	赤茯苓	3 tiền
Trạch tả	澤瀉	1 tiền rượu
Sanh thạch cao	生石膏	3 tiền
Thanh bì	青皮	1 tiền

**54.— Gia vị dưỡng dinh thừa khí thang**

Ôn Dịch loạn phương gia giảm

Sanh đại hoàng	生大黃	1 tiền rượu
----------------	-----	-------------



Nuyễn hân phác	川厚朴	1 tiền rưỡi
Sanh địa	生地	3 tiền
Tri mẫu	知母	3 tiền
Chi thiết	枳實	1 tiền
Toàn đương qui	全當歸	3 tiền
Bạch thược	白芍	3 tiền
Mao căn	茅根	5 tiền

**55.— Gia vị thanh cao biết giáp thang**

Nón thanh cao	嫩青蒿	2 tiền
Sanh biết giáp	生鳖甲	5 tiền
Qui tu	歸鬚	3 tiền
Tê thảo	茜草	2 tiền
Tiểu sanh địa	小生地	3 tiền
Ngân sai hồ	銀柴胡	1 tiền
Tiên mao truyệt	鮮茅朮	1 tiền
Bạch vi	白薇	1 tiền rưỡi
Địa cốt bì	地骨皮	3 tiền

**56.— Thanh cao biết giáp thang nguyên phương**

Nón thanh cao	嫩青蒿	3 tiền
Sanh biết giáp	生鳖甲	5 tiền
Tế sanh địa	細生地	3 tiền
Bạch tri mẫu	白知母	3 tiền
Phấn đơn bì	粉丹皮	3 tiền

**57. — Gia giảm điệp thị phục mạch thang**

Chích cam thảo	炙甘草	2 tiền
A giao	阿膠	3 tiền
Tây dương sâm	西洋參	3 tiền
Ma nhân	麻仁	2 tiền
Sanh bạch thược	生白芍	3 tiền
Sanh địa	生地	6 tiền
Mạch đông	麦冬	4 tiền

**58. — Cam lộ ẩm**

(Cuộc Phương)

Tỳ ba điệp	枳芩葉	3 tiền bỏ lông gói riêng
Thiên môn đông	天門冬	2 tiền
Nhân trần	茵陳	2 tiền
Mạch môn đông	麦門冬	2 tiền
Cam thảo	甘草	8 phân
Thục địa	熟地	5 tiền
Chi xác	枳壳	1 tiền rưỡi
Sanh địa	生地	3 tiền
Thạch斛	石斛	3 tiền
Hoàng cầm	黄芩	1 tiền rưỡi

## CHƯƠNG THỨ SÁU

### BỆNH THẤP ÔN

Danh từ Bệnh Thấp Ôn, phát nguyên ở Sách *Nạn Kinh*, là một bệnh chứng trong năm Chứng Thương Hàn. Sách Nội kinh, Sách Thương Hàn Luận không thấy chỗ nào đề cập đến bệnh này. Các Y gia đời xưa luận bệnh, phần nhiều là ngôi bút của người phương Bắc, ở nơi đất đai cao ráo, gió bắc lạnh lùng. Giả sử có Bệnh Thấp, cũng chỉ là Bệnh Hàn Thấp mà thôi.

Qua Đời Kim, Đời Nguyên về sau, các y gia phương Nam ngày càng đông lên, nhận thấy Bệnh Ôn kiêm Bệnh Thấp nên mới đề cập đến. Song về phương diện luận thuật cũng như trị liệu, phần nhiều phỏng theo thành lệ của Sách Thương Hàn Luận.

Từ Đời Minh, Đời Thanh về sau, Ông Diệp Hương Nham, Ông Chương Hư Cốc, Ông Vương Mạch Anh, Ông Ngô Cúc Thông, Ông Thạch Bái Nam, Ông Du Cầu Sơ, các Ông ấy, đều có công bổ sung cho học thuyết và phương pháp trị liệu bệnh Thấp Ôn, ngày càng tiến bộ.

#### I.— THẤP ÔN BỒN CHỨNG

NGUYỄN NHÂN: Chính lúc giao thời giữa Mùa Hạ với Mùa Thu, cảm thọ khí hậu ẩm nóng và ẩm ướt mà

sạch bình, là nguyên nhân gây ra bệnh Thấp Ôn; hoặc vì chứng Phục Ôn hiệp Thấp, rồi đem thêm Chứng Tân Cẩn, xúc động mà phát bệnh, cũng gọi là: Bệnh Thấp Ôn. Nhưng cần phải phân biệt Bệnh Thấp Ôn kiêm Hàn, hay Thấp Ôn kiêm Nhiệt.

**BỊNH LÝ:** Bệnh Thấp Ôn thường phát tác vào lúc cuối Hạ sang Thu. Thanh hành nhất là sau Tiết Lập Thu, trước Tiết Thu Phân, rất dễ lẫn lộn với Bệnh Thu Táo, và Bệnh Phục Thử, song chẩn đoán minh xác, thì phân biệt cũng không khó (Thế y ngộ nhận cho là Ngược Tats là sai, vì bệnh thể Chứng Thấp Ôn khá hiếm ác, kiêm có tính truyền nhiễm, tục gọi là Chứng Thấp Ôn Thời Dịch). Bệnh Pauc Thấp, khi ẩm ướt uất ngọt xông hấp biến thành Bệnh Ôn, bởi thêm Chứng cảm mạo xúc động mà phát tác. Vào đầu Mùa Thu bệnh này rất thanh hành, ở vào đầu Mùa Hạ cũng có Chứng Thấp Ôn, nhưng dễ trị hơn, duy bệnh phát ngay Mùa Thu, thì triển miên khó khỏi. Bệnh Thấp nặng kiêm Hàn, gọi là: *Thấp ôn kiêm hàn*; Bệnh Thấp nặng hóa Nhiệt, xưa gọi là: *Thấp nhiệt*.

Đời gần đây, Ông Sơn Lôi luận về Bệnh Lý Thấp Ôn, cho là từ sông Trường Giang trở xuống miền Nam, đất thấp nước nhiều, mưa dầm nắng gắt, khí trời nóng nực, hơi đất ẩm oi, khí thấp trọc ung xông mù mịt; con người ở trong lúc thời tiết thay đổi, luôn luôn hứng lấy khí uế trọc xâm tập, khiến cho phần thanh dương của tý vị bị chèn ép, không được triển bố thư thả. Cho nên những kẻ mắc Bệnh *thấp ôn*, không một người nào, mà lồng ngực chẳng bị tắc, bụng bụng chẳng linh bình chậm tiêu, bợn lười đóng dầy. Còn ở miền Tây Bắc thì đất đai cao ráo, nên không bao giờ có những bệnh chứng giống thế.

**LỜI ÁN CỦA TRƯỚC GIẢ :** Hiện nay sự giao thông tiện lợi, đầu chân giao tế lui tới khắp nơi, thế giới một nhà, cho nên bệnh cũng tùy thời mà thay đổi. Bởi vậy, Chứng Ngược Tật, Chứng Thấp Ôn các chứng hậu, ngày xưa duy có riêng người miền Nam mắc phải ; nhưng nay thì, người miền Bắc cũng thường thấy.

**CHỨNG HẬU :** Lúc bệnh sơ phát, ớn lạnh không mồ hôi, đầu nhức mình nặng, tay chân mỗi trê, uất nóng không lui, xế chiều nhiệt độ lên cao, mồ hôi rịn rịn không nhiều, ngực bụng nặng nề, tiêu hóa chậm chạp. Tiếp theo sau, thì ra mồ hôi, mà nóng không đỡ, ngực uất bụng đầy, tiểu tiện ngắn, đỏ vàng ; đại tiện lỏng nhão không thông, nước miếng đặc lười dơ, khát nước nhưng không uống nhiều.

**CHẨN ĐOÁN :** Tựa lưỡi trắng trơn, hoặc vàng trơn ; Chứng Đàm trọc thâm trọng, thì lưỡi đóng dày bần. Phần nhiều mạch đi Hoãn Trệ, nóng lắm thì mạch đi Sát, kiểm cảm mạo Chứng Phong Hàn, thì mạch đi Khôn.

**PHÉP TRỊ :** Lúc Bệnh sơ khởi, dùng *Thang Hoắc hương chánh khí gia liên kiều, hạt thạch, đông qua tử, thông thảo*. Ngực nặng bụng đầy, ỉa chảy, đại đỏ. Chứng Ôn Lạnh ở phần biểu chưa khởi, dùng *Thang Đại quít bì, gia hoắc hương điệp, bội lan điệp, xuyên phát, ẩm thông phần lý, giải tán phần biểu*.

Như bệnh ở phần lý nặng, không ớn lạnh, chầm chước dùng *Thang Chi thiết đạo trệ, thông lợi Chứng Uất nóng ở trong*. Ngực bí bụng đầy, phiền táo nói xàm, ớn lạnh không khởi, dùng *Thang Táng giảm hoàng liên tả tâm, bổ*

*xương bồ, gia xuyên phát, thanh tiết sơ lợi.* — Sau khi dùng thuốc Hạ (xổ), Thấp độc còn thừa cặn chưa sạch, **châm** chước dùng *Thaug Liên kiều chi si, gia hạnh nhân, kiết cánh, thông thảo, hoạt thạch*, thanh nhiệt thẩm thấp.

**XỬ PHƯƠNG :**

**Hoắc hương chánh khí thang**

(Thấy ở Chứng Thử Ôn kiêm Thấp)

**Đại quất bì thang**

(Thấy ở Chứng Thử Ôn kiêm Thấp)

**Chỉ thiết đạo trệ thang**

(Thấy nơi Chứng Phục Thử ở Phần Vệ)

**Tăng giảm hoàng liên tả tâm thang**

(Thấy ở Chứng Phục Tả Phong Ôn)

**Liên kiều chi tử thang**

(Thấy ở Chứng Tân Cảm Phong Ôn)

## 2. CHỨNG THẤP ỒN KIÊM HÀN

**NGUYỄN NHÂN:** Chứng Phục Ôn cấu kết với Chứng Thấp, kiêm cảm thọ Hàn Tà, xúc động nhau mà phát bệnh.

**BỆNH LÝ:** Phương Bắc đất đai cao ráo, khí hậu lạnh lẽo, ít khi mắc Bệnh Thấp Ôn; thỉnh thoảng phát hiện, phần nhiều do Chứng Phục Ôn kiêm Thấp, gặp khi hàn lãnh bên ngoài tác động thì bệnh phát tác. Cho nên Bệnh Thấp Ôn kiêm Hàn ở phương Bắc nhiều hơn phương Nam, là quan hệ do nơi khí hậu vậy.

**CHỨNG HẬU:** Cả người nhức mỏi, các khớp xương đau ê, ên ên ớn lạnh. Gia trọng thì bại chân lạnh, mắt ngbet, sống lưng đơ, muỗi trùn mền hơ lửa; phát nóng không mồ hôi, đầu nặng sưng đau, hai mắt lờ mờ như bị che phủ, miệng đầy nặng nề, tay chân mỏi trể, lông ngực bị hơi, miệng lạt không khát nước, tiểu tiện không thông, đại tiện lỏng chảy. Thậm chí tinh thần mờ mịt buồn ngủ.

**CHẨN ĐOÁN:** Tư lưỡi trắng trơn, bọt đóng dày. Mạch đi Trầm Táo, hoặc kiêm Mạch Hoàn Trệ, hoặc Mạch Trầm Tế, tựa Mạch Phục.

**PHÉP TRỊ:** Lúc bệnh sơ phát, mình nhức ớn lạnh, phát nóng không mồ hôi, dùng *Thang Kinh phòng đạt biểu*, bỏ kinh giới, tô điệp, gia hậu phát, thương truật, hoặc hương, bội lan, tần giao, độn si, ôn hòa Chứng Thấp Nhiệt, giải trừ biểu chứng; Tiếp theo cho uống *Thang Linh truyệt*

*nhị trần, gia hậu phát, hoạt thạch, thông thảo, ý dĩ, ẩm trung tiêu, hóa thấp trệ.*

Sau khi bị bệnh thấp trước gây khốn khổ, khi Trung Dương không vận hóa, châm chước dùng *Thang Nhân hương, bỏ đàn hương, đinh hương, gia ý dĩ, bội lan, ích nguồn tán, bán hạ, ẩm áp vận hóa Khí Trung Dương.* Sau hết dùng *Thang Hương sa nhị trần, gia cốt nha, thân khúc, khai vị kiện tỳ.*

### XỬ PHƯƠNG :

**Kinh phòng đạt biểu thang**  
(Thấy ở Chứng Tân Cảm Xuân Ôn)

#### 59.— Linh truyệt nhị trần thang

Đái bì linh	帶皮苓	4 tiền
Đạm can cương	淡乾薑	1 tiền
Trạch tả	澤瀉	1 tiền rưỡi
Quế chi	桂枝	1 tiền rưỡi
Sanh thương truyệt	生苧木	2 tiền
Trần bì	陳皮	2 tiền
Trần khúc	神曲	3 tiền
Bán hạ	半夏	3 tiền

#### 60.— Hương sa nhị trần thang

Mộc hương	木香	1 tiền
-----------	----	--------



Bán hạ	半夏	2 tiền
Phục linh	茯苓	3 tiền
Sanh cương	生薑	1 tiền
Sa nhân	砂仁	1 tiền
Trần bì	陳皮	1 tiền rưỡi
Cam thảo	甘草	2 tiền
Đại táo	大棗	2 trái

61.— Nhân hương thang

Bạch khấu nhân	白朮仁	1 tiền
Trạch tả	澤瀉	2 tiền
Hoắc hương	藜香	1 tiền rưỡi
Xuyên phát căn	川厚根	1 tiền
Sao kiến khúc	炒麩曲	3 tiền
Sa nhân	砂仁	1 tiền
Chỉ xác	枳壳	1 tiền rưỡi
Mộc hương	木香	1 tiền
Quảng bì	廣皮	1 tiền rưỡi

..

3. CHỨNG THẤP ÔN KIÊM NHIỆT

NGUYỄN NHÂN: Chứng Phục Ôn hiệp Chứng Thấp, trong người nóng nhiều, thì hóa ra bệnh nóng, cho nên biến thành Chứng thấp ôn kiêm nhiệt.

**BÌNH LÝ:** Khi hậu phương Nam nóng nực ẩm thấp, dân chúng mắc bệnh Thấp Ôn rất nhiều. Nếu Bệnh Phục Thấp hiệp với Bệnh Ôn, thì trong người nóng lắm, uất ngột mà sanh nóng, hèn Thầy Thuốc xưa gọi là: *thấp nhiệt*. Khi Thấp Nhiệt uất kết ủa ạt sanh bệnh, phần nhiều triều miên chậm khởi.

**CHỨNG HẬU:** Xế chiều ớn lạnh phát nóng, trạng như cũ rét, sáng sớm thì đỡ nóng, nhưng xế chiều vẫn nóng như thường, cả người không mồ hôi, duy có bộ đầu ra mồ hôi mà thôi. — Có khi bộ ngực và dưới nách các chỗ cũng có mồ hôi, tay chân mỗi trỗi, các khớp xương nhức mỏi, đầu nặng xây xẩm, sắc mặt ửng vàng trịnh như thoa mỡ, miệng hơi, ngực uất hơi phiến táo, miệng khô khát mà không uống nước nhiều, bụng đầy ỉa lỏng, đại ít mà vàng đỏ — hoặc ủa nhọn không thêm ủa, hoặc: thân thể phát vàng — hoặc bị phụ mọc Bạch chân (ban bạch).

**CHÂN ĐOÁN:** Lưỡi đỏ bợn lưỡi trắng dày, hoặc bợn lưỡi trắng, trùm lên một lớp vàng, hoặc bợn lưỡi vàng trơn đóng dày. Mạch phần nhiều đi Trầm Huyền đại Mạch Sát, hoặc kiêm có tượng Mạch mơ hồ không rõ ràng.

**PHÉP TRỊ:** Lúc bệnh sơ khởi ớn lạnh ớn nóng, dùng Thang *Gia vị ngân kiều, gia bội lan, hoạt thạch, xuyên phát*, (riêng dùng vị Đông Qua Tử, vị Thông Thảo nấu lấy nước, sắc thuốc.) Lợi dụng mùi thanh hương đậm thâm giải trừ cả chứng ở phần biểu và lý.

Sau khi đỡ ớn lạnh, chỉ còn phát nóng, nóng lắm phiến táo, bụng đầy ỉa chảy, dùng Thang *Tăng giảm hoàng liên tả t m, bỏ xuyên phát một chỉ, ủa thông sơ lợi*.

Nếu gặp trường hợp ngộ trị, làm cho chứng phát nóng nặng thêm, nước tân dịch trong người khô cạn, châm chước dùng Thang *Nhơn sâm bạch hồ*.— Như nóng làm mất máu, châm chước dùng Thang *Tê giác địa hoàng*— Như khí âm thấp bị nóng đốt khô cạn hóa táo, biến Chứng Kinh Khuyết tay chân rút giật, châm chước dùng Thang *Thanh táo dưỡng dinh*, hoặc Thang *Linh dương câu đằng* một trong hai thang.

XỬ PHƯƠNG :

**Gia vị ngân kiều thang**

(Thấy ở Chứng Thử Ôn kiêm Thấp)

**Tống giảm hoàng liên tả tâm thang**

(Thấy ở Chứng Phục Tả Phong Ôn)

**Nhơn sâm bạch hồ thang**

(Thấy ở Chứng Thử Ôn Phụ lục)

**Tê giác địa hoàng thang**

(Thấy ở Ôn Bịnh kiêm Hào)

**Thanh táo dưỡng dinh thang**

(Thấy ở Dinh phần phục Thử)

**Linh dương câu đằng thang**

(Thấy ở Chứng Phục Tả Xuân Ôn)

PHỤ LỤC: Những Y gia thiện trị Chứng Thấp, nên suy tôn Ông Diệp Hương Nham là người trước nhất. Ông nói: Bệnh Thấp Nhiệt trị ở Phôi; Bệnh Thấp Hàn trị ở Vị, thực là phương pháp trị Thấp rất đúng mức vậy. Một Thang hoặc hương chính khí ứng dụng cũng khá rộng: kiêm Chứng Hàn, tá lấy vị *quế chi*, hoặc tá Can Cương, Thương Truật; kiêm Chứng Nhiệt, tá lấy Trúc Diệp, Lô Căn, hoặc *chi tử*, *liên kiều*. Loại thuốc trừ Thấp, lấy mùi khinh thanh tâu khí làm chủ, như *Hạnh nhân*, *bạch khấu nhân*, *hoạt thạch*, *thông thảo*, *bối mẫu* qua lâu bì, các loại rất là hợp pháp.

Chứng Thấp Nhiệt gây trở ngại trên phần thanh dương, đều nặng tai điếc, mũi chảy máu, dùng *kiết cánh*, *nguru bàng*, *ngân hoa*, *mã bột*, *xạ can*, *kim trấp*, lấy mùi thanh phrong giải uất

Chứng Thấp Nhiệt hiệp với khí ứ trước, phân bố ở Phần Dinh Phần Vệ, tràn ngập Tam tiêu, đầu sưng mình nhức, tiểu tiện không thông, bọt lưỡi trắng bầy, dùng *bạch khấu nhân*, *phục linh bì*, *đại phúc bì*, *trư linh*, *trúc diệp*, *ngọc kim*, *xuyên phát*, *cúc hoa*, *hoạt thạch*, lấy thuốc mùi lạt để thâm tiết thấp trước.

Thấp Nhiệt trở cách phần trung tiêu, khí trệ bụng đầy, đại tiện không thông, dùng *đậu sí*, *chỉ thiết*, *xuyên liên*, *bán hạ*, *hậu phát*, *sa nhân*, *xích linh*, *trạch tả*, thuốc tuyên khí hóa trệ. Ngoài ra, như dùng *ngọc kim*, *quít hồng*, *khẩu nhân*, *tứ cầm*, *chỉ thiết*, *phục linh*, *bán hạ*, là cách trị Chứng Thấp làm trở ngại phần khí uất trệ — Dùng *xuyên liên*, *khẩu nhân*, *hậu phát*, *đại hoàng*, *sanh cương*, *quít bì*, là phép trị Chứng Thấp làm trở ngại, đại

tiện bí. — Dùng *quế chi*, *trư linh*, *hoạt thạch*, *trạch tả*, *thương truật*, *nhân trần*, là theo cách trị của *Thaoz Quế linh cam lộ gia giảm*, tuyên thông phần tam tiên vậy. Trên đây đều là phương pháp chữa trị Chứng Thấp Nhiệt triển biến.

Chỉ rõ cách dùng phương lựa thuốc, đại khái chọn lấy mùi đắng cay, tính ấm nóng trị Chứng Hàn thấp; mùi đắng cay, tính mát lạnh trị Chứng Thấp Nhiệt; còn mùi cam đậm thì dùng làm thuốc tá, mùi ngọt chua hẻo hồ thì không dùng. Các phép trị Chứng Thấp, không ngoài mấy điều trên đây.

#### XỬ PHƯƠNG :

**Hoắc hương chánh khí thang**  
(Thấy ở Chứng Thấp Ôn kiêm Thử)

#### 61 A — Quế linh cam lộ gia giảm phương

Quế chi	桂枝	1 tiền
Hoạt thạch	滑石	3 tiền
Nhân trần	茵陳	3 tiền
Xích linh	赤苓	3 tiền
Thương truật	蒼朮	1 tiền rưỡi
Trạch tả	澤瀉	1 tiền rưỡi
Trư linh	猪苓	1 tiền rưỡi

## CHƯƠNG THỨ BẢY

### BỆNH THU TÁO

Bệnh danh Thu Táo, sách xưa không thấy đề cập đến. Ông Du là người phát minh trước nhất, ông Trầm Tử Nam, ông Thạch Bái Nam tiếp tục diễn dịch, ý nghĩa mới rõ. Sách này phân biệt Chứng Tân Cầm, Chứng Phục Tả, và chỗ dị đồng giữa hai Chứng Lương Táo, Ôn Táo, cùng thứ tự bệnh là xâm nhập vào phần khí, phần huyết, núp cận trời sâu trong thân thể con người, chia rành thuật rõ như sau.

#### I. BỆNH LƯƠNG TÁO

NGUYỄN NHÂN: Bệnh này phát tác sau tiết Thu Phân, trước tiết Lập Đông. Thời tiết thu thâm, khí trời thanh sắc, khí hậu mát dần, con người cảm nhiễm phần nhiều sanh Bệnh Lương Táo, tức là Bệnh Thu Táo đấy. (tên tục là Bệnh Thu Tả, lại gọi là Bệnh Phong Táo), so sánh với Bệnh Thương Hàn ở mùa Đông thì nhẹ hơn.

BỆNH LÝ: Táo là bệnh chứng khô rit. Ông Trầm Tử Nam nói: tháng Mùa Hạ khí nóng nực ung đốt, phần cơ nhục con người lúc nào cũng rịn ướt mồ hôi, da thịt

min màng, không cảm thấy khô khan. Qua Mùa Thu thì bầu trời trong trẻo cao ráo, khí hậu thanh sảng, hơi lạnh dần dần gắt lên, đất đai khô ráo nứt nẻ. Cho nên da thịt trong thân thể con người cũng khô khan. Đó là hình trạng của Chứng Lương Táo vậy.

Ông Thạch Bái Nam nói : Tiết Thu Phân về sau, tuyết lạnh sương mù, là thời thịnh lưu hành của khí táo, thể ôn trong thân thể con người cảm thọ ngoại tà, tức thời phát lạnh ôn nóng ; làm Ba Dịch thọ tà thì nội bộ dạ dày đau, ngực đầy ; phổi thọ tà, thì ho khan hển tiếng ; phần huyết lạc (vì huyết quản) ở phổi thọ tà, thì ho đàm vướng máu. Kìa như chứng ngực đầy khó thở, suyễn gắp ụ khan, đều do cảm xúc bệnh độc lương táo gây ra.

**CHỨNG HẬU** : Lúc bệnh sơ khởi, đầu như mình nóng, ôn lạnh không mồ hôi, mũi nghẹt thở khô khè, bệnh trạng tương tựa Chứng Trùng Phong, Chứng Thương Hàn Duy có họng ráo môi khô, ho khạc đàm nhớt, ngực đầy khó thở, hen gắp ụ khan, hai sườn đau buốt, bì phu khô ráo, các chứng là đặc biệt.

**CHẨN ĐOÁN** : Màu lưỡi trắng mỏng, khô ráo, phần nhiều mạch động Sắc mà kiềm Khẩn, là tượng mạch : độc táo xâm nhập, tân dịch ngưng trệ. — Xét, Chứng Táo hình mạch động Sắc là thường lệ, tuy có kiềm chứng hoặc biến chứng, khiến cho hình mạch hiện lên Phù Hồng, Huyền Sát các tượng, song dễ nặng tay, thì không có lúc nào mạch chẳng động Tê Sắc

**CÁCH TRỊ** : Bệnh sơ khởi, đầu như mình nóng, ôn lạnh không mồ hôi, dùng Thang Hương Tố Song Xị, bỏ

vị *Hương Phụ*, vị *Thai Ô*, gia *Hạnh Nhân*, *Bá Hộ*. Sau khi biểu tà đã giải, mà đàm vẫn còn nhiều, ngực vẫn còn nặng, ho khạc không thông, dùng thang *Hạnh Tô Nhị Trần Gia Vị*, đàm ho đã đỡ; nhưng đại tiện bế tắc bụng đau, thì dùng thang *Ngũ Nhân Quit Bi*.

### XỬ PHƯƠNG :

#### 62. — Hương Tô Song Xị Thang

(Họng khô, gia *Mạch Đông*, *Hoa Phấn*; nóng lắm, gia *Từ Cầm*, *Ngân Hoa*; hồng đầy, gia *Chi Xắc*, *Ngọc Kim* ho hen, gia *Bạch Tiên*, *Ngưu Tử* — Ụa khan, gia *Giả Thạch*, *Bán Hạ* — sườn đau gia *Đào Nhân Nê*, *Một Dược*).

Chế hương phụ	製香附	1 tiền rưỡi
Thanh bì	青皮	1 tiền
Trần bì	陳皮	1 tiền
Phòng phong	防風	1 tiền rưỡi
Xích linh	赤苓	3 tiền
Sinh cương	生薑	2 miếng
Tử tô diệp	紫蘇葉	1 tiền rưỡi
Song bạch	葱白	1 tiền
Ngọc kim	玉金	1 tiền rưỡi
Đậu xị	豆豉	3 tiền
Thai ô dược	台烏藥	1 tiền rưỡi

#### 63. — Hạnh Tô Nhị Trần Thang

Hạnh nhân	杏仁	3 tiền
-----------	----	--------



Bán hạ	半夏	1 tiền rưỡi
Phục linh	茯苓	3 tiền
Sanh cương	生薑	1 tiền
Tô diệp	蘇葉	2 tiền
Trần bì	陳皮	1 tiền rưỡi
Cam thảo	甘草	1 tiền
Đại táo	大棗	2 trái

**64. Ngũ Nhân Quít Bì Thang**

Hạnh nhân	杏仁	3 tiền
Tông tử nhân	松子仁	3 tiền
Ưu lý nhân	郁李仁	3 tiền
Quít bì	橘皮	1 tiền rưỡi
Đào nhân	桃仁	3 tiền
Bá tử nhân	柏子仁	3 tiền

..

**2. BÌNH LƯƠNG TÁO**

**NGUYÊN NHÂN:** Tiết Thu thâm về sau, khí trời trong tạnh, bắt mưa lâu ngày, khô khan nóng ráo, con người cảm nhiễm, thường sanh bệnh Táo.

**BÌNH LÝ:** Trong tạnh không mưa lâu ngày, thì khi trời viêm chùng khô ráo, phần nước trong thân thể con người hao hụt. Đã cảm khí ô tảo, lại bị ảnh hưởng của gió lạnh, cho nên phát bệnh.

**CHỨNG HẬU :** Lúc sơ khởi, đầu nhưc mình nóng, ớn lạnh không mồ hôi. Kế tiếp thì lạnh ít nóng nhiều, tuy có mồ hôi mà nóng không đỡ, ho khạc đàm lỏng, hoặc ho khan không đàm, hen suyễn thở gấp, họng đau, mũi khô, môi ráo, ngực đầy sườn đau, lòng phiền muộn, miệng khát nước các chứng.

**CHẨN ĐOÁN :** Bọng lười trắng mỏng khô ráo, bìa lười ửng hồng, — mạch tay phải đi Phù Sát, tay trái mạch đi Huyền Sát mà dài Sắc. Đó là hiện tượng Chứng Ôn Táo thiêu đốt ở trong, nước tân dịch khô cạn.

**PHÉP TRỊ :** Lúc sơ phát, đầu nhưc hơi ớn lạnh, mình nóng không mồ hôi, dùng *Thang Gia Giảm Uy Duy*, gia *Qua Lâu Bi*, *Tô Tử*. — Đàm nhiều, gia *Bối Mẫu*, *Trúc Lịch*. — Lồng ngực bứt rứt, gia *Chỉ Xác*, *Ngọc Kim* — ưa nghịch gia *Giả Thạch*, *Tỳ Bà Diệp* và dùng *Tả Kim Hoàn*.

Chứng ngoài đã khởi, mà trong bụng vẫn nóng bứt rứt khát nước, ho ra máu đại tiện táo bón, thì dùng *Thang Thanh Táo Cứu Phế* của ông Du. Hông đầy sườn đau, dùng *Thang Sài Hồ Chỉ Kiết*.

### XỬ PHƯƠNG :

#### **Gia giảm uy duy thang**

(Thấy ở Chứng Phục Tả Xuân Ôn)

#### **Sài hồ chỉ kiết thang**

(Thấy ở Chứng Tân Cảm Xuân Ôn)

## 65.— Tở kim hoàn

Hoàng liên	黄连	6 phân
Ngô du	吴茱萸	1 phân

Hợp chung tán làm bột hòa làm hoàn, uống với nước chín.

## 66 — Dự thị thanh táo cứu phế thang

Tang diệp	桑叶	3 tiền
Mạch đông	麦冬	5 tiền
Nam sa sâm	南沙参	3 tiền
Hồ ma nhân	胡麻仁	5 tiền
Cam thảo	甘草	1 tiền
Hạnh nhân	杏仁	3 tiền
Sanh thạch cao	生石膏	3 tiền
A giao	阿胶	1 tiền rưỡi
Tì ba diệp	枇杷叶	3 tiền (gói)

••

## 3.— BỊNH THU TÁO PHỤC TÀ

NGUYỄN NHÂN: Mùa Hạ cảm thương khí Thử Thấp tiềm phục ở trong, đến Tiết Thu Thâm khí bậu ngoài trời lương sản, xúc phát phục tà ở trong mà bệnh phát tác.

**BÌNH LÝ** Mùa Hạ, thứ tà tiềm phục trong người, đến mùa thu lại cảm táo khi, biến thành Chứng *Thu táo phục tá*, day trong ấy có *hiệp thấp* hoặc *hóa nhiệt* cần phải phân biệt :

*Hiệp Thấp*, thì ớn lạnh phát nóng nhưc đầu, tứ chi mỗi trẻ, mình mẩy nặng nề, khát nước mà không uống được nhiều, bụng đầy hơi. *Hóa Nhiệt*, thì ho đàm vướng máu, hông ngực đau buốt, bụng nóng như lửa, ỉa nước như dọi, các chứng.

**CHỨNG HẬU** : 1) *Hiệp Thấp* lúc bịnh sơ khởi, rờn rợn ớn lạnh, hết lạnh rồi nóng, mũi mới khô ráo trước nhưt, họng đau, ho khan khó thở, ưa kban, tay chân mỗi trẻ, mình mẩy nặng nề khát nước mà không muốn uống, uống nước thì mửa, trăn trở nằm không yên, hông sườn trướng đau, bụng đầy hơi, ỉa lỏng không thông, đái ít đỏ nóng. Ông Du nhận định đây là bịnh *phổi ráo tỳ ướt* (phế táo tỳ thấp). Như âm dịch tạng Thận bị tổn thương, thì tay chân nề oải không sức cử động, khắp cả châu thân nhưc mỗi nặng nề, nửa đêm nóng nhiều, hừng sáng đỡ nóng, hơi hen thở ngâu, má đỏ chân lạnh, lòng bàn chân lại nóng. Nặng lắm thì té bại, hoặc ỉa chảy mà nặng tròn, hoặc hoạt tinh đau lưng.

2) *Hóa Nhiệt* : Họng ngứa ho khan, ho lắm thì trong đàm vướng máu, hông ngực đau buốt, bụng nóng như cào, ỉa chảy như xối, tròn trề nóng rát. Nặng lắm thì đi liêu khó khăn, tịa hồ kiệt lý, mà không phải kiệt lý, ruột đau như cắt, bụng cứng dần, đè nặng tay thì đau ngắt. Ông Du nhận định, đây là bịnh *phổi ráo ruột nóng*. Ở trong nóng lắm, thì uống nước không biết đã khát,

người nóng hừng hực, tự ra mồ hôi, tay chân tuy lạnh mà lòng bứt rứt sợ nóng — hoặc hơi thở nghịch lên, ra khan, dưới sườn đau nhói, dài ít đỏ rít, hoặc nhều từng giọt mà trong ống tiểu nghe đau, đại tiện phần nhiều táo bón, hoặc đau bụng mặc là thổi hơi, mà là không ra phân. Nhiệt ta ung đốt thân kinh thì: gân mạch co rút không thể day trở. Năng lâm thì: tay chân xui lơ chèn xui lơ trạng như Chứng Kinh Giản.

**CHÂN ĐOÁN.** 1) Hiệp Thấp, Chứng: bọt lưỡi dày như trét bột, bia lưỡi trắng trơn — Hình mạch: tay bên phải mạch động Phù Sắc, tay bên trái mạch động Hoãn Trệ, hoặc mạch động Tế mà dài Sắc. Như Táo độc xâm nhập vào trong, sự phân bi ở bi chất phó thận phát sanh biến hóa, thì hình lưỡi to lớn, trùn lên một lớp bọt dày. Lấy tay đè lên thì rịn nước.

2) Hóa Nhiệt Chứng: bọt lưỡi khô ráo, mọc chông và kiếm có lằn rách — Hình mạch: đè nhẹ tay thì mạch động Phù Sắc đại mạch Táo. Đó là trạng chứng Táo độc với Thử Thấp vây khốn lẫn nhau, biến thành hiện tượng tán dịch bị tỏa thương.

**XỬ PHƯƠNG:**

**Song xị cát cánh thang**  
(Thấy ở Bình Tân Cẩm Xuân Ôn)

**Tăng giảm hoàng liên tả tâm thang**  
(Thấy ở Chứng Phục Giả Phong Ôn)

## 67. Gia giảm tri bá địa hoàng thang

Tri Mẫu	知母	1 tiền	rượu
Sanh địa hoàng	生地黄	3 tiền	
Tửu hoàng cầm	酒黄芩	1 tiền	rượu
Bắc sa sâm	北沙参	3 tiền	
Vân phục linh	云茯苓	3 tiền	
Linh từ thạch	灵磁石	3 tiền	
Xuyên hoàng bá	川黄柏	1 tiền	rượu
Sao di mễ	炒苡米	3 tiền	
Nôn thanh cao	嫩青蒿	2 tiền	
Phấn đơn bì	粉丹皮	2 tiền	
Quảng trần bì	广陈皮	2 tiền	
Kiến liên tử	建莲子	3 tiền	

## 68. — Gia vị tang đơn tả bạch Thang (Tán)

(gia : ngẫu tiết 4 tiền, hạn liên thảo 3 tiền, Hoàng Cầm 1 tiền rượu)

Bạch thược	白芍	3 tiền	
Phấn đơn bì	粉丹皮	1 tiền	rượu
Ngưu bàng tử	牛蒡子	1 tiền	rượu
Một dược	没药	3 tiền	
Kim quýt bình	金橘饼	2 trái	
Sanh tang bì	生桑皮	3 tiền	
Kiểm hạnh nhân	甜杏仁	1 tiền	rượu
Cát cánh	桔梗	1 tiền	rượu
Mạch đông	麦冬	4 tiền	
Địa cốt bì	地骨皮	2 tiền	

**69.— Gia vị ngọc nữ tiền**

Sanh thạch cao	生石膏	8 tiền
Thục địa hoàng	熟地黄	4 tiền
Sanh bạch thược	生白芍	4 tiền
Sanh thạch quyết minh	生石决明	5 tiền
Linh từ thạch	灵磁石	4 tiền
Minh tri mẫu	明知母	2 tiền
Sanh mẫu lệ	生牡蛎	2 tiền
Sanh địa hoàng	生地黃	1 tiền

**Linh dương cầu đẳng thang**  
(Thấy ở Bệnh Phục Tả Xuân Ôn)

PHỤ LỤC : Xét vi, Tiền Triết Du Căn Sơ tiền sanh. luận về cách dùng thuốc trị bệnh Thu Tảo một thiên, có khá nhiều kinh nghiệm, nên lục lại học thuyết của Ông, đồng thời tu chỉnh như sau :

Ông Du Căn Sơ nói : Bệnh chứng Thu Tảo, trước nhất làm thương tổn tân dịch của phổi, tiếp theo gây thương tổn đến phần âm dịch.— Xưa nói Bệnh Tảo thì dùng thuốc tư nhuận, đó là định pháp chữa trị Chứng Tảo vậy.

Song trước nhất phải phân biệt, thế nào là Bệnh Lương Tảo, thế nào là Bệnh Ôn Tảo ? và thế nào là bệnh Hư Tảo, thế nào là bệnh Thực Tảo ? thì dùng thuốc chữa trị mới có chỗ cầm chắc trong tay.

Bệnh Lương táo dùng thuốc Ôn nhuận, lấy *Tử Uyển*, *Hạnh Nhân*, *Đậu Sĩ*, *Tiền Hồ*, *Kiết Cánh*, *Tô Diệp*, *Phòng Phong*, *Xuyên Khung*, *Quit Hồng*, các thứ khai đạt khí cơ làm chủ. — Kiềm Chứng Phong thì gia *Sanh Cương*, *Thông Bạch* thuốc tân nhuận giải biểu — ho hen hồng đẫy, thì gia *Tử Tó*, *Bá Hộ*, thuốc tư nhuận thông phổi — hiệp Chứng Thấp, gia *Khẩu Nhân*, *Hoạt Thạch*, thuốc tân hoạt đả thâm trừ thấp — hiệp Chứng Thực trệ, gia *Bạch Giới Tử*, *Chi Nhiệt*, *Úc Lý Nhân*, âm thông chứng đình trệ và tiền đạo — đàm nhiều gia *Qua Lâu*, *Bán Hạ*, *Cương Trấp*, *Đình Lịch*, thuốc tân hoạt thông lợi, tiêu đàm-khí ở phần lý uất át, đại tiện không thông, cảm giác không thư thối mà đau bụng, gia *Sa Nhân*, *Úc Lý Nhân*, *Bá Tử Nhân*, *Tri Mẫu*, *Qua Lâu Bì* các thứ thuốc: tân hoạt giáng tiết, thông lợi đường đại tiện — sau khi bệnh hoạn thiếu máu, tân dịch khô cạn, gia *Đương Qui Thân*, *Nhục Thung Dung*, *Thực Địa*, *Câu Kỷ Tử*, các thứ thuốc cam nhuận bổ âm.

Chứng Ôn táo, dùng thuốc lương nhuận: *Tiền Tang Diệp*, *Kiểm Hạnh Nhân*, *Thông Bạch*, *Thanh Cao*, *Ngưu Bàng Liên Kiều*, *Qua Lâu*, *Bối Mẫu*, các thứ thuốc thanh nhuận khinh tuyên làm chủ. — nóng lắm thì gia *Hoa Phấn*, *Ló Căn*, *Ngân Hoa*, *Cúc Hoa* thanh tiết khí nhiệt; nóng đỡ thổ khỏe tự ra riu rịa mồ hôi mà bệnh khỏi. — khạc đàm không thông, hoặc ho nhiều khạc ra máu, gia *Trúc Lịch*, *Ngẫu Trấp*, *Mao Căn*, *Đông Tiễn*, thuốc cam nhuận hàn giáng, trơn đàm cầm máu — nếu ho máu không cầm được, gia *A Giao*, *Tam Thất*, thuốc tư nhuận hoá trệ — đại tiện khó, hoặc bí kiết, gia *Hải Tịch*, *Bột Tề*, *Bạch Mật*, thuốc bổ ích tân dịch, tư nhuận đại trường.

Tóm lại, phần thượng tiêu khô táo sanh ho, dùng



Thang *Thanh Táo Cứu Phế* của ông Du — Trung tiêu *khô táo*, thì tiêu khát, dùng Thang *Nhân Sâm Bạch Hồ* — Hạ tiêu *khô táo*, thì đại tiện bí kết, dùng Thang *Ngũ nhân quit bì*, và phương *Tế xuyên tiền* của ông Cảnh Nhạc — gan táo uốn gân, dùng Thang *A giao kê tử hoàng*, và Thang *Linh dương cầu đằng*.

Chỉ như phần Âm hư biến chứng Dương Khuyết, dùng phương *Gia vị tập linh tiên tâm chủ* — Âm hư hỏa vượng, dùng Thang *Hoàng liên a giao* làm chủ được. Sau vẫn dịch, thì lấy *tây dương sâm, sa sâm, sanh địa, mạch đông* làm chủ được — Chứng Dương Khuyết, dùng *Đương qui thân, thực địa, kê huyêi đằng*, làm chủ được. Trên đây là thông luận đại khái cách trị Chứng Lương Táo, Chứng Ôn Táo, Chứng Thực Táo, và Chứng Hư Táo vậy.

#### XỬ PHƯƠNG :

##### **Dụ thị thanh táo cứu phế thang**

(Thấy ở Bình Ôn Táo)

##### **Nhân sâm bạch hồ thang**

(Thấy ở Chứng Thử Ôn phụ lục)

##### **Ngũ nhân quit bì thang**

(Thấy ở Chứng Lương Táo)

**70.— Tế xuyên tiên**

(phương của Tân Phương Bát Trộn)

Nhục thung dong	肉菘菜	3 tiền
Thăng ma	升麻	5 phân
Trạch tả	泽泻	1 tiền rưỡi
Chỉ xác	枳壳	1 tiền rưỡi
Ngưu tất	牛七	1 tiền rưỡi
Đương qui	当归	3 tiền

**Hoàng liên kê tử thang**

(Thấy ở Chứng Phục Tả Xuân Ôn)

**Linh đóc câu đồng thang**

(Thấy ở Chứng Phục Tả Xuân Ôn)

**Gia vị tập linh tiên**

(Thấy ở Chứng Dinh Phần Phục Thử)

**Hoàng liên a giao thang**

(Thấy ở Bình Ôn kiêm Thử)

## CHƯƠNG THỨ TAM

### BỆNH ĐÔNG ÔN

Điểm bất đồng giữa Bệnh Đông Ôn với Bệnh Xuân Ôn là: Bệnh Xuân Ôn thì phát ở đầu mùa xuân, lúc khí lạnh của mùa đông còn còn lại. Bệnh Đông Ôn thì phát ở ngay mùa đông, lúc khí trời đang lạnh ẩm khô khan.

Phép trị Bệnh Xuân Ôn, cần phải xét coi bệnh nhân có cảm thọ hàn tà hay chăng? Còn phép trị Bệnh Đông Ôn, cần thăm định xem có chứng Phục Thử, Phục Táo chăng? Đó là đại khái cách phân biệt bệnh chứng để chữa trị vậy.

Bệnh này cần phải phân biệt, có phải là hoàn toàn do tân cảm gây ra, hay có phục tà. Hoàn toàn do tân cảm, thì bệnh nhẹ, vì bệnh độc còn ở cạn. Có phục tà thì nặng, vì bệnh độc đã vào sâu. Người phương bắc, ngày mùa đông vây quanh lò sưởi, ăn nhiều tiêu tỏi, bình tố trong người luôn bị nóng nảy uất kết, cho nên phát hiện bệnh chứng Đông-ôn không phải là ít.

#### I. ĐÔNG ÔN KIÊM HÀN

NGUYỄN NHÂN: Thời lạnh mùa Đông, trong lạnh ẩm

áp, khí hậu khô khan, ôn độ trong người rất cao, thỉnh thoảng cảm nhiễm gió lạnh bên ngoài, tức thời phát bệnh.

**BÌNH LÝ:** Chứng tân cảm, là vì thời lịnh tạnh ẩm khô khan, cảm xúc khí lạnh mà sanh bệnh. Lúc đầu thọ bệnh, ngoại trừ những chứng hậu do cảm mạo mà phát hiện như: *Nóng lạnh, nhức đầu, nghẹt mũi, ho hen ra*, còn có những chứng: *yết hầu sưng đau, nhức răng, hạch dưới cằm tai sưng*, là các chứng hậu chủ yếu. Nếu bên trong uất nhiệt nặng nề, phát sanh các chứng *hầu tý, hầu ung, bạch hầu*, thì càng nguy hiểm hơn.

**CHỨNG HẬU:** Lúc bệnh mới phát, thì ghé gió sợ lạnh, đầu đau mình nóng, nghẹt mũi sổ mũi, cổ họng khô ráo, hoặc đau nhức; kể đó thì không ôn lạnh, chỉ phát nóng, lòng phiền táo, miệng khát nước, ngực buồn, bụng đau, đại tiện bí, tiểu tiện đỏ; thái thậm thì cổ họng sưng đau và có vết trắng, ngứa răng và hạch dưới cằm sưng đau.

**CHẨN ĐOÁN:** Tựa lưỡi đồng trắng mà bản là bệnh độc ở phần cơ biểu chưa giải, hạn dịch bị đình trệ; tựa lưỡi vàng trơn, là đả nhiệt ủng trệ ở trong; tựa lưỡi vàng mà tựa lưỡi dày, là căn bã chất đông ở ruột già — mạch đi Phù hoặc Huyền Sát, hoặc bị cảm lạnh nặng nề thì kiêm mạch Khẩn.

**CÁCH TRỊ:** Bệnh sơ khởi ghé gió sợ lạnh, đầu nhức, mình nóng, không mồ hôi, thì dùng thang Song Xị Cát Cánh gia Phòng phong — không lạnh chỉ nóng, lòng phiền muộn, khát nước, họng đau, ho hen, ngực buồn, thì dùng thang Cát Cánh (vỏ Song Bạch, Đậu Xị cho nên nói:

thang *Cát Cánh*), gia Ngân Hoa. Hoàng Cầm. Hạnh Nhân, Xạ Cau, Đơn Bì, Chỉ Xác, Ngọc Kim. Ngực buồn, họng đau, táo bón, nước tiểu đỏ, thì dùng *Tán Lương Cách*. Cổ họng sưng đau, có mề trắng, nướu răng và hạch dưới tay sưng đau, ỉa bón đại đỏ, thì dùng thang *Gia Giảm Thanh Phế*.

## XỬ PHƯƠNG :

**Song Xị Cát Cánh Thang**

(thầy ở Chủng Tân Cẩm Xuân Ôn)

**71.— Gia Giảm Lương Cách Tán**

Hoàng cầm	黄芩	2 chi
Bạc hà diệp	薄荷叶	1 tiền 5
Liên kiều	连翘	3 tiền
Trúc diệp	竹叶	3 tiền
Đại hoàng	大黄	1 tiền 5
Sao sơn chi	炒山枝	1 tiền 5
Hoạt Thạch	活石	3 tiền
Cam thảo	甘草	1 tiền 5
Phương thông thảo	方通草	1 tiền 5
Mau tiên	芒硝	1 tiền 5

**72 — Gia Giảm Thanh Phế Thang**

Ngân Hoa	银花	3 tiền
Mạch Đông	麦冬	3 tiền
Sanh địa	生地	3 tiền
Đơn bì	丹皮	2 tiền

Tửu quân (Đại Hoàng tâm rượu)	酒 軍	2 tiền
Man Tiêu	芒 硝	2 tiền
Tích bối	枳 貝	3 tiền
Bạch Thược	白 芍	3 tiền
Bạc Hà	薄 荷	1 tiền rưỡi
Chi xác	枳 壳	1 tiền rưỡi
Tân bì	萆 皮	3 tiền
Tứ cầm	酒 苓	2 tiền
Cam thảo	甘 草	1 tiền

Ho đầu lăm thì gia *Xạ Can*, *Sơn đậu căn* ; ngực đầy gia *Ngọc Kim*, *Hoa Lâu* ; nóng lăm gia *Hoàng Cầm*, *Sanh thạch cao*.

..

## 2. ĐÔNG ÔN PHỤC TÁO

NGUYỄN NHÂN: Tiết đông ôn dẫn khởi bình độc *phục thử* và *phục táo*, phát tác ra ngoài.

BÌNH LÝ: Bình này, cần phải phân biệt thể nào là *đông ôn kiêm phục thử*, và *Đông Ôn kiêm Phục Táo*. Chứng hậu *Đông Ôn* như đã nói rõ ở đoạn trước. Còn nguyên lý tiềm phục của bệnh *Thử* và bệnh *Táo*, tùy theo tập quán thể chất của mỗi người mà biến chuyển.

Bên trong nóng này trầm trọng, dễ mắc *Chứng Thương Thử*, — chất tân dịch hao hụt, dễ mắc *Chứng Thương Táo*, đó là lý nhưt định vậy.

*Chứng loại bệnh phục tà :*

1) Cảm thọ bệnh độc nhẹ nhàng, trải qua một thời gian mới phát.— 2) Khi bệnh phát, trị không nhằm thuốc, bệnh tình lại ần phục.— 3). Trải qua chữa trị, nhưng trị không tận gốc, và về sau bệnh lại phục phát, các chứng hậu thấy rõ ở môn này.

**CHỨNG HẬU :** Lúc bệnh sơ khởi, đầu như mình nóng, ho hen, tinh thần buồn bực, hoặc không mồ hôi sợ gió lạnh, hoặc có mồ hôi sợ nóng. Khi có chứng Phục, thì lạnh ít nóng nhiều, mồ hôi ra mà nóng không giải, ngày nhẹ đêm nặng, như dần xây xâm, bứt rứt sợ nóng, mắt đỏ môi hồng, da mặt khô nhám, răng khô, phiền táo, nằm ngủ không yên, miệng khô không khát nước, uống nước thì ho khan, giang môn nóng rát, hoặc mình nóng đôi mào trắng, mọc ban châu. — Khi chứng Phục Táo, thì ho hen khạc đàm lỏng, ho lâm thì trong đàm có vờng máu, hoặc ho khan không có đàm, lồng ngực bứt rứt, cạnh sườn nhói đau, hơi thở khô khè mà gấp, cưỡng họng sưng đau, đại tiện táo bón, đại ngấn đỏ rít.

**CHẨN ĐOÁN :** — Khi chứng Phục Thử màn lưỡi đỏ tươi, hoặc lưỡi khô không tưa. Như bệnh độc tiềm trở ra khi phần, thì tưa lưỡi trắng dày hoặc vàng trơn, phần nhiều mạch động Trầm Tế có sức, hoặc mạch động Huyền Sát có sức.— Khi có bệnh Phục Táo, thì tưa lưỡi mỏng trắng mà ráo, chót lưỡi và chung quanh đều đỏ, hoặc khô trắng mà dày, trắng như màu bạc màu vôi, cũng có màu lưỡi vàng trắng lẫn lộn nhau. Thái thậm

thì ngay giữa lưỡi nổi lên một quãng bằng đồng tiền, bốn phía da lưỡi như bị lột, hoặc bốn phía trắng như đầu hủ (mục thối) mà ở giữa lưỡi như bị khoét xuống. — Còn phần tân dịch bị hao hụt, thì lưỡi đen mà mọc mục; phần khí hư, thì lưỡi ráo mà nứt rách, mạch động Trầm mà đỏi mạch Đoản, mạch Sắc, nếu mạch động Phù thì đái mạch Huyền Sát.

**PHÉP TRỊ:** Lúc bệnh sơ khởi, đầu như mình nóng, ho hen khát nước, có mồ hôi, hoặc không mồ hôi, dùng thang *Gia Giảm Uy Duy*, Minh nóng hạ lý, dùng thang *Các Căn Hoàng Cầm Hoàng Liên* (1) — kiêm chứng Phục Thủ mình nóng ra mồ hôi, mà nóng không giải, ngày nhẹ đêm nặng, nhưc đầu xây xẩm, đại tiện lỏng mà không khoái sàng dùng thang *Bạch Hồ Thừa Khí* gia *Thạch Cao, Hoàng Cầm, Mẫu Đan Bi, Tê Dác* — kiêm chứng *Phục Táo*, ho khan hoặc ho ra máu, lồng ngực no buồn, hơi thở khô khè, dùng *Tân Tang Đryn Tả Bạch Gia Vị*. — Họng đau, đại tiện táo bón hoặc nề trĩ không thông, dùng *Tán Lương Cách Gia Vị*.

(1) Theo chỗ kinh nghiệm của dịch giả, bệnh MINH NÓNG HẠ LÝ dùng thang NHÂN SÂM BẠI ĐỘC gia TRẦN THƯƠNG MỄ rất hay.



XỬ PHƯƠNG :

**Gia Giảm Uy Duy Thang**

(thấy ở Bình Xuân Ôn Phục Tả)

**Lương Cách Tán**

(thấy ở bình Tân Cẩm Đông Ôn)

**Bạch Hồ Thừa Khí Thang**

(thấy ở Bình Ôn kiêm hàn)

**Gia Vị Tang Đơn Tả Bạch Thang**

(thấy ở bình Thu Táo Phục Thứ)

**73.— Cát Căn Hoàng Cầm Hoàng Liên Thang**

Cát căn	葛根	2 chỉ
Cam Thảo	甘草	1 chỉ
Hoàng cầm	黄芩	1 chỉ rưỡi
Hoàng liên	黄连	1 chỉ rưỡi

## CHƯƠNG THỨ CHÍN

### BỆNH THƯƠNG HÀN

**THUYẾT MINH:** Sau Tiết Lập Đông, khi trời lạnh gắt, cảm nhiễm thành bệnh, cho nên gọi là *bệnh thương hàn*. Song ở thời lịnh mùa xuân mùa hạ cảm nhiễm khi bạc hàn của đương thời, chứng sợ lạnh nặng hơn chứng phát nóng, cũng gọi là *bệnh thương hàn*. Nhưng bệnh phát ở ngay mùa Đông thì nặng hơn phát ở các mùa khác.

**NGUYỄN NHÂN:** Do khí phong hàn kích thích ở phần bì phu cơ biểu mà sanh bệnh.

**BỆNH LÝ:** Bệnh này do khí phong hàn kích thích ở phần bì phu, khiến cho phần siêu tầng cơ nhục bị khàn trương, lỗ chân lông bị đóng kín, những thành phần lão phế đáng được thay cũ đổi mới không được bài tiết, các đầu mối thần kinh ở phần cơ nhục bị luy, cơ năng bài tiết thất chức, sinh lý bên trong thân thể bị phản thường, mới phát hiện các chứng hậu ở thời kỳ đầu của bệnh *thương* (nhức đầu đơ cổ, phát nóng sợ lạnh, không mồ hôi).

Lâu ngày mồ hôi không ra được, thì phế vật dồn chứa càng nhiều, khiến cho tế bào biến tính, bộ máy tuần hoàn bị chướng ngại, tạo nên bệnh táo (ổ bệnh) trầm trọng ở bên trong thân thể, hoặc căn bản ứ trệ ở trong trường

vì, đáng được dùng thuốc công hạ, mà lại không biết công hạ vách ruột lở chảy máu — hoặc vì thể ôn nhất trệ, hạn dịch đình tích, mà không biết dùng thuốc phát hạn, lại lầm dùng thuốc công hạ, thì hạn dịch ở trong ống lăm hạ dồn vào trong mà biến chứng *kiết hung*, hơi bí hung trường các chứng — cũng có thể biến chứng niếu độc tích trệ, thì thân vụ phát viêm. — nhiệt tà bế tắc thượng xung, thì não mạc phát viêm. Các trạng chứng kê trên là do phé vật không bài tiết được, trở ngại công dụng của sinh lý mà gây ra.

**CHỨNG HẬU:** Ghê gió sợ lạnh, đầu nhức, mình nóng, cổ đơ, lưng đau, thân thể nhức mỏi, không mồ hôi mà ben, hoặc ra mồ hôi mà nóng không giải, ho hen ua mưa, chả thêm ăn uống, cơm nước không vào miệng (y theo bệnh chứng mới phát của bệnh này, thì cựu thuyết gọi là *biểu chứng*. Đại khái do dùng thuốc sai lầm, và biến chứng truyền kinh thì không biến vào. Thấy rõ trong phụ lục).

**CHẨN ĐOÁN:** Lưỡi phần nhiều không đỏ, vằn tư nhuận, có khi lưỡi đóng mỏng màu trắng trơn — mạch động phù hoạt kiêm tượng mạch *khẩn*, đó là hiện tượng của bệnh Thương Hân lúc sơ khởi.

**PHÉP TRỊ:** Ghê gió sợ lạnh, phát nóng không mồ hôi, nên dùng thuốc tân ôn phát hạn : thang *Kinh phòng đạt biểu chú trị*, nhưc mình gia *lân giao*, hen gia *hạnh nhân*, ua mưa gia *bán hạ* — Mồ hôi ra không thông, thì hạn dịch bị nhất trệ, khiến cho tiểu tiện không thông theo, mạch động *phù* mình phát nóng, khát nước, uống vào thì mửa, Y giả ngày xưa gọi là Bệnh *Bàng quang tích thủy*. Nhưng

sự thực là thủy âm bị đình trệ, dùng thang *Linh truật Nhi trần* gia *Quan quế*, hoặc dùng *Tán ngũ linh* theo cổ phương cũng hiệu nghiệm. Kỳ dư các biến chứng chia ra từ loại, như sau :

PHỤ LỤC : Xét vì phạm vi của bệnh *Thương hàn* rất rộng, Y Giả đời xưa nêu lên hai chữ *Thương hàn*, để bao quát tất cả những bệnh chứng bốn mùa. Trước giả đặc biệt định lấy tên *Thời linh bệnh*, thay thế cho danh từ : *Quảng nghĩa thương hàn*. Cho nên sự sắp đặt của loại này, chuyên nói về bệnh cảm nhiễm gió lạnh gây ra. Thiên thư nhất trong lời Tổng Luận, biện minh về chứng *Tán Cầm* của bốn mùa, đều hậu chế trong phạm vi ba *Kinh Dương*, mà từ trong ba *Kinh dương* lại có phát hiện bệnh chứng của ba *Kinh âm*. Đó là do sự biến hóa của thể chất, chứ không phải là con đường trái qua của bệnh chứng. Nhân vì chỗ cư trú, tập quán, chức nghiệp, sinh tính, hiếu thị... của thể chất, đều có những điểm bất đồng, tất nhiên chỗ phát hiện của bệnh chứng phải có sai biệt. Nay y cứ theo thành lệ « sáu kinh truyền biến » của sách *Thương hàn luận* phân biệt: tường thuật như sau, ngõ hầu cung ứng cho sự nghiên cứu bệnh chứng *Thương Hàn* trong muôn một.

I.— Lạnh nóng qua lại, nhức hai bên hói đầu, tai điếc, mắt hoa, ngực nặng, sườn đau, tưa lưỡi trắng trơn, tay phải mạch động *Huyền Hoạt*, tay trái mạch động *Huyền Phù Đại*. Ấy là bệnh độ: uất kết ở phần tấu lý của chứng bán biểu, xưa gọi là : bệnh chứng ở *Kinh Thiếu Dương*.

II.— Lạnh nóng qua lại, lạnh ít nóng nhiều, miệng đắng ngực buồn, mưa nước chua đắng, hoặc mưa ra nhớt vàng

nhảy nhua — thái thậm thì ư khan, nấc cục, bung sườn no đầy. lưỡi đỏ tưa trắng, hoặc ngoài chót lưỡi trắng, mà trong cây lưỡi đỏ chung quanh trắng, chính giữa đỏ — tay phải mạch động Huyền Hoạt, tay trái mạch động Huyền Sát. Ấy là khí nóng xi thịnh của chứng bán lý, xưa gọi là bệnh chứng ở Thiếu Dương Phủ. Nên hòa giải và thanh nhiệt, dùng Thang Cao cầm thanh đả chủ trị — Sau khi uống thuốc ư nửa tay ngừng, nhưng lạnh nóng chưa khỏi, bung sườn vẫn đầy, ngực vẫn buồn, trở thành chứng tiêu kiết hung, nên dùng phép hòa giải khai giáng Thang Sài hồ hãm hung chủ trị. — Sau khi uống thuốc, hong ngực no buồn tuy nhẹ, nhưng lạnh nóng vẫn phát tác, đau bụng no hơi, đại tiện táo, tiểu tiện đỏ. Ấy là bệnh độc ở phần bán biểu, hãy còn tạm kết ở trong, cấu kết với căn bã trong trường vị, nên hoà giải kiêm thông tiện, dùng Thang Đại sai hồ bồ sanh cương, bán hạ, gia hậu phát, man tiên.

III.— Minh nóng rực, tự ra mồ hôi, không sợ lạnh, chỉ sợ nóng, bứt rứt, khát nước, tay chân qư mùa, không chịu mặc áo, tiểu tiện rít đỏ, nổi mụn lấm tẩm đầy mình. — Quá lắm thì nói xàm, chót lưỡi đỏ, tưa lưỡi khô, hoặc màu lưỡi khô ráo mà vàng, bên phải mạch động Phù Hồng đại Sát, bên trái mạch động Huyền Đại có sức. Đó là do nhiệt độc ứng át, xưa gọi là bệnh chứng ở Kinh Dương Minh, nên dùng thuốc tán lương giải nhiệt : Thang Bạch Hồ gia thuốc thấu ban. — Ban điềm tuy thấu, nhưng mình nóng không lui, khát nước, ra nhiều mồ hôi, thì dùng Thang Bạch Hồ gia Đơn Bi, Bạch thực, Hoa Phấn, Hoàng Cầm.

IV.— Chỉ cho thấy, bệnh độc đã truyền vào lý, cấu

kết với cậu bã ở trường vị, trở thành chứng lý thực đáng công hạ, xưa gọi là chứng ở phủ Dương Minh. Nhưng kỳ trung còn kiêm có biểu chứng, xưa gọi là: *Thái dương, dương minh* — kiêm có lạnh nóng qua lại, xưa gọi là *thiếu dương, dương minh*. — Đơn độc có một chứng nóng truyền vào trong, biến thành chứng bung đầy, đại tiện bí kết, xưa gọi là chứng *chánh dương, dương minh*. Trong chỗ kiêm chứng có *thái âm, dương minh* — *thiếu âm, dương minh* — *Khuyết âm, dương minh* — chia ra từ khoản tự thuật như sau:

### 1.— THÁI DƯƠNG DƯƠNG MINH

Bệnh ở Kinh Thái Dương, mồ hôi ra chưa suốt, bệnh độc ở phần biểu chưa sạch, người còn e e sợ gió, tay chân lạnh mình nóng, đầy hơi đau bụng, đại tiện không thông, trạ lưỡi đóng dày mà vàng, tay bên phải mạch Trầm Trệ, tay bên trái mạch Phù Hoãn. Đây là chứng hàn kết từ Kinh Thái Dương chuyển sang Kinh *dương minh*, nên dùng phép công lý kiêm giải biểu, dùng *Thang Hậu phát thất vật*. (Trong Sách *Thương hàn luận* làm dùng *Thang «Tỳ ước»*, tức là truyền ngoại!)

### 2.— CHÁNH DƯƠNG DƯƠNG MINH

Bệnh này có *nhẹ, nặng, gấp* ba chứng :

Nhẹ ấy là : do bệnh ở Kinh Thái Dương, sau khi dùng *Phép Hàn, Phép Thở*, bệnh độc vẫn không giải rục rục phát nóng, lòng phiền táo, bụng trướng đầy, đại tiện không thông, trạ lưỡi vàng sậm — tay phải mạch

động Hoạt Đại. Đó là nhiệt tà đã kết, phủ vị không hòa nên dùng Tuang *Điều Vị Thừa Khí*.

Bệnh nặng: Bệnh ở Kinh Dương Minh, xế chiều phát nóng, ra mồ hôi đầm dề, chất tân dịch hư thoát ra ngoài, trong phủ vị khô ráo, tiểu tiện như thường, đại tiện cứng táo. Đại tiện táo thì nói xàm, bụng no đầy, đại tiện không thông, tưa lưỡi vàng cháy, tay phải mạch động Sát mà thực, đó là nóng kết ở trường vị, nên dùng thang *Từ Thừa Khí*.

Bệnh gấp: Bệnh ở Kinh Dương Minh, không đi đại tiện năm sáu ngày, dĩ chỉ mười mấy ngày, giờ thân, giờ dậu phát Triều Nhiệt, không ớn lạnh, chỉ sợ nóng, mình mẩy nặng nề, hơi thở ngắn, bụng dưới cứng đau, lấy tay đè lên thì đau gắt (bất nại á), bụng đầy mà hen, thường gò hơi đánh rầm, tay chân rịn rịn ra mồ hôi — táo động thì đầu lắc tay run, nói xàm phát cuồng — yên tĩnh thì nói chuyện một mình như thấy ma quỷ, mắt mờ giương — kích liệt thì tối tăm mắt mũi, bất tỉnh nhân sự, tròng mắt lơ lơ — thái thậm thì hai mắt trực thị, tưa lưỡi vàng nám mọc gai, hoặc đen nám như màu Trầm Hương mà khô rách — từ giữa lưỡi trở vô mọc chông mà có lấm tẩm đen. — Tay phải mạch động *Trầm Huyền Sát Thực*, tay trái mạch động *Huyền Sát* có sức, hoặc trầm trệ như trạng mạch *Phục* (xưa gọi là mạch Trầm tri) Duy có một bộ mạch *Hoạt Sát* có sức, Hồng Đại động dâng đầu ngón tay, mới là bằng cứ xác đáng là: chứng nội nhiệt với cận bã trong trường vị cấu kết nhau, nên dùng thang *Đại Thừa Khí* — kiểm soát chứng màng óc sưng, tinh thần hồ hồ phiền táo, nên châm chước

dùng *Đơn Tử Tuyệt* năm bảy phân để thanh khai thấu đạt. — Lại nữa, xét thấy bệnh chứng đáng công hạ, mà mạch động *Huyền* thì sống, mạch động *Sắt* thì chết. (đây là chỉ cho mạch động *Hư Sắc*, chứ không phải mạch Động Trệ *Sắc*. Mạch *Hư Sắt* xưa gọi là mạch *Kiết*, chính là bệnh *Thương Hàn* mạch *Kiết Đại*, tìm hồi hộp, nên dùng thang *Chích Cam Thảo*. — Mạch Trệ *Sắc* xưa gọi là mạch *Trì*, Kinh *Dương Minh* bệnh, mạch động *Trì*, nên dùng thang *Đại Thừa Kht*)

### 3 — THIẾU DƯƠNG DƯƠNG MINH

Nóng kết ở trong, trên ngực nóng như đốt, lạnh nóng giống như cũ rét, nóng nhiều lạnh ít, bứt rứt não nùng, mắt đỏ bừng, miệng khát nước, đại tiện bí kiết, đau bụng đầy hơi, lưỡi đỏ bợn vàng, mạch tay phải *Huyền Đại* đái *Sát*, mạch tay trái *Huyền Sát* mà cứng rắn. Đó là hiện tượng *biên tà* chưa sạch, nóng nảy ở trong cấu kết với căn *bã*, nhẹ thì hòa giả công hạ, dùng thang *Đại Sài hồ*. — nặng thì công lý hòa giải, dùng thang *Sài hồ thanh cách gia* *Man Tiêu* 3 chỉ.

### 4 — THAI ÂM DƯƠNG MINH — Bệnh chứng có hai:

A. — *Phôi, Dạ Dày* hiệp bệnh, bệnh nhân tố bẩm có đàm hóa, lại thêm ngoại cảm thương hàn, bệnh đặc truyền vào kinh *dương*, thì bệnh mới với bệnh cũ cùng một lúc phát tác: ho hen thở gấp, khạc đàm vàng đặc, hoặc trắng mà dẻo, lồng ngực nặng nề đau tức, tinh thần hôn loạn nói xam, đau bụng đầy hơi, ỉa bợn đái gắt, tưa lưỡi vàng đục, lấy tay sờ nhám nhúa — tay phải mạch động *Sắt* mà *Thực*;



thái thậm thì hai bộ thốn mạch động Hồng Hoạt mà đáí mạch Thúc. Đó là đàm hỏa ở phổi với nhiệt độc ở dạ dày cấu kết nhau biến thành bệnh chứng đàng công hạ, dùng thang *Hâm hung thừa khí thông lợi đại-tiện*, giáng khí tiêu đàm.

Nếu hả họng thở rút vai, hơi thở cấp bách trong cổ khô khè, ngực rặng bụng no, da bụng thảng bành, te nặng tay thì đau không chịu thấu (bắt nại án) Đó chứng đàm nhiệt bế tắc ở trong, nên dùng tiền *Gia vi lương cách*.

Lại nữa, biệt nhân tố bầm bệnh đàm âm, bất thành linh cảm nhiễm bệnh Thương Hân, trước tiên không dùng thuốc giải biểu, hoặc phát hạ không thông thấu, lại làm dùng thuốc công hạ, biến chứng dưới lòng (âm oa) cứng đầy, từ phía trên dạ dày dẫn xuống bụng dưới cứng đau, lấy lay đề thì đau lăm (bắt nại án). (hạn dịch do theo ống lâm ba nội tiết, ngưng trệ ở trong cán đại lâm ba), giờ thân giờ dậu phát triệu nhiệt, cả người không mồ hôi, chỉ có trên đầu ra mồ hôi chút ít, không đại tiện, khát nước mà không uống được nhiều, lưỡi khô tưa lưỡi trắng, mạch động Trầm Huyền mà đáí mạch Khôn. Đó là thủy độc hiệp với nhiệt độc, hồ tương cấu kết gây nên chứng *Kiến hung*, cần phải cấp tốc hạ chứng đình đờ: dùng thang *Quyên âm vạn linh*.— Lạnh nóng qua lại dùng thang *Đại sái hồ gia Cam toại*.

B.— Nếu tỷ vị hợp bệnh, con người vốn nhiều đàm nhớt, lại thêm chứng ngoại cảm thương hàn, hiệp với chứng thương thực, truyền vào kinh Dương Minh, nóng kết ở phần lý, hỏa tà xỉ thành ở trong, đồ như bản hủ hỏa

hoàn chưng gây nên nóng nảy dữ dội, tinh thần phiền táo, chẳng sợ lạnh, chỉ sợ nóng, lồng ngực đầy, chơn thủy bị, bụng ngực sờ nóng bỏng tay, đại tiện không thông, tiểu tiện đỏ gắt — thái thậm thì đại tiểu tiện đều bị kiết bụng đau, dè càng đau (cự án), tinh thần phiền loạn, nói xàm — tra lưỡi đóng dày khô vàng. mạch động Trầm Huyền Sát Thực. Ấy là khí thấp trọc hiệp với nhiệt ta bác động nhau, nên dùng Thang *Chỉ kiết đạo trệ* — nặng lắm thì dùng Thang *Tiểu thừa khí*. Nếu đáng công hạ mà không công hạ, nước tân dịch khô cạn, bụng cứng đầy hơi, phân như phân dê (xưa gọi là Chứng Tỷ Ước), nên dùng Thang *Tam nhân thừa khí* — hư nước thì dùng Thang *Đào thị huỳnh long* — táo kiết không qua lắm, thì dùng Thang *Ngũ nhân quit* bị rất ền.

### 5.— THIẾU ÂM DƯƠNG MINH.

*Cổ kinh, trọng, nguy* ba chứng.

Khinh là : Bệnh ở Kinh *Dương minh*, ngoại chứng chưa giải, làm dùng thuốc công hạ, khiến cho trong dạ dày trống rỗng, nhiệt độc thừa hư thâm nhập vào trong; trong lòng não nùng, xây trở lẫn lộn, phiền táo mất ngủ, cuộc bộ tâm oa (chơn thủy) uất buồn — thái thậm thì tâm oa uất đau, nằm ngồi không yên, phiền táo nói xàm, đói mà không muốn ăn, hay đổ mồ hôi trán, tra lưỡi trắng trơn ửng vàng, mạch động Tế Sát hoặc Huyền Hoạt. Đó là do ở thượng tiêu khí uất không yên, nên dùng Thang *Liên kiều chi sĩ*. Chứng khi uất đã cởi mở mà thường thường phần huyết hư sanh phiền táo, trong người bứt rứt buồn phiền không chịu được, ói mửa đàm

nhớt, rên rì nói xàm, da lưỡi đỏ mà mặt lưỡi đông trắng, mạch động Phù Hoạt, Huyền Sát. Đó là do huyết dịch hư nhược, nóng thừa chưa sạch, nên dùng *Tiền Ngũ trấp nhất chỉ*.

Trong là Kinh Thiếu Âm bệnh, miệng khô hong ráo, dưới lòng (tâm oa) đau ngắt, bụng trướng không đại tiện, lấy tay đè lên bụng thì đau ngắt (bất nại an), hoặc là nước trong, màu lưỡi đỏ thẫm, tót lưỡi khô nứt mà đau, mạch động Huyền Tế Sát có sức. Đó là bệnh độc ở Thiếu Âm dồn về Phủ Vị, dùng *Thang Đại thừa khí*.

Nguy là: Bệnh ở Kinh Thiếu Âm nóng hãm vào trong, tinh thần mờ tối, như ngủ như say, nói xàm phiến táo — thại thậm thì nằm mê không nói, giống như chứng Thi Khuyết (mình mảy cứng đờ, mắt trợn thị, không nói năng như người chết), sáu bảy ngày, dĩ chí mười mấy ngày không đại tiện, bụng nóng như hơi, trướng đau mà không thích đè (bất nại an), tiểu tiện đỏ rít, mạch động Trầm Huyền mà đại Trệ, đè mạnh tay càng cứng rắn. Đó là nóng độ: kết cấu với cận bã trong trường vị truyền nhiễm vào máu, thượng xung lên óc, cần phải chữa trị bằng thuốc *Thanh nhiệt hạ hoạt*, nên dùng *Thang Tế liên thừa khí*.

## 6 - KHUYẾT ÂM DƯƠNG MINH.

Bệnh này có nặng, nhẹ hai chứng:

Bệnh nhẹ: Cảm mạo Thương Hàn năm sáu ngày, nóng độc hãm sáu vào trong, can khí ngược lên chổi lòng (tâm oa), trong lòng đau xót, ói nước đắng, màu vàng xanh, lồng

ngực bứt rứt, cao khi nghịch lên làm suyền, tay chân hơi mát lạnh, bụng đầy, ỉa bón, chung quanh lưỡi đỏ bầm, tưa lưỡi vàng đục, mạch động Huyền Hoạt mà đái Sắt. Đó là Kinh Nguyệt Âm, Kinh Dương Minh kết nóng, cần phải dùng thuốc gáng khí tán kết, dùng phương *Lục Ma Âm Tử*, bỏ *Mộc Hương* gia *Quảng Ngọc Kim* 1 chỉ rưỡi. *Hoàng Cầm*, *Hoàng Liên* đều 1 chỉ rưỡi.

Bệnh nặng : bệnh nặng thì nóng càng sâu, lạnh càng dữ dội, riêng phần tay chân thì lạnh gắt (nhiệt thâm khuyết diệp thâm), móng tay móng chân thâm đen, bộ phận hong sườn bứt rứt nóng nẩy, hôn mê nói xàm, phiền táo tiêu khát, mồ hôi ra đầm dề sợ nóng, đại tiện táo kiệt, bụng quần đau, trướng đầy sợ đê lấy tay đê lên bụng càng đau gắt, (cự án), nước tiểu đỏ, đái gắt mà đau, tưa lưỡi vàng sậm. — thái thâm thì lưỡi mọc chông và có điểm đen, mạch động Huyền Sắt có sức. Đó là nhiệt độc với cận bã cấu kết nhau, thương xung lên óc, nên dùng thuốc *Thanh Táo Tả Hỏa*, *Tán Kiệt Tiệt Nhiệt*, dùng thang *Bạch Hồ Thừa Khí* chủ trị. Nếu kiem có chứng bụng dưới công xung đau dội lên trên, ói chua mửa đắng, thì dùng thang *Tuyệt-Canh* tống hạ hoàn *Canh* ).

Trên đây luận về bệnh chứng sáu kinh với cận bã trong phủ vị bác động nhau, trở thành những bệnh chứng đáng công hạ — *Kinh Thái Dương*, *Kinh Thiếu Dương*, *Kinh Dương Minh* hiệp bệnh, ông Trương Trọng Cảnh đã có luận chứng và trị pháp rõ ràng rồi. Còn ba kinh âm với kinh *Dương Minh* hiệp bệnh, sách *Thương Hàn Luận* tuy không nói rõ, nhưng xét kỹ ở *Sách Thương Hàn*

Luyện sự thực đã có bệnh chứng này, theo chỗ làm chứng thực nghiệm thường thấy rất nhiều, nên đem bệnh trạng cách xem lưỡi và phép trị... nhứt nhứt giải thích rõ ràng. Cũng chẳng qua từ trong nguyên văn của ông Trương Trọng Cảnh suy rộng ra, để giúp cho việc nghiên cứu được tiện lợi phần nào. Từ đây trở xuống luận về *Dương Minh* tạng bệnh, với chúng phó phát.

### 1.— BỊNH PHÁT HUỖNH (vàng da).

Bệnh *Dương Minh* phát nóng ra mồ hôi. Ấy là Chứng Nhiệt Việt, không thể phát hoang. Chỉ dầu ra mồ hôi, mình không mồ hôi, mồ hôi ra từ cẳng cổ trở lên, tiểu tiện ít, khát nước, uống nước nhiều, bụng hơi đầy, người tất *Phát Vàng*. Màu vàng vẫn tươi sáng như màu quít chín, hoặc giống như sắc kim hoàng, miệng ối nước vàng — thái thậm thì trong lòng buồn bực, nóng nảy uất kết đau bụng, nước tiểu vàng đục, tưa lưỡi đóng dày má vàng, mạch động Hoạt Sát mà dải Huyền Trệ. Đó là nhiệt uất ở tạng *Gan* và *Phủ Vị*, nước mật truyền vào máu gây nên bệnh. Nên dùng thang *Nhân Trần Cao* tống hạ Hoàn *Phân Lưu* — Thái thậm thì dùng thang *Chi Tử Đại Hoàng* gia vị *Nhân Trần Cao*. Duy hình thể khô táo như khói xông là bệnh chết vậy.

### 2.— CHỨNG SÚT HUYẾT.

Bệnh nhân trong người sẽ có chứng *sút huyết*, *ứ huyết* bệnh độc truyền vào kinh *Dương Minh*, kích bác với khi nóng ở dạ dày, nói xàm mờ sán. Nặng thì phiến táo phát cuồng thái thậm thì thần thức hôn mê, bụng dạ

nhói đen, mình mẩy nặng nề không thể dầy trở, đại tiện màu đen mà sáng, tiểu tiện thông thả, màu lười đen, cũng có khi màu lười không thay đổi, mạch động Trầm Kiết hoặc Huyền Thực, đó là do ở trong phần lý có chứng ứ nhiệt. Nhẹ thì dùng thuốc lương huyết hóa huyết, dùng *Thang Tế dắc địa hoàng*, gia HỒNG HOA, ĐÀC NHÂN, NGỌC KIM, QUI VỊ, MAO TRÙNG. Nặng thì dùng thuốc phá huyết trực ứ, dùng *Thang Gia giảm đào nhân thừa khí*.

### 3.— BỆNH ĐÁNG HẠ KHÔNG HẠ.

Kinh Dương Minh bình, đáng dùng thuốc hạ mà không công hạ, tà thực chánh hư, có bốn loại chứng hậu như sau.

a.— Phần khí hư thái thậm, bình độc tràn ngập, hơi thở ngắn, tay chân lạnh, mười mấy ngày không đại tiện, bụng gò hơi đánh rầm, không thư thái — nói chuyện một mình, mặc áo mớ giường, lười đỏ nhạt, trạ lười phía trước mỏng non, phía sau trắng xám, mạch động mềm mại, dây có một bộ mạch động Huyền cứng rắn. Đó chính là lý do Ông Trương Trọng Cảnh sở dĩ nói Mạch động Vi Sắc là bệnh phần lý hư, rất là khó trị. Nên dùng *Thang Thanh táo dưỡng dinh*, bỏ vị *thiên hoa phấn*, *lê trấp*, gia *đăng sâm*, *hoàng kỳ*.

b.— Phần âm huyết khuỵ tồn thái thậm, mà bình độc tràn ngập, miệng ráo lười khô, lăn lộn không ngủ, mười ngoài ngày không đại tiện, chuyễn hơi đánh rầm, tân dịch khô rớt ráo, mắt tiêu mà không tiêu được, trạ lười nửa phần trước mỏng, nửa phần sau như bản. Đó

là do tân dịch hao hụt đại tiện bí kiết, nên dùng Thang Thanh Táo Dưỡng Dinh, gia Út Lý Nhân, hoặc dùng *Tế xuyên liên* của Ông Trương giới Tào cũng tốt.

c.— Phần khí phần huyết đều suy. Khí huyết suy mà bệnh độc tràn ngập, là vì bệnh đáng công nạ mà không công ha, hỏa tà bế tắc, khí huyết hao, tân dịch cạn, gây nên mẩn áo mờ giương. Con mắt nhìn thấy không rõ ràng, nói xàm mờ mệt, trên mười ngày không đại tiện, tưa lưỡi khô vàng mọc chông, 36c lưỡi đồng dày — tay phải mạch động *huyền hoạt*, tay trái mạch động *tế sát*. Đó là phần khí phần huyết đều hư, bệnh độc chèn ép. Miễn cưỡng dùng Thang *Đào thị huyền long*.

d.— Tinh thần suy nhược. Tinh thần suy nhược mà bệnh độc tràn ngập bệnh đáng công hạ mà không dùng thuốc công hạ, nhiệt tà chưa trừ, lúc yên tĩnh thì miệng nói xàm không ngừng — lúc táo động thì kinh sợ không yên, tâm thần hôn loạn, nói cười ngắt nghéo, thần chi không yên, đại tiện không thông, nước tiểu đỏ mà ít — tưa lưỡi vàng khô rít mọc gai, mạch động *Tế Sát* mà dai lẹ. Đó là tà khí thực chấn khí hư, thần chi thất thủ, cho nên tinh thần hay mờ tối, dùng thang *Chích Cam Thảo* gia Long Cốt, Mẫu Lê tống hạ Hoàn *Điều Hương*.

Trên đây luận về Kinh Thái Dương, Kinh Thiếu Dương, Kinh Dương Minh, bệnh chứng ở ba kinh dương, là bản chứng của bệnh Thương Hàn.

Từ đây trở xuống luận về bệnh chứng của ba kinh âm, tức là kiêm chứng của bệnh Thương Hàn. Và lại

bệnh Thương Hàn vốn không khả năng truyền vào ba kinh Âm, sở dĩ có chứng hậu của ba kinh Âm, là do thể chất con người bị biến hoá; kiêm bộ tiêu hoá suy nhược của Tỳ Vị, mà xưa gọi là bệnh ở Kinh Thái Âm. Kiêm tâm tạng suy nhược, và tạng Thận phân bị dịch biến tính bệnh, xưa gọi là Thiếu Âm. Kiêm bệnh cách mạc viêm, và bệnh trường tích viêm xưa gọi là Khuyết Âm. Đó là kiêm chứng của bệnh Thương Hàn vậy.

\* \*

V.—Phát nóng ra mồ hôi, ưa gió sợ lạnh, hấp thít nhưc mỗi, thân thể nề oải, đầu cổ nặng nề, lồng ngực buồn bực, ăn cơm muốn ới, uống nước muốn nghẹn miệng nhạt lưỡi đỏ, tưa lưỡi trắng, mạch động Phù mà đái mạch Hoãn. Ấy là do vị trường bệnh mà tiêu hoá bất lương, đồng thời kiêm chứng cảm mạo phong hàn. Xưa gọi là bệnh chứng ở Kinh Thái Âm. Nên dùng thuốc hoà trung tuyên đạt: thang Quế Chi hiệp với Thang Nhị Trần, bỏ Vị Cam Thảo, vị Đại Táo; gia vị Ngô Du, vị Kiến Khúc Nếu biểu tà chưa giải, công dụng tiêu hóa của trường vị chưa khôi phục, thì dùng thang *Hương Sa Nhị Trần*, hoặc thang *Bạch Trật Hòa Trung* gia giảm chữa trị.

VI.—Bụng dạ bị bít, đầy hơi đau bụng, ác cơm thì muốn ới, uống nước thì muốn nghẹn, tiểu tiện khó khăn, miệng nhạt, dạ dày không hoạt động, đại tiện lỏng chảy; thái thậm thì biến chứng hạ lý, ăn uống không tiêu hoá, tay chân lạnh tự ra mồ hôi, tinh thần mệt nhọc, hơi thở thiếu thốn, tưa lưỡi trắng trơn, hoặc miệng nhạt lưỡi bần, hoặc mạch động Trầm Huyền không sức. Ấy là công năng tiêu hoá của trường vị bị suy giảm, sức hấp



thu của ống nhũ mi không đủ sức, xưa gọi là bệnh ở tạng Thái Âm. Nếu dùng thuốc âm áp tỳ dương, dùng Thang Hương sa lý trung. Lạnh lắm thì nên gia Phụ Tử, ọạ mửa thì dùng thang Hương Sa Nhị Trần hiệp với thang Ngô Du, ỉa chảy thì dùng thang Gia giảm vị linh cho uống trước.

VII. — Ở giờ sợ lạnh, đau mình phát nóng, tay chân lạnh đờng, móng tay trắng chột, trộm mền nằm co, mà không ngủ được, mạch động Vi tế mà *Hoãn trệ* — hàn tà thâm trọng thì mạch động Khàn, tưa lưỡi trắng nhạt. Ấy là dương khí không sung túc, tạng Tâm suy nhược, là vì có ngoại cảm phong hàn, xưa gọi là bệnh chứng ở kinh Thiếu âm. Nên dùng thuốc trợ dương phát tán: dùng thang *Sâm phụ tái tạo*. — Nếu mạch động không Vi tế Nhược, chỉ động *Hoãn trệ* không sức, thì dùng thang *Quế Chi gia Phụ Tử*. — Nếu mạch động Trầm Khàn, tay chân lạnh mình nóng, thì dùng thang *Ma hoàng phụ tử tế tán*.

Xét vì Chứng Thương Hàn ở Thiên Thiếu Âm. Bệnh chứng phong hàn cảm mạo thường thấy sau khi uống thuốc ôn tán mà không ra mồ hôi, tay chân ấm áp trở lại, bệnh nhân biến chứng ỉa chảy, mạch không động Khàn mà lại động Vi Nhược. Ấy là chứng hàn thủy không theo mồ hôi bài tiết ra ngoài, lại theo đường dưới tiết xuống. Tạm thời bệnh nhân tuy phiền táo ỉa chảy, nhưng đợi trong một mai một chiều, bệnh sẽ tự khỏi. Vì đó là sức phản bí dịch của thận tủy chất không sung túc, thể ôn không đủ sức cô đọng hạn tuyền, cho nên hạn dịch nội tiết mà biến chứng ỉa chảy.

VIII. — Do tủy chất của phó thận, hoặc phản bí dịch

của bì chất phát sanh biến hóa, tạng Tâm bị ảnh hưởng mà suy nhược theo. Xưa gọi là tạng chứng của kinh Thiếu Âm. Song bên trong có *Hàn chứng* với *Nhiệt chứng*, phân biệt giải thích như sau :

### 1. — HÀN CHỨNG.

Trên mừa dưới hạ, sợ lạnh nằm co mà buồn ngủ, thân thể nhọc mỏi nặng nề, hoặc nóng chút ít, miệng lưỡi hòa, tay chân lạnh, tiểu tiện trong trắng, trạ lưỡi trắng trơn, mạch động *Trầm nhược*. Năng làm thì mạch động *Trầm vi* phát lạnh. Chính là trạng chứng chận dương chẳng sung túc, thể ôn xuống thấp, công dụng của tỳ vị mất chức. Trước dùng thang *Phụ tử lý trung gia Nhục quế, Phục linh*, Sau khi uống thuốc ngưng hạ khỏi mừa, tay chân ấm áp, mà trong người vẫn bứt rứt, cổi bỏ áo mền. Ấy là hiện tượng dương khí sung túc, thể ôn trở lại, bịnh chứng sắp được giải trừ vậy.

Nếu chứng hạ chảy tay khô, mà mồ hôi ra dầm dề, gân thịt giật động mắt mờ lòng hồi hộp, người run run muốn té nhéo xuống đất. Ấy là thể ôn bị hao hết phần còn sót lại cũng muốn tan biến luôn, nên dùng thuốc hồi dương nhiếp âm: dùng thang *Chấn võ*.

Nếu chứng hạ lý đã ngưng, chóng mặt xây xâm, mặt đỏ như say rượu, mừa đản ber suyễn, tối tầm mờ mịt, hai chân lạnh như đồng. Ấy là thể ôn suy nhược, kiệt quệ dồn tụ ở óc, nên dùng thuốc trấn nạp phủ dương: dùng thang *Tân gia quế phụ bát vi địa hoàng*.

### 2 — NHIỆT CHỨNG.

Trong lòng bứt rứt nằm ngủ không yên, da thịt khô

ráo, thần khí suy nhược, họng khô, tiểu tiện ít, lưỡi đỏ, chót lưỡi hồng, mạch động Tế sát. Ấy là âm huyết suy hư, nóng nảy ung đốt ở bên trong vậy. Nên dùng thuốc từ Âm giáng hỏa: dùng thang Hoàng liên a giao.

Nếu kiêm chứng Hạ Ly họng đau, lồng ngực bịt hơi phiền muộn. Ấy là chứng âm hư nội nhiệt, nên dùng thuốc dực Âm thanh nhiệt: dùng thuốc từ Âm giáng hỏa trên đây hiệp với thang Tru phu, hoặc dùng thang Đường âm thanh phế.

Nếu kiêm chứng tinh thần hôn loạn nói xàm, đại táo đỏ nóng. Ấy là mau nóng thượng xung lên óc, nên dùng thuốc thanh nhiệt lợi thủy: dùng thang Thanh tâm đạo xích.

IX.— Lạnh nóng giống chứng ngược, nóng nhiều lạnh ít, nhưc đầu đau bụng, tai điếc mắt đỏ. Bệnh nhẹ thì chỉ có đầu ngón tay lạnh; bệnh nặng tai tay chân hồi lạnh hồi nóng, ngực nặng sườn đau, lưỡi đỏ vang mà trơn, mạch động Hoạt sát. Ấy là bệnh bộ ngực không thư thối, mà kiêm cảm thọ ngoại tà, xưa gọi là chứng ở Kinh Khuyết Âm, nên dùng thuốc thanh các tan nhiệt dùng thang Thanh can đạt lất. Hoặc dùng theo phương xưa Tân Tử Nghịch gia Hoàng Cầm, Tang Diệp, Tang chi.

X.— Miệng đắng, tiêu khát, hơi lên chổi tâm, trong tâm nóng xối, đói mà không muốn ăn, ăn thì nửa giờ; hoặc hạ ly nặng tròn, đại tiện mà trong người không thông thá, hoặc tiểu ra mù máu, hoặc tiểu tiện ra nâu, lưỡi đỏ bầm, mạch động huyền sát.

Xét thấy trạng chứng trên đây, là do duyên có cách mạc viêm, và vách ruột phát viêm, xưa gọi là chứng ở

tạng Khuyết Âm. Nếu dùng thuốc thanh tả can hỏa dùng thang *Long đằm tả can*, bỏ Sài hồ ; gia Bạch Đầu Ông, Hồ Hoàng Liên.

Nếu nóng độc đó: khô tân dịch, gân mạch co rút, tay chân giã động, giống như chứng kinh phong— đầu xây xâm mắt mờ, lồng ngực cạnh sườn trướng đau, tay chân tuy lạnh mà người lại bứt rứt không yên, ra chảy mà không thông thá, tiểu tiện đỏ rít đau rất, lưỡi nám đen mọc gai, mạch động Huyền mà cứng rắn. Ấy là nóng lăm thương tổn phần sâu dịch, thần kinh co gập, nên dùng thuốc *Thanh nhiệt trần kinh* : dùng thang *Linh đác câu đằng* chủ trị.

Nếu mửa giun mà hôn loạn lạc rục, thì gọi là chứng vu khuyết. Chứng vu khuyết thì nằm ngồi không yên, đau bụng bứt rứt, đầu lác lư, tay run rẩy, sắc mặt hồi trắng hồi đỏ, miệng chảy nước bọt lưỡi đỏ mà có điểm vàng trắng lấm lấm hoặc lưỡi có vân như ruột cao mà có điểm ầu ầu, mạch động hồi thừa hồi nhất. Ấy là nóng sôi trong huyết quản, chứng hậu giun sán gây nên rối loạn rất nguy, mau mau cho nóng, thang *Liên mai an vu*, tổng hạ hoàn Diệu Hương.

## XỬ PHƯƠNG :

### **Kinh phòng đọt biểu thang**

(thấy ở chứng Tân Cẩm Xuân Ôn)

### **Linh truật nhị trần tiền**

(thấy ở hôn chứng Thấp Ôn)

**Sài hồ chỉ kết thang**

(thấy ở chứng Tân Cảm Xuân Ôn)

**Cao cầm thanh đả thang**

(thấy ở chứng Tân Cảm Xuân Ôn)

**74. — Ngũ linh tán**

(phương của Thương Hàn Luận)

Trư linh	猪 苓	1 tiền rưỡi
Trạch tả	泽 泻	1 tiền rưỡi
Bạch truật	白 术	1 tiền rưỡi
Phục linh	茯 苓	3 tiền
Quế chi	桂 枝	1 tiền

**75. — Sài hồ hãm hưng thang**

(Thương Hàn Luận Phương phức tề gia-giảm)

Sài hồ	柴 胡	1 tiền
Tiền hoàng liên	小 黄 连	8 phân
Hoàng cầm	黄 芩	1 tiền rưỡi
Chỉ thiết	枳 实	1 tiền rưỡi
Cát cánh	桔 梗	1 tiền rưỡi
Toàn quất lân	全 括 萸	3 tiền
Bán hạ	半 下	2 tiền
Sanh cương	生 薑	2 miếng

**76.— Đại sài hồ thang**

(phương của Thương Hàn Luận)

Sài hồ	柴 胡	1 tiền rượu
Chỉ thiết	枳 實	1 tiền rượu
Xích thực	赤 芍	1 tiền rượu
Sanh cương	生 薑	3 miếng
Hoàng cầm	黃 芩	2 tiền
Đại hoàng	大 黃	1 tiền rượu
Bán hạ	半 夏	3 tiền
Đại táo	大 棗	2 trái

**Tân gia bạch hồ thang**

(thấy ở chứng Tân Cầm Xuân Ôn)

**Bạch hồ thang**

(thấy ở bệnh Ôn kiêm Thử)

**77.— Hậu phác thất vật thang**

(phương của Kim Quỹ)

Hậu phác	厚 朴	1 tiền rượu
Đại hoàng	大 黃	1 tiền rượu
Chỉ thiết	枳 實	1 tiền rượu
Đại táo	大 棗	2 trái
Cam thảo	甘 草	8 phân
Quế chi	桂 枝	1 tiền rượu
Sanh cương	生 薑	2 miếng

**78. — Điều vị thừa khí thang**

Đại hoàng	大 黄	2 chỉ
Man tiêu	芒 硝	2 chỉ
Cam thảo	甘 草	2 chỉ

**79. — Tiêu thừa khí thang**

Đại hoàng	大 黄	4 chỉ
Chỉ thiệt	枳 實	2 chỉ
Hậu phác	厚 朴	2 chỉ

**80. — Đại thừa khí thang**

Huyền minh phấn	玄 明 粉	4 chỉ
Sanh đại hoàng	生 大 黄	4 chỉ
Chỉ thiệt	枳 實	2 chỉ
Hậu phác	厚 朴	2 chỉ

**Sởi cảm thanh cách thang**

(thấy ở bệnh Phục Tà Xuân Ôn)

**Chỉ thiệt đạo trệ thang**

(thấy ở chứng Phục Thử ở phần vệ)

**81. — Hãm hung thừa khí thang**

Quát lân nhân	括 蒺 仁	5 tiền
Tiểu chỉ thiệt	小 枳 實	1 tiền ruỡi
Sanh đại hoàng	生 大 黄	2 tiền
Man tiêu	芒 硝	1 tiền ruỡi
Cương bán hạ	蘆 半 夏	2 tiền
Tiểu xuyên liên	小 川 連	1 tiền

## 82. — Gia vị liên cách tiền

Man tiên	芒 硝	1 chỉ rưỡi
Chỉ thiết	枳 實	2 chỉ
Đinh lịch	丁 方	2 chỉ
Cam toại	甘 遂	8 phân
Sao sơn chi	炒 山 梔	1 tiền rưỡi
Đại hoàng	大 黃	2 tiền
Liên kiều	連 翹	4 tiền
Hoàng cầm	黃 芩	1 tiền rưỡi
Bạch giới tử	白 芥 子	8 phân
Bạc hà	薄荷	1 chỉ rưỡi
Trúc lịch	竹 瀝	5 chỉ
Cương trấp	薑 汁	1 tiền

## 83. — Quyên âm vận linh thang

Ngonn hoa (sao rượ)	芒 花	5 phân
Cam toại (lùi)	甘 遂	8 phân
Quảng bì	廣 皮	2 tiền
Đại táo	大 棗	10 trái
Đại kích (sao rượ)	大 戟	1 tiền
Chế bán hạ	製 半 下	2 tiền
Phục linh	茯 苓	3 tiền
Sinh cương	生 薑	3 miếng



**84.— Tam nhân thừa khí thang**

Hỏa ma nhân	火麻仁	2 tiền
Sanh đại hoàng	生大黄	1 tiền rưỡi
Mộc hương	木香	1 tiền
Tri mẫu	知母	2 tiền
Đại phúc bì	大腹皮	3 tiền
Úc ý nhân	郁李仁	2 tiền
Quang bạch nhân	光杏仁	2 tiền
Chi thiết	枳实	1 tiền
Man tiêu	芒硝	1 tiền

**85.— Đào thị hoàng long thang**

Sanh đại hoàng	生大黄	1 tiền rưỡi
Chi thiết	枳实	8 phân
Nhân sâm	人参	1 tiền rưỡi
Chích thảo	炙草	1 tiền
Huyền minh phấn	玄明粉	3 tiền
Qui thân	歸身	2 chỉ
Đại táo	大枣	2 trái
Xuyên phác	川朴	6 phân

**Ngũ nhân quít bì thang**

(thấy ở chứng Ôn Táo)

**Liên kiều chi tử thang**

(thấy ở chứng Tán Cẩm Phong Ôn)

## 86.— Ngũ trấp nhứt chi tiền

Tiên sanh địa trấp	鮮生地汁	5 tiền
Tiên mao căn trấp	鮮茅根汁	3 tiền
Tiên sanh ngâu trấp	鮮生藕汁	3 tiền
Tiên đạm trúc diệp	鮮淡竹葉	3 tiền
Tiên sanh cương trấp	鮮生薑汁	1 tiền
Tử tô nhánh nhỏ	鮮梗旁枝	5 tiền

*Cách sắc* : Trước sắc vị Tử Tô lấy nước đậm bỏ xác, hòa vào năm thứ nước, sắc lại cho sôi chia hai lần uống ấm.

## Tê liên thừa khí thang

(thấy ở bệnh Ôn kiêm Thử)

## Bạch hồ thừa khí thang

(thấy ở bệnh Ôn kiêm Hàn)

## 87.— Lục ma ẩm tử

Trầm hương	沉香	2 chỉ
Bình lang	檳榔	1 chỉ
Chỉ thiệt	枳實	1 chỉ
Mộc hương	木香	1 chỉ
Thái ô đước	台烏藥	1 chỉ
Đại hoàng	大黃	1 tiền

*Cách dùng* : đều dùng thuốc nguyên củ mài lấy nước, nước các vị hòa đều nhau, nấu sôi một hai dạo uống ấm.

**88.— Tuyết canh thang**

Phiêu đạm trần hải tích	漂淡陳海蜆	4 tiền
Đại bột tề	大荸薺	6 cái

**88a.— Canh y hoàng phương**

Châu sa	珠砂	5 tiền
Lô hội	雷丸	5 tiền

Hai món nghiền chung làm bột, rượu hồ làm hoàn, mỗi lần uống 1 tiền.

**89.— Nhân trần cao thang**

Nhân trần cao	茵陳蒿	5 tiền
Sơn chi tử	山梔子	3 tiền
Xuyên đại hoàng	川大黃	1 tiền rưỡi

**90.— Phàn lưu hoàng**

Lục phàn	綠礬	1 tiền
Lưu hoàng	硫黃	1 lượng
Đại mạch miến	大麥麩	3 lượng
Hắc táo nhục	黑棗肉	2 lượng

*Cách chế và uống*: đun nát hòa đều làm hoàn, mỗi lần uống từ 2 phân đến 5 phân.

**91.— Gia vị chi tử đại hoàng thang**

Sơn chi	山 枝	3 củ
Đại hoàng	大 黄	1 tiền rưỡi
Nhân trần	茵 陳	1 lượng
Đậu xị	豆 豉	3 tiền

**Tề giác địa hoàng thang**

(thấy ở bệnh Ôn kiêm Hàn)

**Thanh táo dưỡng dinh thang**

(thấy ở chứng Phục Thải phần Vệ)

**Trương thị tứ xuyên tiễn**

(thấy ở phu phương chứng Thu Táo)

**92.— Đào nhân thừa khí thang**

Đào nhân	桃 仁	3 tiền
Quế chi	桂 枝	1 tiền rưỡi
Đại hoàng	大 黄	1 tiền rưỡi
Man tiên	芒 硝	1 tiền
Cam thảo	甘 草	1 tiền

**93.— Chích cam thảo thang**

Chích thảo	炙 草	3 tiền
Sanh cương	生 薑	2 tiền
Ma nhân	麻 仁	3 tiền
Đẳng sâm	黨 参	5 tiền
Sanh địa hoàng	生 地 黄	4 tiền
Quế chi	桂 枝	1 tiền rưỡi
Mạch đông	麦 冬	3 tiền
A giao	阿 膠	3 tiền
Đại táo	大 棗	2 trái

## 94. — Diệu hương hoàn

Thần sa	辰砂	3 phần
Bồ đậu sương	巴豆霜	3 phần
Băng phiến	冰片	3 phần
Ngưu hoàng	牛黄	3 phần
Xạ hương	麝香	3 phần
Kim bạc	金箔	5 tờ nhỏ

*Cách chế* : Cộng chung nghiền lâu bột rất nhỏ, dùng 1 chỉ sáp và 3 muỗng mật ong nấu làm hoàn, mỗi lần chia làm 30 hoàn, mỗi lần uống 5, 3 hoàn. Uống một lần thấy đại tiện thông thì ngừng, chậm chậm uống tiếp.

## 95. — Quế chi hiệp nhị trần thang

Quế chi	桂枝	3 tiền
Thược dược (sao)	芍药	3 tiền
Bán hạ	半夏	3 tiền
Trần bì	陈皮	3 tiền
Phục linh	茯苓	3 tiền
Cao thảo	甘草	1 tiền
Sanh cương	生薑	3 miếng
Đại táo	大枣	2 trái

## Hương sa nhị trần thang

(thấy ở hỗn chứng Thủy Ôn)

**96 — Bạch truyệt hòa trung thang**

Sao bạch truyệt	炒 白 朮	1 tiền rưỡi
Quảng trần bì	廣 陳 皮	1 tiền rưỡi
Vân phục linh	雲 茯 苓	3 tiền
Sa nhân (sao)	砂 仁	1 tiền
Tiên lục thần khúc	魚 六 神 曲	3 tiền
Chích thảo	炙 草	3 tiền
Phật thủ hoa	佛 手 花	5 tiền
Trần thương mễ (lá Bạc Hà gói)	陳 倉 米	3 tiền

**97. — Hương sa lý trung thang**

Mộc hương	木 香	1 tiền rưỡi
Đẳng sâm	黨 參	3 tiền
Can cương	乾 薑	1 tiền rưỡi
Sa nhân	砂 仁	1 tiền
Bạch truyệt	白 朮	1 tiền rưỡi
Chích thảo	炙 草	1 tiền

**98. — Hương sa nhị trần hợp ngũ du thang**

Mộc hương	木 香	1 tiền rưỡi
Bán hạ	半 下	2 tiền
Phục linh	茯 苓	3 tiền
Cam thảo	甘 草	1 tiền
Sanh cương	生 薑	2 chỉ
Sa nhân	砂 仁	1 tiền rưỡi
Trần bì	陳 皮	2 tiền
Ngô du	吳 萸	5 phân
Đẳng sâm	黨 參	3 sấm
Đại táo	大 棗	2 trái

**99.— Gia giảm vị linh thang**

Thương truật	蒼 朮	3 tiền
Xuyên phác	川 朴	1 tiền
Sao dĩ mễ	炒 苡 米	4 tiền
Trư linh	猪 苓	1 tiền rưỡi
Quế chi	桂 枝	1 tiền rưỡi
Trần bì	陳 皮	1 tiền rưỡi
Xích linh	赤 芍	5 tiền
Sao bán hạ	炒 半 夏	3 tiền
Trạch tả	澤 瀉	1 tiền rưỡi
Hoạt thạch	活 石	2 tiền

**100.— Sâm phụ tái tạo thang**

Đẳng sâm	黨 參	5 tiền
Phụ tử	附 子	2 tiền
Khương hoạt	姜 活	1 tiền rưỡi
Tế tân	細 辛	5 phân
Sanh cương	生 薑	3 tiền
Hoàng kỳ	黃 芪	3 tiền
Quế chi	桂 枝	1 tiền rưỡi
Phòng phong	防 風	1 tiền rưỡi
Chích thảo	炙 草	1 tiền rưỡi
Đại táo	大 棗	2 trái

**101.— Quế chi gia phụ tử thang**

Quế chi	桂 枝	2 chỉ
Sanh cương	生 薑	2 chỉ
Phụ tử	附 子	2 chỉ
Cam thảo	甘 草	1 chỉ
Đại táo	大 棗	2 trái

**102. — Ma hoàng phụ tử tế tân thang**

Ma hoàng	麻 黄	1 tiền
Phụ tử	附 子	2 tiền
Tế tân	細 辛	8 phân

**103. — Phụ tử lý trung thang**

Phụ tử	附 子	1 tiền rưỡi
Cam thảo	甘 草	8 phân
Đẳng sâm	黨 参	3 tiền
Bạch truật (sao)	白 朮	2 tiền
Can cương	乾 薑	1 tiền

**104. — Chân võ thang**

Phụ tử	附 子	3 chỉ
Bạch thược	白 芍	2 chỉ
Sinh cương	生 薑	3 miếng
Phục linh	茯 苓	3 tiền
Bạch truật	白 朮	2 tiền

**105. — Tân gia quế phụ bát vị địa hoàng thang**

Phụ tử	附 子	1 tiền rưỡi
Đại thực địa	大 熟 地	6 tiền
Mẫu lệ	牡 蠣	6 tiền
Phục linh	茯 苓	3 tiền
Thanh quế	清 桂	1 tiền
Hoài sơn dược	懷 山 藥	3 tiền
Bạch thược	白 芍	4 tiền
Từ thạch	磁 石	3 tiền

*Cách sắc* : Trước sắc vị Thục Địa Trôi ba đạo bỏ xát, để các thuốc vào nấu lấy nước đậm uống ấm.



**Hoàng liên a giao thang**

(thấy ở bình Ôn kiêm Tử)

**Đạo xích thanh tâm thang**

(thấy ở bình Xuân Ôn phục tà)

**106 -- Trư phu thang**

Trư phu	猪 鬃	2 lượng
Bạch mặt	白 蟻	1 lượng
Hoa phấn	花 粉	5 tiền

**107. -- Thanh can đạt vớt thang**

Sơn chi	山 梔	3 tiền
Bạch thược	白 芍	3 tiền
Quy vĩ	歸 尾	1 tiền rưỡi
Sài hồ	柴 胡	1 tiền
Kim qui diệp	金 橘 葉	3 tiền
Đơn bì	丹 皮	2 tiền
Bạch cúc	白 菊	1 tiền rưỡi
Chích thảo	炙 草	8 phân
Quit bạch	橘 白	1 tiền
Bạc hà diệp	柏 荷 葉	1 tiền

**108. -- Tứ nghịch tán**

Sài hồ	柴 胡	1 tiền rưỡi
Chi xác	枳 壳	1 tiền rưỡi
Bạch thược	白 芍	1 tiền rưỡi
Cam thảo	甘 草	8 phân

## 109.— Long đởm tả can thang

Long đởm thảo	龍胆草	1 tiền
Tiểu sinh địa	小生地	5 tiền
Sanh cam thảo	生甘草	1 tiền rưỡi
Xuyên sài hồ	川柴胡	5 phân
Xa tiền tử	車前子	1 tiền rưỡi
Sao điều cầm	炒條芩	1 tiền rưỡi
Trạch tả	潁瀉	1 tiền rưỡi
Sao sơn chi	炒山梔	3 tiền
Mộc thông	木通	1 tiền rưỡi
Đương qui	當歸	1 tiền rưỡi
Xuyên hoàng Bá	川黃柏	1 tiền
Tân lang	楝榔	2 tiền
Xuyên tiên	川椒	10 hạt

## 110.— Liên mai an vu thang

HỒ hoàng liên	胡黃連	1 tiền
Lôi hoàn	礞丸	3 tiền
Ô mai nhục	烏梅肉	1 tiền

## **Phương thang điển ca**

Nếu đề mỗi phương thang bởi rời từ vị thuốc một, thì kẻ sơ học không dễ gì nhớ được. Trong khi gặp bệnh, mà không nhớ rõ phương thang, thì e dùng phải không kịp thời, và sử dụng thuốc men không đời chưa. Nếu dịch giả không ngại công lao, đem các phương thang ở trước, ghép lại thành vận văn theo lối thi ca, cho êm tai vui miệng, dễ học dễ nhớ; đồng thời biên lại cho rõ ràng một lần nữa: công dụng chủ trị của mỗi phương thuốc, trên mỗi bài thi.

Vì viết theo lối Thi ca, thì buộc phải có vần, và hạn chế số chữ trong mỗi câu, nên tên của mỗi vị thuốc, phần nhiều không thể nói hết được, mà chỉ nói có phần nửa. Ví như: Vị Bạch Phục Linh, Vị Bạch Truật, hoặc Xích Phục Linh, hay Thương Truật, thì trong lời thi ca không thể gom hết được, mà chỉ nói gọn lại là: «Linh Truật». Kẻ đọc muốn rõ thêm đó là Bạch Linh hay Xích Linh, Thương Truật hay Bạch Truật, và số cân lượng, thì nên chú ý khó cần cứ theo số thứ tự xem lại nguyên phương, rồi tự mình chú ý khi ghi chú theo vào cho khỏi sơ sót. Các vị thuốc khác cũng đều nương theo thể lệ này.

Đông Y Sĩ

NGUYỄN-HỒNG-DI

Giao Sư Đông-Y

Viện Đại Học Minh-Đức

# TĂNG BIÊN ĐÔNG Y THỜI LỊNH BỊNH HỌC XỬ PHƯƠNG CA QUÁT MỤC THỬ

## Chương I. — XUÂN ÔN CHƯƠNG

### Luyện trị Bệnh Xuân Ôn

(xưa Xuân cảm thương ôn bệnh)

#### 1. — THANG KINH PHÒNG ĐẠT BIÊU

*Chủ trị* : Bệnh Xuân ôn vừa chớm phát, đầu nhức mình nóng, lạnh ít nóng nhiều, và ho hen. *Kiểm trị* : Chứng Thấp ôn, Chứng Thương hàn. Trị các chứng này, thì nên dùng : thuốc mùi cay, tính ấm và phát hàn. (gia giảm phương kinh nghiệm của Ông Du Gia Ngôn).

*Tô, Hạnh, Kinh, Phòng* chất nhẹ nhàng,

*Qui bì, Thần khúc*, hợp thành thang.

*Xích linh, Bạch chỉ, Hành, Gừng sống*,

Nóng lạnh đều đều khỏi lệ làng.

#### 2. — GIA VI SONG SÍ THANG

*Chủ trị* : Bệnh Xuân ôn mới phát, lạnh ít nóng nhiều, bứt rứt khát nước, cạnh sườn đau nhói — *Kiểm trị* : Chứng Phong Ôn sơ cảm, hoặc bị phọc tà ẩn nấp trong

người từ lâu, ớn lạnh lẫn phát nóng. Và Chứng Thấp ôn, Chứng Thu táo, Chứng Đông Ôn. Nên dùng thuốc tân lương phát tán.

Phong hàn cảm mạo nóng lên nhiều.

Song, Sí, Sơn chi, Cam, Kiết, Kiêu.

Trần, Bạc, Xích Linh, Ngân, Trúc điệp,

Sơ phong giải biểu, đúng theo chiều.

### 3.— MA HẠNH THẠCH CAM THANG

*Chủ trị* : Chứng Xuân ôn, lòng phiền muộn, khát nước, ho suyễn, ớn lạnh không ra mồ hôi. (Phương Thương Hàn Luận).

Nóng mà ớn lạnh, chẳng mồ hôi,

Khát nước, ho hen, khô lưỡi môi.

Cam thảo, Ma hoàng, Cao, Hạnh tử.

Thuốc hay bệnh bớt, liệu vừa thôi.

### 4.— SÀI HỒ CHỈ KIẾT THANG

*Chủ trị* : Bệnh Xuân Ôn, Chứng ớn lạnh đã khỏi, nhưng trong người còn nóng nảy phiền táo. Sườn đau lạnh nóng như cũ rét. *Kiểm trị* : Chứng Thu Táo, lạnh nóng qua lại (hết lạnh đến nóng, hết nóng đến lạnh, lạnh nóng luân phiên phát tác, gọi là lạnh nóng qua lại.) Ngực nặng sườn đau. Bệnh độc của Chứng Thương-hàn nất kết ở phần : bán lý. (Du Thị nghiệm phương)

Sài hồ, Chỉ, Kiết, Bán, Trần, Hoàng,

Tên gọi : Sài Hồ Chỉ Kiết Thang.

*Gừng sống đôi ba, Hành một tép,  
Lại qua lạnh nóng, được bình an.*

### 5 — CAO CẨM THANG ĐÀM THANG

*Chủ trị* : Đứng với Thang Sài hồ cam kiết, nhưng bệnh chứng thì trầm trọng hơn. Cần phải phân biệt coi bệnh nhưn cơ chảy máu cam (tỷ nục) và Ban chân cùng chẳng, để gia giảm chữa trị. Chỉ như chứng Phục tà Xuân ôn, ưa nhón mắt ngủ, và chứng Phục tà Phong ôn, mà lằm dùng thuốc phát hàn, biến chứng phát vàng (hoàng đảo), hoặc chứng Phục thử, nóng thừa ở phần Vệ ; Chứng Thương Hàn trong người nóng lằm, thuộc về bệnh chứng ở Phủ Thiếu Dương, cũng đều chủ trị. (Du Thị kinh nghiệm phương).

Cao Cẩm Thang nội, dụng Cao, Cẩm,

Chỉ, Bán, Linh, Trần, Trúc-nhự lằm.

Ngọc-bích ba tiền đồng gói nẫu,

Phát vàng nóng độc bệnh tà thâm.

Ban chân không ra được thì gia : Tây Hà Liễu, Anh Đào Hạch

### 6.— TÂN GIA BẠCH HỒ THANG

*Chủ trị* : Chứng Xuân ôn phát nóng dữ dội, mồ hôi ra đầm dề, bết rít, khát nước nóng nước không ngừng. Và trị chứng Phong ôn sơ cảm. Bệnh Ôn kiêm bệnh Thương-hàn, Thương-thử và Phục-thử. Chỉ trị chứng Phục tà Xuân ôn, bệnh Phong ôn nấp ở phần khí, và Ban chân sắp mọc ra, phát nóng như thiêu, ra mồ hôi. (Phương của Sách Thương Hàn gia vị).

*Cam thảo, Thạch cao, tiên Trúc-diệp.*  
*Bạc-hà, Tri-mẫu, Huyền-sâm hiệp.*  
*Sơn-chi, Đẳng-thảo.* bọn thanh lương.  
 Nóng, khát, mồ hôi lâu chẳng kịp.

### 7.— SÀI CẨM THANH CÁCH THANG

*Chủ trị:* Chứng Xuân ôn phục tà ở trong phần khí, sau khi dùng thuốc tân lương phát hàn, bệnh bấy còn en en nóng như cũ rét hoặc phát nóng như hơ, lòng bát rút, trong họng khô khát, uống nhiều nước, miệng đắng sườn đau, đại tiện táo, tiểu tiện đỏ. Nếu gia thêm 3 chỉ *Phác-Tiêu*, để chữa trị: Kinh Thiếu Dương, Kinh Dương Minh hiệp bệnh rất hay. (Phương của Ông Đào, Ông Dụ gia giảm).

*Sái, Cầm, Cam, Kiết Bạc, Chi, Kiều.*

*Chi-xác, Đại-hoàng Trúc-diệp Tiêu* (hoặc gia vào)

Đã phát hàn rồi, còn lạnh nóng

Lòng phiền khô khát, nước hạo nhiều.

### 8 — MẠCH MÓN BÔNG THANG

Phương thuốc rất trọng yếu cho sự điều dưỡng Chứng Xuân ôn phục tà, sau khi bệnh sắp mạnh. Nếu gia *Tây Dương-Sâm, Thạch Học, Rễ tranh trời, nước mìa lau* vào phương này, để điều lý sau khi mắc bệnh Tráng nắng (Thương Thử), nước tãu dịch trong người bị khô cạn rất hay. (Phương Kim. Quí).

Vị khô, phổi nóng rất nhu cần,  
 Mạch, Bán, Sâm, Cam, Táo, Mễ, trần.  
 Lưỡi ráo, mồm khô, tân dịch cạn.  
 Điều hòa lương bổ hiệu như thần.

### 9. — GIA GIẢM QUI DUY THANG

*Chủ trị* : Bệnh Xuân ôn, bịnh độc vào máu. Lúc sơ khởi hơi sợ gió lạnh ; nhưc mình, không mồ hôi, lưỡi đỏ, mạch đi Sát. Và kiểm trị : mình mẩy khô khan nóng náy, không ra mồ hôi. Cũng trị Chứng Đông ôn, kiểm có phục tả, nóng mình nhưc đầu. Thuốc tư âm phát hàn. (Pương Kim Qui).

Cam-Cúc, Qui duy, Thảo, Kiết, song,  
 Bạch-Vi, Bãng, Bạc, Si, Sâm. đồng.  
 Khô khan mình nóng, en en lạnh.  
 Gan mát lo gi huyết chẳng xong.

### 10. — TÊ DÁC THANH LẠC ÂM

*Chủ trị* : Chứng Xuân ôn, bịnh độc trốn vào phần máu, uống Thang Qui Duy cho bịnh độc thông ra phần bên. Thì tiếp theo mình mẩy phát nóng, sờ muốn phỏng tay, bứt rứt không ngủ được. Và kiểm trị : Chứng Phục Thử, bịnh độc núp ở phần Dịch. Nên dùng thuốc mát máu, mát phần Dịch. (Pương của Ông Du Căn Sơ).

Tê Dác, Đơn bì, Đào, Thược, Cầm,  
 Liễn-kiều, Trúc-lịch, phối Đãng-tâm.



*Mao-căn Cương-trấp, Xương-bồ bạng.*  
 Da nóng như hơi, lưỡi đỏ bầm.

### 11.— ĐẠO XÍCH THANH TÂM THANG

*Chủ trị* : Chứng phục nhiệt trong phần máu, phát hiện thân thức mờ mịt. *Vạ trị* : Chứng Thương hàn bình độc truyền vào kinh Thiếu âm, âm hư nội nhiệt, tinh thần hỗn loạn, hay nói xàm, tiểu tiện ít mà đỏ nóng, máu nóng xông lên óc. (Thang Đạo Xích gia giảm).

*Sanh-Địa, Phục-Thần, Đẳng-Thảo, Đơn,*  
*Liên-Tâm, Trúc-Diệp, Mạch, Thông* nhưn.  
 Một chung nhỏ nhỏ nước *Đông-tiền,*  
 Và với ba tiền Tán ích Nguơn.

### 12.— NGƯU HOÀNG CAO

*Chủ trị* : Nhiệt độc vào máu, tinh thần hôn loạn. (Phương của Ông Lưu Hà Gian).

*Ngưu-Hoàng, Mai-Phấn, Thảo, Thần-Sa,*  
*Nghệ* với *Đơn-bì* hợp một nhà.  
 Nóng ở huyết phần, thần rối loạn.  
 Cơ năng Tịch Ốc vẫn điều hòa.

### 13.— LINH ĐÁC CẦU ĐẰNG THANG

*Chủ trị* : Bình độc núp ở trong máu, nóng đốt thân kinh. Trạng chứng giống Chứng Kinh giản, tay chân xui lợ, gân mạch co rút. Mạch đi Huyền cứng thẳng thân. (Phương kinh-nghiệm của Ông Dụ Gia Ngôn).

*Dương-Dác, Câu-Đằng, với Phục-Thần,  
Cúc-Hoa, Tang-Diếp, Cầm, Bối, Iãn.  
Thược, Địa, Cam-Thảo, Đạm-Trúc-Diếp,  
Nóng lên Kinh Giản, loạn tâm thần.*

#### 14.— TRÚC DIỆP THẠCH CAO THANG

*Chủ trị:* Sau khi bình sức khỏe suy giảm, nước tân dịch trong người khô cạn, phiền táo khát nước. Bệnh chứng khá nặng. (Phương của Thương Hàn Luận).

*Trúc-Diếp, Thạch-Cao, Bán-Hạ, Cam,  
Sa-Sâm, Ngạnh-mễ, Mạch-Đông* tham.  
Sau khi bình nặng hao tân dịch,  
Khát nước hư phiền, cở vướng đằm.

#### 15.— GIA GIẢM CỐ THỊ BÁT TRÁP ẤM

(Bỏ nước Bạc Hà, nước D-ra Hấu, gia nước Mạch Đông, nước Trúc Lịch).

*Chủ trị:* Sau khi bình, sức khỏe suy giảm, tân dịch khô cạn, nóng nảy bứt rứt, khát nước vừa phải.

*Nước mía, Ngô Sen, nước Trái Lê,  
Rễ Tranh, Sanh Địa, mát lòng ghe.  
Mạch-Đông, Lô-tráp, và Mần-Trúc,  
Bổ dịch sanh tân chẳng chỗ chê.*

## 16 — A GIAO KÊ TỬ HOÀNG THANG

*Chủ trị* : Bệnh Xuân Ôn, bịch độc vào phần huyết, nóng độc vào buồng tinh ; miệng táo răng khô, phần táo khát nước nói xàm. Con trai, di tinh, mộng tinh ; con gái, huyết trắng huyết đỏ ra như sỏi. Xưa cho là : Chứng « Hạ kiệt thượng kênuyết » rất khó trị. Và kiểm trị : Cường Thu Táo, gân khô cơ rút. (gia giảm Phương của Ông Đình Phong Châu).

*A-Giao, Thục Địa, Sanh Qui Bìn,  
Mẫu-Lệ, Câu-Dương, Thỏ, Phục-Linh.  
Bịch độc* : Xuân Ôn, tinh huyết nóng,  
Gái sanh Bạch đới, trai Di tinh.

## Chương II. — PHONG ÔN

## 17. — LIÊN KIỀU CHI SÍ THANG

*Chủ trị* : Chứng Cảm mạo Phong Ôn, nhiệt độc chưa trừ sạch, lồng ngực bứt rứt. Và kiểm trị : Tấp khi của Chứng Thấp Ôn chưa sạch, hơi Phổi không thông. Và Chứng Thương Hàn, bịch ở Kinh Thiếu Âm, Kinh Dương Minh : phiền táo nói xàm, bụng đói mà chẳng muốn ăn, hơi nứt ở Phủ Thượng tiêu. (Cược phương hòa-tễ).

*Liên-Kiều, Chi, Sí, Ngọc Kim, Tân. (d)  
Quất Lạc, Chỉ, Kiết, Bạch-Khẩu-Nhân.  
Nóng nứt táo phiền lòng bứt rứt,  
Thấp tà phạm Phổi biểu nưc thối.*

## 18. — TỬ TUYẾT ĐƠN

*Chủ trị* : Chứng phục tả Phong ôn, phát nóng như thiêu như đốt, ra mồ hôi, mình mẩy nặng nề, ngũ giác mê man, trong mũi thở khô khè. *Kiểm trị* : Bình ôn hiệp với khí Hàn, khí Thử và Chứng Phục Thử; tinh thần mê loạn bất tỉnh, mình nóng nơi xác.

*Huyền Sâm, Man, Phát, Thăng Ma, Thảo,  
Tứ-Thạch, Hàn-Thủy, Hoạt-Thạch, Cao,  
Tê Dác, Thần Sa, Dương Dác nhập.  
Mộc, Đinh, Trâm, Sạ hiệp đoàn nhau.*

## 19. — CHÍ BẢO ĐƠN

*Chủ trị* : Chứng Phục tả Phong ôn, phát nóng ra mồ hôi, lưỡi đỏ. *Kiểm trị* : Bình ôn và Thương Thử, nóng ở phần huyết, hơn mê bất tỉnh. (Cuộc Phương gia giảm).

*Tê-Dác, Đại-mạo, Sa, Ngưu-Hoàng,  
Châu-Sa, Hồ-Phách, hiệp thành đoàn.  
Nóng vào phần huyết, người mê sáng  
Trúng thử, Thương phong khỏi lệ làng.*

## 20 — SÀI HỒ ĐẠT NGUYÊN ẨM

*Chủ trị* : Bệnh độc phong ôn, núp trong phần khí, mồ hôi ra rịn rịn, bệnh độc theo mồ hôi bài tiết ra ngoài; phát nóng ôn lạnh như cũ rét, bợn dạ ủa mưa, ăn chẳng vào. (Ôn dịch Luận Phương gia giảm).

*Phát Thảo, Sài, Cầm, Cam, Kiết thi,  
Tân-Lang, Thảo-Quả với Thanh-bì.*

Gia thêm hai chỉ *Bội-Lan-Cánh*,  
 Cữ Rét en en, hiệu nghiệm kỳ.

## 21.— TĂNG GIẢM HOÀNG LIÊN TẢ TÂM THANG

*Chủ trị* : Chứng Phong Ôn, phục tà đã ngoại đạt, nóng độc từ trong đã thấu ra ngoài. Xác nhận không phải là Chứng Táo nhiệt của Thang Bạch Hổ, mà chính là Chứng Thấp Nhiệt. Kiềm trị : Cường Thử kiêm Chứng Thấp, đầu nặng phiền táo, ủa mửa, bĩ uất đầy hơi. (Trọng Cảnh Phương gia giảm).

*Xương Bô, Chỉ, Bán, với Liên, Cầm,*  
*Trúc-Lịch, Sanh Cương Đẳng Thảo Tâm.*  
*Thông Thảo hiệp cùng Bạch Hoạt Thạch,*  
*Táo phiền đi uất nóng hãm bản.*

## 22 - XƯƠNG BỒ UẤT KIM THANG

*Chủ trị* : Chứng Phong Ôn phục tà ở phần Đỉnh, phát nóng ra mồ hôi, bứt rứt mất ngủ. Khi Tỉnh khi mê, hay nói xàm, mạch đi Sát, lưỡi đỏ tay chân mát. Kiềm trị : Khi Thử độc núp ở phần Đ'nh, đêm nóng nói xàm. (cải định Hạ thị kinh nghiệm phương).

*Trúc Diệp, Xương Bô, Xuyên-Ngọc-Cầm,*  
*Chỉ, Đơn Thông Thảo, với Đẳng Tâm.*  
*Liên Kiều, Tử Cầm, Trúc, Cương trấp,*  
*Lương huyết thông Đỉnh, tà phục thâm.*

## 23.— HÀNH QUÁN TÁN

*Chủ trị* : Chứng Phong ôn phục tà rất kịch liệt. Chứng hậu giống Thanh Xương BỔ Ngọc Kim, và Âm Tế Đắc Thanh Lạc, mà nguy cấp hơn. Nếu không sẵn có Tán Hành Quán, dùng Đơn Tử Tuyết cũng công hiệu.

*Ngưu, Sa, Hùng Hoàng, với Nguyệt Thạch,  
Hỏa Tiêu, Băng Phiến, thông hang ngạch,  
Trần Châu, Pài Kim hai mươi tờ,  
Trị Chứng Phong ôn vào huyết mạch.*

## Chương III.— ÔN BỆNH

(còn để gọi là : Nhiệt Bệnh)

## 24 — THANH ÔN GIẢI ĐỘC ẨM

*Chủ trị* : Bệnh chứng không lạnh mà vẫn nóng, bứt rứt khát nước, không ra mồ hôi, lưỡi khô họng đau, tinh thần mệt nhọc, phiền táo nói xàm. (Phương tán đình của Ông Dư Sư Ngụ)

*Cam, Kiết, Liên Kiều, Thạch : đá xao, (1)  
Cầm, Liên Thược, Địa, Đơn, Thanh Cao.  
Huyền Sâm, Trúc Diệp, Tri, Tế Đắc,  
Bầu nhưc thì gia Cương, Cúc, vào.*

(1) 0.8m (2.5) nhỏ.

## 25. — BẠCH HỒ THỪA KHÍ THANG

*Chủ trị* : Bệnh Ôn, đường Đại Tiện táo bón, đầy hơi và kiết lý. *Kiểm trị* : Chứng Đông ôn, kiêm Chứng Phục Thử, ra mồ-hôi mà Chứng nóng không giải ; ngày nhẹ đêm nặng, nhức đầu ỉa chảy, phiền táo hôn mê. Trong bụng đau, lấy tay đè thì đau chịu không thấu. Trọng chứng ở Kinh Khuyết Âm, và Kinh Dương Minh. (Phương kinh nghiệm của Ông Dụ Gia Ngón).

*Thạch Cao, Cam Thảo, Bạc Hà Diệp,*

*Tri Mẫu, Man Tiêu, và Đại Hoàng.*

Khát nước đầy hơi và táo bón,

Mồ hôi nướm nướp nóng mồ mẩn.

## 26. — TÈ DẮC ĐỊA HOÀNG THANG

*Chủ trị* : Bệnh Ôn, Ho ra máu, ói ra máu, hoặc ỉa máu. Khi Thử Ôn dốt ở phần máu, phiền táo nói xàm, hoặc Chứng Thấp Ôn mà ngộ trị, sưng nhiều hại máu. *Kiểm trị* : Chứng Thương Hại bệnh ở Kinh Dương Minh phục phát. Đại tiện phân đen, nên tịn thông lợi. Nên chú ý chước già: Vị Đào Nhon, Hồng Hoa, Uất Kim, Quí Vĩ, Man Trưng. (Phương của Sách Kim Quĩ).

*Tè-Dặc, Địa-Hoàng, Thương-Dược, Đơn,*

*Máu lên, Vị nóng hỏa tà hơn.*

Ỉa đen, đại trắng tà vào máu,

Hoặc phát diện cuồng, ý bồn nhơn.

27. — VƯƠNG THỊ TÂN ĐÌNH THANH THỦ  
ÍCH KHÍ THANG

*Chủ trị* : Bệnh Ôn kiêm Bệnh Thủ. Chứng Nhức đầu xây xẩm đã khỏi, nhưng dư nhiệt vẫn còn. Và sức khỏe suy nhược. (Phương của Ông Sĩ Mạnh Anh).

*Trúc-Diệp, Tri-Mầu, tiên Bạc-Hà,  
Huỳnh-Liên, Ngạnh-Mễ, Thảo Tày-Qua,  
Mạch-Đông, Thạch-Học, Dương Sâm hiệp,  
Dư nhiệt chưa trừ, nóng xuyết xoa.*

28. — TÊ LIÊN THỪA KHÍ THANG

*Chủ trị* : Chứng Ôn kiêm Chứng Thủ, giống như Chứng của Thang Trúc Diệp Toan Cao, mà thực tế ứng trị. *Kiểm Trị* : Chứng Thương Hàn, bệnh ở Kinh Thiếu Âm và Kinh Dương Minh, nhiệt độc truyền vào máu, xông thẳng lên óc.

*Chỉ-Thiệt, Đại-Hoàng, Tế-Dắc-Tim, (nhọn)  
Xuyên Liên, Sanh Địa, với Chân Kim  
Thực tế ứng trị xông lên óc,  
Thông lợi đại trường mát Phôi Tim (lòng).*

29. — BẠCH HỒ THANG

*Chủ trị* : Chứng Ôn kiêm Chứng Thủ, phần khí táo nóng, phiền táo khát nước, mồ hôi ra nhiều, mạch di Hồng, lưỡi đỏ. *Kiểm trị* : Bệnh Thương Hàn nóng đốt ra mồ hôi, mà không ớn lạnh, chỉ sợ nóng, tiểu tiện ít mà



nước tiểu đỏ rít. Tay bên Phải mạch đi Hồng Huyền.  
Bệnh ở Kinh Dương Minh (Phương của Thương Hàn Luận).

*Tri-Mâu* cạo lông. *Ngạnh-Mễ* rang.  
*Thạch-Cáo*, *Cam-Thảo*, hiệp thành thang.  
Mạch đi Hồng Sát, *Dương-Minh* Chứng.  
Nóng ở mồ hôi, ngủ chẳng an.

### 30. — TỬ KIM ĐƠN (Ngọc Khu Đơn)

*Chủ trị*: Chứng Ôn kèm Chứng Thử, nhiệt độ thái  
thâm, nóng đốt phần huyết. *Kiểm trị*: Chứng Ban Chẩn  
hôn mê giống Chứng Hoắc Loạn Sa Trường (đau bụng  
ra mửa dữ dội). Đau thất ruột. *Kiểm trị*: Chứng Thử  
Ôn, Chứng Thử Uế, Chứng Phong Ôn ra mửa, mà tay  
chân lạnh, thần thức lơ mơ.

*Từ Cỏ*, *Đại Kịch*, *Thiên Kim Sương*,  
*Tô Hiệp*, *Hùng Hoàng*, *Châu*, *Phiến*, *Hương*.  
Miệng mũi bít vào hơi uế trước,  
Bụng đau ra mửa, nóng phi thường.

### 31. — NHỊ GIA LONG CỐT MẪU LÊ THANG

*Chủ trị*: Phần khí, phần huyết bị khí ôn nhiệt xông  
đốt. Do ngộ trị, khí lạnh làm bại phần chân Âm. Trong  
thang này, nên bỏ *Gừng*, *Táo*, *Phụ Tử*, tùy theo chứng  
mà gia giảm chữa trị. (Phương của Thương Hàn Tiểu phẩm)

*Bạch-Vi*, *Bạch-Thược*, *Chích-Cam-Thảo*,  
*Phụ-Tử*, *Sanh Cương*, *Long*, *Mễ*, *Táo*.

Ôn nhiệt ung xông khí huyết phần,  
Lâu ngày khí lạnh làm hại máu.

### 32. — HOÀNG LIÊN A GIAO THANG

*Chủ trị* : Sau khi bịnh, dư nhiệt không dứt, bứt rứt hồi hộp, ngủ không yên. Bộ Thốn Mạch đi Phù Hồng, Bộ Quan, Bộ Xích mạch đi Huyền, mà đôi Mạch Tế Sát.  
*Kiểm trị* : Chứng Ôn táo, âm hư hỏa vượng ; bịnh Thương hàn âm huyết hư hao, hỏa-nhiệt ung xông ở trong, thuộc về tạng Thiếu âm. (Phương Thương Hàn gia vị) — Nên lưu ý : Dịch giả dùng thang này trị : Chứng Thương hàn tương xuất huyết, nóng hơn mê, và khát nước rất hay.

A-GIAO sao chín, thật khô khan,  
Địa, Thược, Cầm, Liên, Kê-Tử-Hoàng.  
Hỏa nhiệt ung xông, phần huyết cạn,  
Lại hay trị : Chứng ruột Thương Hàn.

## Chương IV. — CHỨNG ÔN THỦ KIỂM CHỨNG THẤP

### 33. — GIA GIẢM NGÃN KIỀU THANG

*Chủ trị* : Chứng Ôn thủ kiểm Chứng Thấp, hơi ôn lạnh mà trong mình phát nóng, ra mồ hôi mà bịnh nóng không khỏi, và lòng phiền táo. *Kiểm trị* : Chứng Thủ cấp kiểm Chứng Hàn, nóng nhiều lạnh ít, Thủ tả lúp ở phần Vệ ; đầu như mình nóng, và Chứng Thấp ôn. — (Như mình

gia Taug chi, Phòng ký; ủa nữa gia Đại Giả Thạch ;  
trong lòng nóng gia Xuyên Hoàng Liên ; ăn uống không  
biết mùi gia Thần Khúc.)

*Ngân Hoa, Chi, Phát, Bạc Hà, Cầm,  
Trúc, Diệp, Tri, Kiêu, với Uất Cầm.  
Lục Nhứt ba tiền, đồng sắc nóng,  
Tâm phiên, gia một năm Đàng Tâm.*

34.— GIA GIẢM HOẮC HƯƠNG CHÀNH KHÍ THANG

*Chủ trị :* Chứng Thử ôn kiêm Chứng Thấp nặng nề,  
nặng ngực đau mình ; Là phương thuốc trị Chứng Thấp  
rất rộng. Nếu Bệnh Hàn Thấp thì ta lấy : Quế, Linh, Cương,  
Truật. Bệnh Thấp Nhiệt thì ta lấy : Trúc diệp, Lô căn,  
Sơn chi, Liên kiều, rất thần hiệu.

*Hoắc Hương Chành Khí, Phát, Trần Bi,  
Lan Diệp, Bạc Hà, Tang dụng chi.  
Thần Khúc, Xích Linh, Chế Bán Hạ.  
Sa-nhon, Hương Phụ, Ích-Ngươn thì.*

35.— GIA GIẢM ĐẠI QUÍT BÌ THANG.

*Chủ trị :* Chứng Thử ôn kiêm Chứng Thấp, lồng ngực  
không thư thối, đường tiểu tiện chẳng thông, nửa đêm  
phát nóng :

*Trư, Trạch, Trần bi, Xích Phục Linh,  
Chi, Kiêu, Cầm, Khúc, Thanh Cao khiêu.  
Tân-Lang hợp với Lục Nhứt Tấn.  
Thử Nhiệt thanh lương, Thấp nhiệt bình.*

## 36. — ĐẠI QUÍT BÌ NGUYỄN PHƯƠNG

*Chủ trị*: Khi Thử, Khi Thấp lẫn lộn. lồng ngực bị nứt bung đầy, sườn đau, ỉa chảy, tiểu tiện đỏ, ngoài da ớn lạnh.

*Xích Linh, Trư, Trạch, Quế, Bình Lang,  
Thương Truật, Trần Bì, Hương, Ích Nguơn,  
Ỉa chảy đầy hơi, lồng ngực bị,  
Thấp tả thử độc thấy blub an.*

## Chương IV. — THỬ ÔN KIÊN HÀN

## 37. — THANH THỬ TRẦN ẦU ẨM

*Chủ trị*: Chứng Thương Thử kiêm Chứng Hà. Trong người bứt rứt khát nước, nhưng uống nước thì ói.

*Xuyên Liên, Xuyên Phát, Bán, Trần Bì,  
Giả Thạch, Táo Tâm, thổ nghịch thi,  
Chỉ Thiệt, Ích Nguơn, Lục Thần Khúc,  
Thanh Tâm giáng hỏa, lại an tý.*

## 38. — ĐẠI QUÍT BÌ THANG

## GIÁ TUYỀN PHỄ HÓA ĐÂM DƯỢC

*Chủ trị*: Bệnh Thử Ôn kiêm Bệnh Hàn, nặng ngực ho hen, nóng nảy xột xáy mà đầy hơi.

*Tru, Trach, Linh, Phát*, hiệp nhứt ban,  
*Bối Trần, Tiền, Kiệt, Hương, Bình Lang.*  
*Uất Kim, Bạch Giới*, mười hai món,  
 Nóng xốt ho hen, đấm nhứt au.

39 — ĐẠI QUÍT BÌ THANG  
 HIỆP TƯƠNG THỦY TÂN

*Chủ trị* : Cường Thử kiêm Chứng Hãn, lạnh nhiều nóng ít.

*Giả-Thạch Bình Lang, Hương, Quế Chi,*  
*Lương Cương, Linh, Trach, Bàn, Trần Bì.*  
*Can Cương, Phụ Tử*, đều cay nóng.  
*Lục Nhứt cam hàn* phép cũng kỳ.

40 — BẠCH HỒ GIA NHÂN SÂM THANG

*Chủ trị* : Kinh Thái Dương Bịnh Trúng Ất. Hơi nắng  
 độc làm hại phần khí, miệng nóng ra mồ hôi, khát nước.  
 Chứng Thấp ôn kiêm nhiệt. Và kiêm trị : Chứng Ôn táo  
 khát nước.

*Thạch-Cao* một lượng chẳng đon sai,  
*Tri-mẫu* ba tiền, *Can-Thảo* hai.  
*Nửa chỉ Dương-Sâm*, năm *Ngạnh-Mễ*,  
 Năng hao nguyên khí đáng khen tài.

41. — NHỨT VẬT QUA ĐỀ TÂN

*Chủ trị* : Kinh Thái Dương trúng ất, tháng Mùa Hạ  
 ăn nóng đồ sống lạnh, chất nước ngấm vào phần cơ nhục.

biến chứng như nước nổi nặng nề. trong mình thì nóng, mạch đi Vi Nhược.

*Qua-Đề* ba chỉ, nước đun sôi,  
 Ấm nóng vừa chừng, uống một hơi.  
 Ói nhớt, ói đàm, và ói nước.  
 Phổi thông, ngực nhẹ, nước đi trôi.

#### 42.— PHI LONG ĐOẠT MẠNG ĐƠN

*Chủ trị* : Chứng Can Hoắc Loạn (ưa khan có tiếng mà không có vật ; mắt đại tiện, nhưng đi không ra phân, đồng thời đau bụng như cắt ruột. Dùng muối rang hết nở, hòa với Ấm Dương Thủy (nửa nước lạnh, nửa nước sôi). Mỗi lần uống ba phân, khiến cho trên nửa dưới ỉa thông thả, bịch đợc ra theo ỉa nửa, mà bịch tự nhiên khỏi.

*Thần-Sa, Bằng-Sa, Hùng, Ngưu-Hoàng,*  
*Nha-Tạo, Mai-phiến, Đương-Thảo, Phàn,*  
*Ma, Đại, Tiêu, Thiêm, Trán Châu, Xạ,*  
*Nhân-trung,* hòa tán sẽ bình an.

#### 43.— HỒNG LINH ĐƠN

*Chủ trị* : Mùa Hạ Bệnh Trùng Thử, biến chứng Nhiệt Hoắc Loạn (ỉa nửa khát nước) rất nguy cấp.

*Hùng-Hoàng, Mong-Thạch, với Châu sa,*  
*Băng, Xạ, Phi Kim, phối Mã Nha (tên)*  
*Băng phiến cộng chung là tám món,*  
 Thanh trừ Thử đợc, giúp an hòa.

## 44.— PHI MÃ KIM ĐƠN

*Chủ trị*: Chứng Can Hoắc Loạn, ia mưa chẳng thông,  
Đau bụng chết giấc. Tục gọi là Chứng : *Giảo Trường Sa*.

*Nhũ, Môt, Đậu sương, Bá-Thảo-sương,*

*Đại, Hùng-Hoàng, Quít, Ngọc-Kim, Hương.*

*Thần-sa hiệp với Từ-Cô nghiệm,*

*Ụa mưa bụng đau rất khẩn trương.*

## Chương V.— BỊNH PHỤC THỦ

## 1.— KHÍ THỦ ĐỘC NÚP Ở TRONG PHẦN VỆ

## 45.— CHỈ THIỆT ĐẠO TRỆ THANG

*Chủ trị*: Bệnh Phục Thủ ở Tiết Thu Phấn, bệnh Tả tử nặng hơn Bệnh Thấp. Cận bã trong ruột ngưng kết, và Bình Thương Hàn truyền vào Kinh Thái Âm, kinh Dương Minh. Hai đường đại tiểu tiện bí kết, trong bụng đau. Lấy tay đè lên thì đau chịu không thấu (cự án) — Kiểm trị: Chứng Thấp khá nặng, dùng thang Đại-Phúc Bi, gia *Nhơn-Trần, Thông-Thảo*, mà đại tiện không thông thả, thì dùng thang này.

*Cầm, Liền, Linh, Phát, Chỉ, Sơn-tra.*

*Kiều, Khúc, Trần Hoàng, hiệp một nhà.*

*Cận bã vị trường gây uất trệ.*

*Thủ tả, thấp nhiệt tủy theo ra.*

## 46.— THANH TÁO DƯƠNG DINH THANG

*Chủ trị:* Chứng Pục Thủ, bình độc núp ở phần âm huyết. Sau khi khỏi bệnh, mà vẫn còn bứt rứt. Và chủ trị: Chứng Thấp Thủ, nóng lấm hóa táo, tay chân rút giật, hôn mê. Như: Chứng Thương Hàn, đáng hạ mà không làm hạ. Chấn khí hư lấm mà tả thực, hơi ngẩn thờ gáp. Nên dùng phương này, bỏ vị Thiên Hoa-Phấn gia Sâm, Kỳ.

*Tri-Mầu, Hoa-Phấn, Địa Thược, Qui.*

*Sanh-Cam, Mâu-Lệ, với Trần-Bì*

*Khí hư tả thực, nên trong bỏ,*

*Bỏ Phấn, gia thêm Sâm với Kỳ*

## 47.— GIA VỊ NGŨ DIỆP LỒ CẢN THANG

*Chủ trị:* Trước dùng thang Thanh Táo Dương Dinh, gia: Sai-hồ, Qui-Bản, Thanh-Cao, Hoàng-cầm, Địa-cốt-bì, để cho khí nóng thanh thấu ra ngoài, Khí nóng ở phần âm huyết, trở ra phần dương khí, mà bình tự khỏi. Kế cho nóng thang này, thì khỏi hẳn.

*Hoắc-Hương, Tang-Diệp, dĩ Tỳ-Bì.*

*Trúc-diệp, Bội-lan, với Bạc-hồ.*

*Đông-tử, Lô-Cần, Lục-Nhật-tán,*

*Thanh ôn tiêu độc Kim-Ngân-Hoa*

## II.— KHÍ THỦ ĐỘC NÚP Ở PHẦN DINH

## 48.— TÊ LỊNH TAM TRÁP ÂM

*Chủ trị:* Khí Thủ độc núp ở phần Dinh, nhức đầu



chóng mặt, mắt đỏ môi đỏ, mình nóng mà tay chân lạnh.  
Tay chân co rút, bất tỉnh như sượng.

*Tê-Dác, Dương-Dác, La-Bặc, Cương,  
Ngó-Sen, Mân-Trúc, nước cam lương.  
Kiều, Vi, Đon, Ngọc, Khổng-Diên Tân,  
Đàm hỏa nê thần, Thiên-Trúcương.*

49.— GIA VỊ TÊ-DÁC ĐỊA HOÀNG THANG

*Chủ trị:* Chứng Phục Thử, bệnh ở thượng tiêu thuộc phần huyết. Nếu bệnh ở thượng tiêu mà thuộc phần khí, nên châm chước dùng Thang Ngũ Diệp Lô Căn. (Nguyễn Phương gia-giảm).

*Tê-Dác, Địa-Hoàng, NGÂN, Trúc, Kiều,  
Mao, Đon, Kim, Diệp, Thạch-Bồ, diên.  
Độc ta phục thử vào phần huyết,  
Nong này hư phiền ở thượng tiêu.*

50.— AN LUNG NGUU HOÀNG HOÀN

*Chủ trị:* Bệnh Phục thử, nóng lắm phiền táo, tinh thần hôn mê, nói xàm. Lưỡi đỏ, nhưng không dơ. (Cuộc phương gia giảm).

*Nguu-Hoàng, Tê-Dác, vôi Liên, Cầm,  
Kim-Bạc, Chi-Tử, Hùng, Uất-Cầm.  
Mạt-Phiến, Châu-Sa, Trân-Phấn, Xạ,  
Tinh thần hôn lạng, thử tả xàm.*

## 51.— GIA VỊ TẬP LINH TIỀN

*Chủ trị*: Sau khi bệnh chứng Phục thử, phần âm huyết hao tổn, khí Mạch Xung đi ngược lên; hoặc nấc cục, hoặc lạnh ran, hoặc hơi thở gấp.

*Mạch-Đông, Ngưu-Tất, Kiết-Lâm-Sâm,*  
*SANH, THỰC-ĐỊA-HOÀNG* chuyên bổ âm.  
*Thược-Dược, Khuyết Minh, Sanh Mâu-Lệ,*  
*Linh-Tỳ, Câu-kỷ,* giả tương âm.

## 52.— GIA VỊ LIÊN PHÁT ÂM

*Chủ trị*: Bệnh độc phục ở trung tiêu phần khí. (Nguyên Phương gia giảm)

*Phát, Liên, Chi, Sí, Bán, Lô, Căn,*  
*Hoạt-Thạch, Hoàng-Cầm, Chi-Thiệt,* tăng  
 Hựu hữu *Xương-Bồ,* khai khiếu uất,  
 Trung tiêu thử độc trị đa năng.

## 53.— QUẾ LINH CAM LỘ ÂM

*Chủ trị*: Bệnh độc truyền vào phủ hạ tiêu phần khí (bệnh độc Thương thử phục ở phủ Hạ Tiêu).

*Trư, Thạch, Xích Linh, Hoạt-Thạch, Cao,*  
*Thanh-Bì, Thủy-Thạch, Quế-Tám* bào.  
 Độc theo tiêu tiện, thông ra sạch,  
 Thân thủy Bàng Quang khỏe biết bao.

54. — GIA VỊ DƯỠNG DINH THỪA KHÍ THANG

*Chủ trị* : Bệnh độc thương thứ, nấp ở phần huyết phủ trung tiêu.

*Hậu Phái, Đại-Hoàng, Thược, Địa, Qui,*

*Mao-Căn Chi-Thiết, bất tương kị.*

Gia thêm *Tri-Mẫu*, thanh phần huyết,

Bệnh ở Trung tiêu, có khó gi.

55 — GIA VỊ THANH CAO BIẾT-GIÁP THANG

*Chủ trị* : Chứng Phục thứ, bệnh độc vào phần huyết phủ hạ tiêu

*Biết-Giáp, Thanh-Cao, Sanh-Địa, Qui,*

*Sái, Thương, Tê-Thảo, Bạch-Vi* ngh.

Hạ tiêu thứ thập vào âm huyết,

Xương nóng nên gia : *Địa-Cốt-Bi.*

56. — THANH CAO BIẾT-GIÁP THANG NGUYỄN PHƯƠNG

*Chủ trị* : Chứng Phục thứ, tư nhuận phần âm huyết, thanh lọc nhiệt độc. Thuốc hóa bí nhuận táo.

*Biết-Giáp, Thanh-Cao, Sanh-Địa-Hoàng,*

*Đôn-Bi, Tri-Mẫu, tịnh cam hàn.*

Tư âm, nhuận ráo, và lương huyết,

Chuyên trị nhiệt tà ở Thận Gan.

## 57.— DIỆP THỊ GIA GIẢM PHỤC MẠCH THANG

*Chủ trị* : Nuôi dưỡng nước tân dịch, quét sạch dư nhiệt của Chứng Phục thử. Phương thiện hậu.

*Chích Thảo, A-Giao, Sâm, Mạch-Đông,*  
*Ma-Nhon, Thược, Địa, nhất ban đồng.*  
 Sau khi bịnh mạnh còn dư nóng,  
 Nhuận dưỡng âm phần huyết mạch thông.

## 58.— CAM LỘ ẨM

*Chủ trị* : Nhuận dưỡng tân dịch, mát mẽ chứng nóng thừa, phương thuốc rất phù hợp với Chứng Phục thử sau khi bịnh vừa mạnh. (cuộc phương).

*Cam Lộ* : nhị *Đông*, nhị *Địa* thi,  
*Tỳ-Bá, Cầm, Chi, Học,* tương nghi.  
*Nhân-Trần, Cam Thảo,* trừ dư nhiệt,  
 Bình hậu phương hay, đáng nhớ ghi.

## Chương VI — THẤP ÔN

## 1.— Thấp ôn bốn chứng

## 59.— LINH TRUẬT NHỊ TRẦN THANG

Phương này gia *Hậu Phát, Hoại Thạch, Thông Thảo,*  
*Dĩ Mễ.*

*Chủ trị* : Chứng Thấp Nhiệt ôn lạnh. Ấm trung tiêu, hóa thấp độc vật công hiệu. Nếu Chứng Thương Hại mở hơi chửa ra, đường tiêu tiện không thông, khát nước, uống nước thì ỏi. Dùng phương này gọi *Quế*, hoặc dùng Thang Ngũ Linh.

*Cương, Quế, Bán, Trần, Bạch Phục-Linh,*  
*Trạch, Thương, Thùn-Khúc, thấp hàn bình.*  
 Đất xông hơi nước, trời chang nắng.  
 Nguyên tý gây nên Thấp Nhiệt sinh.

60. HƯƠNG SA NHỊ TRẦN THANG

*Chủ trị* : Chứng Thấp Nhiệt kèm Chứng Thương Hại. Ấm Tỳ Vị, hóa đàm nhớt, ăn uống biết ngon. Chứng Thương Hại thuộc về kinh Thái âm, bình độc ở phần cơ biểu chưa giải. Dùng phương này, có công dụng khôi phục bình ở bộ tiêu hóa.

*Hương Sa Nhị Trần : Bán hạ, Trần,*  
*Hương-sa, Linh, Thảo Tào, Cương thân.*  
 Trị nhà Thấp Nhiệt, hơi dính bì,  
 Giải uất tiêu đàm. Vị khí thân.

61. — NHÂN HƯƠNG THANG

*Chủ trị* : Thang này bỏ Đản hương, Đỉnh hương ; gia Đơn Bì, Bội Lan, Bán hạ, Ích Nguơn Tân, trị : Sau khi mắc Bệnh Thấp nhiệt, biến Chứng Thấp Trước, ngứa uất. Khí Trung dương không vận hóa.

*Bạch Khẩu, Sa-nhơn Hoắc, Mộc-Hương  
 Trạch, Trần, Chỉ, Phát, Lục-Thần phương.  
 Cảm hàn thấp uất. tay chân lạnh.  
 Ấm áp tay chân, khỏe dị thường.*

## Chương VII.— THU TÁO

### I.— Mát chứng táo

#### 62.— HƯƠNG TÔ SONG XI THANG

Thang này, bỏ Vị *Hương Phụ, Ô Dược*; gia *Hạnh nhơn, Bá-Bộ. Chủ trị*: Khí lương táo sơ khởi; đầu như nóng ho, ớn lạnh, không mồ hôi. Họng khô: gia *Mạch đông, Thiên Hoa Phấn*; róng nhiều gia *Hoàng Cầm; Ngân Hoa*; Hông đầy gia *Chỉ Xác, Ngọc Kim*; Ho hen gia *Ngưu Bàng Tử, Bạch Tiên*. Ụa khan gia *Bán Hạ, Giả-Thạch*; Sườn đau gia *Đào Nhơn, Mộc Dược*.

*Hương-Phụ, Thanh, Trần, Phòng, Phục, Tô,  
 Cương, Song, Đậu-Xì, Ngọc, Thai-Ô.  
 Mùa Thu lương táo vừa sơ phát,  
 Cảm mạo đau đầu phát nóng ho.*

#### 63.— HẠNH TÔ NHỊ TRẦN THANG

*Chủ trị*: Cảm nhiễm Bình độc của Khí Lương táo chưa giải, đàm nhiều ngực nặng ho hen không thông.

*Linh, Bán, Thảo, Trần hiệp Hạnh, Tò,  
Táo Đen, gừng Sống liệu gia vô.  
Cắm thương Thu táo, hơi đàm uất,  
Phát nóng ho hen cổ nghẹn khô.*

## 64.— NGŨ NHƠN QUÍT BÌ THANG

*Chủ trị* : Cắm mạo khí lương táo. Chứng ho đàm vừa  
bớt, đại tiện táo bón đau bụng. Và kiêm trị : Chứng Thương  
hàn, bệnh độc truyền vào kinh Thái âm, kinh Dương Minh,  
đường đại tiện táo bón.

*Hạnh Nhơn, Tùng, Úc, Bá, Đjo Nhơn,  
Mỗi thứ ba tiền rất gọn tròn.  
Vỏ Quít thêm vào một chỉ rươi,  
Thông trường nhựa táo có chi hơn.*

## II.— Ôn-táo

## 65.— TẢ KIM HOÀN

*Chủ trị* : Gan nóng uất nghẹn, ủa mửa chua lè Khí  
Ôn sơ phát, nhức đầu ôn lạnh, miệng nóng không mồ hôi  
mà ủa mửa. Nên dùng Thang *Uy Duy* gia *Trúc Nhự, Tỳ  
Bà Diếp* và Hoàn này. (Phương của Ông. Châu Đơn Khê)

*Mùa Thu nắng ráo khí khô khan,  
Cắm khí Thu về bệnh : Uất Gan.  
Ủa mửa nước chua đầu nhức nóng,  
Ngó, Liền, mau uống : TẢ KIM HOÀN,*

## 66. — DỤ THỊ THANH TÁO CỨU PHẾ THANG

Tiết Mùa Thu nóng ráo. Chứng Ngoại Cảm đã giải, nhưng bên trong còn nóng nảy phiền khát. Nếu bệnh ở phần biểu chưa giải, thì dùng Thang *Gia Giảm Uy Duy*. Cần nên phân biệt : Chứng Khí Suyễn Đàm nhiều, hoặc lỏng ngực phiền mùa ư ngược, mà gia giảm chữa trị cách cẩn thận.

*Tang, Mạch, Sâm, Thảo, Hạnh, Thạch-Cao,*

*Ma-Nhơn, Hà-Diệp, Cống-Á-Giao.*

Lá vàng rơi rớt, hơi Thu ráo,

Phổi nám ho đàm, hoặc Phổi Lao.

## III. — Thu tảo phục tà

## 67. — GIA GIẢM TRI BÁ ĐỊA HOÀNG THANG

*Chủ trị* : Mùa Thu ráo, khí phục thử hiệp với khí Thấp làm hại Tạng Thận âm ; nửa đêm mình nóng, mặt đỏ chân lạnh, nhưng lòng bàn chân lại nóng. Mạch đi Tế, Sảo, Hoãn, Trệ. Nếu Mạch đi Huyền Sát, thì bệnh trở nên nóng, phải gia Thạch Cao.

*Từ-Thạch, Thanh-Cao, Cầm, Địa-Hoàng,*

*Kiến-Liên, Tri, Bá, Sâm, Linh, Đan.*

*Trần-Bi, Dĩ-mễ, lương kèm tảo,*

Thủ thấp phục tà nấp Thận an.



68 — GIA VỊ TANG ĐƠN TẢ BẠCH TÁN  
(gia Ngẫu Tiết, Hạn Liên Thảo, Hoàng Cầm)

*Chủ trị:* Khí Thu táo, Khí Phục Thử hai khí hiệp nhau hóa óng, họng ngứa khô khát, lồng ngực đau buốt, trôn trề (giang môn) nóng nhức. Và trị Chứng Đông kiết Phục táo, lồng ngực bít rút, ho suyễn khó khan, hoặc ho ra máu.

Tả Bạch: Đông, Thược, Địa, Cốt, Tang,  
Hạnh Nhơn, Mộc, Kiết, Qull, Nguru Bàng.  
Đơn-Bì mát mẻ phần âm huyết.  
Miệng khát mồm khô nóng ruột gan.

69. — GIA VỊ NGỌC NỮ TIỀN

Phương này gia vị *Man tiêu, Hoạt Thạch, Mật Ong*. Trị : Chứng khát nước, uống nước dữ tợn, mình nóng rực, ra mồ hôi, hơi thở nghịch lên, ưa khan, ia bôn đại rít.

*Sanh Thục Địa-Hoàng, Tri, Thạch-Cao,*  
*Quyết-Minh, Từ, Lê,* liễm âm hao.  
*Man tiêu, Hoạt Thạch, và Phong Mật,*  
Uống nước như rồng, đã-khát mau.

70. — TẾ XUYẾN TIỀN

*Chủ trị:* Phủ Hạ tiêu táo, đại tiện bôn, Chứng Thương hàn đáng dùng thuốc xở, mà không cho uống thuốc xở (hạ), phần âm huyết khuỷu tổn, bình độc tràn ngập, miệng

khô lưỡi ráo. Cần được « đánh rấm », và đại tiện tư nhuận, thì dùng phương này. (Tân phương bát trận)

*Thung Dung, Thăng, Chỉ, Trạch, Ngưu, Qui,*  
 Nhuận táo tư cầu hồ huyết thi,  
 Đáng hạ, mà không dùng thuốc hạ,  
 Phần âm tích độc phần đen si.

### Chương VIII. — ĐÔNG-ÔN

#### I. — Đông ôn kiêm hàn

##### 71. — GIA VỊ LƯƠNG CÁCH TÂN

*Chủ trị:* Bệnh Đông ôn kiêm bệnh hàn. Sau khi dùng Thang Song Xị Kiệt Cảnh thuốc giải biểu; hết lạnh nhưng vẫn còn nóng. Bứt rứt khát nước; ngực nóng, bụng đau, ỉa bón, đại đỏ. Và, kiêm trị: Chứng Đông ôn kiêm Chứng phục táo, đau bụng ỉa mắc rặn, nặng môn nặng trĩu, mất thư thới.

*Cầm, Chỉ, Trúc Diệp, Đại Hoàng, Tiêu,*  
*Cam Thảo, Bạc Hà, Thông, Thạch, Kiều.*  
 phần biểu giải xong tả nhập lý,  
 Bụng đau tiện táo, nóng như thiêu.

##### 72. — GIA GIẢM THANH PHẾ THANG

*Chủ trị:* Chứng Đông ôn, yết hầu sưng đau, trong họng có điểm trắng, và hạch nổi ở dưới chân răng, sau lỗ tai sưng nhức, ỉa bón đại đỏ.

*Mạch-Đông, Sanh-Địa, Kim-Ngân-Hoa,  
Cầm, Thuộc, Tiên, Hoàng, Tháo, Bạc Hà.  
Bối Mẫu, Lâu Bi, Đơn, Chi Xác,  
Họng đau răng nhức, hỏa vị tà.*

II.— Đông ôn phục tà

73.— CÁT-CẢN HOÀNG-CẦM HOÀNG-LIÊN THANG

*Chủ trị* : Bệnh Đông ôn kiêm Phục tà. Sau khi dùng Thang Gia giảm Uy Duyệt giải biểu, biến chứng mình nóng hạ lý. Và kiêm trị : Sau khi Bệnh Thương hàn, làm dùng thuốc làm Hạ, bệnh độc vào Kinh Dương Minh ; Mạch đi Súc, hạ lý, hen suyễn ra mồ hôi.

*Cát Cửu Thang* : dùng Tháo, Cầm, Liên,  
Đông lạnh, ôn tà phục hạ nguyên.  
Ngoại Cầm Phong hàn, gồm Hạ Lý.  
Đại trường nóng nhất, phải tằm nguyên.

Chương XI.— THƯƠNG HÀN

74.— NGŨ LINH TÂN

*Chủ trị* : Mồ hôi ra không thông, nước mồ hôi dính trệ, đường tiền tiện không thông ; Mạch đi Pao, khát nước, uống nước khá nhiều, nhưng uống vào thì mưa. Thủy âm đình trệ. Xưa gọi là bệnh ở Phủ Bàng Quang chứa nước. (Phương của Thương Hàn Luận)

Ngũ Linh Tân nội dụng : *Linh. Trư.*  
*Bạch Truật, Quế Chi, Trạch Tả* như  
 Nước chẳng chưng hơi sanh hạn dịch,  
 Không lên ôi mưa, nóng lừ đừ.

### 75. — SÀI HỒ HÂM HUNG THANG

*Chủ trị* : Bệnh Thương Hàn. Bệnh độc ở vào phần bán biểu bán lý (Thiếu dương kinh). Ợa mưa tuy đỡ, mà lạnh nóng không dứt. Hông sườn vẫn đau. Lòng ngực bứt rứt, gây nên Chứng Kiệt Hung.

*Củm, Liên, Chi. Bốn Quả-Lâu toàn,*  
*Bồ Táo, dùng Sài Kiệt Cảnh, Cẩn (ương).*  
*Tri Chứng Kiệt Hung tả nhập lý.*  
 Hông sườn lòng ngực dứt đau ran.

### 76. — ĐẠI SÀI HỒ THANG

*Chủ trị* : Bệnh Thương hàn, uống thang này, sau khi uống Thang Sài Hồ Hâm Hung, mà bệnh vẫn còn lạnh nóng, bụng đầy mà đau là bực đại rất. Là bệnh độc đã vào trong, cấu kết với căn bản trong trường vị thì nên dùng thang này, bỏ Vị Sinh Cương Bán hạ gia Phát tiêu. Nếu lạnh qua nóng lại, âm dương, thì không cần phải gia giảm.

*Thang Đại Sài Hồ : Củm, Táo, Cương,*  
*Đại-Hoàng, Chi, Bán, Thược, Sài, đương.*  
 Giảm gia nên biết tùy theo bệnh,  
 Phải biết thời phương, phỏng cổ phương.

77. — HẬU PHÁT THẮT VẬT THANG

*Chủ trị*: Bệnh Thương hàn ở Kinh Thái Dương, Kinh Dương Minh, tay chân lạnh, mình nóng, đầy hơi đau bụng, đại tiện không thông, trạ lưỡi đóng dày mà vàng. Mạch bên phải đi Trầm Trệ bên trái đi Phù Hoãn, là: Bệnh Hàn Kết từ Kinh Thái Dương, chuyển qua Kinh Dương Minh.

*Hậu-Phát, Đại Hoàng, Chỉ Thiết, Cam.*

*Quế Chi, Cương, Tào, giả kiêm tham.*

Thái Dương, chuyển thuộc Dương Minh Kết,

Bỉ mẫn, trường kiên, nhứt phục khám.

78. — ĐIỀU VỊ THỪA KHÍ THANG

*Chủ trị*: Bệnh Thương Hàn, sau khi dùng thuốc éi, và thuốc ra mồ hôi, bệnh độc chẳng giải, rùng rục phát nóng, lòng bức rút, bụng trướng đầy, đại tiện chẳng thông, trạ lưỡi vàng sậm. Tay phải Mạch đi Hoạt Đại, là bệnh ở Chánh dương Dương-minh còn nhẹ.

*Điều Vị Thừa Khí: Tiêu, Thảo, Hoàng,*

hai tiền mỗi môn, nhắm cân ngang.

Bụng sinh, tiện táo, phừng phừng nóng.

Bệnh thuộc Dương Minh tốt lưỡi vàng.

79. — TIÊU THỪA KHÍ THANG

*Chuyên trị*: Chứng Thương hàn phá Triều nhiệt, mồ hôi ra đầm dề, tiểu tiện gât, bụng to lớn, nói xàm, đại

tiện không thông, lưỡi vàng sậm. Mạch ở tay phải đi Hoạt Sát mà Thực, là: bệnh ở Chánh dương Dương Minh trầm trọng.

Thừa Khí Thương trung : *Chỉ, Phát, Hoàng,*  
 Bụng sinh phát nóng, nói hoang dăng.  
 Dương Minh Chánh bệnh gây Triều-nhiệt,  
 Phần táo tước ra, nóng cũng an.

#### 80.— ĐẠI THỪA KHÍ THANG

*Chủ trị* : Bệnh Thương hàn năm sáu ngày, dĩ chi mười ngày, mà không đi đại tiện, chiều tối cơn nóng phát tác dữ tợn. Không ớn lạnh, chỉ phát nóng, dưới rốn đau, sờ lên thì đau chịu không thấu; bụng đầy mà hen, thường đánh rầm, tay chân ra mồ hôi, nói mê sáng, mắt trực thị, là: Bệnh ở Chánh dương Dương Minh rất nguy ngập.

THỪA KHÍ THANG 10 : *Chỉ, Phát, Hoàng,*  
 Gia thêm *Minh-Phấn,* lấy khô khao.  
 Dương Minh bệnh chứng, ngày gia trọng.  
 Thừa Khí ba tháng, thấy rõ ràng.

#### 81.— HÂM HUNG THỪA KHÍ THANG

*Chủ trị* : Chứng Thương hàn, ho hen hơi thở gấp, khạc đám vàng trắng mà đặc, hồng ngực đầy hơi đau nhói, nói xàm, bụng đau đầy hơi, ỉa bón dài rít, tưa lưỡi dày mà vàng. Tay bên phải mạch đi Thực. Thêm chí, hai bộ Thốn mạch đều đi Hồng Hoạt, mà đại mạch Thúc (súc). Bệnh chứng ở Kinh Thái âm Dương minh.

*Tiêu, Hoàng, Chỉ-Thiết, Qua Lâu Nhân,  
Bán Hạ, Xuyên Liên, đàm nhiệt thân.  
Đau bụng đầy hơi, đại tiểu uất,  
Kết Hung, bịnh ở Âm Dương phần.*

## 82 — GIA VỊ LƯƠNG CÁCH TIỀN

*Chủ trị:* Phổi, Dạ Dày hiệp bịnh: thở hắt họng rút vai, trong cổ nghe khô khè hơi thở rấp gập Hông bụng buồn phiền cứng đầy, lấy tay đè lên chỗ đau, thì đau chịu không thấu. Đàm nhiệt ngấn nghệt ở trong. Bịnh ở kinh Thái Âm và kinh Dương minh.

*Cam Toại, Liên Kiều, Chỉ Tử, Cầm,  
Tiêu, Hoàng, Bạch Giới, Bạc Hà, tằm.  
Trúc, Cương, Đinh Lịch, tự nhiên trấp,  
Chỉ Thiết công kiên, Phế, Vị dâm.*

## 83. — QUYỀN ÂM VAN LINH THANG

*Chủ trị:* Bịnh Thương Hàn lâm dùng thuốc hạ (ổ) Từ chơn thủy (tả-xoa) thẳng xuống Rốn, cứng đau. Lấy tay đè lên đau chịu không thấu, chiều tối thì phát nóng, đầu ra mồ hôi, không đi đại tiện; khát nước mà uống nước không được nhiều, tưa lưỡi khô mà trắng; Mạch đi Trầm Huyền Khẩn là trạng chứng của Bịnh: Đinh Âm Kết Hung. Nếu trạng chứng y như trên, mà lạnh nóng qua lại, thì dùng *Thang Đại Sai Hồ* gia vị *Cam Toại*.

*Ngân Hoa, Toại, Kích, Bán, Linh, Trần,  
Đại Táo, Sanh Cương, đàm âm thân.*

Chơn thủy dè đau, bụng cứng rắn,  
Tây thanh thủy độc ở âm phần.

#### 84.— TAM NHƠN THỪA KHÍ THANG

*Chủ trị* : Bệnh nhơn tố bầm nhiều Thấp nhiệt, ngoài Bình Thương Hãn, trong Bình Trúng Thục, hỏa tà xi thanh ở trong, ngực nặng, chơn thủy bí. Thậm chí, đường đại tiện bế uất, tinh thần phiền loạn, nói xàm. [Lỗi tại : Bệnh đáng làm hạ (xổ) mà không hạ, tân dịch khô táo, ía như cứt dè, bụng trương cứng đầy Tỳ, Vị hiệp bình.

*Đại Hoàng, Hạnh, Lý, Hỏa Ma Nhân,*

*Tri, Chỉ, Mộc, Man, Đại Phúc, tẩn.*

Ngoài cảm, mà trong thì trúng thực.

Vị Tỳ thấp nhiệt rồi tinh thần.

#### 85.— ĐÀO THỊ HOÀNG LONG THANG

*Chủ trị* : Tỳ, Vị hiệp bình, đáng dùng thuốc xổ mà không cho xổ (nạ). Nước tân dịch trong người khô cạn, ía như cứt dè, chán khí suy nhược, huyết hư tả thực.

*Chỉ Thiết, Đại Hoàng, Sâm, Thảo Quí.*

*Hayền Minh, Đại Táo Phát, tương y.*

Định nên làm hạ, mà không hạ.

Ía tựa phân dè, chán khí suy.

#### 86.— NGŨ TRÁP NHỨT CHI TIỀN

*Chủ trị* : Bệnh ở Kinh Thiếu Âm, và Kinh Dương Minh, huyết tư phiền táo, lòng không thư thái, tỉnh thoảng ói



đám nhói, rên rĩ, nói chuyện quên đến quên dưới, da dưới  
lưỡi đỏ, tưa lưỡi trắng mà mỏng. Mạch đi Phủ Hoạt Sát,  
nóng thừa còn cặn lại chưa hết.

*Sanh Địa, Mao Căn, Ngẫu, Trúc, Cương.*

Đám như vắt lấy nước như sương.

Tử-Tổ nhách nhỏ dùng năm chỉ.

Ói nhớt, hen đám hiện dị thường.

87. — LỤC MA ẨM TỬ

*Chủ trị* : Bệnh Kinh Quyết (khuyết) Âm, nhiệt độc tẩm  
vào trong, nghịch khí thương xung, chói tạng Tâm, ưa nửa  
nước vàng, xanh mà mùi đắng, Lồng ngực phiền buồn, bụng  
đầy ỉa bón, hai bên cạnh lưỡi đỏ bầm, tưa lưỡi vàng đục,  
mạch đi Huyền Hoạt mà đại Mạch Sát, là : Bệnh Nhiệt Kiệt.  
Nên bỏ Vị Mộc Hương, gia Vị Hoàng Cầm, Hoàng Liên.

*Chi, Mộc, Tân, Trâm, Ó, Đại Hoàng,*

Mài chung lấy nước hợp thành thang.

Quyết Âm khí nổi, không thư thối,

Nghịch khí công Tâm, ngực tức ran.

88 — TUYẾT CANH HỢP CANH Y HOÀN

*Chủ trị* : Bệnh ở Kinh Khuyết Âm, lạnh vào càng sâu,  
thì nóng càng sâu, tinh thần hôn mê, nói xàm. Biến Chứng  
Tiền Khát, đại tiện táo kết. Mồ hôi ra dầm dề, phát bụng  
đau không thể dè, nước tiểu đỏ, mà đi tiểu nghe rít đau,  
nhiệt độc xông lên óc. Nên dùng Thang Bạch Hổ. Nếu kiêm  
chứng : Đau từ bụng dưới công xung lên, ói chua, ói đắng,  
thì nhất định phải dùng phương này.

*Hải Tịch, Bột Tề*, nước sắc thang,  
 Dùng thang tống hạ Canh Y Hoàn.  
 Khuyết Âm Tiêu Khát công lên óc,  
 Lô Hội, Châu Sa, hợp một thang.

## 89 — NHƠN TRẦN CAO THANG

*Chủ trị*: Bệnh ở Kinh Dương Minh, chứng phó phát : vàng da đại đở. Song đây là Chứng Dương Huỳnh vậy. Nếu trị Chứng Âm-tiền đờng (tiểu đờng), thuộc về Bệnh Hàn Thấp Âm hoàng đần, thì trong phương này, nên bỏ *Vị Đại Hoàng, Vị Chi Tử*, gia *Vị Phụ Tử, Vị Can Cương* là rất đối chứng.

NHƠN TRẦN CAO THANG *trị*: da vàng,  
*Chi Tử, Nhơn Trần*, hợp *Đại hoàng*.  
 Phân biệt Âm, Dương gia giảm dụng,  
 Không nên ngờ ngần, ngã ba thang.

## 90 — PHÀN LƯU HOÀNG

*Chủ trị*: Bệnh Mạt lộn vào máu phát, chỉ ra mồ hôi đần, mà từ căn cổ trở xuống không đổ mồ hôi. Nước tiểu vàng sậm, màu da vàng như vôi chín, ói nước vàng. Năng lảm thì trong lòng bứt rứt, tưa lưỡi dày mà vàng. Mạch đi Hoạt Sát, hoặc Huyền Trệ. Nên dùng Thang Nhơn Trần Cao, tống hạ hoàn thuốc này.

Ba lượng *Đại Hoàng*, một *Lưu Hoàng*,  
 Táo hai lượng chẵn, một tiền *Phân*.

Cân lường đầu đấy y như phép,  
Đam nhỏ rây đều, hợp một hoàn.

## 91. — GIA VỊ CHI TỬ ĐẠI HOÀNG THANG

*Chủ trị*: Gan, Dạ Dày nhất nóng, gây nên nước mắt tràn vào máu, biến Chứng Hoàng Đản nặng nề, cần phải dùng trọng lượng Vị Nhon Trần Cao. Nếu bệnh Hoàng Đản mà hình sắc như xông khói, là Chứng CHẾ TÍ Song dùng thuốc đúng mức cũng có khi khỏi được.

GIA VỊ CHI-TỬ ĐẠI HOÀNG THANG,  
Đầu Sì, Nhon Trần, cộng tứ ban.  
MẮT, MÁU lộn nhau, vàng tợ nghệ.  
Mắt không tràn bậy, tức thì an.

## 92. — ĐÀO NHON THỪA KHÍ THANG

*Chủ trị*: Chứng Thương Hàn, bịch độc truyền vào Kinh Dương Minh, nổi xàm nổi mả. Nặng thì phiền táo phát cuồng, thần thức hôn mê, đại tiện phân đen ngời, tiểu tiện thông thả. Hình Mạch đi Trầm Kiết, hoặc Huyền Thực.

Đào Nhon Thừa Khí, tức Điều Vị...  
Đào, Quế, gia nhập huyết chứng bị.  
Phiền táo phát cuồng, tiểu tiện thông,  
Mau phân đen lảng, nên lưu ý.

## 93 — CHÍCH CAM THẢO THANG

*Chủ trị* : Chứng Thương Hàn, mạch đi Kiết, đi Đại, lòng hồi hộp. Và kiêm trị : Chứng nên dùng thuốc làm hạ mà không làm hạ. Trong lúc yên-lĩnh thì tiếng nói ở ở ; táo động thì hồi hộp không yên, cười nói không chừng đỗi, đại tiện chẳng thông. Tựa lưỡi vàng, có gai mà khô rít, hình mạch đi Tế Sát mà nề trệ, tinh thần suy nhược mà tà thực. Dùng thang thuốc này, nên gia Vị Long Cốt, Mẫu Lệ, tống hạ Hoan Hương Liên.

Chích Cam Thảo Thang : Sâm, Quế, Cương,

Mạch Đông, Sanh Địa, Hỏa Ma nhon,

A-Giao, Đại Táo, hòa chung nấu,

Mạch Kiết, Đại, thì : Tâm huyết thương.

## 94.— ĐIỀU HƯƠNG HOÀN

*Chủ trị* : Bệnh nên dùng thuốc làm hạ, mà không hạ. Đại tiện không thông, tà khí thực, mà cánh khí hư, thần chí thất thủ. Uống một lần đại tiện thông, thì không nên uống nữa

Thần Sa, Băng Phiến, Ngưu Hoàng, Hương,

Kim Bạc, Bán Hạ, Bã-Đậu-Sương

Cân lượng xong xuôi, nghiền thật nhỏ,

Sáp vàng. Mật trắng, chế thành phương.

## 95.— QUẾ CBI HIỆP NHI TRẦN

*Chủ trị* : Phương này điều hòa Phủ Trung Tiêu, tiêu đạo khí nề trệ ở phủ Vị. Và trị ăn uống vào thì ư

nhọn, tưa lưỡi trắng, mạch đi Phù Hoãn, tiêu hóa bất lương. Kiểm trị : Bình-Thương Hàn truyền vào Kinh Thái Âm. Nên bỏ Vị Cam Thảo, Đại Táo gia Vị Ngó Du, Chỉ Xác, Thần Khúc.

Quế Trần Thang dụng : Quế, Trần, Cam,  
 Cương Táo, Thược. Linh Bán Hạ Tham.  
 Cầm mao Thương Hàn, tiêu hóa chậm,  
 Vị, Trường tích Tu : thực và đàm.

86. — BẠCH TRUẬT HÒA TRUNG THANG

Chủ trị : Chứng Thương Hàn, bịnh ở Kinh Thái Âm, biểu tà đã giải, nhưng công dụng tiêu hoa của trường vị hãy chưa khôi-phục. Như đàm nhiều, thì dùng Thang Hương Sa Nhị Trần để điều lý.

Hòa Trung : Phạt Thủ với Linh, Trần,  
 Thương Mễ, Sa Nhị, Truật, Thảo, Thần.  
 Cầm mao biểu tà vừa giải tán,  
 Mà trong Tý Vị, chữa lên gân.

97. — HƯƠNG SA LÝ TRUNG

Chủ trị : Bụng no hơi, thỉnh thoảng lại đau, ăn uống thì ọa nhọn, đi tiểu khó, đại tiện lỏng, vật thực không tiêu hóa, tay chân lạnh tự ra mồ hôi, tưa lưỡi trắng trơn, mạch đi Trầm không sức. Công năng tiêu hóa của trường vị bị lui sút, công năng của ống thu hấp như tai không đầy đủ. Bịnh chung của Kinh Thái Âm.

Lý Trung Thang : Sâm, Truật, Cam, Cương,  
 Gia vị Sa Nhơn, với Mộc Hương.  
 Ống hút nhũ mi không hấp dẫn,  
 Nước đĩnh ở ruột, bụng sinh chương.

98.— HƯƠNG SA NHỊ TRẦN HIỆP NGÔ DU THANG

*Chủ trị* : Bệnh Thương Hàn, biến chứng ủa ới thuộc về tạng Thái Âm.

Hương, Sa, Thảo, Bán, Phục Linh, Trần,  
 Cương, Táo, Sâm, Ngô, cũng góp phần.  
 Ụa mửa dương hư, đầu nhức nặng,  
 Khuyết Âm hàn thấp hiệu như thần.

99.— GIA GIẢM VI LINH THANG

*Chủ trị* : Bệnh Thương Hàn, ỉa nước chảy re, bệnh chứng thuộc về Thái Âm Tạng.

Trư, Trạch, Thương, Trần, Phát, Bán, Linh,  
 Quế Chi Hoạt Thạch Dĩ, kiêm tinh,  
 Tỳ Âm nề trệ, do hàn thấp.  
 Ỉa mửa lỏi thối, bụng lại sinh.

100.— SÂM PHỤ TÀI TẠO THANG

*Chủ trị* : Chứng Thương Hàn sợ gió, nước mình phát nóng, tay chân lạnh, móng tay móng chân trắng nhạt, ủa mặc áo đắp mền, nằm co ngũ vùi ; Mạch đi Tế, Vi, Hoãn

trẻ. Lạnh lắm thì Mạch đi Khẩn, tựa lưỡi trắng nhạt, khi  
 ấm nóng không đầy đủ. Là : Chứng Thiếu Âm Ngoại Cảm  
 Phong Hàn.

Sâm, Phụ, Khương, Tân, Cương, Táo, Kỳ.  
 Phòng Phong, Chích Thảo, Quế Chi, thi.  
 Thiếu Âm cảm mạo : Phong, Hàn, Thấp.  
 Ôn lạnh en en, sức khỏe suy.

101.— QUẾ CHI GIA PHỤ TỬ THANG

*Chủ trị* : Bệnh Thương Hàn, chứng ở Kinh Thiếu Âm,  
 mạch đi Vi, Tế, nhuyến nhược, hoặc Hoãn Trệ không sức.

Phụ Tử gia nhập Thang Quế Chi,  
 Thương Hàn Âm Chương, mạch lai Vi,  
 Quế, Cam, Thược, Phụ, Sanh Cương Táo,  
 Minh đồ mờ hồ mát lạnh thi..

102.— MA HOÀNG PHỤ TỬ TẾ TÂN THANG

*Chủ trị* : Bệnh Thương Hàn, chứng ở Kinh Thiếu Âm,  
 Mạch đi Trầm Khẩn, tay chân lạnh, mình nóng.

MA HOÀNG PHỤ TỬ TẾ TÂN THANG,  
 Ma, Phụ, Tế Tân, hiệp một ban.  
 Mình nóng, tay chân sờ mát lạnh,  
 Mạch đi Trầm Khẩn, nhớ đàng hoàng.

## 103.— PHỤ TỬ LÝ TRUNG THANG

*Chủ trị* : Chứng Thương Hàn, là mùa sợ lạnh, nằm co rút, hay buồn ngủ, mình mẩy nặng nề, hoặc mình hơi nóng, trong miệng hòa, tay chân lạnh, nước tiểu trong trắng, tưa lưỡi trắng trơn. Mạch đi Trầm Nhược. Thậm chí, Mạch đi Vi Tế, muốn phát Khuuyết (lạnh ran). Chứng ở Kinh Thiếu-Âm, mà nguyên do Kinh Thiếu-Dương không sung túc. Lạnh lắm thì gia : *Nhục Quế, Phục Linh.*

Lý Trung Thang dụng : *Thảo, Can Cương,  
Bạch Truật, Nhâm Sâm, Phụ Tử dương,  
Mạch Tế, nằm co, người sợ lạnh,  
Là vi Tạng Thận kém nguồn dương.*

## 104 — CHÂN VÕ THANG

*Chủ trị* : Sau khi uống Thang Phụ Tử Lý Trung là ói tay bớt, mồ hôi lại ra dầm dề, gân động thịt giật, mắt mờ, lòng hồi hộp, chóng mặt run run muốn té ngã. Mau dùng thang này, để vẫn hồi khí Dương, thu nhiếp khí Âm, cứu chữa kịp thì.

*Linh, Truật, Sanh Cương, Thuộc dược, sao,  
Ba tiền Phụ Tử hiệp cùng nhau.  
Mồ hôi nướm nướp, lòng hồi hộp,  
Chóng mặt xây xẩm muốn té nhào.*

105.— TÂN GIA QUẾ PHỤ  
BÁT BỊ ĐỊA HOÀNG THANG

*Chủ trị* : Bệnh Thương hàn, chứng lạnh ở Thiếu Âm Tạng. Sau khi dùng Thang Chân Vũ, chứng là thật dứt



hắn, mà đầu mắt vẫn vàng vát, mặt đỏ như say rượu, đăm nhót dãi tràn lên, hơi thở khô khè, tay chân lạnh như đồng. Mau dùng thang này, trấn nạp khí phù dương thượng xung lên óc.

*Quế, Phụ, Linh, Từ, Thục, Địa Hoàng,  
Thiên hồng Mậu-Lệ, hợp Hòai-San  
Khò khè khô thở, vì đăm nhót,  
Trấn nạp phù dương, thủy khí yên.*

106.— TRƯ PHU THANG

*Chủ trị:* Tạng Thiếu Âm nóng nảy, lòng phiền táo, ngủ không yên. Cống họng khô, tiền tiện ngắn. Mạch đi Tế Sát. *Kiểm trị:* Chứng Hạ Ly họng đau, no hơi bứt rứt, âm huyết suy kém, trong người nóng nảy.

*Hai lạng Da Heo, một Mạt Ong,  
Năm tiền Hoa Phấn, thế là xong.  
Họng khô mất ngủ, lòng phiền táo,  
Ruột lở Gan teo, Kết Ly thông.*

107.— THANH CAN ĐẠP UẤT THANG

*Chủ trị:* Chứng lạnh nóng giống như cũ rét, mà lạnh nhiều hơn nóng; đầu nhức, sưng đau, tai điếc, mặt đỏ. đầu ngón tay thì lạnh. Bụng nặng thì tay chân, hơi lạnh hơi nóng, ngực, sườn đau tức, tưa lưỡi trơn. Mạch đi Huyền Hoạt. Bệnh chứng ở Kinh Khuyết Âm.

Sài Hồ, Qui, Thuộc, Thảo, Chi, Hà,  
 Kim Quit, Quit Bạch, Đơn, Cúc Hoa.  
 Gan nứt sườn đau, hồi lạnh nóng,  
 Tai ù, mắt đỏ, thấy mù lòa.

## 108. — TỬ NGHỊCH TÀN

Phương này gia: Hoàng Cầm, Ất Kim, Tang Chi, Tang Diệp. Cũng có thể trị được bệnh chứng ở Kinh Khuyết Âm của Thang Thạch Can Đột Uất.

Sài Hồ, Chi, Thuộc, vẫn tưng quân,  
 Đều một tiền ruồi, Thảo, tám phân.  
 Ngực nặng, sườn đau, người nóng uất,  
 Gọn gang hiệu nghiệm, giá bình dân.

## 109. — LONG ĐÂM TẢ CAN THANG

Chủ trị: Chứng Tiêu Khát, miệng đắng, khi thương xung, chơn thủy (tâm-ơ) nóng xót, đói mà chẳng muốn ăn, ăn thì mửa lã (giục). Hoặc bệnh Hạ Ly, nặng tròn không thư thời, hoặc tiểu tiện ra máu, lưỡi đỏ bầm; Mạch đi Huyền Sát. Bệnh chứng của Tạng Khuyết Âm. Nên gia Vị Bạch Đầu Ông, Hoàng Liên.

Sài, Cầm, Bá, Thảo, Địa, Qui, Long,  
 Chi Tử, Lang, Tiêu, Tiền, Trạch, Thông.  
 Âm hộ sanh sang, gan uất nóng,  
 Lăn trong nước tiểu, máu pha hồng.

## 110. -- LIÊN MAI AN VŨU THANG

*Chủ trị* : Chứng Vũu Khuyết (ginn), nằm ngủ không yên, chón thủy đau, phiền táo, đầu lã, tay run, sắc mặt hồi đỏ hồi trắng, hay chảy nước bọt, lưỡi đỏ mà có điểm vàng, điểm trắng, hặc lưỡi có vân như trong ruột trái cau. Mạch lúc lợi lúc nhạt (sạ Trường sạ Đoản) Ấy là bịnh chứng vũu khuyết ở Tạng Khuyết Âm vậy. Nưng dùng thang này sảo làm nước tống hạ Hoàn Diệu Hương càng hay.

Một chỉ Hoàng Liên, một chỉ Mai,

Lợi Hoàng ba chỉ, đúng thang bài.

Sắc : khi đỏ trắng ; Mạch : Trường Đoản.

Chính là Tạng Tích, ắt không sai.

# MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Đôi lời trân trọng giới thiệu	5
Lời nói đầu	9
Lời Tiền Ngôn khi sách xuất bản lần thứ chín	13
Lệ Ngôn	29
<i>Lời Tựa của Tiêu Nóng Tiên Sinh</i>	—
<i>Lời Tựa của Tiết Nhất Mai Tiên Sinh</i>	—
<i>Lời Tựa của Đặng Dật Dân Tiên Sinh</i>	—
<i>Lời Tựa của Thạch Khởi Ngu Tiên Sinh</i> <i>(những lời tựa này xin miễn dịch)</i>	—
Tiên biên so sánh phân loại các Chứng Thời Lịnh	32
Thứ lớp truyền biến của Bệnh Thời Lịnh	37
Nghiêm cứu những Tín Điều của Thời Lịnh Bệnh	40
Lược xem đại ý chư gia đối với Bệnh Thời Lịnh	57

## THIÊN ĐẦU

### Tổng luận bệnh Thời Lịnh

Chương I Nguyên nhân bệnh Thời Lịnh	79
Chương II. Bệnh lý của bệnh Thời Lịnh	85
Sự Quan hệ giữa Bệnh Thời Lịnh và thể Ôn	85
Sự trọng yếu của thể Ôn	86

Nguyên lai của thể Ôn	87
Công năng điều tiết thể Ôn	87
Sự phóng tán của thể Ôn	88
Nguyên lai của Bệnh Thời Linh	89
Sự ngộ nhận của Tây Y đối với khí hậu của thời lệnh	90
Sự quan hệ của sáu khí đối với các tật bệnh	91
Sáu khí là nguồn gốc của Bệnh Thời Linh và Bệnh Truyền Nhiễm	92
Phương pháp chữa trị Sáu Khí	93
Phân biệt bệnh Tân Cảm và bệnh Phục Tả	95
Giải thích Bệnh Tả Tiềm Phục	96
Phân biệt bệnh Phục tả ở phần Khí hay phần Huyết	98
Nguyên lý của chứng phát nóng ôn lạnh	100
Phân biệt bệnh : Biểu, Lý, Hàn, Nhiệt	101
Phân biệt : Phần Dinh, Phần Vệ, Phần Khí, Phần Huyết	102
Sáu Kinh là đề cương của Bệnh Thời Linh	105
Bệnh lý ở ba Kinh Dương	107
Giải thích bệnh chứng truyền biến sáu khí	109
Sự cách ngại giữa các nhà y học xưa và nay đối với sáu kinh	112
Bệnh Ôn với Tam Tiêu	114
Luận về nguyên nhân bệnh Ôn dịch do tạp khí gây ra	117
Chỗ di động của Tân Cảm, Phục Tả, Thương Hàn Ôn Bệnh	118
Bệnh Ôn tả cảm thọ từ miệng mũi mà vào	119

**Chương III.— Phương pháp chẩn đoán bệnh Thời  
Linh** 122

1. Phân biệt Bệnh Tân Cảm, và Bệnh Phục Tả 122
2. Lạnh hay Nóng bệnh tả ở phần Biểu hay phần Lý 122
3. Thăm tra thể chất mạnh yếu 125
4. Quan sát môi, lưỡi và xem mạch 126
5. Khảo nghiệm hai đường tiện và nhau sắc 127

**Chương IV.— Phương Pháp trị liệu bệnh Thời Linh** 128

THIÊN HẠI

Các lời luận về bệnh Thời Linh

**Chương I.— Bệnh xuân ôn** 131

1. Chứng Xuân Ôn tân cảm 132
2. Chứng Xuân Ôn phục tả 137

**Chương II.— Bệnh phong ôn** 149

1. Chứng Phong Ôn tân cảm 150
2. Chứng Phong Ôn phục tả 153

**Chương III.— Ôn bệnh (lại gọi là Nhiệt bệnh)** 162

1. Bệnh Ôn kiêm Hàn 163
2. Bệnh Ôn kiêm Thử 166

**Chương IV.— Bệnh thử ôn** 175

1. Bệnh Thử Ôn kiêm Thấp 175
2. Bệnh Thử Ôn kiêm Hàn 180

<b>Chương V. — Bệnh phục tử</b>	191
1. Bệnh Phục Tử ở Phần Vệ	192
2. Bệnh Phục Tử ở Phần Đỉnh	192
<b>Chương VI. — Bệnh thấp ôn</b>	209
1. Bệnh Thấp Ôn bốn chứng	209
2. Bệnh Thấp Ôn kiêm Hàn	213
3. Bệnh Thấp Ôn kiêm Nhiệt	215
<b>Chương VII. — Bệnh thu táo</b>	220
1. Bệnh Lương Táo	220
2. Bệnh Ôn Táo	223
3. Bệnh Thu Táo phục tả	225
<b>Chương VIII — Bệnh đông ôn</b>	233
1. Bệnh Đông Ôn kiêm Hàn	233
2. Bệnh Đông Ôn phục tả	236
<b>Chương IX. — Bệnh thương hàn</b>	240
I. Bệnh chứng thuộc về Kinh Thiếu Dương	242
II. Bệnh chứng thuộc về Phủ Thiếu Dương	242
III. Bệnh chứng thuộc về Kinh Dương Minh	243
III. Bệnh chứng thuộc về Phủ Dương Minh	244
1. Thái Dương Dương Minh	244
2. Chánh Dương Dương Minh	244
3. Thiếu Dương Dương Minh	246
4. Thái Âm Dương Minh	246
5. Thiếu Âm Dương Minh	248
6. Khuyết Âm Dương Minh	249

*Chứng Phụ Phát*

1) Chứng phát huỳnh (vàng da)	251
2) Chứng Súc Huyết	251
3) Chứng đáng dùng thuốc làm hạ (xở) mà không hạ	252
V. Bệnh ở Kinh Thái Âm	254
VI. Bệnh ở Tạng Thái Âm	255
VII. Bệnh ở Kinh Thiếu Âm	255
VIII. Bệnh ở Tạng Thiếu Âm	255
IX. Bệnh ở Kinh Khuyết Âm	257
X. Bệnh ở Tạng Khuyết Âm	257
Phương thang diễn ca	273

*Thơ định hậu của An Căn Văn tiên sanh*

*Thơ định hậu của Ôn Bích Tuyền tiên sanh*

*Thơ định hậu của Du Thận Sơ tiên sanh*

*(ba thơ này xin miễn dịch)*



**ĐÔNG Y THỜI LỊNH BÌNH HỌC**  
**của Đông Y SĨ NGUYỄN ĐỒNG DI**  
**In tại nhà in riêng của nhà xuất bản**